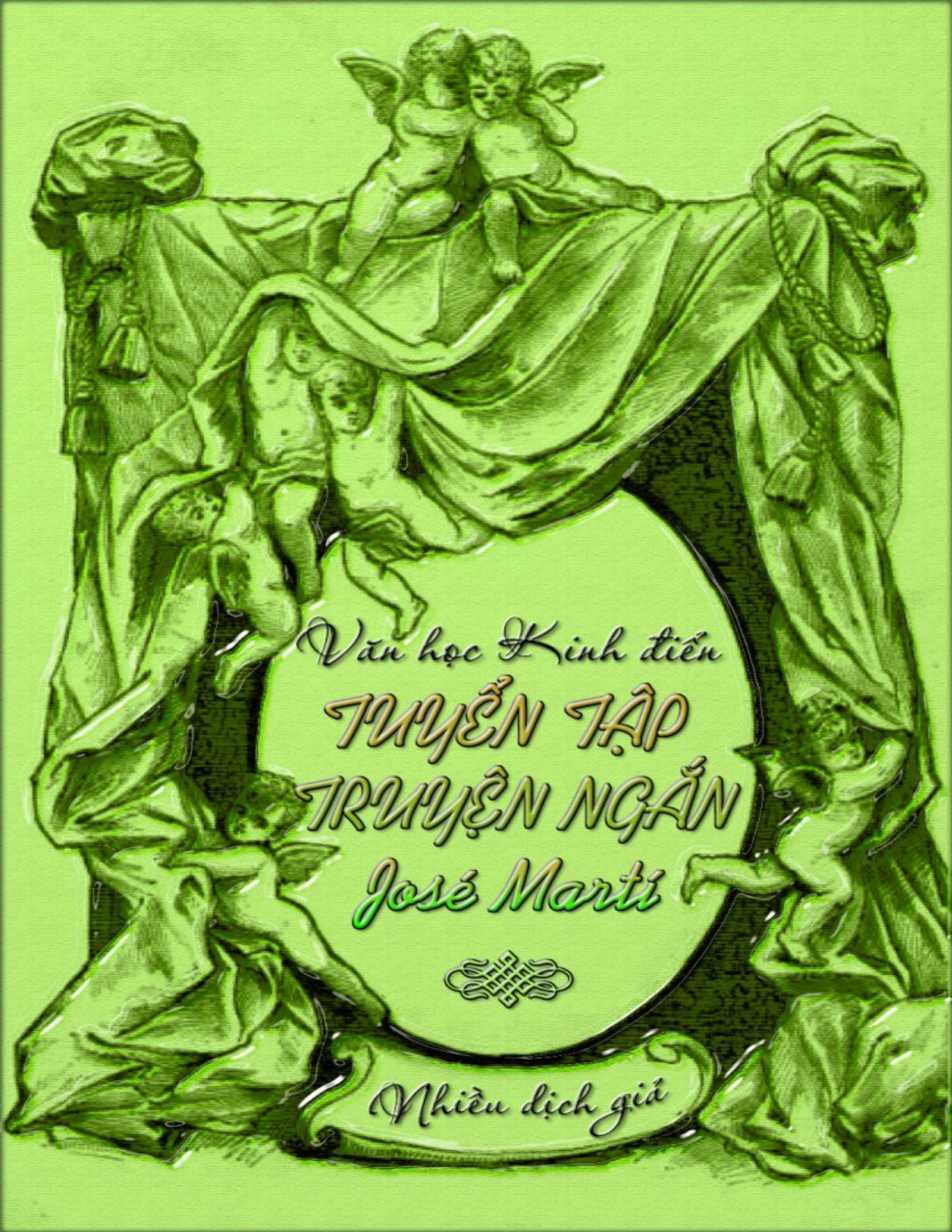




Văn học Kinh điển

TUYỂN TẬP

TRUYỆN NGẮN

José Martí



Nhiều dịch giả

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN



Tác giả

JOSÉ MARTÍ

ebook©vctvegroup

13-01-2019

Giới Thiệu

Các thế hệ độc giả khoảng đầu thế kỷ XX luôn coi Tuổi Vàng là một cuốn sách mặc dù vốn dĩ Tuổi Vàng ra đời không phải dưới dạng một cuốn sách. Toàn bộ những bài viết trong tuyển tập này đều được Martí sáng tác và đăng trên tạp chí mang tên Tuổi Vàng, ra hàng tháng, từ tháng 7 tới tháng 10 năm 1889. Với sự ra đời của tác phẩm này, một nền văn học mới cho thiếu nhi ở Mỹ Latinh đã được mở ra. Cũng như với tập thơ *Ismaelillo* của ông đã đánh dấu một dòng thơ mới ra đời ở khu vực này. Những tác phẩm của José Martí đã mở ra một thời kỳ mới cho nền văn học Mỹ Latinh.

Khi đọc những dòng thư mà José Martí gửi người bạn tri kỷ ở Mexico, Manuel A. Mercado, chúng ta thấy Tạp chí Tuổi Vàng có ý nghĩa như thế nào đối với ông. Trong lá thư đề ngày 3 tháng 8 năm 1889, nhà văn người Cuba đã tâm sự với người anh em của mình:

“Viết báo cho trẻ em chính là điều mà tôi hằng ấp ủ. Bởi lẽ tôi không lòng nào muốn dấn thân vào một sự nghiệp lớn lao hơn mà không thực hiện được ý tưởng ấy trước khi nhắm mắt. Ước muốn đó chỉ ít cũng khiến cho cả năng lượng, tinh túy trong tôi trở nên bền bỉ, hữu hiệu, được viết và sống với niềm vinh quang, danh dự, như tiếp thêm máu nuôi dưỡng tâm hồn mình. Tôi không nỡ nhìn ước mơ này tan thành mây khói. Tôi chợt nhận ra trong lòng một số người không hề muôn chia sẻ và ủng

hộ dự định ấy của tôi (...) Những người mà trước đây, với bản tính xấu không lấy gì làm khó hiểu trong mỗi con người, đã đánh giá thấp và không nhận ra ý nghĩa cao đẹp của dự án này, thì nay trở lại, sững sờ và không nói lên lời vì nhận thấy việc viết một tờ báo cho trẻ em của tôi là hoàn toàn khả thi, chứ không cứ phải đề cập tới những điều to lớn chỉ dành cho người lớn.”

Sau khi kể với Manuel rằng, tiêu đề Tuổi Vàng là do Nhà xuất bản Da Costa đặt cho tạp chí dành cho trẻ em đó, Martí chia sẻ:

“Bạn hãy đọc lá thư này, rồi cảm nhận nỗi niềm trăn trở sâu thẳm trong tôi. Tôi đã đảm nhận trách nhiệm lớn lao đó và điều ấy chẳng hề dễ dàng gì. Tôi phải viết làm sao để đạt được điều mình ấp ủ. Đây là giúp châu lục của chúng ta đâu đâu cũng có những con người thật đích thực, chân chính, được sinh ra và dưỡng dục đầy đủ, để sống hạnh phúc, hòa mình trên quê hương. Nghĩa là sống sao để không rời xa nơi chôn nhau cắt rốn, không sống vô ích tầm thường như những con người khoa trương giả dối hay những kẻ ngoại bang xấu xa, đáng khinh bỉ. Chúng ta có thể gieo mầm trồng cây ở mọi nơi, nhưng cây sinh ra và lớn lên phải gắn chặt vào lòng đất. Đối với trẻ em, chúng ta phải có trách nhiệm giáo dục để các em trở thành những con người của thời đại mình, những người chân chính của châu Mỹ. Nếu không nhận thấy giá trị cao đẹp như thế, thì chắc hẳn tôi đã không bao giờ bắt tay vào thực hiện.”

Nhưng rồi ngày 26 tháng 11 năm 1889, Martí đã viết thư báo tin cho người bạn thân thiết Manuel Mercado:

“Tuổi Vàng đã vượt khỏi tầm tay tôi, dù tôi đã dày công vun đắp bằng tất cả tình yêu dành cho nó ngay từ thuở ban đầu. Vì

nguyên do đức tin và một phần vì mục đích thương mại, nhà xuất bản tạp chí muốn tôi viết trong tác phẩm này “Nỗi sợ trước Chúa trời”, nói đến Chúa như một điều gì thật đáng sợ, như sự trừng phạt, chứ không phải nói về lòng khoan dung và thần quyền thiêng liêng mà tôi luôn đề cập tới trong tất cả những bài viết về lịch sử. Tại sao cứ phải nói về đức tin bằng cách áp đặt như thế, trong khi ở nơi chúng ta sinh sống, ai cũng hiểu rõ giá trị của Chúa và ý nghĩa linh thiêng của tín ngưỡng? Tôi không muốn đi ngược lại ý nghĩa của tôn giáo, vì như thế là lợi dụng đức tin và thiếu tính giáo dục. Tôi cũng chẳng muốn nói về một thứ tôn giáo chuyên quyền, độc đoán. Mong muốn khiêm tốn của tôi chỉ đơn giản là hiểu được tận gốc những nguyên do cơ bản này. Mọi nỗ lực và suy tính đầy cẩn trọng để cho ra tờ tạp chí, hay thành công của nó trong nội dung của các bài phê bình đặc sắc, cũng không giúp tôi tránh khỏi va vào xung đột quan điểm vốn đã che giấu bấy lâu, hay vì những đòi hỏi riêng từ phía nhà xuất bản.”

Lập trường kiên định bảo vệ những nguyên tắc của mình đã buộc Martí phải kết thúc việc xuất bản tờ tạp chí dành cho trẻ em vô cùng nổi tiếng ấy. Nội dung vô cùng đặc sắc của tuyệt phẩm đã giúp cho biết bao thế hệ trẻ em toàn châu Mỹ thấm nhuần lý tưởng ngoan cường chống chủ nghĩa thực dân, tình yêu nước và nguyện cống hiến cho công lý, chân lý và cái đẹp.

Ấn bản này ra đời nhân dịp kỷ niệm 150 năm ngày sinh của José Martí, được biên tập, trình bày rất cẩn thận, từ khâu thẩm định nội dung và lựa chọn hình ảnh độc đáo. Ấn phẩm đang có trên tay các bạn, đặc biệt là bạn đọc nhỏ tuổi và các bạn thanh thiếu nhi, với từng trang, từng dòng vẫn còn nguyên vẹn sức

sống và giá trị trường tồn.

Lời nhắn nhủ tới bạn đọc

Thân gửi các bạn đọc nhỏ tuổi của Tạp chí Tuổi Vàng - các em trai và các em gái yêu thương. Chúng ta đều biết rằng cuộc sống sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu thiếu các em gái xinh tươi, ví như thế gian này thiếu đi ánh sáng. Các em trai cần phải học hành, vui chơi và rèn luyện để trở nên đẹp và mạnh mẽ. Đương nhiên các em trai sẽ trở nên đẹp nếu được dạy dỗ đàng hoàng. Em nhỏ nào mà tốt bụng, thông minh, gọn gàng và sạch sẽ thì lúc nào nom cũng thật đáng yêu. Nhưng em trai sẽ đáng yêu hơn bao giờ hết nếu biết nâng niu trên đôi tay nhỏ bé của mình nhành hoa tươi thắm mang tặng bạn gái, biết mở rộng vòng tay ôm chặt em gái mình để không ai có thể bắt nạt được. Các em trai sẽ mỗi ngày một trưởng thành và trở nên một đấng nam nhi mạnh mẽ sau này. Các em hãy nhớ rằng, bé trai mai này lớn lên sẽ phải làm sao để trở thành người đàn ông mạnh mẽ, còn bé gái sinh ra để mai này được thực hiện thiên chức làm mẹ.

Tạp chí Tuổi Vàng sẽ trò chuyện hàng tháng với các em nhỏ - những người cha, người mẹ tương lai - như người bạn thân thiết, để kể cho các em gái những câu chuyện thú vị và dễ thương, để các em lắng nghe, quan sát và cùng chơi với búp bê yêu quý. Những điều hay lẽ phải mà Tuổi Vàng mang đến sẽ giúp các em gái - những người mẹ tương lai - biết cách dạy con cái trở thành người trung thực. Bằng cách dễ hiểu nhất, với ngôn từ rõ ràng và trong sáng, chúng tôi sẽ giúp các em tìm tòi

khám phá, để tìm hiểu xem thế giới này được hình thành như thế nào, rằng con người đã làm được những gì từ thuở hồng hoang cho tới tận ngày nay.

Vì lẽ đó, Tạp chí Tuổi Vàng ra đời nhằm phục vụ độc giả nhỏ tuổi châu Mỹ, để các em hiểu rõ cội nguồn, đời sống xa xưa và ngày nay trên lục địa này, cũng như những xứ sở xa xôi khác. Tuổi Vàng sẽ mở ra cả một bầu trời khám phá, ví dụ như làm thế nào để chế tạo nên thủy tinh và sắt, rồi cả máy hơi nước, những chiếc cầu treo, ánh sáng từ điện,...để khi các em nhìn thấy hòn đá màu thì sẽ hiểu tại sao hòn đá lại đẹp lung linh đến thế và mỗi màu sắc nói lên điều gì. Các em sẽ bắt gặp trong Tuổi Vàng những câu chuyện kể về những trận đánh lừng danh hay về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của những tộc người cổ xưa. Tuổi Vàng chất chứa bao điều kỳ thú, những chuyện cổ tích đầy những phép mầu, đó là những phép mầu của đời thật. Tạp chí này là cả một kho tàng kiến thức, từ những điều kỳ diệu trên trời xanh bao la, dưới đại dương sâu thẳm, hay trên khắp thế gian tươi đẹp này. Và hơn cả, những câu chuyện đầy ắp tiếng cười sẽ mang tới cho các bạn nhỏ những phút giây nghỉ ngơi thư giãn sau một ngày miệt mài học tập.

Vì trẻ thơ - thế hệ tương lai, niềm hy vọng của thế giới này - chúng tôi xin nguyện lao động hết mình để thỏa mãn ước mơ khám phá của các em. Với bao yêu thương tận đáy lòng, chúng tôi luôn yêu thương và dõi theo những màn non tương lai của châu Mỹ.

Nếu như những kiến thức trong Tuổi Vàng chưa thể giải đáp mọi băn khoăn thắc mắc, thì các em có thể viết thư cho chúng tôi. Xin hoan nghênh chào đón các em. Đừng ngại ngần nếu như

lời văn của các em còn non nớt hay mắc lỗi chính tả, quan trọng là các em phải bạo dạn và ham học hỏi. Chúng tôi sẽ đăng những bài viết đặc sắc nhất và tên của các em trên tạp chí. Tâm hồn trẻ thơ là cả một bầu trời tiềm năng cần đánh thức, và có vô số điều thú vị có thể khuyến khích khả năng viết của các em. Vì thế, cứ sáu tháng, Tuổi Vàng lại tổ chức một cuộc thi mà qua đó, các em có thể gửi bài dự thi của mình và có cơ hội nhận những giải thưởng hữu ích như sách vở, đặc biệt là mười cuốn Tạp chí Tuổi Vàng có đăng chính tác phẩm các em viết về những điều lý thú ở lứa tuổi của mình. Để làm được điều này, chúng tôi muốn khuyến khích và giúp các em rèn luyện kỹ năng viết, để viết được ngày một tốt hơn. Các em hãy nhớ là, để viết cho hay về một đề tài gì thì phải hiểu biết rõ về đề tài đó. Vì thế, chúng tôi mong muốn trẻ em châu Mỹ chúng ta sẽ trở thành những con người mạnh mẽ, bạo dạn và trung thực, biết nói ra những suy nghĩ và cảm nhận của mình một cách vô tư và thật hồn nhiên.

Các em nhỏ thương mến!

Chúng tôi muốn nhắn nhủ rằng, các em gái sinh ra cũng cần phải được học hành đầy đủ để mai này lớn lên có kiến thức và hiểu biết để trò chuyện cùng các bạn nam. Thật là đáng tiếc nếu như một người đàn ông không tìm được người chia sẻ trong chính ngôi nhà của mình, phải đi tìm ai khác để trò chuyện bởi vì người vợ chẳng biết nói gì hơn ngoài thời trang và những sở thích đời thường. Có biết bao điều thú vị ngọt ngào mà các em gái có thể hiểu sâu sắc hơn rất nhiều. Vì thế, đừng chần chừ nữa, hãy viết ngay cho chúng tôi, chia sẻ những gì các em mong muốn. Tuổi Vàng mang tới phép màu kỳ diệu khi kể rằng trong thẳm sâu tâm hồn các em gái có gì đó thật bí ẩn như những chú chim ruồi mãi mê tìm mật giữa rừng hoa. Bằng cách kể chuyện như vậy, các em nếu biết đọc có thể đọc câu chuyện về chú chim ruồi. Các em sẽ biết sợi chỉ được làm ra như thế nào, tại sao lại có loài hoa mang tên violet, cây kim được làm bằng gì, hay các cụ già nước Ý dệt ren như thế nào. Các em gái có thể viết thư và đặt câu hỏi tùy thích, và nếu được hãy gửi cho chúng tôi sáng tác của các em để tham gia cuộc thi viết được tổ chức sáu tháng một lần. Chắc chắn các em gái sẽ giành được giải thưởng!

Điều mà chúng tôi muốn gửi gắm tới các em là trẻ thơ phải được sống hạnh phúc và trở thành những em nhỏ châu Mỹ thân thiết của Tạp chí Tuổi Vàng. Để nếu sau này có dịp gặp lại một độc giả nhỏ, hy vọng rằng em sẽ bắt tay thật chặt như gặp lại một người bạn cũ, và nói cho mọi người rằng: “Đây là bạn của

tôi- người của Tạp chí Tuổi Vàng!”

Ba vị anh hùng

Chuyện kể rằng, có một người tới Caracas khi màn đêm buông xuống. Vị lữ hành cứ mãi miết đi, chẳng màng ăn uống hay nghỉ ngơi, chỉ cần tới nơi có đặt tượng đài Bolívar. Buổi tối hôm ấy, chỉ có những tán cây cao và ngát hương nơi quảng trường là chứng kiến người du khách ấy nhỏ lệ trước tượng đài mang tên người anh hùng giải phóng dân tộc Nam Mỹ. Vào giờ phút đó, tượng đài dường như đang cử động, như người cha già đang muốn xích lại gần đứa con thân thương. Vị du khách, cũng như bao người dân Nam Mỹ khác, đều yêu mến Bolívar như người cha già đáng kính. Điều đó không có gì lạ, bởi nhân dân Nam Mỹ yêu quý và tôn kính Bolívar cũng như tất cả những ai đã anh dũng đấu tranh vì tự do của dải đất này, bởi Nam Mỹ là của nhân dân Nam Mỹ. Nhân dân yêu quý họ, từ những vị anh hùng nức tiếng cho tới những người lính giản dị vô danh. Tình yêu và khát vọng đấu tranh vì độc lập dân tộc khiến những con người rất đỗi bình dị khi ngã xuống trở nên đẹp đẽ và vĩ đại hơn bao giờ hết.

Tự do là quyền của tất cả mọi người, là quyền được nói ra mọi suy nghĩ chân thật. Ở châu Mỹ đã có lúc người ta không dám nghĩ và cũng không dám nói ra điều mình nghĩ. Người mà luôn che giấu cảm xúc và không dám nói ra suy nghĩ của mình thì không thể coi là người chân thật. Một người mà chỉ biết răm rắp làm theo lời của những kẻ cai trị xấu xa, không dám đấu

tranh vì một chế độ tốt đẹp hơn, thì càng không phải là người trung thực. Cũng chẳng vẻ vang gì cho kẻ luôn tuân theo những thứ luật pháp bất công và thờ ơ đứng nhìn dân tộc mình đau đau người dân cũng bị đối xử tồi tệ. Ngay từ khi biết suy nghĩ, trẻ thơ cần phải được quyền ngẫm nghĩ về những gì diễn ra xung quanh mình, phải thấu hiểu nỗi đau của những con người bất hạnh sống mà không có tự trọng và trung thực. Trẻ em phải được dạy dỗ để sống làm sao tôn trọng bản thân và tôn trọng người khác. Một đứa trẻ chẳng biết quan sát ngẫm nghĩ về những gì xung quanh mình, cứ vui vẻ sống, chẳng hay biết mình đã sống trung thực và đúng mực hay chưa, thì mai này lớn lên sẽ mất dần nhân cách. Trên đời này có những kẻ còn tồi tệ hơn cả thú vật. Ngay cả thú vật cũng muốn được tự do, được sống yên ổn. Ví như loài voi tự ý thức được rằng chúng không thể sinh con nếu đang bị giam cầm. Hay lạc đà không có bướu ở Peru sẽ quy xuống vì kiệt sức, sẽ chết dần chết mòn nếu người thổ dân cứ bắt chúng phải mang vác quá nặng trên lưng. Con người sinh ra ít nhất phải được sống đúng, thành thật và trung thực như loài voi hay lạc đà. Ở Nam Mỹ trước kia tồn tại thứ tự do mà con người sống như loài lạc đà phải mang vác bao gánh nặng. Vì vậy, cần quăng gánh nặng đi hay là chết.

Nhưng lạ thay trên đời này lại có những kẻ chẳng đường hoàng nhưng vẫn vui vẻ sống. Lại có những người đau đớn khi thấy xung quanh mình không ít kẻ sống không đúng mực. Trên đời này con người ta phải sống đúng, bởi lẽ đó là phẩm chất đáng quý để làm người, như thể sự sống trên hành tinh không thể tồn tại mà thiếu đi ánh sáng. Có những kẻ không đường hoàng thì ắt sẽ có những bậc thầy về nhân cách. Đó là những

người biết vùng dậy với sức mạnh phi thường để chống lại những kẻ đã tước mất của người dân quyền tự do, nghĩa là cướp đi quyền được sống đường hoàng. Đó là những tấm gương về đạo đức và nhân cách để hàng nghìn hàng vạn người khác noi theo, là biểu tượng của sức mạnh và phẩm giá của nhân loại. Đó là anh hùng giải phóng dân tộc Simon Bolívar ở Venezuela, là tướng quân San Martin xứ Rio de la Plata, hay vị linh mục nhân từ Hidalgo người Mexico. Hãy rộng lượng và bỏ qua cho họ những lỗi lầm, bởi lẽ những gì mà họ giành lại cho nhân dân là vô cùng quý giá và ý nghĩa nhiều hơn thế. Con người không thể nào toàn năng như mặt trời. Mặt trời thiêu đốt thế gian bằng sức nóng tỏa ra từ bên trong. Những vết đen mặt trời khiến những kẻ vô ơn thì khó chịu, nhưng những ai rộng lòng hơn thì lại biết ơn vì mặt trời tỏa sáng khắp hành tinh.

Vóc người nhỏ nhắn, đôi mắt sáng tinh anh và đôi môi luôn nói những lời thông thái, đó là Bolívar. Người thanh niên có dòng dõi quý tộc này lúc nào cũng muốn hăng hái cưỡi ngựa xông lên chiến đấu. Tâm trí chàng trai trẻ chẳng lúc nào thanh thản, trái tim luôn nhức nhối đón đau khi chứng kiến tổ quốc thân thương đang bị áp bức. Cả châu Mỹ như bưng tỉnh. Dầu biết rằng, một cây làm chẳng nên non, thế nhưng có những người không chịu lùi bước và ngưng nghỉ khi nhìn thấy dân tộc mình kiệt sức, bất lực. Chẳng cần ai khuyên bảo, chẳng cần đợi chờ lâu, những chiến binh dũng cảm đó vẫn quyết thắng xông lên và chiến đấu tới cùng. Bolívar là tiêu biểu trong số đó. Người anh hùng ấy không một phút giây ngơi nghỉ trên hành trình đi tìm tự do cho đất nước Venezuela khi nhân dân dường như kiệt sức. Thất bại trước quân xâm lược Tây Ban Nha, Bolívar phải xa

rời quê hương trong nỗi bất lực và chịu cảnh lưu vong nơi xứ người. Ông bị lưu đày tới một hòn đảo, ở nơi đây ông vẫn dõi theo đất mẹ thân yêu và suy ngẫm về tương lai, vận mệnh tổ quốc của mình.

Một người bằng hữu da màu đã đưa tay cứu Bolívar khi bên cạnh ông không còn ai thân cận. Với niềm hăng say chiến đấu đường như chưa hề bị dập tắt, ông tiếp tục kiên cường cùng ba trăm vị anh hùng, ba trăm quân giải phóng anh dũng. Bolívar lần lượt giải phóng Venezuela, vùng Granadas mới, Ecuador và sau đó là Peru. Ông sáng lập quốc gia mới mang tên Bolívar. Tiếng tăm của ông lừng lẫy nhờ chiến thắng vẻ vang trong những trận đánh siêu phàm cùng với đội quân chân đất và nửa người trần. Bolívar truyền cảm hứng tới mọi người và hình ảnh vị anh hùng trên lưng ngựa chiến tỏa sáng khắp muôn nơi. Chiến đấu bên cạnh ông là đội quân trẻ hùng mạnh, là những vị tướng tài ba với sức mạnh phi thường. Hiếm có trận đánh nào dữ dội và hào hùng như thế, và cũng hiếm có ai chiến đấu bằng trái tim căng tràn nhiệt huyết và hăng say đến thế. Mục tiêu lớn lao nhất đối với Bolívar là chiến đấu vì tự do chung của Nam Mỹ, hơn là chiến đấu vì quyền lực. Những kẻ đồ kỵ cô tìm ra khiếm khuyết để bôi nhọ ông. Bolívar qua đời sau những ngày lưu vong tại nhà của một người bạn Tây Ban Nha ở Santa Marta, trong cảnh nghèo đói và bệnh tật. Ông ra đi để nhân dân ở lại với bao thương tiếc. Nhà giải phóng từ giã cõi đời khi nỗi đau về quê hương đất nước vẫn âm ỉ và nhức nhối hơn cả nỗi đớn đau thể xác.

Lịch sử Mexico không ghi lại nhiều giai thoại về những nhân vật phi thường và tiếng tăm lừng lẫy. Thế nhưng chỉ ít ỏi những

vị anh hùng chân chính cũng đủ để làm nên sức mạnh và giá trị của cả một dân tộc. Chuyện kể rằng có một nhóm gồm sáu người đàn ông và một người phụ nữ cùng họp bàn để tìm đường cứu nước. Trong số những con người dũng cảm đó, có chồng của một nữ giải phóng quân và vị linh mục xứ Dolores trạc lục tuần nổi tiếng nhân từ và hết mực yêu thương những người da đỏ bản địa quê hương ông. Từ nhỏ, mục sư Hidalgo đã tỏ ra ham hiểu biết. Những ai mà không ham học hỏi thì không thể coi là xuất thân trong một gia đình gia giáo. Hidalgo nói được tiếng Pháp và điều đó rất đáng nể vì thời ấy ít ai biết sử dụng ngôn ngữ này. Hidalgo còn đọc những cuốn sách triết học thế kỷ XVIII và giảng giải cho người da đỏ bản địa về quyền được nói ra điều mình nghĩ một cách chân thật để trở thành những con người trung thực. Chứng kiến những người nô lệ da màu thật thà chất phác bị đối xử tồi tệ khiến lòng ông đau đớn. Họ kính trọng ông, vây quần bên ông, coi ông như người anh lớn, nghe ông giảng giải về mỹ thuật, ví như âm nhạc có thể xoa dịu lòng người, người ta nuôi tầm để lấy tơ dệt vải hay nuôi ong lấy mật. Trong ông luôn cháy lên ngọn lửa của lòng hăng say lao động. Người đời biết tới ông - vị linh mục nhân từ với đôi mắt xanh thăm luôn bừng sáng - như một nhà thông thái luôn nói những lời hay, biết nhiều điều mới mẻ và làm rất nhiều việc từ thiện cho người dân.

Một lần nọ, Hidalgo tới Querétaro gặp các chiến hữu để cùng bàn tính tìm đường cứu nước. Nhưng một kẻ phản trắc đã đem kể với viên tư lệnh Tây Ban Nha kế hoạch giải phóng Mexico của Hidalgo cùng các chiến hữu của ông. Vị linh mục đã can đảm cưỡi ngựa xông lên cùng với nhân dân yêu quý đồng hành bên

mình. Từ những đốc công cho tới người lao động và nô lệ khắp các điền trang, tất cả cùng nổi dậy theo ông và hợp lại thành đội kỵ binh hùng mạnh chiến đấu bên cạnh Hidalgo. Những người da đỏ bản địa cùng vùng lên với gậy, mũi tên, ná cao su và giáo trên tay. Đội quân hùng mạnh của Hidalgo đã đánh bại một đoàn xe trang bị đạn dược tinh nhuệ của quân đội Tây Ban Nha. Vị mục sư dũng cảm kiêu hãnh tiến vào Celaya trong tiếng nhạc và hò reo vang dội mừng chiến thắng. Ngày hôm sau, tại tòa thị chính, ông được phong hàm tướng quân, và một dân tộc được sinh ra từ đó. Ông còn tự tay chế tạo giáo và lược đạn. Theo như một đốc công kể lại, những lời Hidalgo phát biểu trước dân chúng thật hùng hồn, tràn đầy nhiệt huyết và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Tướng quân Hidalgo tuyên bố những người nô lệ được tự do, trả lại đất đai cho người da đỏ bản địa. Ông là chủ bút của tờ báo Châu Mỹ thức tỉnh. Cuộc đời ông là chuỗi những trận thắng huy hoàng nối tiếp những thất bại đớn đau. Đã có lúc gần bảy nghìn người dân da đỏ bản địa sát cánh bên ông, nhưng cũng có lúc ông chỉ chiến đấu trong đơn độc. Những kẻ xấu xa lợi dụng ông để phá hoại, cướp bóc của dân lành và trả thù quân Tây Ban Nha. Hidalgo đã tuyên bố rằng, nếu quân Tây Ban Nha bại trận, ông sẵn sàng coi kẻ thù là bạn. Trái tim ông thật vĩ đại biết bao! Ông vẫn mở rộng lòng khoan dung với kẻ thù và chẳng chút lo sợ rằng quân lính sẽ bỏ mặc ông vì muốn ông phải tàn bạo. Ông đã nhường lại quyền chỉ huy cho Allende, tên bằng hữu đầy đố kỵ và ghen tức. Trước cuộc truy kích dữ dội từ phía quân đội Tây Ban Nha sau một lần bại trận, Hidalgo cùng Allende chạy đi tìm nơi trú ẩn. Xót thương vị tướng quân quả cảm bị quân thù xé bỏ bộ áo linh mục ra từng mảnh, từng

mạnh, cốt để hạ nhục ông. Chúng áp giải ông tới một bức tường và xử bắn. Hidalgo quy xuống sau phát đạn đầu tiên, và kẻ thù không quên bắn phát thứ hai để hạ gục ông hoàn toàn. Chúng bêu riếu bằng cách treo đầu ông vào một chiếc lồng ở kho dự trữ ngũ cốc Alhóndiga de Granaditas, nơi tọa lạc tòa nhà của chính quyền Hidalgo. Kẻ thù chôn vùi thi thể thảm thương của vị linh mục xứ Dolores, nhưng bù lại ước nguyện giải phóng Mexico đã thành hiện thực sau khi ông qua đời.

San Martin là nhà giải phóng của Nam Mỹ, cha đẻ khai sinh ra nước Cộng hòa Argentina và Chile. Cha mẹ ông là người Tây Ban Nha và từ nhỏ San Martin đã theo học ở Tây Ban Nha để phục vụ cho quân đội hoàng gia. Nhân dân Tây Ban Nha đã đánh trả quyết liệt để đuổi quân xâm lược ra khỏi lãnh thổ của họ. Từ người già, phụ nữ tới trẻ em, ai cũng đánh, và trong số đó, có một cậu bé người Catalan liên tục ném pháo hiệu từ một góc khuất trên núi để cảnh báo cho tiểu đội quân mình tránh được quân địch. Ngày hôm sau, người ta phát hiện ra chú bé bị chết còng vì đói và lạnh, nhưng gương mặt chú bé vẫn bừng sáng và mỉm cười mãn nguyện. San Martin cũng dũng cảm tham chiến, đã giành thắng lợi vẻ vang trong trận đánh Bailén và được phong hàm trung tá. Không một quân lính nào dám trái lệnh vị chỉ huy tài ba, thâm trầm, uy nghiêm với ánh mắt sắc lẹm như đại bàng. Hình ảnh San Martin cười ngựa xông lên mạnh mẽ và dữ dội như tia chớp rạch ngang bầu trời.

Khi hay tin ở Nam Mỹ đang chiến đấu để thoát khỏi xiềng xích thực dân Tây Ban Nha, San Martin đã quyết tâm tới miền đất của những người nô lệ này để thực hiện ước mơ giải phóng nhân dân nơi đây. Bỏ lại sau lưng sự nghiệp riêng, ông quyết

tâm hoàn thành sứ mệnh lớn lao là giải phóng Nam Mỹ. Khi tới Buenos Aires, không diễn văn, không phát biểu hùng hồn, ông lập ngay một phi đội kỵ binh để sẵn sàng chiến đấu. San Lorenzo là nơi ghi dấu trận đánh đầu tiên của San Martin chống lại quân xâm lược Tây Ban Nha. Với thanh kiếm trên tay, San Martin chỉ huy đội quân của ông truy đuổi và đánh bại hoàn toàn quân địch mà lúc đầu kiêu ngạo khua chiêng đánh trống khắp nơi, cho tới khi trong tay chúng không còn chiếc trống, khẩu pháo hay lá cờ nào.

Nhưng ở một số nơi khác quân Tây Ban Nha vẫn thắng trận: Tên tướng bảo hoàng Morillo đã trục xuất Simon Bolívar khiến nhà giải phóng người Venezuela phải chịu cảnh lưu vong, còn ở Mexico, nhà lãnh đạo quân nổi dậy Hidalgo phải chịu cảnh chết thảm. O'Higgins thì chạy trốn khỏi Chile. Không hề chán nản và nhụt chí, San Martin vẫn tiếp tục chiến đấu để giải phóng Nam Mỹ. San Martin là tấm gương của những con người bất khuất không bao giờ chịu đứng nhìn cảnh nô lệ. Ông đã giải phóng Chile và Peru. Lịch sử không bao giờ quên ông, người anh hùng San Martin cùng đội quân quả cảm vượt dãy núi Andes phủ đầy tuyết, cao vút và lạnh giá suốt mười tám ngày ròng. Đói và khát, đội quân gan dạ cứ mãi miết đi. Ở dưới xa kia là bạt ngàn cây cối xen dày như cỏ và tiếng thác nước ngày đêm như tiếng sư tử gầm. San Martin đã chiến đấu và đánh tan quân Tây Ban Nha trên đỉnh Andes trong trận đánh Maipu và cả trận Chacabubo sau đó. Sau khi giải phóng Chile, đội quân của ông tiếp tục giải phóng Peru. Nhưng ở Peru lúc đó đã có đội quân của Simon Bolívar, vì thế, San Martin đã nhường lại vinh quang giải phóng Peru cho vị anh hùng người Venezuela cùng chung lý tưởng.

Quãng thời gian cuối đời ông là những ngày buồn đau ở xứ Âu châu - nơi ông trút hơi thở cuối cùng trong vòng tay của người con gái yêu thương Mercedes. Ông viết bản di chúc thiêng liêng như một phần của trận chiến oanh liệt. San Martin được vinh dự trao tặng cờ hiệu danh dự của Francisco de Pizarro, nhà chinh phục lừng danh người Tây Ban Nha từ bốn thế kỷ trước để lại. San Martin đã trao lá cờ vinh quang cùng bản di chúc lại cho nhân dân Peru mà ông luôn đau đáu khát khao giải phóng.

Những nghệ sĩ điêu khắc tài hoa với đôi bàn tay khéo léo biết tạo hình đẹp đẽ từ những hòn đá thô sơ mới đáng ngưỡng mộ làm sao! Thế nhưng có những con người kiệt xuất hơn tất cả, vì họ đủ sức làm nên hình hài và bảo vệ tính mệnh của cả một dân tộc. Đôi khi những con người vĩ đại ấy, những vị anh hùng ấy phải làm những điều mà thực tâm họ không hề muốn, nhưng họ buộc phải hy sinh vì sự nghiệp lớn lao. Vì thế, hãy thấu hiểu họ, hà cớ gì mà con cái lại không thể tha thứ lỗi lầm của người cha? Đọc và hiểu về cuộc đời họ sẽ tưới tắm và làm dịu hồn ta. Đó là cuộc đời của những vị anh hùng chiến đấu bằng lòng quả cảm, để giải phóng dân tộc, giành lại tự do, để bảo vệ những người nghèo và kém may mắn, bảo vệ chân lý. Những ai đấu tranh vì tham vọng cá nhân, để trục lợi, để xâm lược kẻ khác, để nắm giữ quyền lực, để cướp của cải đất đai từ tay người dân, thì không phải là anh hùng, mà là những kẻ tội đồ.

Tí Hon Thông Thái

(Chuyển từ tiếng Pháp tác phẩm của nhà văn Labolaye)

Ngày xưa ngày xưa, ở một vương quốc rất xa, một bác nông dân có ba người con trai tên là Pedro, Pablo và Juancito. Pedro cao lớn, to béo, da dễ đỏ au và ngu đần; Pablo thì gầy gò, da vàng như nghệ, tính hay đồ kị và độc ác; còn cậu em út Juancito xinh xắn như con gái và nhỏ bé tới mức có thể trốn trong đôi ủng to của cha cậu. Vì nom cậu nhỏ như ngón tay cái nên chẳng ai gọi tên thật của cậu là Juan mà quen gọi cậu là Tí hon.

Gia đình bác nông dân vô cùng nghèo khó. Nếu hôm nào vô tình mà có bóng dáng một đồng xu trong nhà thì ai nấy đều mừng như mở hội. Bánh mì khi ấy vô cùng đắt đỏ, ngay cả bánh mì đen cũng chẳng rẻ gì và cả nhà bác nông dân chẳng biết làm gì để kiếm ăn. Cuộc sống khó khăn nên ngay khi ba cậu con trai đã khôn lớn và có thể đỡ đần cha, bác nông dân tội nghiệp luôn động viên các con rời túp lều nơi họ đã sinh ra để đi tìm vận may nơi khác. Ba anh em rất đau lòng vì phải bỏ lại người cha già đơn độc, phải rời xa bao thứ thân quen, từ hàng cây do chính ba anh em tự tay trồng, cho tới mái nhà đơn sơ nơi họ đã sinh ra và dòng suối mát rượi nơi họ vẫn thường vục nước uống.

Chỉ cách túp lều của bác nông dân một dặm là cung điện của nhà vua cai trị vương quốc đó. Một tòa lâu đài tuyệt đẹp toàn bằng gỗ với hai mươi ban công chạm khắc kỳ công và sáu cửa sổ xinh xắn. Trong một đêm hè nóng bức, từ lòng đất bỗng dựng

mọc lên một cây sồi to ở ngay đối diện cửa sổ lầu đài. Cành lá cây sồi rậm rạp tới mức che hết cả ánh sáng trong cung điện và chẳng có cái rìu nào đủ sức chặt nổi cái cây kỳ quái này, vì chỉ mới chạm vào thân cây thôi thì rìu cũng bị cùn đi. Đã thế, cứ chặt được một cành thì từ cành đó lại mọc ra hai cành mới. Nhà vua hứa ban thưởng ba túi to đầy tiền cho ai chặt được cây sồi này. Còn cái cây sồi phiền toái ấy thì cứ thản nhiên yên vị ở đó. Nản chí, nhà vua phải cho thắp đèn trong cung điện suốt cả ngày.

Đã thế, ở xứ sở đây, mọi dòng suối đều bắt nguồn từ mạch ngầm núi đá, nhưng trong cung điện của nhà vua thì lại không có giọt nước nào. Quần thần phải rửa tay bằng bia và cạo râu bằng mật ong. Vậy nên nhà vua hứa sẽ ban thưởng tiền bạc, đất đai và phong tặng chức hầu tước cho ai đủ sức đào được một cái giếng trong lầu đài để có nước suốt quanh năm. Song chẳng ai giành được ân huệ đó, vì cung điện được xây trên cao và chỉ cách mặt đất chừng một tác rưỡi đã là lớp đá hoa cương.

Nhà vua cứ suy nghĩ mãi về hai chuyện ấy và muốn tìm cách giải quyết cho bằng được. Ngài ban lệnh cho dựng những tấm bảng cáo thị lớn có phù hiệu hoàng gia trên khắp mọi miền. Bảng cáo thị ghi rõ rằng ai mà hạ được cây sồi và đào được giếng thì sẽ được nhà vua gả công chúa cho, lại còn chia cho nửa vương quốc nữa. Có đất đai rồi thì làm được nhiều việc hơn là cày ruộng gieo trồng, còn công chúa thì nổi tiếng là thông minh và xinh đẹp. Ngần ấy giải thưởng hấp dẫn đã thu hút bao người muốn thử sức, vai vác rìu, tay xách cuốc đổ về. Nhưng dù họ có cưa xẻ, đào bới kiểu gì thì cũng vô ích. Hàng bao cây rìu đều phải chịu thua cây sồi già cứng đầu và chẳng cái cuốc nào mà

không vỡ vụn vì đá hoa cương quá cứng.

* * *

Một ngày kia, khi thấy khắp nơi ai ai cũng bàn tán về chuyện này, ba anh em con bác nông dân bèn quyết tâm lên đường thử vận may xem sao. Họ chẳng màng tới chuyện được nhà vua gả công chúa mà chỉ thầm mong làm sao có cơ hội tìm được việc làm giữa chốn đông người. Cả ba anh em cứ đi. Trên đường đi, Pedro thì ra vẻ hí hửng. Pablo thì cứ lăm bắm một mình. Còn anh chàng út Tí hon thì nhảy nhót, xem xét, sục sạo khắp nơi. Cậu ta chẳng bỏ qua một góc ngách nào và đôi mắt tinh như cú cứ sáng lên mỗi lần tìm thấy gì hay ho. Mỗi lần thấy gì lạ là anh chàng lại dừng lại và hỏi hai anh trai đủ điều: Tại sao bây ong lại chui vào đài hoa? Tại sao chim én lại bay là là mặt sông? Tại sao đàn bướm kia lại bay hình chữ chi? Trước những câu hỏi của em trai, Pedro chỉ bật cười, còn Pablo thì nhún vai và bắt Tí hon phải im lặng.

Cả ba cứ đi, đi mãi cho tới khi gặp một khu rừng thông rộng phủ đầy núi. Rồi bỗng đâu có tiếng động ồn ào nghe như là tiếng cành cây gãy và rơi từ trên đỉnh núi xuống.

– Kỳ lạ nhỉ, em chẳng hiểu sao người ta lại đồn cây ở trên đỉnh núi thế? - Tí hon nói.

– Kể mà gì cũng muốn biết thì chẳng biết gì hết. - Pablo găm gừ.

– Đúng là đồ nhái con, nhóc nói cứ như là chưa từng nghe thấy tiều phu đồn củi vậy. - Pedro vừa đế thêm vào vừa vỗ má

cậu em.

– Nhưng em muốn lên trên núi xem có chuyện gì không? - Tí hon nói.

– Ừ, cứ đi đi, đi cho nhọc xác. Rồi em sẽ ân hận vì không chịu nghe lời hai anh đây nhé.

Thế là Tí hon đu cây và leo lên núi, chăm chú quan sát, lắng nghe xem tiếng ồn phát ra từ đâu và đi về hướng đó. Anh chàng Tí hon đã thấy gì trên núi? Một cái rìu thần đang chặt một cây thông rất to.

– Xin chào Rìu thần, - Tí hon nói. - Chẳng lẽ Rìu thần không thấy buồn vì phải chặt cái cây già cỗi này một mình à?

– Ôi con trai, ta đã đợi con đến từ lâu lắm rồi. - Rìu thần trả lời.

– Vậy thì con đã tới đây rồi. - Tí hon trả lời.

Nói rồi, chẳng chút sợ hãi, Tí hon cầm lấy cái rìu, nhét vào trong cái túi da to của mình và leo xuống núi, miệng hát ca đầy phần khởi.

– Kể hiếu kỳ, có tìm thấy thứ gì lạ ở trên đó không? - Pablo bĩu môi và nhìn Tí hon với vẻ coi thường.

– Em tìm được cái rìu. - Tí hon trả lời.

– Anh đã bảo em rồi mà. - Chàng béo Pedro tiếp lời. - Em cứ tốn công leo lên đó mồ hôi mồ kê nhễ nhại mà chẳng ích gì.

Đi được một đoạn ngắn nữa thì ba anh em gặp phải đoạn đường khúc khuỷu với những mỏm đá lớn, xa xa phía trên cao vẳng lại tiếng động chói tai như tiếng sắt đập vào đá.

– Kỳ lạ nhỉ, em chẳng hiểu sao người ta lại đập đá ở đó? - Tí

hon nói.

– Nhóc thật đúng là cứ như vừa ở trên trời rơi xuống. - Pablo nói. - Chắc nhóc chưa từng nghe thấy chim gõ kiến gõ mỏ vào thân cây già rỗng bao giờ.

– Nhóc ơi, ở lại đây với các anh đi, chả là chim gõ kiến gõ mỏ vào thân cây rỗng thì là cái gì nữa. - Pedro ngao ngán.

– Kệ em, em đi tới đó xem sao!

Thế là cậu quỳ xuống, tay bám vào đá gắng sức leo lên mồm núi đá kia, mặc kệ cho Pedro và Pablo cứ chế nhạo cậu.

Vậy Tí hon đã thấy gì trên mồm đá? Một cái cuốc thần đang tự khoét đá giải khuây, trông ngon lành như đang thưởng thức món bơ vậy.

– Xin chào Cuốc thần, - Tí hon nói. - Chẳng lẽ Cuốc thần không thấy buồn vì cứ phải khoét đá một mình à?

– Ôi con trai, ta đã đợi con đến từ lâu lắm rồi. - Cuốc thần đáp.

– Vậy thì con đã tới đây rồi. - Tí hon trả lời.

Chẳng chút sợ hãi, cậu vớ lấy cái cuốc, tháo cán ra và cho cả vào trong cái túi da to, sau đó vừa vui vừa mệt đi xuống.

– Chào quý ngài hiếu kỳ, không hiểu quý ngài thấy phép màu gì trên đó thế? - Pablo bĩu môi với vẻ dè bĩu.

– Là cái cuốc thôi. - Tí hon trả lời. Rồi cậu lại lẳng lặng lên đường.

Đi được một đoạn nữa thì ba anh em gặp một dòng suối trong mát. Trời oi bức nóng nực nên cả ba vục nước suối để uống.

– Kỳ lạ, sao lại có nhiều nước như vậy trong cái thung lũng

không lấy gì làm sâu này.- Tí hon nói. - Không biết dòng suối này bắt nguồn từ đâu nhỉ?

- Đúng là ngựa non háu đá. - Pablo cúi kính. - Cái gì nhóc cũng muốn chõ mũi vào là sao nhỉ? Chẳng lẽ nhóc còn chưa biết là suối chảy ra từ lòng đất à?

- Kệ em, em vẫn muốn xem nước suối bắt nguồn từ đâu mà ra.

Thế là Tí hon cứ đi dọc bờ suối mặc cho hai người anh cứ gọi và mắng nhiếc. Cậu cứ mãi mê đi, cho tới khi dòng suối cứ nhỏ dần, nhỏ dần, tựa như một sợi chỉ mỏng manh.

Vậy anh chàng Tí hon đã tìm thấy gì ở tận cùng dòng suối? Một cái vỏ hồ đào thần kỳ. Nước chảy ra từ dưới đáy cái vỏ hồ đào và long lanh dưới nắng.

- Xin chào thần Suối, chẳng lẽ thần Suối không thấy buồn vì cứ ở đó một mình mà phun nước trong cái xó này sao?

- Ôi con trai, ta đã đợi con tới từ lâu lắm rồi. - thần Suối đáp lời.

- Vậy thì con đã tới đây rồi. - Tí hon trả lời.

Chẳng chút ngạc nhiên, cậu cầm lấy miếng vỏ hồ đào, dùng rêu bọc lại cho nước khỏi chảy ra, rồi cho vào trong cái túi da to, sau trở về nơi ba anh em đứng lúc trước, chân nhẩy nhót, miệng hát ca.

- Giờ thì nhóc đã biết suối chảy từ đâu rồi hả? - Vừa nhìn thấy em trai, Pedro đã hét lên từ xa.

- Vâng ạ. - Tí hon nói. - Con suối này từ một cái lỗ chui ra.

—Ôi cái thằng bé này, nó cứ coi mình như thiên tài vậy. Thảo

nào mãi mà nhóc chẳng lớn được. - Anh chàng xanh rớt Pablo chế giễu cậu em trai.

- Em đã thấy điều em muốn thấy. Em đã biết điều em muốn biết. Vậy là đủ rồi. - Tí hon nhủ thầm. Nói rồi cậu phủi tay đi tiếp.

* * *

Cuối cùng ba anh em cũng tới cung điện của nhà vua. Cây sồi chưa bao giờ to và rậm rạp đến thế. Trong sân lâu đài vẫn chưa đào được giếng và trên cửa cung điện vẫn còn treo tấm biển cáo thị nói rõ nhà vua hứa gả công chúa và chia nửa vương quốc cho bất cứ ai, dù là quý tộc, chư hầu hay nông dân, miễn là người đó giải quyết được mấy việc rắc rối ấy. Nhà vua đã mệt vì phải chứng kiến biết bao người thử sức mà chỉ làm cho người thêm thất vọng. Nhà vua bèn ban lệnh treo một tấm biển nhỏ lên phía trên tấm biển cáo thị. Tấm biển nhỏ có những dòng chữ màu đỏ như sau:

“Hoàng thượng với tấm lòng nhân từ vô bờ ra lệnh ai mà không hạ được cây sồi hay đào được giếng thì sẽ bị cắt tai ngay dưới cây sồi này để cho kẻ đó tự biết mình là ai, phải biết học tính khiêm tốn. Đây là bài học đầu tiên về sự thông thái.”

Để tất cả mọi người đều thấm thía lời khuyến cáo ấy, người ta đóng xung quanh tấm biển chừng ba chục cái tai còn ròn ròn máu, răn đe những kẻ cao ngạo cho rằng ta đây tài giỏi nhất.

Khi Pedro đọc xong cáo thị, cậu ta cười, xoắn bộ ria mép, tự ngấm ngấm đôi tay nổi gân cuồn cuộn của mình rồi xoay rìu hai

vòng trên đầu và chặt ngay một trong những cành to nhất của cây sồi quái quỷ.

Nhưng ngay lập tức hai cành khác lại mọc ra, to và chắc hơn cành kia. Thế là lính gác của nhà vua bèn tóm lấy và ngay lập tức cắt hai tai anh chàng.

– Anh đúng là đồ vụng về. - Pablo nói với anh trai.

Song cậu ta cũng lấy rìu ra, vội vàng chặt ngay một khúc rễ to. Ngay lập tức hai rễ khác lại từ đất chui lên, to hơn cả cái rễ đã bị chặt mất. Nhà vua nổi giận, ra lệnh tóm lấy anh chàng khốn khổ cắt tai vì tội không biết trông gương anh trai mình.

Trông thấy nhà vua trừng phạt hai anh, cậu em út Tí hon vẫn không hề run rợ. Cậu quả quyết tiến về phía cây sồi.

– Đuổi tên yếu tướng kia ra ngay cho ta!- Nhà vua hét lên. - Nếu hần mà cưỡng lại thì xẻo tai hần ngay đi!

– Xin Bệ hạ thứ tội! -Tí hon thưa. - Bệ hạ là vua mà lời vua ban thì là luật định. Bệ hạ đã ban lệnh và hạ thần có quyền được thử sức. Nếu hạ thần không làm được thì mới là lúc Bệ hạ cho cắt tai thần chứ ạ.

– Vậy thì nhà ngươi thử đi, nhưng cẩn thận đấy, kéo ta lại cho cắt nốt cả cái mũi nhà ngươi đấy.

Tí hon lôi từ trong đáy cái túi da to ra cái rìu thần còn to hơn cả cậu. Tí hon liền hô:

– Rìu ơi! Chặt đi! Chặt đi!

Thế là rìu ra sức cắt, đẽo, bổ, hạ, hét bên trái lại bên phải, lên trên rồi xuống dưới. Thân cây, cành, rễ cây sồi đều bị chặt tơi tả. Gỗ chặt ra nhiều đến mức đủ dùng cho cả triều đình sưởi ấm trong suốt cả năm.

Sau khi cây sồi phiên toái đã bị chặt trụi, Tí hon tiến tới chỗ nhà vua đang ngồi, bên cạnh ngài là công chúa xinh đẹp, lịch thiệp cúi chào.

– Tâu Bệ hạ, vậy bây giờ Bệ hạ cho phép bầy tôi này được đào giếng ở chỗ nào đây ạ?

Nhà vua chấp thuận và cả đám quần thần cùng theo ngài đi tới phía sân lớn của cung điện. Nhà vua an tọa trên cao nhất để tiện theo dõi xem chuyện gì sẽ xảy ra. Còn công chúa ngồi dưới cha mình một bậc. Nàng sợ hãi nhìn anh chàng bé tẹo dưới kia, người mà rất dễ trở thành phò mã tương lai. Nàng chưa từng tưởng tượng sẽ gắn bó đời mình với đảng phu quân quá nhỏ bé như vậy.

Không hề nao núng, Tí hon lôi cuốc thần từ trong cái túi bao da của mình, lẳng lẳng tra cán cuốc rồi đặt cuốc vào đúng chỗ nhà vua ban lệnh đào giếng.

– Cuốc thần ơi! Đào đi! Đào đi!

Thế là cuốc thần đập đá hoa cương tan ra từng mảnh và trong vòng chưa tới mười lăm phút đã đào xong cái giếng sâu trăm thước.

– Tâu Bệ hạ, Bệ hạ thấy cái bể chứa này đã đủ sâu chưa ạ?

– Sâu thì sâu đấy, - nhà vua nói, - nhưng làm gì có nước.

– Sẽ có nước ngay thôi thưa Bệ hạ. - Tí hon nhanh miệng đáp lời. Vừa nói, cậu vừa lôi trong cái túi da to ra miếng vỏ hồ đào cuộn rêu, phủi hết lớp rêu rồi cậu đặt nó xuống cái bồn chứa nước to trồng đầy hoa. Khi cái vỏ hồ đào cắm sâu vào trong đất, cậu bèn hô to:

—Phun nước ra đi! Phun nước ra đi!

Và thế là nước phun lên giữa đám hoa trong tiếng rì rào như hát và trút xuống ào ào như mưa rơi, như thác đổ, mát đến nỗi cả triều đình thấy lạnh và nhiều đến nỗi chỉ mười lăm phút sau, cái giếng đã đầy nên phải đào ngay một dòng suối nhỏ để dẫn nước đi.

- Tâu Bệ hạ, - Tí hon kính cẩn quỳ xuống trước ngai vua. - Bệ hạ thấy hạ thần đã thực hiện đúng điều Người mong muốn chưa ạ?

- Được, hầu tước Tí hon. - Nhà vua đáp. - Ta sẵn sàng nhường lại cho người một nửa vương quốc, hoặc ban cho nhà người một khoản lớn giá trị bằng nguồn thuế mà các thần dân trung thành của ta rất sẵn lòng đóng góp, nhưng còn việc gả công chúa cho nhà người thì ta không quyết được vì điều đó không chỉ phụ thuộc vào ta.

- Xin thưa, vậy thì hạ thần phải làm gì ạ? - Tí hon đường hoàng hỏi, tay chống nạnh, nhìn thẳng vào công chúa.

- Ngày mai nhà người sẽ biết. - Nhà vua nói tiếp. - Trong khi chờ đợi, người là thượng khách của ta, hãy về nghỉ ngơi đi. Ta sẽ sai quân hầu chuẩn bị cho người căn phòng tiện nghi nhất trong lâu đài.

Nhà vua đi rồi, Tí hon bèn chạy lại chỗ hai người anh giờ trông như mấy chú chó săn chuột bị cắt tai.

- Thế nào, các anh? - Cậu nói. - Các anh thấy không, có gì là sai nếu ta muốn biết và tìm hiểu mọi thứ?

- Nhóc gặp may thôi. - Pablo lạnh lùng trả lời. - Đúng là chó ngáp phải ruồi.

- Chú em làm tốt lắm. - Pedro nói. - Dù còn hay không còn tai

thì anh xin chúc mừng chú em. Giá mà cha chúng ta có ở đây để xem chú em giỏi thế nào.

Tí hon dẫn hai người anh đi cùng về lâu đài nơi có chiếc giường sang trọng và êm ái nhất đang đợi họ.

* * *

Đêm đó nhà vua đầy lo âu thấp thỏm nên không tài nào chợp mắt được. Không phải nhà vua tiếc giải thưởng quá lớn mà vì ngài chẳng thích có chàng rể như Tí hon chút nào. Ngài tìm cách để không phải giữ lời hứa. Trong đầu nhà vua vẫn còn bị ám ảnh bởi những lời của hầu tước Tí hon: «Bệ hạ là vua mà lời vua ban thì là luật định.»

Nhà vua cho gọi Pedro và Pablo; chỉ có hai người anh của Tí hon mới có thể cho ngài biết xuất thân, tính cách và thói quen của Tí hon. Pedro khen ngợi cậu em, làm cho nhà vua chẳng thích thú gì, còn Pablo thì làm ngài thấy nhẹ người hơn khi mách lẻo rằng Tí hon chỉ là một kẻ thông thái rởm, ngớ ngẩn, lại thích tò mò, chẳng được tích sự gì, còn xấu xa độc ác, làm sao có thể xứng đáng với công chúa lá ngọc cành vàng. Thế nên theo Pablo, nhà vua chẳng việc gì phải giữ lời. Hắn nói thêm: «Thưa Bệ hạ, thằng nhóc này kiêu căng đến mức nó tưởng rằng có thể đương đầu với cả gã khổng lồ. Ở gần đây, có một con quỷ khổng lồ làm dân quanh vùng ai cũng khiếp sợ. Nó bắt hết cừu và bò để ăn thịt. Thế mà thằng nhóc luôn khoác lác là nếu muốn, nó có thể bắt con quỷ đó làm người hầu cho nó.»

– Để rồi xem! - Nhà vua có vẻ an tâm. Sau đó ông mới yên

lòng ngủ ngon. Trong giấc mơ ông còn tằm tằm cười cứ như là đang mơ thấy điều gì thú vị lắm.

Ngày hôm sau, khi bình minh lên, nhà vua cho gọi Tí hon tới. Cậu diện kiến nhà vua với phong thái rạng rỡ như sáng sớm, phấn khởi và tự nhiên như bầu trời, tươi tắn như hoa.

- Đây phò mã của ta, - Nhà vua nói. - Một người đàn ông hoàng như người thì không thể nào cưới công chúa quyền quý cao sang mà không lo nổi cho con gái ta một ngôi nhà xứng với nàng. Trong rừng quanh đây có con quỷ theo như người ta nói thì cao tới hai mươi thước và cứ mỗi bữa trưa phải ăn hết một con bò. Nó mà khát nước thì ăn hết cả bãi dưa hấu. Nếu cho nó mặc bộ đồ có dải trang sức, đội mũ ba chỏm, ngù vai vàng và cầm cái mâu dài cỡ mười lăm thước thì trông ra đáng tên hầu đầy. Ta ra điều kiện cho người phải đem tên khổng lồ đó về làm người hầu cho con gái ta, như thế thì mới biết liệu con gái ta có thuận lòng làm vợ người hay không.

- Thừa Bệ hạ, điều này không dễ chút nào.- Tí hon đáp lời. - Nhưng hạ thần sẽ cố gắng để đem tên khổng lồ đó về đây cho công chúa. Thần sẽ biến nó thành tên hầu mặc bộ đồ có dải trang sức, đội mũ ba chỏm, ngù vai vàng và cầm cái mâu dài cỡ mười năm thước như Bệ hạ chỉ thị ạ.

Cậu đi xuống gian bếp, cho chiếc rìu thần vào túi bao da, với một chiếc bánh mì, một mẩu pho mát và con dao, rồi khoác túi lên vai. Cậu lên đường vào rừng tìm gã khổng lồ. Pedro thì khóc, Pablo thì mỉm cười thỏa mãn và mong rằng, cậu em ra đi mà không trở lại.

Khi Tí hon vào tới rừng, cây cối um tùm rậm rạp khiến cậu

không thể nhìn thấy gì. Cậu bèn hát to:

Ơi quý dữ, quý dữ!

Quý dữ đâu rồi?

Ta đến đây để sống mái với người!

– Ta đây. - Con quý khổng lồ gầm lên nghe thật kinh rợn. -
Cứ đợi đấy, ta chỉ ngoạn người một miếng là xong.

– Đừng vội, đừng vội thế anh bạn. - Tí hon cất tiếng lạnh
lãnh như sáo. - Ta có một giờ để nói chuyện với người.

Khi con quý tới, nó quay đầu tứ phía mà chẳng thấy gì. Thế
rồi nó đưa mắt nhìn xuống thì thấy một cậu bé ngồi trên cái cây
bị đổ, hai đầu gối kẹp cái túi da to, nom bé tẹo như chú chim sẻ.

– Có phải người là kẻ đã phá giấc ngủ của ta không, đồ đáng
ghét kia? - Con quý trừng đôi mắt rực lửa hỏi Tí hon.

– Chính ta đây, anh bạn thân mến, - Tí hon nói. - Ta đến để
mang anh bạn về làm người hầu cho ta đây.

– Ái chà chà! Chỉ cần cái ngón tay của ta là đủ để quăng người
vào ổ quạ đằng kia. Để cho người chữa cái thói rình mò trong
rừng của ta.

– Rừng của người ư? - Tí hon hỏi lại. - Rừng là của ta thì đúng
hơn là của người. Nếu người còn nói một lời nào nữa thì ta sẽ
san phẳng khu rừng này trong vòng mười lăm phút.

– Ái chà chà! Để xem người làm được gì nào. - Gã khổng lồ
nói.

Tí hon rút rìu trong túi bao da ra và hô:

– Rìu ơi! Chặt đi! Chặt đi!

Thế là chiếc rìu cắt, đẽo, bổ, hạ, hết bên trái lại bên phải, lên

trên rồi xuống dưới. Cành cây trút xuống đầu con quỷ ào ào như mưa đá.

– Đủ rồi, đủ rồi. - Con quỷ sợ hãi hét lên. - Đừng phá rừng của ta nữa. Vậy người là ai?

– Ta là phù thủy Tí hon nổi tiếng. Ta chỉ cần nói một lời là cái rìu của ta sẽ bổ cái đầu người ra. Người còn chưa biết ta là ai đâu. Cứ ở đó.

Gã khổng lồ dừng lại, hai tay giơ lên. Tí hon lúc này đang đói nên mở cái túi da to lôi bánh mì và pho mát ra ăn.

– Mà ăn thứ gì mà trắng trắng vậy?- Con quỷ hỏi vì nó chưa bao giờ nhìn thấy pho mát.

– Đó là viên đá. - Tí hon nói rồi cắn một miếng to. - Đây là món ăn yêu thích của ta. Vì thế nên ta khỏe hơn người nhiều, không béo ú to xác như người, vì người chỉ toàn ăn cừu và bò. Nào, bây giờ thì đưa ta đến nhà của người đi.

Con quỷ răm rắp nghe theo như một chú cún. Nó dẫn Tí hon đi tới ngôi nhà rộng thênh thang của nó. Cái nhà to tới mức chứa đủ được một cái thuyền với ba cột buồm, ban công to như cái rạp hát bỏ không.

– Nghe này. - Tí hon nói với gã khổng lồ. - Một trong hai chúng ta làm chủ, còn người kia làm kẻ hầu. Chúng ta thỏa thuận thế này nhé. Nếu ta không làm được điều người làm, ta sẽ làm người hầu của người, còn nếu người không làm được điều ta làm, người phải làm người hầu hạ của ta, tuân lệnh ta.

– Được. - Con quỷ đồng ý. - Ta cũng muốn có một tên hầu ranh ma như người. Mỗi khi phải suy nghĩ ta thấy mệt đầu lắm. Người thừa khôn ngoan để suy nghĩ thay ta. Bắt đầu nhé, đây là

hai cái xô. Người đi lấy nước cho ta để nấu ăn, mau lên.

Tí hon ngẩng đầu nhìn hai cái xô. Đó là hai cái thùng to dùng cao tới mười thước và rộng sáu thước. Cậu chết đuối trong ấy còn dễ hơn là vác được chúng.

- Ái chà chà! - Con quỷ ngoác miệng nói. - Thấy khó rồi phải không, anh bạn? Nào, đi lấy nước ngay đi.

- Cần gì phải thế? - Tí hon nhanh trí đáp lời. - Người là quái vật to dùng thì mới vác được chứ. Còn ta, ta sẽ chạy ra suối mang nước về cho vào nồi, xong ngay ấy mà.

- Ôi không. - Con quỷ kêu lên. - Người đã phá hết rừng của ta rồi, ta không muốn người đục vào suối nguồn của ta, ngày mai ta sẽ chẳng còn nước mà dùng. Nhóm lửa đi, ta sẽ đi lấy nước.

Tí hon nhóm lửa. Còn con quỷ thì treo nồi lên bếp xong, rồi vớt vào nồi một con bò, cắt thịt thành từng miếng, cùng với một gánh bắp cải và bốn giỏ cà rốt. Nó dùng một cái chảo to để hớt bọt và liên tục nếm thử, rồi cho thêm muối và bột xạ hương vào cho tới khi vừa miệng mới thôi.

- Giờ chúng ta ngồi vào bàn ăn thôi. - Con quỷ nói. - Để xem người có làm được điều ta làm không. Còn ta, ta có thể ăn hết cả con bò này, rồi ăn thêm cả người nữa. Người sẽ là món tráng miệng ngon tuyệt.

- Được thôi anh bạn! - Tí hon đáp thản nhiên. Nhưng trước khi ngồi xuống, anh chàng tinh ranh còn nhét vào dưới áo khoác cái túi da to dài từ cổ tới chân.

Thế là cả hai ngồi ăn. Con quỷ cứ ăn mãi, ăn mãi. Tí hon cũng luôn tay, nhưng là để vớt thịt, bắp cải và cà rốt vào trong cái túi.

- Ôi! - Gã khổng lồ nói. - Ta không thể chịu được nữa, ta sẽ

cởi một cục áo vét.

– Vậy thì hãy nhìn ta đây, tên khổng lồ bất hạnh kia! - Tí hon vừa kêu vừa nhét cả cái bắp cải vào túi da.

– Ôi! - Con quỷ kêu lên. - Ta phải cởi cái cục áo thứ hai. Dạ dày người đúng là dạ dày đà điểu. Thảo nào mà người quen ăn đá.

– Ăn đi, đồ lười. - Tí hon vừa nói vừa nhét một mẩu thịt bò to vào túi da.

– Ôi! - Con quỷ thốt lên. - Ta phải cởi thêm cái cục nữa, ta nghẹn mất. Làm sao mà người tài thể hả đồ phù thủy kia?

– À! - Tí hon tỉnh bơ. - Nếu cần thì cứ việc nới bụng ra thôi mà.

Cậu cầm con dao rạch chiếc áo khoác và cái túi dọc theo dạ dày.

– Tới lượt người đây. - Tí hon nhìn con quỷ đầy thách thức. - Mau rạch bụng nới dạ dày cho ta xem nào.

—Thưa chủ nhân. - Con quỷ đành chịu thua cuộc. - Ta thà làm đầy tớ cho người còn hơn. Ta không tài nào nuốt nổi những cục đá.

Con quái vật khổng lồ nổi tiếng hung hăng cuối cùng cũng chịu phục tùng anh chàng Tí hon. Rồi nó vác cậu chủ bé nhỏ lên một bên vai, vai kia là túi vàng to, đi về phía cung điện của nhà vua.

* * *

Trong lâu đài người người ăn mừng như mở hội, và chẳng ai thèm nghĩ tới Tí hon, người đã có công đem tới nước và ánh sáng cho cung điện. Bỗng dưng, mọi người nghe thấy tiếng âm âm rất khủng khiếp. Toàn bộ tường bao quanh lâu đài rung chuyển như có bàn tay khổng lồ nào đó đang lung lay cả thế giới. Hóa ra là tại con quỷ thấy cái cửa quá nhỏ nên dùng chân đá văng xuống đất.

Ai nấy đều chạy ra cửa sổ ngó xem có chuyện gì. Tất cả đều kinh ngạc khi trông thấy Tí hon đang ung dung ngồi trên vai gã hầu khủng khiếp. Đầu nó chạm vào ban công lâu đài. Anh chàng phiêu lưu đường hoàng bước vào ban công và quỳ gối trước công chúa xinh đẹp:

– Thưa công chúa, nàng muốn hạ thần tìm cho nàng một kẻ hầu, nhưng hôm nay có tận hai kẻ bầy tôi xin theo hầu nàng đây.

Câu nói lịch thiệp này ngày hôm sau được đưa vào bản tin chính thức của tờ báo Hoàng cung, và khiến nhà vua phải bối rối vì chẳng còn biết tìm ra cớ gì nữa mà từ chối anh chàng láu lĩnh này. Ngài ngậm ngùi nói khẽ với con gái:

– Con gái ơi - nhà vua nói, - cha chẳng còn cớ gì để không gả con cho chàng trai gan dạ này. Con hãy hi sinh vì quốc gia đại sự nhé.

– Thưa cha, - công chúa đáp lời, - dù là công chúa hay là con gái của một bác nông dân nghèo đi nữa, thì con vẫn muốn gửi gắm đời mình cho người mà con yêu thương. Xin cha hãy để con được tự quyết định cuộc sống của mình.

– Chàng hầu tước, - nàng đồng dạc nói, - ta nhận thấy chàng

là người dũng cảm và cũng may mắn. Nhưng như thế chưa đủ để vừa lòng các quý cô đâu.

- Hạ thần hiểu rõ điều đó thừa công chúa, bà chủ của tôi. - Tí hon nói. - Còn phải biết làm vừa lòng và chiều theo những sở thích đồng đảng của họ nữa.

- Hầu tước quả là thông minh. - Công chúa trả lời. - Ta đoán rằng hầu tước là người thông minh và nhanh nhạy, nên ta muốn đưa ra thử thách cuối cùng. Thử thách này chẳng có gì đáng sợ, vì chính ta sẽ là địch thủ của chàng. Chúng ta cùng đua tài xem ai khôn khéo hơn ai nhé. Nếu ta thua thì ta sẽ thuận theo chàng.

Tí hon cúi gập người cúi chào công chúa đầy vẻ tôn kính. Cả triều đình cùng kéo xuống gian thiết triều. Ai nấy đều kinh hoàng thấy con quỷ ngồi bệt dưới đất, cái mâu đặt ở trước, còn mũ thì để ở đầu gối vì gian phòng quá thấp so với nó khiến nó không thể đứng thẳng người được. Tí hon ra hiệu bảo con quỷ bò lom khom tới phía cậu. Con quỷ thì vui sướng và hãnh diện vì được phục tùng cậu chủ tài giỏi.

- Chúng ta hãy bắt đầu bằng một trò rất hay nhé. - Công chúa mở lời. - Người ta thường nói phụ nữ thường hay nói khoác. Để xem ai trong chúng ta chịu được lời nói khoác giỏi hơn. Người nào mà nói trước là: «Nói khoác quá!» sẽ là người thua cuộc.

- Thần tuân lệnh! Thừa công chúa. - Tí hon tự tin đáp lời. - Dù là phải nói đùa hay nói lời chân thật bằng cả tấm lòng thần.

- Ta tin chắc là cha chàng không nhiều đất đai như cha ta. Trang trại nhà ta rộng tới mức mà hai người mục đồng cùng thổi tù và trên trang trại, thì người này không thể nghe thấy

người kia.

- Thế đã ăn thua gì. - Tí hon nói.- Trang trại của cha thần to tới mức chú bò tơ hai tháng tuổi vào cửa này thì khi ra cửa kia của trang trại, nó đã thành bò cái cho sữa rồi.

- Ta chẳng ngạc nhiên! - Công chúa nói. - Nhà chàng không có con bò mộng to bằng bò của nhà ta. Hai người đàn ông có thể ngồi lên hai bên sườn của nó và hai người này không thể chạm vào nhau bằng que thúc bò dài cỡ hai mươi thước.

- Thế đã ăn thua gì! - Tí hon nói.- Cha thần có nuôi một con bò đực mà đầu nó rộng tới mức một người hầu ngồi trên sườn này thì không thể thấy người kia ngồi trên sườn bên kia.

- Ta chẳng ngạc nhiên. - Công chúa nói.- Bò nhà chàng nuôi không thể nào cho nhiều sữa như bò nhà ta. Ngày nào nhà ta cũng vắt sữa đầy hai mươi thùng, rồi chất một núi pho mát cao chẳng kém gì kim tự tháp Ai Cập.

- Thế đã ăn thua gì. - Tí hon nói. - Trong chuồng bò nhà thần, người ta làm những miếng pho mát to tới mức một hôm, con ngựa cái nhà thần rơi vào cái khuôn làm pho mát, phải đi mất cả tuần mới tìm lại được nó, đã thế con vật tội nghiệp còn bị gãy xương. Thần buộc phải thay xương sống lưng của nó bằng một cây thông to, mọi việc thế là đầu vào đấy. Nhưng một sáng kia, cây thông mọc ra một cái cành cao đến nỗi khi leo lên, thần lên tới trời luôn. Ở đó, thần chợt thấy một người đàn bà xe sợi bằng bọt biển, nên thần muốn lấy một ít, sợi dây đứt và thần bị rơi xuống một hang chuột. Ở đây thần nhìn thấy cha nàng và mẹ thần đang ngồi xe sợi, nom như hai cụ già vậy. Cha nàng vựng quá nên mẹ thần liền tát cho ông một cái làm rụng cả râu.

– Nói khoác quá! - Công chúa tức giận kêu lên. - Không bao giờ cha ta phải chịu sự sỉ nhục như thế.

—Cậu chủ, cậu chủ ơi! - Tên hầu khổng lồ hét lên.- Công chúa nói trước rồi, công chúa thua rồi nhé. Công chúa thuộc về chúng ta rồi.

* * *

– Chưa đâu, - Công chúa đỏ bừng mặt. - Ta có ba câu đố cho chàng, nếu chàng đoán ra thì ngay lập tức ta sẽ đồng ý cưới chàng. Đố chàng biết cái gì cứ rơi mãi mà không vỡ?

– À! - Tí hon trả lời. - Mẹ ta đã dạy ta điều này từ lâu rồi: đó là thác nước.

– Đố chàng biết, - Công chúa bắt đầu run. - Cái gì ngày nào cũng đi trên một con đường mà không bao giờ đi ngược trở lại?

– À! - Tí hon lập tức đưa ra câu trả lời. - Mẹ ta đã dạy ta điều này từ lâu rồi: đó là mặt trời.

– Được lắm!- Công chúa nói, mặt tái đi vì tức giận.- Còn một câu cuối cùng. Chàng nghĩ tới điều gì mà ta không nghĩ tới? Điều gì ta không nghĩ tới mà chàng lại nghĩ tới? Điều gì mà cả hai chúng ta đều nghĩ tới? Điều gì mà cả hai chúng ta đều không nghĩ tới?

Tí hon cúi đầu suy nghĩ, vẻ bối rối.

– Cậu chủ ơi! - Con quỷ nói. - Nếu điều này khó quá thì xin người cũng đừng nhọc tâm làm gì. Chỉ cần người ra hiệu, kẻ hầu hèn mọn này sẽ mang công chúa đi, mọi chuyện sẽ kết thúc

ngay.

– Người im đi!- Tí hon xẵng giọng.- Sức mạnh chẳng ích gì, anh bạn ạ. Rồi anh bạn sẽ thấy. Ta sẽ tìm câu trả lời xem sao.

– Thừa công chúa, - Cậu nói trong khi xung quanh lặng ngắt như tờ. - Hạ thần không dám đoán liều, tuy nhiên, trong câu đố này, thần thoáng thấy có chút cơ may cho mình. Thần mạo muội nghĩ rằng những lời nói của nàng không có gì là mập mờ đối với thần, còn nàng thì lại nghĩ điều ngược lại. Nàng có lòng tốt để tin rằng thần không đến nỗi không xứng đáng làm nàng hài lòng, còn thần thì không dám liều lĩnh nghĩ về điều đó. Cuối cùng, - Tí hon mỉm cười nói thêm, - điều mà cả hai chúng ta không nghĩ tới, đó là đức vua, người cha uy nghi của nàng, và con quỷ tội nghiệp này lại....

– Xin chàng đừng nói nữa! - Công chúa ngắt lời.- Ta thuận theo chàng.

– Các người nghĩ gì về ta vậy? - Nhà vua kêu lên. - Ta sẽ rất vui nếu được biết.

– Thừa cha, - Công chúa vừa nói vừa bá cổ cha. - Chúng con nghĩ cha là nhà vua sáng suốt nhất và là người tốt nhất trên đời ạ.

– Tốt lắm! -Nhà vua nói. - Ta biết thế. Trong khi chờ đợi, ta nghĩ phải làm điều gì đó cho thần dân tốt của ta. Tí hon, ta phong cho người làm quận công.

– Quận công muôn năm! Cậu chủ muôn năm! - Con quỷ khổng lồ kêu to đến nỗi người ta tưởng như sấm sét đánh xuống nhà. May là mọi người chỉ bị một phen hoảng sợ, còn kính thì bị thổi bay khỏi cửa sổ.

* * *

Kể chuyện về đám cưới của công chúa và Tí hon thì cũng chẳng có gì mới mẻ, vì đám cưới nào cũng như nhau cả thôi, chỉ có những gì diễn ra sau đám cưới mới đáng chú ý. Quan trọng là hôn nhân có hạnh phúc không, vợ chồng đối xử với nhau ra sao, có yêu thương nhau không hay ai cũng ích kỷ và chỉ biết nghĩ tới bản thân mình.

Truyện kể rằng sự hiện diện của con quỷ khổng lồ đã mang lại biết bao điều thú vị cho ngày lễ tuyệt vời đó. Trong cơn vui bốc đồng, gã khổng lồ trung thành chẳng biết có trò gì vui hơn là đặt cái mũ ba chỏm của nó lên tất cả cây cối trên đường đi mà nó nhìn thấy. Rồi khi xuất hiện cỗ xe cưới đẹp long lanh làm bằng ngọc trai tinh khiết với bốn chú ngựa kéo thuần phục như chim bồ câu, con quỷ đội cả cỗ xe lên đầu. Nó vừa đi vừa reo mừng cho tới khi đưa phò mã và công chúa tới cung điện, như người mẹ âu yếm đặt đứa con thơ vào chiếc nôi bé bỏng. Đây mới là điều đáng nói vì không phải là chuyện thường ngày.

Buổi tối, cả lâu đài mở hội. Nào là yến tiệc, diễn văn, thơ ca chúc tụng đôi trẻ. Trong vườn thượng uyển treo điện lấp lánh, pháo hoa bùng sáng, vô vàn hoa tươi rực rỡ sắc màu, không thiếu thứ gì cho một lễ hội trang trọng. Ai nấy đều vui mừng. Trong lâu đài, mọi người cười nói, ca hát, ăn uống, trò chuyện trên nền nhạc du dương với dàn nghệ sĩ mặc áo lụa xanh có cài hoa violet.

Thế nhưng có một người trốn trong một xó, chẳng nói lời nào mà cũng chẳng hát ca reo hò. Đó chính là Pablo, người anh vàng

vọt, hần học và đầy đồ ky. Pablo xấu tính bị cắt tai và không thể chứng kiến giờ phút hạnh phúc của cậu em trai Tí hon. Thế rồi, hần ta bỏ trốn vào rừng để khỏi phải nghe, phải nhìn cảnh đó và bị lũ gấu ăn thịt.

Tí hon bé nhỏ quá nên thật khó để được cận thần coi trọng, thậm chí họ còn coi chàng như trò cười. Nhưng tính cách nhã nhặn và dịu dàng đã giúp chàng phò mã nhanh chóng chinh phục được tình yêu của vị hôn thê và tình cảm của toàn bộ dân chúng. Sau khi đức vua qua đời, Tí hon lên ngôi và trị vì trong vòng năm mươi hai năm mà không ai nổi dậy chống lại vị vua Tí hon. Theo như người đời truyền tụng lại thì Tí hon là vị vua rất được lòng quần thần và dân chúng. Ông vua Tí hon không giống như những ông vua khác, không bao giờ lấy tiền của dân chúng nghèo khó để ban phát cho những kẻ lười nhác chỉ biết hưởng thụ hay những vũ công mua vui cho hoàng cung. Điều duy nhất nhà vua mong muốn là đem lại hạnh phúc cho thần dân. Trên đời này chẳng có đấng quân vương nào tốt bụng và nhân từ như Tí hon.

Nhưng ca ngợi lòng tốt của Tí hon mà làm gì nhỉ? Đó chẳng phải là phẩm chất của người có trí tuệ hay sao? Kẻ dốt nát thì chẳng thể là người tốt, và người tốt thì chẳng bao giờ là ngu dốt cả. Có tài năng thì có tấm lòng và có tấm lòng ắt có tài năng. Những kẻ xảo quyệt chỉ là những kẻ khờ khạo. Người tốt là người biết nghĩ suy sâu xa. Đây là bài học rút ra từ câu chuyện này. Nếu ai tìm ra được ý nghĩa hay hơn thì hãy tới thành Rome để kể.

Những Trò Chơi Xưa Và Nay

“Ghép đuôi lừa” là tên gọi của một trò chơi đang rất phổ biến ở Mỹ. Vào mùa hè, nếu nghe nhà ai đó rộn rã tiếng cười thì người ta nghĩ ngay đến trò chơi này. Trò “Ghép đuôi lừa” không chỉ cuốn hút trẻ con mà cả người lớn, vì nó vừa thú vị lại dễ chơi. Chỉ cần chuẩn bị một tờ giấy khổ to hay một mảnh vải trắng để vẽ một chú lừa với kích cỡ như chú chó. Người ta không dùng than đá mà là than củi, loại than thu được sau khi đốt gỗ từ thân cây trong lò đất. Hoặc có thể dùng bút lông chấm mực để vẽ, nhưng không phải tô đen cả bên trong hình con lừa mà chỉ tô viền ngoài. Và lưu ý là chỉ vẽ phần thân lừa chứ không vẽ cái đuôi. Riêng cái đuôi thì phải vẽ vào một mảnh giấy hoặc mảnh vải khác, sau đấy cắt hình cái đuôi đó làm sao để trông giống y như cái đuôi thật. Chỉ từng bước chuẩn bị như thế là bắt đầu trò chơi được. Và cách chơi là phải ghép cái đuôi được cắt rời vào đúng vị trí trong tranh vẽ hình con lừa không đuôi. Nghe vậy mà chẳng hề đơn giản chút nào, vì người chơi sẽ bị bịt mắt và quay ba vòng, sau đó mới được di chuyển để tìm hình vẽ con lừa. Trò chơi rất buồn cười vì người thì đặt cái đuôi ở móng chân, sống lưng hay trán của con lừa, rồi có người thì lại ghép cái đuôi lên cánh cửa vì cứ tưởng đó là bức tranh vẽ con lừa.

Nhiều người cho rằng “Ghép đuôi lừa” là trò chơi mới ở Mỹ nhưng trên thực tế nó đã có từ lâu. Có thể hiểu trò ghép đuôi lừa là một dạng cách điệu của trò chơi “Con gà mù”. Thật ngạc

nhiên khi trẻ con thời nay lại chơi giống trẻ con ngày xưa, và con người sinh ra ở những thế hệ khác nhau, ở những thời đại khác nhau, mà lại chơi những trò chơi giống nhau như thế. Hy Lạp và La Mã là hai dân tộc tồn tại cách đây hai nghìn năm và là xứ sở của muôn vàn câu chuyện kỳ diệu và thú vị. Ngày xưa, các bé trai La Mã cũng chơi bóng giống như chúng ta bây giờ, còn các bé gái Hy Lạp thì cũng thích chơi búp bê có mái tóc nom như thật. Quan sát bức tranh, chúng ta có thể thấy các bé gái đặt búp bê yêu quý trước tượng nữ thần Diana, một trong những vị thần của người Hy Lạp lúc bấy giờ. Các bé gái cầu xin nữ thần Diana chở che để các em luôn bình an và xinh đẹp. Không chỉ có vậy, trong tranh còn có chàng ngự lâm quân đang ngược nhìn bức tượng nữ thần Diana với gương mặt của vị hoàng đế, và mang tới cho nữ thần cỗ xe bằng gỗ xinh xắn để lên núi đi săn mỗi sáng. Thực ra trên đời này không hề có nữ thần Diana hay bất kỳ một vị thần nào khác mà người Hy Lạp thường kính cẩn cầu nguyện và hết lời ngợi ca trong những lễ rước và những áng thơ ca đồ sộ. Người dân Hy Lạp, cũng như những dân tộc khác sinh ra trên đời này, luôn tin rằng mình chính là chủ nhân của thế giới bao la. Trẻ thơ cũng suy nghĩ như vậy. Tất cả đều tin rằng ánh nắng hay cơn mưa rơi xuống là từ trên trời cao với với, và từ mặt đất rộng bao la người ta trồng ra lúa mì và ngô. Người Hy Lạp tạ ơn trời đất đã ban cho họ chim muông, thú rừng để ăn, nên họ đặt tên những vị thần cai quản bầu trời, mặt đất và sông núi, bằng tên của con người. Theo tưởng tượng của họ, thần linh nom cũng giống như người thật. Sở dĩ lại tồn tại quan niệm đó vì người ta tin rằng các vị thần cũng có cảm xúc, suy nghĩ và ước muốn như người trần. Diana chính là thần núi và tài bảo

tàng Louvre ở thủ đô Paris của nước Pháp có trưng bày pho tượng Diana tuyệt đẹp trong tư thế đi săn cùng một chú chó. Bức tượng nom tự nhiên như thật. Người ta khắc đôi chân của nữ thần Diana như đôi chân của người thường nhưng săn chắc, vạm vỡ hơn để khách tham quan có thể cảm nhận đây chính là vị thần săn bắn. Các bé gái Hy Lạp thì rất yêu quý búp bê, các em coi là vật bất ly thân; thậm chí nếu chẳng may bé gái nào mất đi, người ta mai táng em cùng với cả búp bê để thể hiện tình cảm gắn bó với thứ đồ chơi rất dễ thương này.

Không phải trò chơi nào cũng có từ lâu như trò chơi bóng, bắn bi, búp bê, bóng gậy, bóng đá, đu quay hay nhảy dây. Trò chơi “Con gà mù” ra đời cách đây không quá lâu, mặc dù ở Pháp, cách đây hàng nghìn năm, người ta cũng từng chơi một trò tương tự. Trẻ em không hiểu tại sao phải bịt mắt khi chơi trò này. Thực ra trò chơi dựa trên một điển tích về chàng kỵ binh dũng cảm người Pháp tên là Collin Maillard. Trong một lần ra trận, chàng Collin bị thương mù cả hai mắt, thế nhưng chàng vẫn không chịu buông kiếm mà vẫn quyết chiến đấu tới cùng. Để người đời ghi nhớ công ơn của chàng, nhà vua ra luật về trò đánh trận giả. Nguyên tắc là các kỵ binh phải bịt mắt cưỡi ngựa khi tham chiến. Vậy nên trò chơi “Con gà mù” bắt nguồn từ điển tích xa xưa đó.

Xin kể ra đây một trò chơi khác, hay nói đúng hơn là một thú vui chẳng có vẻ gì là nghiêm túc cả. Đó là trò vui quen thuộc của đám quý tộc thân cận hoàng đế người Pháp Enrique đệ tam. Vua Enrique đệ tam là một ông hoàng hết sức lố bịch, chẳng biết làm gì ngoài việc suốt ngày chải chuốt, đánh phấn như phụ nữ và mân mê tĩa tốt bộ râu quai nón; hơn nữa lại chẳng hề quả cảm

và độ lượng như vua Enrique đệ tứ của xứ Navarra. Ngày này qua ngày khác, cuộc sống của đám quần thần trong hoàng cung cứ thế trôi đi, chỉ quanh quẩn với những trò vui và ghen tức với những anh hề biểu diễn trong cung đình. Những chú hề rất ghét bọn quý tộc rồi việc, suốt ngày chỉ biết tiêu khiển thời gian bằng các thú vui. Họ không ngại nói thẳng vào mặt những kẻ lười nhác đó. Nước Pháp thời ấy bị nhấn chìm trong nghèo đói. Người dân bản hàn phải cật lực lao động đóng thuế cho nhà vua và đám quý tộc để đám người này tha hồ sắm sửa những thanh kiếm có chuôi vàng, thỏa sức ăn vận lụa là gấm vóc. Vậy mà không một tờ báo nào dám nói lên sự thật. Có thể coi diễn viên hề như là trang báo, vì họ tới hoàng cung không chỉ để diễn trò mua vui, mà qua vở diễn cùng cách kể chuyện hài hước, họ nói ra sự thật về những gì diễn ra trong xã hội cho nhà vua và đám cận thần nghe. Thường thì các chú hề mang bộ dạng rất xấu xí, có thể to béo, gầy gò, hay ốm yếu, gù lưng. Một trong những bức tranh phản ánh rõ ràng nhất tình hình u ám của xã hội bấy giờ là tác phẩm Những chú hề của họa sĩ người Tây Ban Nha Zamacois. Những anh hề đáng thương được nhà vua gọi tới làm trò mua vui. Trong lúc chờ ra sân khấu biểu diễn, họ được chuẩn bị trang phục có gắn chuông nhỏ và thêm cả chỏm mũ, nom như những con khỉ và vẹt biết nhại tiếng người.

Là những diễn viên da màu khỏa thân múa gậy có khi còn sung sướng hơn những anh hề bất hạnh. Người lớn, cũng như trẻ thơ, đều muốn làm điều gì đó thật hồn nhiên, vô tư, chạy thật nhiều, cười thật nhiều, hò hét và nhảy múa. Bởi lẽ trong cuộc sống, đôi khi chúng ta luôn khao khát làm những việc tưởng chừng như điên rồ chỉ để thỏa mãn những gì đã kìm nén

từ lâu. Ngày xưa, tộc người Moor, tộc người Ả-rập vùng Bắc Phi, chính là người Ma-rốc ngày nay, tổ chức lễ hội đua ngựa với tên gọi “Lễ hội kỳ thú”. Forrtuny, họa sĩ người Tây Ban Nha có tuổi thơ nghèo khó và tội nghiệp, đã thể hiện rất thành công những hình ảnh của lễ hội này trong một tác phẩm của ông. Trong bức tranh mà ông vẽ, người Moor tràn vào thành phố trên những con ngựa phi như điên như dại. Đám người ném súng hỏa mai vào không trung, nằm trườn trên mình ngựa, hôn, cắn, cúi rạp mình chạm xuống đất, rồi lại quất ngựa phi âm âm, cứ thế, cứ thế, cuộc đua diễn ra không ngừng nghỉ. Rồi đám người lại hò hét âm ỉ tưởng chừng như muốn vỡ tung lồng ngực. Bầu trời bụi mù vì thuốc súng. Ở đâu cũng thế, dù là người da đen hay da trắng, người Ấn Độ hay Nhật Bản, ai cũng muốn làm điều gì đó thật lạ lẫm, vui mắt, kỳ quặc, và đôi khi cũng thật liều lĩnh và mạo hiểm như trò đu cột của người dân da màu ở Niu Di-lân. Ở xứ sở này, trời lúc nào cũng nóng bức, và những người da màu luôn có thân hình vạm vỡ bởi vì hàng ngày họ phải đi bộ nhiều. Con người nơi đây cũng rất dũng cảm, chiến đấu hết mình để bảo vệ đất đai và trò đu cột truyền thống. Họ thể hiện những động tác rất khéo léo, trèo lên rồi lại tụt xuống quanh thân cột một cách điệu nghệ để làm sao dùng cơ thể cuốn dây theo thân cột cho tới nửa chừng. Rồi sau đó, họ thả lỏng, đu dây như bay trên không, dùng tay, chân, thậm chí cả răng, đầu gối để bám chặt vào dây, sau đột ngột đập mình vào thân cột như là đá vào trái bóng, hò hét và ôm lấy nhau đầy phấn khích.

Đu cột hay nhảy cột cũng là trò chơi quen thuộc của người bản địa da đỏ ở Mexico, từ thời thực dân Tây Ban Nha chiếm đóng xứ sở này. Người dân nơi đây còn sáng tạo ra nhiều trò

chơi thú vị khác. Họ là những người dân chất phác cần cù, cả đời chẳng bao giờ biết tới súng đạn như đội quân dưới quyền chỉ huy của tướng Cortés người Tây Ban Nha. Thành phố nơi họ sinh sống lung linh như dát bạc, thứ bạc vẫn dùng để chế ra các món đồ trang sức lộng lẫy, tinh xảo. Dù là trong vui chơi hay trong lao động, người da đỏ bản địa luôn thể hiện sự uyển chuyển, mềm mại, mà không kém phần thông minh, độc đáo. Trò chơi đu cột của họ thể hiện tính vui tươi, nhanh nhẹn, khỏe khoắn mà cũng mạo hiểm. Người ta nhảy từ trên đỉnh cột được kết từ hai mươi thanh gậy đặt cố định có buộc dây thừng. Rồi từ đỉnh cột, người chơi nhảy xuống, thực hiện những động tác lộn nhào trong không trung, tay chỉ bám vào một sợi dây thừng trông thì mảnh nhưng được bện rất chắc. Người xem đứng xung quanh ai nấy đều nín thở vì lo sợ, thậm chí có một cuốn sách cổ ghi lại cảm xúc khi xem trò chơi mạo hiểm này là: “Khủng khiếp, đau tim và kinh hãi!”

Người Anh thì cho rằng đất nước họ mới là quê hương của trò chơi với gậy và cột. Vào những dịp lễ hội, người dân mới có dịp phô bày sự khéo léo uyển chuyển với môn thể thao này. Người chơi nắm vào một điểm và vào giữa gậy; hoặc dùng một cây gậy tày cũng có thể biểu diễn rất tốt. Nhưng ở xứ sở khác, những chủ nhân vùng biển Canarias vạm vỡ, tràn đầy sức sống, thì tin rằng không phải người Anh mà chính họ mới là tác giả của điệu múa gậy, bởi vì, từ xưa người ta đã thấy dân vùng này say sưa nhảy múa với một cây gậy trên bãi biển. Trẻ em nơi đây được dạy chơi điệu múa này cũng như là học cách phải chiến đấu kiên cường từ bé. Còn trò nhảy múa quanh cột có quần dải băng thì vô cùng khó, phải lấy một dải băng màu sắc nhìn bắt mắt, rồi cứ

thể nhảy múa, dùng dải băng quấn vào rồi tháo ra quanh thân cột, thật cẩn trọng và khéo léo để làm sao tạo nên những nút thắt cùng những hình thù ngộ nghĩnh. Người da đỏ ở Mexico chơi trò đó cũng giỏi chẳng kém gì người Anh tóc vàng nhất hay người Cararias vạm vỡ, to lớn nhất. Họ coi trò chơi ấy là một môn nghệ thuật cần phải gìn giữ, không chỉ bảo vệ bản sắc mà ngoài ra còn học cách giữ thăng bằng như người Nhật hay người Moor tộc Kabyle. Vậy nên không chỉ có người da đỏ bản xứ ở Mexico, mà tới tận năm dân tộc khác là người da màu ở Niu Di-lân, người Anh, người dân vùng biển Canarias, người Nhật và người Moor vùng bắc Phi, cũng chơi những trò chơi tương tự nhau. Đó là còn chưa kể tới trò chơi bóng, một môn thể thao rất phổ biến. Với người da đỏ bản xứ thì đây là niềm đam mê và họ tin rằng, những ai chơi giỏi nhất thì chính là do thần linh cử xuống trần gian. Những vị thần của Mexico thì không giống như những vị thần của Hy Lạp. Theo quan niệm của người Mexico, thần linh sẵn sàng xuống hạ giới để bảo cho người trần cách ném bóng và bắt bóng ra sao. Trò chơi bóng thì cũng thú vị đấy, rất đáng tò mò, nhưng chúng ta sẽ cùng tìm hiểu vào dịp khác.

Còn bây giờ hãy cùng quay trở lại màn biểu diễn với cây gậy, để tìm hiểu xem người da đỏ Mexico học cách giữ thăng bằng bằng gậy, một việc rất khó và phức tạp. Một người nằm xoài dưới đất, nom y như những nghệ sĩ xiếc người Nhật biểu diễn với trái bóng và chiếc thùng, rồi đặt cây gậy chắc chắn lên bàn chân và giữ thăng bằng cho bốn người khác trèo lên. Làm được như thế còn khó hơn cách Trò chơi đu cột ở Niu Di Lân giữ thăng bằng của người Moor rất nhiều, vì khi chơi trò đó, người Moor luôn chọn người khỏe nhất để đỡ những người khác trên

vai, chứ không phải dùng lòng bàn chân. Tzaá là tên gọi của trò chơi mạo hiểm này. Đầu tiên hai người trèo lên hai đầu cây gậy, rồi hai người khác lại trèo lên và ngồi trên hai người trước. Cả bốn người giữ thăng bằng và quay vòng để làm sao không bị ngã. Ngoài ra, họ còn chơi cờ, thậm chí còn lấy len châm lửa rồi hút và nhả khói qua mũi. Những trò chơi thú vị ấy cũng như trò chơi bóng, chúng ta cùng tìm hiểu vào dịp sau nhé. Bởi vì muốn kể chuyện hay thì phải gây cảm giác tò mò để người nghe hào hứng chờ đợi, như cách trả lời thông minh của Chichá, cô bé người Guatemala xinh xắn đáng yêu:

- Này Chichá ơi, sao con ăn quả ô liu mãi mà không hết thế?
- Bởi vì con rất thích ăn mà.

Cậu Bé Và Lão Popomso

Cậu là một đứa trẻ tuyệt vời, mới lên năm tuổi. Tóc bé vàng óng với những lọn xoắn thả trên vai, vẻ giống như chàng hoàng tử con trai vua Eduardo người đã bị tên vô lại Gloucester ám sát ở Tòa tháp Luân Đôn nhằm âm mưu chiếm ngai vàng. Cậu bé ăn vận như Fauntleroy, vị huân tước nhỏ bé và tốt bụng, không hề ngại ngần bắt chuyện với trẻ em nghèo trên đường phố. Cậu còn diện cả bộ màu trắng, quần bó ngang gối, áo cổ thủy thủ vải sợi thô trắng, tất lụa đỏ và giày bột xinh xắn. Ai cũng yêu mến em vì em luôn thương yêu những người xung quanh. Thế nhưng cậu bé hiếu động và nghịch ngợm quá, chẳng chịu ngồi yên mấy khi. Lúc thì em giận dỗi liếc mắt nhìn cô hầu gái người Pháp khi cô không muốn cho em thêm kẹo. Có lần khách khứa tới nhà, em ngồi vắt chân nghịch ngợm. Rồi có hôm em còn làm vỡ một chiếc bình tuyệt đẹp vì mãi rượt đuổi theo chú mèo.

Thế nhưng khi gặp một em bé chân không giày lang thang trên phố, em sẵn sàng cho người bạn tội nghiệp tất cả những gì em có: từ chú ngựa thân thương mà sáng sáng em vẫn mang đường tới cho nó ăn và gọi nó bằng cái tên rất trù mến: “Ngựa con của lòng ta!”, cho tới những người hầu cao tuổi luôn túc trực bên em ngày đêm, kể cho em nghe miền đất mẹ Phi châu xa xôi, nơi có những chàng hoàng tử, hay vua chúa, trong tay có bao nhiêu bò và voi. Mỗi khi nhìn thấy mẹ, cậu bé nhào tới vòng tay ôm chặt eo mẹ đầy yêu thương, ngồi sát bên mẹ, nghe mẹ kể

bao điều hay, ví như hoa nở như thế nào, ánh sáng mặt trời tỏa ra từ đâu, cây kim khâu làm bằng gì, và bộ đồ xinh xắn mà em mặc trên người là nhờ chú tằm nhả tơ để dệt thành lụa. Em hỏi mẹ, có thật là những chú tằm nhỏ xíu ấy dệt nên trái đất rộng lớn này như là quý ông đeo kính đã từng kể cho em nghe một lần nọ không. Mẹ dịu dàng trả lời em rằng đúng là vậy, tằm nhả tơ để dệt nên những ngôi nhà xinh xắn bằng lụa thật dài và tròn, gọi là kén. Mẹ còn bảo đã tới giờ đi ngủ rồi, như những chú tằm thu mình trong kén để sáng mai thức dậy hóa thành những chú bướm xinh đẹp bay đi.

Và thế là cậu bé cởi tất, ngoan ngoãn vâng lời mẹ lên giường đi ngủ. Khoác lên mình chiếc áo ngủ xinh xắn, làn da em thơm tho ửng hồng bởi lúc nào em cũng chăm chỉ tắm rửa sạch sẽ. Nhìn cậu bé đáng yêu như thiên thần không cánh trong tranh vẽ. Em ôm mẹ thật chặt, rúc đầu vào ngực mẹ như muốn trú nơi trái tim mẹ. Rồi em nhảy nhót, vung tay chui khỏi chăn tìm bắt chú bướm màu xanh đẹp lung linh đậu trên trần nhà. Nom cậu thật tinh nghịch như đang vùng vẫy bơi trong phòng tắm, hay như chú thợ mộc đang say sưa đánh bóng thành giường, rồi cậu thu tròn người, nhào lộn trên giường, những sợi tóc vàng óng cuốn cả vào tất.

Nhưng một tối, cậu bé tỏ vẻ nghiêm nghị khác thường. Em không nhảy nhót vui tươi, không lưu luyến cổ mẹ như mọi lần. Cậu cũng chẳng buồn nói chuyện với Luisa, cũng không bắt cô hầu người Pháp kể cho em nghe câu chuyện về con quái vật ăn tham, bội thực vì ăn cả một quả dưa rồi chết trong cô độc. Em nhắm mắt nhưng không ngủ được mà đang mãi miết nghĩ suy.

Đúng là cậu bé đang có biết bao điều phải suy nghĩ, vì sắp tới

em sẽ đi Paris. Năm nào cũng thế, cậu cùng mẹ tới thủ đô nước Pháp xa xôi, nơi các bác sĩ tốt bụng kê đơn thuốc để điều trị bệnh ho cho mẹ. Cậu bé không muốn nghe tiếng mẹ ho chút nào, đôi mắt em nhòe đi mỗi khi nghe tiếng mẹ ho. Thương mẹ nên em ôm mẹ thật chặt, thật chặt, như thể không muốn xa mẹ một phút nào. Lần này em sẽ không tới Paris một mình, bởi vì em không muốn làm gì một mình như gã ăn dưa tham lam trong câu chuyện của cô hầu gái Luisa. Lần này em sẽ được đi cùng cậu em họ tên là Raul. Raul sẽ cùng em tới Paris, nơi có bao điều thú vị như người đàn ông biết gọi bầy chim, cửa hàng Luvre có tặng quả cầu rất đẹp cho trẻ em, rạp hát Guinon nơi trình chiếu tiết mục những con búp bê ngộ nghĩnh, có cảnh sát bắt tên trộm và bỏ tù hắn, nơi có gã xấu xa bị đâm thật đau. Thứ bảy cuối tuần, Raul và em sẽ tới Paris trên con tàu hơi nước có ba ống khói. Raul và em sẽ ở chung một phòng. Nhưng Raul tội nghiệp chẳng có mái tóc vàng óng, cũng chẳng có bộ đồ huân tước hay đôi tất lụa đỏ xinh xắn như em.

Hôm nay Raul và em được đi rất nhiều nơi. Cả hai được mẹ dẫn đi thăm những người khiếm thị dùng ngón tay đọc sách bằng chữ nổi, tới con phố bán báo nơi có những người bạn bằng tuổi em sống lang thang không hề có nơi trú mưa trú nắng, hàng ngày bán báo để lấy tiền nuôi thân. Hai em được tới một khách sạn vô cùng sang trọng, nơi rất nhiều người hầu mặc đồng phục áo choàng xanh và quần màu vàng tập nập đi lại. Nhất là ở đó có một người cao lều nghều. Đó là người họ hàng của mẹ cậu- lão Popomso. Em cứ suy nghĩ mãi về buổi gặp mặt với lão, ngẫm nghĩ mãi không thôi.

Đôi mắt em nhắm nghiền, tâm trí cứ trôi dạt theo dòng suy

nghĩ. Cậu hồi tưởng lại tất cả. Lão ấy cao lêu nghêu như cột điện, đeo sợi dây đồng hồ to và dài thượt như chiếc dây nhảy. Chiếc cài cà vạt gắn đá thì nom xấu như mảnh thủy tinh. Lão chẳng cho mẹ đi đâu cả, còn kê gối để mẹ tựa lưng, kê ghế cho mẹ gác chân và nói chuyện với mẹ kiểu cách như với nữ hoàng. Một bác hầu già kể rằng, người ta thường xưng hô với mẹ cậu như vậy, vì mẹ là người giàu có. Nhưng mẹ thì không muốn như thế. Cậu biết mẹ là người vô cùng giản dị và tốt bụng.

Cậu bé lại nghĩ về chuyện xảy ra lần đó. Khi lão Popomso bước vào phòng, đưa tay cho em như là người ta đưa tay kính cẩn tới đức cha. Lão đặt chiếc mũ xinh xắn của em lên giường cứ như là vật gì rất thiêng liêng, âu yếm ôm hôn em nhưng em chẳng thích thú chút nào mà còn cảm thấy khó chịu. Còn Raul, Raul tội nghiệp của em, lão Popomso chẳng thèm chào, chẳng cúi mũ hay ôm hôn. Raul bé bỏng ngồi thu mình trên chiếc ghế ở góc phòng, tay cầm mũ và đôi mắt mở to ngơ ngác. Rồi lão Popomso bật dậy khỏi chiếc ghế xô-pha và cất tiếng: “Này cháu của ta, nghe đây, thứ này ta dành cho cháu đấy nhé. Nó rất đắt tiền. Ta muốn cháu hãy yêu quý người bác này...”. Rồi lão lôi ra một túi đựng rất nhiều chìa khóa, chừng tới ba mươi chiếc. Sau lão mở một ngăn kéo và từ ngăn kéo tỏa ra một mùi thơm như mùi từ bàn phấn của cô hầu gái Luisa. Lão đưa cho em một thanh kiếm vàng- quả một thanh kiếm tuyệt vời. Nó mới tuyệt làm sao! Rồi lão tra kiếm vào thắt lưng. Chiếc thắt lưng bằng da sáng bóng. “Này bé con của ta,”- Lão nói. - “Con hãy nhìn vào gương kia, đây là thanh kiếm vô cùng quý giá, đây là quà dành riêng cho con.”

Lúc ấy em rất vui. Nhưng khi quay đầu nhìn về phía Raul, cậu

chợt thấy cậu em bé bỏng đang tròn xoe đôi mắt nhìn thanh kiếm, vẻ mặt buồn thiu. Em cảm nhận được nỗi buồn trong đôi mắt Raul và hiểu ra. -Ôi thanh kiếm xấu quá, quá xấu xí! Ông bác quả thật là tồi tệ! - Cậu bé nghĩ thầm. Đó chính là điều khiến cậu suy nghĩ mãi.

Thanh kiếm vẫn treo trên chiếc bàn phấn. Cậu khẽ cựa mình ngẩng đầu lên để cô hầu Luisa không nghe thấy. Ánh đèn chiếu lên thanh kiếm và em nhìn thấy chuôi kiếm sáng rực, tựa như ánh sáng mặt trời. Đây là cây kiếm của những vị tướng trong lễ hành quân, to và sáng bóng như thanh kiếm mà lão Popomso tặng em. Mai sau cậu cũng thế, sẽ lớn lên và trở thành một vị tướng trong bộ quân phục màu trắng, đầu đội mũ lông vũ và có cả đội quân theo sau tháp tùng, cưỡi trên mình chú ngựa tím như màu chiếc áo choàng của vị đức giám mục. Em chưa bao giờ được trông thấy những chú ngựa tím oai phong, nhưng rồi mai sau em sẽ có tất cả. Thế còn Raul thì sao? Ai sẽ mang ngựa tới cho Raul? Chẳng ai, chẳng ai cả. Bởi vì Raul mồ côi mẹ nên không có ai sắm cho em bộ đồ công tước. Raul cũng không có người bác cao gầy lêu nghêu để tặng em thanh gươm quý báu kia. Cậu bé khẽ nhòm đầu dậy: Raul đã ngủ rồi. Cô hầu gái Luisa thì đã về phòng để xức nước thơm. Em trườn khỏi giường, khẽ nhón chân đi tới chiếc bàn phấn. Cậu nhẹ nhàng nâng thanh kiếm lên để không gây ra tiếng động... và cậu bé tinh nghịch đã làm gì? Em lom khom cúi người bò tới giường Raul rồi đặt thanh kiếm vàng dưới gối của cậu em họ bé bỏng đang thiếp ngủ.

Lịch Sử Loài Người Qua Những Ngôi Nhà

Ngày nay con người sống trong những ngôi nhà lớn, có cửa ra vào, cửa sổ, sân lát xi măng, cửa cổng có cột to. Nhưng cách đây hàng ngàn năm, loài người đâu sống như vậy, không có một đất nước nào có nổi đến sáu mươi triệu dân như bây giờ. Thời đó, chưa có sách để ghi lại những chuyện đã xảy ra. Chỉ qua những phiến đá, những mẫu xương, vỏ sò và những dụng cụ lao động, chúng ta biết được con người thời ấy sống như thế nào. Thời kỳ này được gọi là “thời đại đồ đá”. Con người sống gần như là ở trần, hoặc chỉ mặc bằng đồ da, chiến đấu với thú dữ trong rừng, sống ẩn mình trong các hang động trên núi, mà không biết rằng, trên trái đất có đồng, có sắt; thời đó người ta gọi là “thời đại đồ đá cũ” (paleolitico). Khi ấy con người còn chưa biết cắt bằng đá. Sau, con người bắt đầu biết tạc đá thành các hình thù như những chiếc rìu đá sắc bén. Đây chính là lúc bắt đầu một thời kỳ mới: thời đại đồ đá mới (neolitica). Neo là mới, litica là đá. Tiền tố paleo - ở trên có nghĩa là cũ, cổ. Buổi đó, con người sống trong các hang động trên núi, nơi thú dữ không thể leo lên được; hoặc người ta đào hầm trong lòng đất, đập cửa hầm bằng cành cây bện lại. Nơi có phiến đá nứt ra làm đôi, người ta dùng cành cây làm mái che. Cũng có khi người ta đóng xuống nền đất ba cái cột nhọn, dùng da động vật săn bắt

được phủ lên trên, nhưng đây phải là những con thú lớn, có khi to gần bằng trái núi. Ở châu Mỹ, thời ấy có lẽ con người không sống như thế, mà họ sống thành làng mạc, không thành gia đình riêng rẽ. Ngày nay, chúng ta tìm thấy những phế tích còn lại của những người được gọi là “người đắp đất”; bởi vì, họ dùng đất để đắp thành các bức tường dày hình tròn, hình tam giác, cũng có thể là hình vuông, hoặc bốn hình tròn xếp chồng lên nhau. Một số người da đỏ khác sống trong các ngôi nhà đá, thành làng mạc, gọi là nhà - làng, bởi ở đây, hàng ngàn gia đình sống cùng nhau. Họ không vào nhà bằng cửa giống như chúng ta ngày nay, mà vào nhà từ mái, giống như những người da đỏ Zunhi bây giờ. Có nơi, nhà hát ở trong những hang đá, được dựng lên bằng cách khoét đá, làm giống như bậc cầu thang. Dù ở đâu, các gia đình cũng tập trung lại để tự vệ. Từ đó lập ra các đô thị trên đá, hoặc giữa hồ nước. Những đô thị này được gọi là các thành phố nổi, bởi nhà cửa ở đây được làm bằng thân cây và nổi trên mặt nước. Chúng được dựng trên những chiếc cột đóng xuống lòng hồ, hoặc đóng đá xuống làm chân cột, sao cho căn nhà nổi trên mặt nước.

Đôi khi, người ta còn nối xà nhà của nhà nọ với nhà kia và đặt xung quanh một hàng rào để ngăn những người hàng xóm sang gây sự hoặc chần thú dữ. Giường làm bằng cỏ khô, tách chén bằng gỗ, bàn ghế làm bằng thân cây. Một số nơi, người ta dựng ba phiến đá lớn giữa rừng, bên trên đặt một phiến đá phẳng làm mái. Chỗ này không dùng để ở mà để làm mộ đá, để mai táng người quá cố, hoặc dùng làm địa điểm tới nghe các vị bô lão hay những nhà thông thái mỗi khi giao mùa, lúc có chiến tranh, hoặc khi phải lựa chọn nhà vua. Nhằm ghi nhớ mỗi sự kiện như

vậy, người ta đóng một phiến đá lớn xuống lòng đất, giống như một chiếc cột mà ở châu Âu được gọi là “menhir”, còn những người thổ dân Maya gọi là “katun”. Những người Maya ở Yucatan không biết rằng, bên kia đại dương có người Gôloa sinh sống. Nơi đó là nước Pháp bây giờ. Họ cũng làm y như người Gôloa và người Đức thời ấy. Qua nghiên cứu, chúng ta thấy, con người dù ở nơi nào trên trái đất, không phân biệt nơi họ sinh sống, cũng đều như nhau cả: cùng xuất hiện, cùng phát triển theo một cách thức giống nhau, hành động và suy nghĩ. Người sinh ra ở vùng đất có nhiều cỏ cây, hoa lá thì hướng đến cái đẹp và sự trang trí. Họ có nhiều thứ để bàn luận hơn là những người sinh ra ở những vùng đất lạnh giá, nơi chỉ nhìn thấy bầu trời tối tăm và hang động của mình trên đá mà thôi. Ngoài ra, cũng cần thấy một điều nữa là, ở nơi con người hoang dã sinh ra, vì không biết rằng đã có những dân tộc khác sinh sống trên thế giới, nên người ta lại bắt đầu sống tương tự như những con người đã từng sống cả ngàn năm về trước. Bên cạnh thành phố Zaragoza ở Tây Ban Nha, vẫn còn nhiều gia đình sống trong những chiếc hầm được đào trên núi; ở Dakota thuộc Hoa Kỳ, những người khai phá ra đất nước, vẫn đang sống trong những hang động có mái bằng cành cây, chẳng khác thời đại đồ đá mới. Ở bên bờ sông Orinoco thuộc Nam Mỹ, đang còn những thổ dân sống trong các thành phố nổi, tương tự như những thành phố nổi tồn tại cách đây cả trăm thế kỷ ở những vùng hồ của Thụy Sĩ. Người thổ dân Mỹ kéo da ngựa bằng ba chiếc cọc cắm lều của mình. Đó là một chiếc lều bằng da, như lều của những người thuộc thời đại đồ đá mới dựng lên ở sa mạc. Người dân da màu ở châu Phi ngày nay dựng nhà của mình với những bức tường đất,

mái bằng cành cây, không khác gì người Đức cổ đại. Bậc cửa nhà cao như cửa người Đức cổ đại, nhằm ngăn không cho rắn vào nhà. Không phải là có một thời đại đồ đá mà tất cả các dân tộc cùng sống vào một thời điểm, cùng một cách sống; tiếp là thời đại đồ đồng, khi con người bắt đầu lao động bằng kim loại thì thời đại đồ sắt ra đời. Có những dân tộc, như Pháp bây giờ, có biểu tượng đẹp nhất của thời kỳ đồ sắt: đó là Tháp Eiffel cao chọc trời. Cũng có những dân tộc vẫn còn đang sống trong thời đại đồ đá, như người thổ dân Indio dựng nhà trên những cành cây, dùng chiếc lao bằng đá để bắt chim trong rừng và đánh cá dưới sông. Nhưng các dân tộc ngày nay phát triển rất nhanh chóng, bởi họ biết tìm đến những dân tộc lâu đời khác, cùng học hỏi với những người này điều mà họ chưa biết. Không giống trước đây, người ta phải tự mình dần dần tìm hiểu tất cả mọi thứ. Thời đại đồ đá là bắt đầu cuộc sống của loài người. Con người sống lang thang du mục để tránh thú dữ. Hôm nay họ sống nơi này, mai sống nơi khác. Người ta không biết tận hưởng thành quả của trời đất. Sau đó, con người tìm ra đồng, thứ kim loại mềm hơn đá. Tiếp là thiếc, loại này mềm hơn đồng. Rồi họ khám phá ra rằng, dưới ngọn lửa, có thể tách kim loại ra khỏi đá. Đồng kết hợp với thiếc sẽ cho ra một loại kim loại mới, rất thích hợp cho việc làm rìu, lao, dao, có thể dùng để cắt đá. Khi con người bắt đầu hiểu nguyên lý hoạt động của kim loại, biết kết hợp giữa đồng với thiếc tức là đã bước vào thời đại đồ đồng. Có nơi, người ta đi thẳng đến thời đại đồ sắt mà không qua thời đại đồ đồng, bởi vì sắt là kim loại có sẵn ở nơi họ sinh sống. Họ bắt đầu lao động với kim loại này mà không hề biết rằng trên thế giới có đồng và thiếc. Khi người châu Âu sống trong thời kỳ

đồ đồng, họ đã xây được những ngôi nhà tốt hơn, mặc dù không chạm trổ nhiều và hoàn hảo như nhà của người Peru hoặc Mexico ở châu Mỹ. Thổ dân ở hai nước này trải qua cả hai thời đại, vẫn tiếp tục lao động với đồ đá trong khi họ có cả những mỏ vàng. Các đền thờ của họ có những mặt trời bằng vàng như ở trên trời. Tại các nghĩa địa ở Peru, người chết được an táng cùng với quần áo và những chiếc bình mà khi còn sống người này đã sử dụng. Nhà của thổ dân ở Peru được xây bằng đá, cao hai tầng, có cửa sổ rất cao, cửa ra vào rộng ở phía dưới, bên trên thót lại, có mái đua ra, thường được làm bằng đá có chạm trổ tinh xảo. Người Mexico không làm nhà thật vững chắc, mà chủ yếu quan tâm đến trang trí căn nhà, giống như ở các nước có nhiều cây cối, hoa lá và chim muông. Trên mái nhà có những bậc cầu thang, nơi đặt tượng các vị thánh, kiểu như bây giờ người ta để trên bàn thờ nhiều hình ảnh trẻ em có chân tay bằng bạc. Các bức tường đá được chạm trổ với các dải hạt hoặc bằng chỉ tết lại, mô phỏng theo các đường viền và đường mép mà các bà vợ thêu trên những chiếc áo chùng. Bên trong gian sảnh, ở đầu các dãy nhà có khắc hình tượng các vị thần, động vật, hoặc những vị anh hùng. Ở bên ngoài, trong các góc, có đặt những ống cong cong rất tinh tế, mô phỏng theo hình lông vũ. Nhìn từ xa, những ngôi nhà tỏa sáng óng ánh dưới nắng mặt trời, tựa như dát bạc.

Trong các dân tộc ở châu Âu, có sự thể hiện rõ của ba thời đại hơn là ở Bắc Mỹ. Con người sống riêng rẽ. Mỗi dân tộc sống tại vùng đất của mình từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Họ bắt đầu sinh ra tại cùng một thời điểm, nên chúng ta dễ nhận thấy: mặc dù họ không quen biết nhau, nhưng cùng phát triển theo một

cách thức giống nhau. Trái đất phân tầng theo thời gian. Nó giống như một chiếc bánh bột nhồi, tầng nọ xếp lên tầng kia. Đôi khi từ trong lòng đất, một lượng lớn đá của các tầng đá rắn làm vỡ các tầng tĩnh. Sau đó, các chất thoát ra ngoài không khí và kết tụ lại trên mặt đất. Khi ấy, tựa như có một lão khổng lồ bắn tính, hoặc một con thú hoang nổi giận, khói và lửa phun trào lên trên miệng: từ đó hình thành ra núi và núi lửa. Các tầng của trái đất là minh chứng rõ ràng nhất cho ta biết con người đã sống như thế nào. Bởi vì ở mỗi tầng trái đất đều lưu giữ xương người cùng những dấu tích còn lại của động vật và cây cối của thời đại đó; có cả cốc chén, rìu... Khi so sánh các tầng của nơi này với nơi khác ta thấy, tại mỗi thời đại, con người dù sinh sống ở nơi nào trên trái đất cũng đều theo cùng một cách thức giống nhau. Chỉ có trái đất là mất nhiều thời gian chuyển từ thời đại này sang thời đại khác và cần nhiều thời gian để phân tầng mới. Điều này cũng tương tự như những gì xảy ra với người La Mã và người Anh. Khi người La Mã có lâu đài bằng đá cẩm thạch với những bức tượng bằng vàng, y phục bằng đồ len mềm mại, thì người dân ở nước Anh vào thời của Julius Cesar vẫn còn sống trong hang động, mặc quần áo bằng da thú, chiến đấu bằng gậy gộc làm từ những thân cây cứng chắc.

Qua các dân tộc cổ đại, ta biết được quá trình tiến hóa của loài người. Bởi vì, sau các tầng của thời đại đồ đá (thời kỳ mà cái gì chúng ta tìm thấy cũng được làm bằng đá), ta gặp các tầng khác của thời đại đồ đồng. Ở thời kỳ này, nhiều đồ vật được chế từ sự kết hợp giữa đồng và sắt. Sau đến tầng trên cùng, là tầng của những năm gần đây nhất. Đó là thời đại đồ sắt. Lúc này, con người học hỏi và biết nếu sắt để dưới ngọn lửa mạnh sẽ bị mềm

ra. Từ sắt nung chảy, có thể chế tạo ra búa để đập vỡ đá, chế được lao để chiến đấu, cuốc chim và dao để làm đất. Lúc ấy có nhà bằng đá, bằng gỗ, có sân rộng và phân chia các phòng. Nhà được dựng phông theo các ngôi nhà nhỏ bằng đá trước đây. Đá xếp chồng hòn nọ lên hòn kia không bị nhảm lẫn. Ở sa mạc cũng như đồng bằng, còn có những căn nhà lợp da thú. Từ khi có cuộc sống của loài người trên trái đất, người ta luôn ưa thích vẽ, nhằm sao chép những điều mắt thấy tai nghe. Bởi vì cho đến tận những hang động tối tăm nhất, nơi các gia đình sống hoang dã cư ngụ, cũng đầy ắp các bức tượng được chạm trổ tinh vi hoặc khắc họa lên đá. Ngày nay, người dân các nước vẫn bắt gặp ở trên những ngọn núi, bờ sông nhiều hình tượng bàn tay, ký hiệu lạ, hình vẽ động vật đã xuất hiện ở đó từ cách đây nhiều thế kỷ. Ta cũng thấy tất cả các dân tộc đều quan tâm đến việc mai táng người chết với một sự tôn kính đặc biệt, họ đã dựng lên những công trình kiến trúc cao. Như để tiến đến gần bầu trời hơn, ngày nay, người ta xây lên những ngọn tháp. Những người thợ thổ dân tạo ra các ngọn đồi bằng đất để mai táng những người đã khuất. Người Mexico dựng đền thờ của họ trên đỉnh những kim tự tháp thật cao. Người Peru có tháp đá “chulpa”, phía trên phình rộng ra trông giống cái nắm tay cầm của chiếc gậy ba toong. Ở trên đảo Sardinia, có một số tháp gọi là “nurhag”, mà chẳng ai biết là của dân tộc nào. Người Ai Cập xây dựng kim tự tháp bằng những phiến đá thật lớn. Đá Pocfia cứng hơn được dùng để xây dựng các tháp tưởng niệm nổi tiếng. Trên đó, họ ghi lịch sử của mình bằng những ký hiệu được gọi là chữ tượng hình.

Thời đại của người Ai Cập bắt đầu được gọi là “thời cổ đại”,

bởi lẽ người ta có thể viết lịch sử của mình thông qua những gì biết được. Những dân tộc khác thuộc các thời đại đầu tiên được gọi là người “thời tiền sử” (trước thời cổ đại), hoặc được gọi là những bộ tộc nguyên thủy. Tuy vậy, sự thật là trong chính những dân tộc thời cổ đại vẫn còn tồn tại rất nhiều yếu tố tiền sử. Chúng ta vẫn phải đoán xem họ đến từ đâu và sinh sống như thế nào. Ai mà biết khi nào những người Quechua ở Peru xây hệ thống cống dẫn nước, những con đường cũng như những đại lộ của họ? Cũng chẳng ai rõ những người Chibchas ở Colombia bắt đầu sản xuất ra mặt dây chuyền và các bình bằng vàng khi nào. Không ai biết dân tộc nào đã sống ở Yucatan trước những người Maya khi người Tây Ban Nha tìm thấy họ. Cũng chẳng ai biết lai lịch của chủng tộc bí ẩn đã lập lên các đồng đất và các ngôi nhà - làng ở Bắc Mỹ? Những gì các dân tộc ở châu Âu trải qua cũng tương tự như vậy, mặc dù ở đó con người xuất hiện được cho là cùng một thời điểm, sinh ra tại những nơi khác nhau. Tuy vậy, ở những nơi ít lạnh giá hơn và cao ráo hơn thì đây là đất nước mà con người đến sinh sống đầu tiên. Ở đây, họ bắt đầu cuộc sống, hiểu biết nhanh chóng nhiều điều, khám phá ra kim loại, chế tạo ra các sản phẩm kim khí. Cũng ở đó, xảy ra chiến tranh, lụt lội, cùng ước vọng được khám phá thế giới. Con người bắt đầu xuống dân những nơi trũng hơn và tiến dần ra biển. Nơi đất cao và màu mỡ nhất của châu lục là nơi phát triển đầu tiên nền văn minh của con người phía bên kia Đại Tây Dương. Ở châu Mỹ của chúng ta cũng thế: tại những cao nguyên ở Mexico và Peru, những thung lũng cao, đất đai phì nhiêu là nơi các dân tộc thổ dân văn minh nhất châu Mỹ sinh sống. Ở lục địa phía bên kia Đại Tây Dương thì Ai Cập dường như là dân tộc lâu đời nhất.

Tiếp đến vùng con người đến sinh sống là vùng mà bây giờ là Ba Tư và bán đảo Tiểu Á. Sau đó, con người đến định cư tại Hy Lạp, tìm kiếm tự do và những điều mới mẻ. Tại đây, người ta xây dựng các tòa nhà hoàn hảo nhất thế giới, viết ra các cuốn sách đẹp và hay nhất. Ở các nước có nhiều dân tộc, nhưng những dân tộc đã sống lâu đời nhất thì hiểu biết nhiều hơn cả. Họ giành thắng lợi trong các cuộc chiến tranh, dạy những dân tộc mới ra đời các thứ họ biết và đoàn kết với những dân tộc sau này. Những người khỏe mạnh nhất đã di chuyển đến sinh sống ở phía Bắc châu Âu. Họ chống chọi với thú dữ và sống được trong cái lạnh giá. Sau một trận chiến lớn, người mà ngày nay gọi là Hindustan đã chạy trốn. Người ở miền núi đã tập hợp với người châu Âu từ xứ lạnh phía Bắc di chuyển xuống, chiến đấu chống lại người La Mã, bởi, người La Mã muốn cướp tự do của họ. Ngoài ra, cũng vì họ là những người nghèo, dữ dằn, vốn ghen tị với người La Mã, bởi người La Mã giàu có và thông thái, giống như con cháu của người Hy Lạp. Bằng cách đó, các dân tộc trên thế giới di chuyển như sông chảy ra biển, gió thổi trên trời.

Ai Cập như là cha đẻ ở lục địa phía bên kia Đại Tây Dương. Dân tộc này lâu đời nhất trong tất cả các quốc gia “cổ đại”. Nhà của người Ai Cập cũng giống như dân tộc họ: tinh tế và thanh lịch. Ai Cập rất giàu có, tựa như sông Nin mở rộng ra mỗi năm. Phù sa dòng sông làm cho cây cối phát triển, đất đai phì nhiêu màu mỡ. Chính vì vậy, nhà của họ được xây rất cao để tránh lụt lội. Ở đây có rất nhiều cây chà là, nên cột nhà họ rất cao và đường bệ, tựa như cây chà là. Bên trên tầng hai, còn một tầng nữa nhưng không có tường, mà chỉ có mái bằng. Trên tầng đó, vào các buổi chiều, trong không khí trong lành, người ta ngồi

ngắm dòng sông Nin đầy ắp thuyền bè qua lại tấp nập cùng với hành khách và hàng hóa, ngắm trời chiều vàng óng pha màu nghệ tây. Các bức tường và trần nhà chứa đầy những hình vẽ về lịch sử và tôn giáo. Người dân thích màu sắc đến nỗi đến chiếc thảm trải trên sàn nhà cũng được làm bằng sợi nhiều màu.

Người Do Thái đến Ai Cập làm nô lệ từ rất lâu rồi. Họ là những người biết làm gạch giỏi nhất. Sau đó, khi có được tự do, họ xây nhà của mình bằng gạch sống, như gạch không nung mà chúng ta sử dụng ngày nay. Rầm nhà làm bằng gỗ cây sung dâu, loài cây ưa thích của họ. Trần nhà được đổ mái liền làm sân thượng, bởi khi trời nóng quá thì người ta lên đó ngủ. Theo quy luật thì họ phải đổ trần có tường bao quanh, để người ở trên không bị ngã xuống đất. Người ta thường làm nhà kiểu giống ngôi đền mà nhà vua Salomon đã xây dựng. Nhà có cấu trúc hình vuông, với cửa rộng ở dưới và thu hẹp dần lên trên, hai bên cửa hai chiếc cột to.

Ở miền đất của những người Assyria sinh sống, vì là một dân tộc hay gây chiến, nên họ xây dựng nhà hình tháp để có thể quan sát kẻ thù từ xa. Những ngôi tháp có tường được đục các lỗ châu mai để bắn kẻ thù từ một nơi an toàn. Những nhà này không có cửa sổ, mà ánh sáng chiếu xuống từ trần nhà. Phía ngoài cửa, thỉnh thoảng họ đặt những phiến đá có khắc các hình thù kỳ bí, ví dụ như một con bò tót có đầu người, hoặc một cái đầu có cánh.

Người Phoenicia xây dựng nhà và các công trình kiến trúc của mình bằng đá không được ghép với nhau. Họ đặt phiến đá nọ chồng lên phiến đá kia giống nhà của người Etrusca. Tuy nhiên, họ là những người di chuyển nhiều, sống dựa vào buôn bán, nên

sớm bắt đầu mô phỏng nhà cửa của những miền đất mà họ trông thấy nhiều nhất là nhà của người Do Thái, người Ai Cập, sau đó là của người Ba Tư, những người đi chinh phạt trong chiến tranh với nước Phoenicia. Và nhà của họ, cổng vào theo kiểu Do Thái, phần trên cao thì giống nhà của người Ai Cập, hoặc nhà của người Ba Tư.

Người Ba Tư là một dân tộc nhiều quyền lực, có thời kỳ, tất cả các dân tộc xung quanh đều là nô lệ của họ. Ba Tư là vùng đất của châu báu: từ quần áo của con người, đệm yên ngựa, cho đến chuỗi kiếm..., tất cả đều được trang trí bằng châu báu. Họ chuộng màu xanh, màu đỏ và màu vàng. Họ thích cái gì cũng phải rực rỡ, óng ánh và được tráng men. Họ thích đài phun nước, khăn trùm làm từ sợi chỉ bạc, và đá quý tinh xảo. Ngày nay, người Ba Tư vẫn vậy, và từ thời đó, họ đã có nhà lát gạch màu, nhưng không phải mái bằng giống kiến trúc của người Ai Cập hay Do Thái, mà là mái vòm hình tròn, mô phỏng vòm trời. Tại một góc sân là phòng tắm, ở đó được xức các mùi rất dễ chịu. Các nhà giàu có sân vuông, xung quanh có nhiều cột, chính giữa có một đài phun nước, xung quanh đặt nhiều lọ hoa. Các cột bao gồm nhiều mảnh ghép và hình vẽ nhiều màu sắc, có nhiều nếp và đường rãnh, đầu cột được làm bằng xác động vật ngược xanh và dây truyền bằng vàng.

Cùng với Ba Tư, Hindustan là một trong những dân tộc lâu đời nhất trên thế giới. Họ có những đền thờ bằng vàng, xây dựng một cách rất công phu, tinh tế. Có những ngôi đền trên núi, trong hang động với tượng Phật đứng thẳng. Đền thờ, mô mả, cung điện, nhà cửa của họ giống như trong thơ, như được viết bằng màu sắc trên ngà voi về lá và hoa. Có đền thờ ở

Hindustan cao tận mười bốn tầng. Chùa Tanjore được chạm khắc từ móng cho đến mái vòm. Nhà của những người Hindu trước đây giống như những ngôi chùa ở Lahore hoặc ở Cachemira. Trần nhà và ban công được trang trí lộng lẫy nhiều lớp. Từ cửa vào cầu thang không có tay vịn. Một số nhà khác có tháp nhỏ ở phía góc, hành lang thì giống nhà của người Ai Cập: chạy thẳng và không có tháp. Tuy nhiên, thứ đẹp nhất của các căn nhà Hindu là hình ảnh tưởng tượng trong những vật trang trí tựa kiểu dáng một dải hoa và lông vũ dài vô tận.

Ở Hy Lạp thì không như vậy, mà tất cả đều màu trắng và rất giản dị, không có những màu đỏ xa hoa. Nhà của người Hy Lạp không có cửa sổ, bởi theo họ, ngôi nhà luôn là nơi linh thiêng, chứ không phải là nơi người ngoài có thể tùy tiện nhìn vào trong. Những ngôi nhà, cũng như các công trình kiến trúc đều khá nhỏ, song rất đẹp và sáng sủa. Ở cửa vào có cây hoa hồng và một bức tượng. Bên trong nhà là hành lang cột, nơi gia đình sinh hoạt chung hàng ngày. Chỉ có buổi tối, họ mới trở về phòng ngủ nhỏ bé và tối tăm. Phòng ăn và hành lang, tuy ít đồ đạc, nhưng là nơi trang hoàng lộng lẫy nhất. Trên tường, có các hốc đặt những chiếc bình quý giá. Ghế có đường viền được chạm trổ giống các đường viền trên cửa nhà, rộng ở phía dưới. Các gờ được trang trí bằng tranh vẽ cây cọ và cây kim ngân. Người ta nói rằng, trên thế giới không có một tòa nhà nào đẹp hơn đền Parthenon. Ở đây những vật trang trí không được bày đặt theo sở thích. Chỉ có người kém hiểu biết mới làm như vậy với nhà cửa và trang phục của mình. Cái đẹp phải đến từ một thể loại nhạc mà người ta chỉ cảm nhận được chứ không nghe thấy. Kể cả đồ trang trí, kích thước phải được tính toán sao cho phù hợp

với màu sắc và thật chính xác. Dường như những phiến đá ở Hy Lạp có tâm hồn. Chúng e lệ như những người bạn gái của ta. Chúng đi vào lòng người như những người bạn gái. Dường như chúng biết nói.

Những người Etrusca sinh sống ở mười hai thành phố phía bắc nước Ý nổi tiếng. Họ là một dân tộc độc đáo, có chính thể, tôn giáo, một nền nghệ thuật gần giống nghệ thuật của người Hy Lạp tuy có phân thích hài hước, lập dị hơn, và ưa sử dụng khá nhiều màu sắc. Họ vẽ tất cả mọi thứ giống như những người Ba Tư. Trên tường các lăng mộ còn vẽ cả những con ngựa đầu vàng và đuôi xanh.

Khi còn là một nước cộng hòa tự do, những người Etrusca sống rất hạnh phúc, họ có những bậc thầy về y học, thiên văn học, và những người nói rất hay về bốn phần của con người cũng như về sự hình thành nên thế giới. Dân tộc Etrusca nổi tiếng bởi những nhà thông thái, những chiếc bình bùn đen, những hình ảnh nổi bật, những bức tượng, các quan tài đất nung, những bức họa trên tường và các nghề chế tạo kim loại. Tuy vậy, chế độ nô lệ nơi đây trở nên suy tàn, còn sự giàu có, giống như các ông chủ người La Mã của họ. Họ sống trong các cung điện, chứ không phải trong các ngôi nhà như trước đây nữa. Sở thích lớn nhất của họ là vừa nằm vừa ăn trong nhiều giờ. Nhà của người Etrusca trước đây chỉ có một tầng với hành lang có tay vịn, trần nhà mái hiên đổ xuống. Trên tường đầy những hình ảnh về các lễ hội, nghi lễ, tích các truyện kèm tranh biếm họa. Những hình ảnh ấy nhìn như đang chuyển động.

Nhà của người La Mã ban đầu cũng giống như nhà của người Etrusca. Nhưng sau đó, người La Mã biết đến Hy Lạp và họ bắt

đầu bắt chước người Hy Lạp từ nhà cửa, đến nhiều thứ khác. Tiền sảnh lúc ban đầu hoàn toàn là một căn nhà. Sau đó, nó chỉ là cái cổng. Từ cổng đó, có một lối đi bao quanh toàn những cột dẫn đến cái sân bên trong. Từ cái sân, ta có thể nhìn thấy các căn phòng giàu có của chủ nhà. Mỗi căn phòng được dùng vào một mục đích khác nhau. Phòng ăn nhìn ra hành lang. Cũng tương tự, phía sau sảnh lớn và căn phòng của gia đình, đều có cửa mở ra khu vườn. Các bức tường được trang trí bởi những bức tranh và các hình vẽ có màu sắc rực rỡ. Những chỗ uốn cong của tường, có nhiều hốc trong đấy đặt những chiếc bình và tượng. Nếu nhà nằm ở trên phố đông người thì các phòng có cửa hướng ra đường, sau đó được cho thuê để làm cửa hàng. Khi cửa mở, người ta có thể nhìn thấy rõ đến tận cuối khu vườn. Ở nhiều ngôi nhà, vườn, sân và sảnh thường được bao quanh bởi tường hình vòng cung. Và rồi La Mã làm chủ tất cả các nước xung quanh. Đến khi có nhiều dân tộc đến nỗi họ không thể cai trị được nữa thì các dân tộc bắt đầu tách ra giành độc lập, bầu ra một vị vua riêng cho dân tộc mình. Người ấy thường là chiến binh dũng mãnh nhất nước. Vua sống trong lâu đài bằng đá, có tháp và cổng rộng, như tất cả những ai được gọi là “quan lớn” trong chiến tranh thời ấy. Còn người dân lao động thì sống xung quanh lâu đài, trong các căn nhà nhỏ nghèo nàn. Tuy vậy, quyền lực của La Mã vẫn rất lớn. Đâu đâu cũng thấy những cây cầu, mái vòm, hệ thống cống thoát nước và những ngôi đền mang đậm chất La Mã. Chỉ riêng có nước Pháp bên cạnh, nơi sở hữu rất nhiều lâu đài, thì người ta có một kiểu kiến trúc mới, chủ yếu là các nhà thờ, cùng lúc vừa giống pháo đài lẫn đền thờ. Đó gọi là “Kiến trúc Roman”. Người Ba Tư và Ai Cập, bây giờ là

Thổ Nhĩ Kỳ, họ trang trí những công trình kiến trúc với sự giàu có, nhiều sắc màu, giống những nhà thờ ngăm bằng vàng. Theo kiểu to lớn và lộng lẫy ấy, các dân tộc mới ở nước Pháp bắt đầu lập ra những đô thị. Nhà của họ có cổng vào tối tăm, nhiều mái nhọn giống như các nhà thờ Roman. Bên cạnh đây, nhà ở Thổ Nhĩ Kỳ nom lại giống cung điện, với các cột đá trông rất xa hoa, nền được làm bằng nhiều viên đá màu. Các bức tranh trên tường có nền bằng vàng, phần kính cũng màu vàng. Nhà ở của đế quốc Đông La Mã thường có tay vịn làm từ sự kết hợp của nhiều kim loại, dưới ánh nắng nó lóe sáng như ngọn lửa. Thực sự, ngôi nhà sẽ trở nên rất xấu xí và nặng nề khi có quá nhiều vật trang trí, nom như ngôi mộ của những người hờm cửa, bởi bây giờ bỏ không.

Đế chế La Mã cũng cai quản cả Tây Ban Nha, nhưng ngay sau đó những người Hồi giáo đã đến Tây Ban Nha xâm lược, rồi họ xây dựng những ngôi đền của mình với tên gọi mezquita, những cung điện chỉ có trong mơ, cứ như họ không phải sống trên thế giới này, mà đến từ một thế giới toàn đăng ten và hoa vẩy. Những lâu đài này có các cánh cửa nhỏ, nhưng lại có rất nhiều khung tò vò làm chúng trông như lớn hơn. Các cột mảnh nâng những khung tò vò hình móng ngựa, đầu cột nhọn mở ra hướng lên bầu trời. Trần nhà làm bằng gỗ tinh xảo, tất cả đều được khắc chữ Hồi giáo và đầu ngựa. Tường và thảm trải sàn đầy các hình vẽ. Trong sân đá cẩm thạch có nhiều cây nguyệt quế và đài phun nước. Các ban công trông tựa như một tấm khăn trùm được dệt lên.

Chiến tranh và tình hữu nghị làm cho nhiều dân tộc khác biệt gần lại với nhau. Khi nhà vua có nhiều quyền lực hơn chủ nhân

của các tòa lâu đài và khi mọi người tin tưởng vào chân trời mới của những người Cơ đốc giáo thì họ bắt đầu xây dựng các nhà thờ mang phong cách “Gothic” với kiểu kiến trúc vòm nhọn. Những tòa tháp của họ nhọn như những chiếc kim, cao chạm mây. Mái vòm cửa vào bằng đá và cửa sổ thì nhiều màu sắc. Các tháp càng ngày càng cao, bởi nhà thờ nào cũng đều muốn tháp của mình cao hơn tháp các nhà thờ khác. Nhà cửa và đồ đạc đều vậy. Tuy nhiên, các vật trang trí lại có xu hướng nhiều lên và những người Cơ đốc giáo dường như không tin vào ông trời nhiều như trước nữa. Họ nói nhiều về sự vĩ đại của La Mã, ca ngợi nghệ thuật của Hy Lạp là thanh thoát và cho rằng, đã có quá nhiều nhà thờ rồi, nên tìm tòi những kiểu cách mới để xây dựng cung điện. Từ đó ra đời một kiểu kiến trúc mới gần giống của Hy Lạp được gọi là kiến trúc “thời kỳ Phục hưng”. Tuy vậy, trong nghệ thuật gothic, kiến trúc vòm nhọn vẫn đẹp, nên không thể quay lại làm những căn nhà đơn giản quá, mà phải trang trí các góc nhà cho đẹp, cửa sổ cao, ban công trang nhã theo kiến trúc Gothic. Đây là thời đại của nghệ thuật, sự giàu có và những cuộc chinh phạt lớn. Vì thế, nhiều ông chủ lớn cũng như thương gia có cung điện. Họ chưa từng sống, cũng không quay lại ở trong các ngôi nhà đẹp nữa. Các chủng tộc khác mà ít biết về các dân tộc ở châu Âu thì họ đấu tranh hoặc kết bạn với nhau. Dân tộc này học của dân tộc kia những nét đẹp nổi trội trong nghệ thuật. Chính vì vậy mà nhiều nơi ở châu Á có hình bóng của ngôi chùa Hindu. Những mái nhà nhọn ở Nhật Bản giống mái cung điện ở Lahore, hay ngôi nhà đồ chơi với tay vịn tinh xảo, bờ rào bằng cây liễu gai hoặc thảm ngăn cách. Đây là điều bình thường như những hiện tượng của không khí và sự

giao thoa của cái đẹp.

Đến các ngôi nhà của người Xlavơ và người Nga cũng có những đường cong phức tạp cùng mái nhọn giống của người Hindu. Ở châu Mỹ của chúng ta, các căn nhà chịu ảnh hưởng vừa của kiến trúc La Mã vừa của kiến trúc Hồi giáo. Bởi chất Hồi giáo và La Mã là hai thuộc tính của dân tộc Tây Ban Nha, những người đã thống trị châu Mỹ. Họ phá hết nhà cửa của người thổ dân, hủy hoại tận gốc rễ: những ngôi đền, đài quan sát, tháp tín hiệu, nhà cửa. Tất cả những thứ liên quan đến thổ dân da đỏ đều bị những kẻ xâm lược Tây Ban Nha đốt phá, trừ hai thứ: những đại lộ và hệ thống dẫn nước. Bởi vì, chúng không biết làm sao mang được đá đến như người thổ dân để làm các công trình, mà không có ống dẫn nước thì chúng không có nước uống.

Ngày nay, các dân tộc trên thế giới đã hiểu biết về nhau nhiều hơn và đi thăm thú cũng nhiều hơn. Mỗi một dân tộc có kiểu kiến trúc riêng của mình, tùy thuộc vào thời tiết nơi họ sinh sống lạnh hay nóng và cũng còn tùy thuộc vào đặc tính truyền thống của từng dân tộc. Tuy vậy, điều dường như mới mẻ ở các thành phố không phải là cách thức xây dựng nhà, mà là mỗi thành phố đều có các nhà xây theo phong cách Hồi giáo, Hy Lạp, Gothic, Đông La Mã, và Nhật Bản, như thể chúng ta đã bắt đầu thời kỳ hạnh phúc, trong đó con người đối xử với nhau như những người bạn và đoàn kết cùng nhau.

Nené Tinh Nghịch

Chắc chẳng ai biết trên đời này có đứa trẻ nào lại giống như Nené! Một cụ già rất am hiểu thì nói rằng, trẻ con đứa nào chẳng giống Nené. Cô bé thích chơi trò “làm mẹ”, chơi “bán hàng”, hoặc “làm bánh” với các con búp bê của mình hơn việc phải học các bài toán chán ngắt với cô giáo vẫn thường đến dạy bé. Nené không còn mẹ: mẹ cô bé đã qua đời. Vì thế mà cô bé có cô giáo đến dạy. “Làm bánh” là trò mà Nené thích chơi nhất. Vì sao nhỉ? Ai mà biết được! Có lẽ vì chơi trò làm bánh, cô bé được cho đường thật. Bánh của cô bé không bao giờ thành công ngay từ mẻ đầu tiên. Làm bánh khó thật! Cô luôn luôn phải xin đường hai lần. Nené không thích giao cho các bạn mình việc làm bánh. Khi chơi các trò chơi, trò mua sắm hay đi dạo chơi, cô luôn luôn gọi các bạn bé nhỏ của mình, nhưng khi chơi trò làm bánh thì không bao giờ. Có một lần, một chuyện lạ đã xảy ra với Nené khi cô bé xin cha mình hai xen để mua chiếc bút chì mới. Song trên đường đi, cô lại quên khuấy đi mất, chưa bao giờ nghĩ đến việc phải mua bút chì. Sau đó, cô mua một chiếc bánh kem dâu. Chuyện này ai cũng biết. Từ đấy trở đi, các bạn cô không gọi cô là Nené mà gọi là “Bánh kem dâu”.

Cha của Nené thương yêu cô hết mực, đến nỗi ông không thể làm việc được nếu buổi sáng trước khi đi làm mà chưa được gặp cô “con gái bé bỏng”. Ông chẳng bao giờ gọi cô là Nené mà gọi là “con gái bé bỏng”. Khi người cha đi làm về, cô bé luôn luôn chạy

ra cửa đón cha bằng vòng tay rộng mở, giống như con chim đang rộng cánh bay. Cha cô thì quỳ rạp xuống sàn nhà như đang lượm một bông hoa hồng. Cô nhìn cha chăm chú với ánh mắt thương yêu như thể đang hỏi người cha điều gì đó, còn cha cô thì nhìn cô với đôi mắt buồn rười rượi như chực bật khóc. Nhưng ngay sau đó thì ông lại vui ngay, kiệu cô bé lên vai, rồi cả hai cùng vào nhà và cùng hát quốc ca. Mỗi ngày, cha Nené mang về cho cô một cuốn sách mới; để cho cô bé xem nếu cuốn sách có hình vẽ. Cô bé rất thích một số cuốn mà cha mang về cho mình. Những cuốn sách có vẽ các ngôi sao, mỗi một ngôi sao đều có tên gọi và màu sắc khác nhau. Ngôi thì màu đỏ, ngôi lại màu vàng, có ngôi màu xanh. Ánh sáng phát ra từ chúng có bảy màu. Những ngôi sao dạo chơi trên bầu trời, chẳng khác nào các cô bé vẫn thường hay dạo chơi trong vườn. Nhưng không, không hề giống, bởi vì các cô bé đi từ chỗ này sang chỗ kia trong vườn như những cánh hoa mà gió cuốn, còn những vì sao di chuyển trên trời theo một quỹ đạo nhất định chứ không phải thích đi đâu thì đi. Biết đâu ở trên đó cũng có ai chăm sóc các vì sao thì sao? Tựa như trên trái đất này, các ông bố chăm sóc con gái mình. Đơn giản là các vì sao không phải là trẻ con. Tất nhiên rồi, đó cũng không phải là những bông hoa ánh sáng như khi chúng ta nhìn lên, mà là những hành tinh to lớn như thế giới này. Người ta kể rằng ở trên những ngôi sao cũng có cây, có nước và có người sinh sống như ở đây. Cha cô còn kể là trong một cuốn sách có nói: chúng ta sẽ lên sống ở một vì sao nào đó khi ta qua đời. Nené hỏi cha: “Cha ơi, cha nói cho con biết đi, vì sao mà nhà ai có người chết, người ta lại buồn? Khi nào con chết, con chẳng muốn nhìn thấy ai khóc đâu. Con muốn mọi

người chơi đàn, bởi vì con sẽ được lên sống ở trên ngôi sao màu xanh”, “Nhưng một mình con ư? Con không mang theo người cha tội nghiệp này sao?”, Nené trả lời cha mình: “Ôi, buồn thật, sao cha lại nghĩ như vậy!” Tối hôm đó, Nené không muốn đi ngủ sớm, mà chỉ muốn ngủ trong vòng tay yêu thương của cha mình. Những ông bố sẽ trở nên rất buồn rầu khi người mẹ qua đời. Các bé gái càng nên thương yêu cha mình hơn khi mẹ chúng không còn trên cõi đời này nữa.

Buổi tối hôm họ nói chuyện về các vì sao, người cha mang về cho Nené một cuốn sách rất to. “Ôi sao cuốn sách này nặng thế!” Nené muốn nhắc cuốn sách lên, nhưng không thể. Cô ngã sõng soài với cuốn sách đè lên người, chỉ còn hở mỗi cái đầu có mái tóc đỏ ở đầu này và đôi giày màu đen ở đầu kia. Cha cô liền chạy lại nhắc con ra khỏi cuốn sách rồi bật cười: “Con còn chưa đầy sáu tuổi đã muốn bê quyển sách cả trăm tuổi.” Cuốn sách cả trăm tuổi mà vẫn chưa mọc râu! Nené đã từng nhìn thấy một ông cụ trăm tuổi nhưng râu của cụ dài lắm, đến tận thắt lưng. Thành ngữ viết rằng, các cuốn sách hay tựa như những người già: “Một quyển sách hay chính là một người bạn cao niên”. Nené lặng lẽ đi ngủ, trong đầu chỉ nghĩ về cuốn sách. Đây là sách gì nhỉ? Tại sao cha không cho mình đụng đến nó nhỉ? Khi tỉnh giấc, cô thôi không còn nghĩ đến điều đó nữa. Cô muốn biết đó là sách gì. Cô muốn tìm hiểu bên trong cuốn sách cả trăm tuổi mà vẫn chưa mọc râu.

Vì Nené, cha cô đã phải đi làm xa nhà, để cho cô có một ngôi nhà đẹp, được ăn ngon mỗi ngày chủ nhật, để mua cho cô những bộ váy màu trắng có thắt nơ xanh, để tiết kiệm chút đỉnh, để khỏi khi người cha qua đời mà cô con gái bé bỏng

không còn lại gì trên cuộc đời. Người cha tội nghiệp của cô bé đã đi xa nhà, đang làm việc vì cô “con gái bé bỏng”. Người giúp việc đang chuẩn bị bồn tắm. Chẳng còn ai nghe thấy Nené, cũng chẳng ai trông thấy cô bé. Cha cô thường để ngỏ cửa phòng sách. Ở đó có chiếc ghế nhỏ của Nené mà mỗi buổi tối cô bé thường ngồi bên chiếc bàn viết để xem cha mình làm việc. Năm, sáu, bảy bước..., thế rồi cô bé bước đến bậc cửa, đẩy cửa bước vào. Cái gì xảy ra thế này? Cuốn sách cũ đang mở sẵn trên ghế cứ như đang chờ cô bé vậy. Nené cẩn trọng chầm chậm tiến lại gần cuốn sách. Khi ta suy tư nhiều thì bao giờ ta cũng đi với hai tay chấp sau lưng. Chẳng có lý do nào trên đời khiến Nené phải chạm vào cuốn sách; chỉ nhìn thôi và không làm gì khác ngoài nhìn. Bố cô đã dặn không được sờ vào cuốn sách rồi mà.

Cuốn sách không có râu mà có rất nhiều dải ruy băng và những vết đánh dấu trên khắp các trang giấy. Nhưng đó không phải là râu. Người lẩm râu chính là gã khổng lồ được vẽ ở trong sách. Đó là các hình vẽ có màu sắc, những màu sáng óng ánh, như chiếc vòng tay mà bố tặng cô bé. Bây giờ ai người ta vẽ sách như vậy! Gã khổng lồ đang ngồi trên đỉnh một ngọn núi, với cái gì đó hỗn độn, trông như những đám mây trên bầu trời xanh thẳm. Trên đầu lão không có gì khác ngoài một con mắt bên trên cái mũi. Lão ăn vận như người chần cừu, mặc chiếc áo dài màu xanh lá cây có vẽ điểm xuyết những ngôi sao bằng vàng, bằng bạc. Râu lão rất dài, dài lắm, có khi đến tận chân núi. Mỗi sợi râu có một người đang leo lên, giống như người ta đu dây trong rạp xiếc. Ôi, thế này thì không thể nhìn từ xa được. Nené phải bê cuốn sách từ ghế xuống sàn nhà. Ôi, cái cuốn sách tinh quái này sao mà nặng thế không biết! Bây giờ thì cô bé có thể

nhìn thấy rõ hơn rồi. Cuốn sách đã nằm yên vị trên sàn nhà.

Có năm người đàn ông tất tắp đang leo lên: một người da trắng, mặc chiếc áo đuôi én, chân đi ủng và cũng có râu. Người vẽ truyện này có vẻ rất thích râu thì phải! Một người nữa trông như người Ấn Độ, đúng là người Ấn Độ, trên người đeo một chiếc vòng kết lông vũ, lưng đeo cung tên. Người thứ ba là một người Trung Quốc, trông như một đầu bếp, nhưng lại mặc một bộ đồ tựa như quần áo phụ nữ, đầy hoa là hoa. Một người nữa có vẻ như cũng là người Trung Quốc, đội một chiếc mũ nhọn, nhìn như quả lê. Một người khác thì da đen, một người da đen bảnh trai, nhưng lại không mặc quần áo. Ở trần thế này thì không được! Bởi vậy nên cha cô cương quyết không cho cô đụng vào cuốn sách. Thôi, cô không nhìn trang sách này nữa để cha khỏi giận. Quyển sách cũ này đẹp thật! Nené gần như ngủ gật trên quyển sách, như đang nói với cuốn sách bằng mắt vậy.

Không lâu sau thì sách bị rách trang. Nhưng không, sách không hỏng, chỉ rách đến một nửa trang giấy là cùng. Cha của Nené đã không xem kỹ cuốn sách, mà điều ấy cũng chẳng ai thấy được. Chỉ biết rằng cuốn sách đúng là hay thật, hay hơn cả huyền thoại Chiếc thuyền Noah trong Kinh thánh. Trong đó vẽ tất cả các loài động vật trên thế giới, có cả màu sắc, như một thế giới khổng lồ. Đúng rồi, đây là con hươu cao cổ đang gặm mặt trăng. Đây là con voi chở trên lưng một đám con nít. Ô, nhìn con chó nó chạy kia, nhìn nó kia! Lại đây chó con ơi! Chị sẽ đánh cho em một cái vì em không chịu đến đây. Và, đương nhiên cô bé giật mạnh trang sách. Nené của chúng ta thấy gì nào? Một lũ khỉ xuất hiện ở một trang sách khác. Cả hai trang sách đều đầy khỉ: một con khỉ màu đỏ đang chơi với chú khỉ con màu xanh lá

cây; một con khỉ già có râu đang gặm đuôi một con khỉ bự. Con này đi giống người, trên tay đang cầm chiếc gậy. Một con khỉ đen đang nô đùa trên cỏ với một con khác màu vàng. Bọn khỉ đang ở trên cây là khỉ con! Ôi, buồn cười quá! Nhìn chúng chơi kìa! Chúng đu đưa người bằng chiếc đuôi, giống như xích đu. Hay quá! Chúng nhảy hay thế! Một, hai, ba, năm, tám, mười sáu, bốn mươi chín con khỉ đang nắm đuôi nhau. Chúng sẽ cùng nhảy xuống sông, sẽ nhảy hết xuống sông. Suyt, bọn chúng ra hết phía đó đấy! Nené thích quá, giật lấy hai trang sách. Ai đang gọi Nené đấy, ai gọi đấy? Đó là cha cô, là cha của cô đang nhìn cô từ ngoài cửa.

Nené không nhìn thấy gì cả, không nghe thấy gì cả. Dường như cha cô đang lớn dần, lớn rất nhanh, cao đến tận trần nhà, to hơn cả gã khổng lồ trên núi. Cha cô là ngọn núi mà cô đang trèo lên. Cô bé im lặng, lặng im, đầu cúi gục, mắt nhắm nghiền, những trang sách rách trên tay rơi lả tả. Và, cha cô bé đang nói điều gì: “Nené, cha đã bảo là con đừng có đụng vào quyển sách cơ mà? Nené, con có biết cuốn sách này không phải của cha không? Nó rất đắt, đắt lắm không? Nené, con có biết là để trả cho cuốn sách này, cha sẽ phải làm việc trong cả một năm trời không?” Nené mặt trắng bệch như tờ giấy, chân khụy xuống sàn nhà, đầu cúi gục, tay ôm lấy đầu gối cha và nói: “Cha của con!”, “Cha kính yêu của con! Con đã làm cho cha giận rồi. Con là đứa con không ngoan. Sau này khi con chết, con sẽ không được lên vì sao màu xanh nữa!”

Viên Ngọc Của Cô Gái Hồi Giáo

Cô gái Hồi giáo vùng Tripoli
Có viên hồng ngọc trong suốt
Một hôm đem vứt xuống biển
Nhàm chán thốt lên: tôi ớn cả rồi!
Vài năm sau, tìm thấy trong đá
Người dân Tripoli mừng đến phát khóc
Cô gái Hồi giáo ngốc nghếch mới than:
– Biển ơi biển trả tôi ngọc quý!
• Những Phế Tích Thổ Dân

Có lẽ chẳng có bài thơ nào buồn và đẹp hơn bài thơ được rút ra từ lịch sử châu Mỹ. Ta không thể đọc mà không yêu, không xem như hoa và lông vũ trong không khí, đó là một trong những cuốn sách cổ thú vị được bọc giấy da, kể về châu Mỹ của những người thổ dân da đỏ, về các thành phố, lễ hội, các giá trị nghệ thuật, cũng như những cái hay, cái đẹp trong tập tục, truyền thống của họ. Một số dân tộc sống tách biệt, đơn giản, chẳng mặc gì trên mình và cũng chẳng có nhu cầu thiết yếu nào, tựa như các dân tộc thuở khai thiên lập địa. Người ta bắt đầu vẽ những hình tượng kỳ lạ trên các phiến đá dọc hai bên bờ sông, nơi chỉ có rừng rú. Con người nghĩ nhiều về những điều kỳ diệu của thế giới. Một số dân tộc lâu đời hơn thì sống thành bộ lạc,

lập các làng nhà sàn hoặc nhà gạch không nung, ăn những thứ sẵn sẵn, bắt được, và chiến đấu với những bộ tộc láng giềng. Một số khác là những dân tộc đã hình thành lâu đời, có thành phố với một trăm bốn mươi nghìn nóc nhà và cung điện được trang trí bởi các bức tranh bằng vàng; buôn bán tập nập trên đường phố và quảng trường. Họ có những ngôi đền bằng đá cẩm thạch với các bức tượng khổng lồ khắc họa các vị thần của mình. Tác phẩm của họ không giống của các dân tộc khác, mà chúng như là người này giống người kia thôi. Họ là những con người tầm tối, mê tín và khùng khiếp. Họ sáng tạo ra nhà nước, tôn giáo, nghệ thuật, chiến tranh, kiến trúc, nền công nghiệp và thơ ca của mình. Thứ gì của họ cũng hấp dẫn, táo bạo và mới mẻ. Đó là một chủng tộc có khiếu nghệ thuật, thông minh và sạch sẽ. Họ đọc tiểu thuyết về lịch sử của người Nahuatl và Maya ở Mexico, người Chibcha ở Colombia, người Cumanagoto ở Venezuela, người Quechua ở Peru, người Aimara ở Bolivia, người Charrua ở Uruguay, và người Araucano ở Chile.

Chim đuôi seo là loài chim rất đẹp ở Guatemala, với lông dài, màu xanh óng ánh. Khi bị bắt, chịu đau đớn, bị rách da, hoặc rụng lông đuôi thì chim mới chết. Loài chim này phát sáng óng ánh dưới nắng mặt trời, giống như đầu của các con chim ruồi. Lúc ấy nom chim như đá quý hay châu báu, một bên là hoàng ngọc, bên nữa là ngọc mắt mèo, cạnh đấy là thạch anh tím. Trong những cuộc thám hiểm của nhà khảo cổ học Le Plongeon, người ta đọc các câu chuyện về tình yêu của công chúa người Maya tên là Ara. Nàng không muốn dành tình cảm cho hoàng tử Aak, bởi lẽ, vì tình yêu đối với Ara mà hoàng tử Aak đã giết chết anh trai Chaak của nàng. Trong lịch sử của thổ dân Ixtlilxochilt,

ta thấy các thành phố hoàng gia rực rỡ và giàu có của Mexico, đó là: Tenochtitlan và Texcoco. Trong Kỷ niệm Florida của vị chỉ huy Fuentes người Guatemala, Biên niên sử Juarros, truyện của nhà viễn chinh Bernal Diaz del Castillo, hoặc trong những cuộc hành trình của nhà truyền giáo người Anh, Thomas Gage, chúng ta như nhìn thấy ở trước mắt một cách sống động người dân trong những bộ quần áo màu trắng bế con trên tay, vừa ngâm thơ vừa xây dựng các công trình kiến trúc. Chúng ta thấy những đám đông người ở các thành phố ngày đó, những nhà thông thái của xứ Chichen, những nhóm tài phiệt vùng Uxmal, những thương gia của Tulan, những nghệ nhân Tenochitlan, những linh mục ở Cholula, những người thầy giáo đáng yêu và những đứa trẻ ngoan ngoãn ở Utatlan. Nơi ấy, có một chủng tộc khéo léo sống dưới ánh nắng mặt trời và không bao giờ đóng cửa các ngôi nhà bằng đá của mình. Dường như không phải ta đang đọc một cuốn sách với các trang giấy màu vàng, trong đó những chữ “s” cũng giống như chữ “f” với ngôn từ sáo rỗng thường thấy trong sách, mà chúng ta cảm nhận thấy như thật, như đang trông thấy một con chim đuôi seo bị rách đuôi, kêu lên tiếng cuối cùng trước khi chết. Với trí tưởng tượng, chúng ta nhận biết được những thứ mà ta không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

Người ta kết bạn với nhau bằng việc đọc những cuốn sách cổ ấy. Ở trong đó có các anh hùng, các vị thánh, những con người đáng yêu, những nhà thơ và các tông đồ. Sách cũng miêu tả về những kim tự tháp còn to hơn cả kim tự tháp Ai Cập; về chiến công của những người khổng lồ đã chiến thắng quỷ dữ, những cuộc chiến của người khổng lồ với con người; về những vị thần

bay trong gió gieo mầm mống các dân tộc trên trái đất; về những vụ cướp công chúa làm cho các dân tộc phải đánh lẫn nhau cho đến khi diệt vong; về các cuộc chiến giáp lá cà với sự tàn ác tưởng như không phải của loài người; về việc bảo vệ các thành phố gần như tan nát khỏi những kẻ xâm lược hùng mạnh phương Bắc; về cuộc sống đa dạng, vui tươi, cần mẫn của những gánh xiếc, đến các ngôi đền, các kênh rạch, công xưởng, tòa án và chợ búa. Sách cũng kể về các ông vua như vua của người Chichimeca tên là Netzahualpilli đã xử tử các con của mình bởi chúng phá vỡ luật pháp. Cũng vì lẽ ấy, nhà vua Rome Bruto đã để cho người ta giết chết con ruột của mình. Có những nhà hùng biện vừa khóc vừa đứng lên, như anh hùng Xicotencatl của Tlascalteca, cầu xin dân tộc mình không để cho quân Tây Ban Nha vào xâm lược. Nhà diễn thuyết Demosthenes cũng đứng lên cầu xin những người Hy Lạp dừng việc tấn công vua Filippo. Cả những vị vua chính trực như Netzahualcoyotl - nhà vua cũng là nhà thơ đại tài của người Chichimeca; vua Salomon của người Do Thái, đã xây dựng các ngôi đền nguy nga cho đáng Tạo hóa, khơi nguồn ra sự công bằng giữa người với người. Một chủ đề khác, sách cũng đề cập đến đó là tục hiến tế trinh nữ cho các vị thần vô hình trên trời. Tương tự như ở Hy Lạp, nơi có nhiều lần hiến tế đến mức không cần thiết phải lập bàn thờ cho lần lễ sau. Đống tro cốt của lần đốt sau cùng còn cao đến mức người hiến tế có thể đem treo nạn nhân ở đó. Người ta hiến tế cả đàn ông. Tổ phụ của người Do Thái là Abraham, đã buộc Issac vào những khúc gỗ để rồi chính đôi bàn tay ông lấy đi sinh mạng đứa con trai của mình, bởi ông tin rằng, đã nghe thấy từ trên trời vọng xuống lệnh phải cầm dao đâm chết con trai mình,

vì máu của Issac sẽ làm cho các vị thần trên trời hài lòng. Cũng có những vụ hiến tế tập thể. Như ở Quảng Trường Lớn, trước các giám mục và nhà vua, Tòa án dị giáo Tây Ban Nha đã thiêu sống những người đàn ông bằng một khối lượng lớn củi đốt, có cả lễ diễu hành. Phụ nữ ở thành phố Madrid có thể xem đám thiêu từ ban công nhà mình. Mê tín và ngu muội làm cho con người ở tất cả các dân tộc đều có thể trở nên hung dữ. Người Tây Ban Nha là những kẻ chiến thắng, đã nhận xét rằng người thổ dân thì còn mê tín và ngu muội hơn nữa. Có thể họ phóng đại hoặc bịa ra những điểm xấu cho thổ dân để việc họ đối xử với thổ dân tàn ác coi như là công bằng và phù hợp. Cần phải đọc đồng thời cả những gì người lính Tây Ban Nha, Bernal Diaz kể về các cuộc hiến tế của người thổ dân và cả những gì linh mục Bartolome de las Casas kể lại. Linh mục Bartolome de las Casas là một cái tên mà chúng ta cần phải ghi nhớ trong thâm tâm, như là người anh em, bởi vị linh mục này là một người bảo vệ thổ dân châu Mỹ. Ông xấu và gầy, nói năng thì nhanh và không gãy góc, mũi lõ, nhưng dưới ánh lửa, đôi mắt ông toát lên một tâm hồn cao thượng trong sáng.

Bây giờ chúng ta hãy cùng tới Mexico, bởi trong tranh là những hình ảnh về đất nước này. Những người Toltec tuyệt vời là những người đầu tiên định cư ở Mexico. Tay giơ cao chiếc khiên làm bằng cây sậy, họ theo người thủ lĩnh mang khiên có vòng vàng. Sau đó, những người Toltec lại bị mất quyền lực. Những người Chichimeca hung tợn, mặc đồ da, đến từ phía bắc với một sức mạnh khủng khiếp, đã cướp được quyền cai trị. Họ ở lại đây và có những vị vua rất thông thái. Sau đó, các dân tộc tự do xung quanh đã liên kết với những người Aztec khôn

ngoan, đánh bại chính quyền của người Chichimeca khi đó đã sống bất cẩn và sa sút. Những người Aztec thống trị với kiểu cách những thương gia, cốt gom của cải và đàn áp đất nước. Khi nhà thám hiểm Hernan Cortes và những người Tây Ban Nha đổ bộ vào Mexico, với sự giúp đỡ của hàng trăm ngàn lính thổ dân bị đế chế này áp bức bóc lột mà họ chiêu mộ được trên đường đi, đã đánh bại đế chế Aztec.

Súng đạn và áo giáp sắt của người Tây Ban Nha không đe dọa được những anh hùng thổ dân. Nhưng những người dân cuồng tín cũng không muốn tuân theo các vị anh hùng này. Họ nghĩ, người Tây Ban Nha là quân đội của thần rắn Quetzacoatl ở trên trời mà những vị linh mục đã báo trước họ sẽ được cử đến để giải thoát người dân khỏi sự áp bức bóc lột. Cortes biết hết những mâu thuẫn giữa những người thổ dân, nên đã lợi dụng sự đố kỵ đó, ly gián người dân và thủ lĩnh của họ. Bằng thủ đoạn mua chuộc hoặc dọa nạt những người yếu đuối, tổng giam hoặc ám hại những người dũng cảm, khôn ngoan. Có quân đội bảo trợ, những linh mục Tây Ban Nha phá hủy tất cả đền thờ thần của thổ dân, sau đó lập lên đền thờ các vị thần của họ.

Ôi, Tenochtitlan, kinh đô của đế chế Aztec, đẹp biết bao khi Hernan Cortes mới đến Mexico! Suốt cả ngày lúc nào cũng như buổi sáng và thành phố cũng luôn như có hội hè. Phố phường tấp nập. Quảng trường vừa nhiều vừa rộng rãi. Các vùng xung quanh kinh đô ánh lên một màu xanh trù phú của cây cối. Trên khắp các kênh rạch, tàu thuyền đi lại tấp nập và trật tự. Có lúc, thuyền bè đi lại san sát đến nỗi dường như ta có thể bước qua chúng như đi trên mặt đất. Mỗi xuồng chở một thứ khác nhau, cái thì chở trái cây, cái chở hoa, cái khác chở lọ, bình, cốc chén,

có cái chợ toàn đồ gốm sứ. Ở các chợ, người rất đông đúc, chào hỏi nhau thân tình. Đây đó, kẻ ca tụng, người nói xấu nhà vua, vừa buôn bán vừa tò mò. Nhà cửa của họ được xây bằng gạch sống, có nghĩa là gạch không nung. Nhà nào giàu có thì nhà được xây bằng đá. Một công trình nổi bật trên toàn thành phố, đó là Đền thờ lớn, thờ thần Huitzilopochtli, được xây dựng trên nóc một kim tự tháp lớn gồm năm tầng. Ở dưới chân là bốn mươi ngôi đền nhỏ khác. Đền thờ lớn này được làm bằng gỗ mun và đá thạch anh, có cả đá cẩm thạch vân mây và gỗ của cây tuyết tùng thơm. Tầng trên cùng có cả thấy sáu trăm lò than với ngọn lửa rừng rực không bao giờ tắt. Trên các con phố ở phía dưới, người người nườm nượp qua lại. Họ mặc những chiếc áo chùng ngắn không có ống tay màu trắng, hoặc có màu, hoặc màu trắng có hình thêu, đi giày rộng, trông giống dép xăng đan bó gót. Từ một góc, một lũ trẻ con vừa đi vừa bắn súng bằng hạt hoa quả hoặc sỏi còi đất. Bọn trẻ trên đường tới trường để học các nghề thủ công, học múa học hát, học các bài giảng về ném lao và bắn tên, các tiết học về trồng trọt và gieo cấy. Ai ai cũng phải học làm việc trên cánh đồng, phải làm mọi việc bằng chính đôi tay của mình và phải tự vệ nữa. Một ông quan mặc chiếc áo choàng dài điểm xuyết lông vũ đi qua, đi bên cạnh ông là viên trợ lý, người này vừa đi vừa mở cuốn sách mới; nội dung từ ngoài vào trong là các hình vẽ và ký hiệu bên cạnh, sao cho khi đóng sách lại, mực không bị dính lem nhem vào chỗ nếp gấp. Đằng sau ông quan là ba người lính đầu đội mũ bằng gỗ được bọc da: một cái có hình đầu rắn, cái khác hình đầu chó sói, cái nữa hình đầu hổ. Với chiếc mũ trên đầu, người ta nhìn thấy ba tia sáng phát ra phía trên tai họ, đó chính là tín hiệu của sự cao

quý. Một người đầy tớ cầm trên tay một chiếc lồng bằng cây sậy, trong đó nhốt một con chim màu vàng óng để tặng nhà vua. Trong mê cung của vườn thượng uyển có khá nhiều chim chóc, cá màu bạc và đỏ đậm bơi lội trong bể cá bằng đá cẩm thạch. Phía trước một người vừa đi vừa hô to để người dân nhường đường cho các vị đại sứ vai trái đeo khiên và mũi tên nhọn hoắt, tay chỉ chỗ yêu cầu thần dân cống nạp. Trên bệ cửa nhà mình, một người thợ mộc vừa hát vừa sửa lại chiếc ghế hình con đại bàng. Ghế bị rơi mất phần trang trí bằng vàng và tua bằng da hươu ở chỗ ngồi. Một số người bán dạo các bức vẽ bằng da. Họ dừng lại ở cửa mỗi nhà hỏi xem có ai mua bức vẽ màu đỏ hay màu xanh không. Những bức vẽ này chẳng khác các bức tranh thời bây giờ, thường được treo để trang trí phòng khách. Một người đàn bà góa chồng vừa từ chợ về cùng với cô đầy tớ theo sau. Họ chẳng còn tay nào để không, họ cầm nào là những chiếc bình của Cholula và Guatemala; một con dao bằng đá màu xanh, mỏng như tờ giấy; nào là một chiếc gương bằng đá sáng loáng, soi rõ sự mịn màng trên gương mặt hơn cả thủy tinh; nào là một mảnh vải bằng hạt rất dày, không bao giờ bị mất màu; rồi một con cá vảy bạc, vảy vàng, trông như tách biệt từng phần; một con vẹt trắng đồng có mỏ và cánh không ngừng đu đưa theo nhịp đi của người. Nhiều người dừng lại trên đường để xem đám cưới. Áo chùng của chú rể được may dính vào váy cưới cô dâu như để công bố với thiên hạ rằng, họ sẽ ở bên nhau cho tới khi đầu bạc răng long. Đằng sau họ, một cậu bé vừa chạy vừa kéo chiếc ô tô đồ chơi. Một số khác thì tụ tập để nghe người lữ khách kể về những gì ông nhìn thấy ở vùng đất của người Zapotec. Nơi đó, có một vị vua lạ, chỉ ngồi trong các ngôi đền và trong chính

cung điện hoàng gia của mình để trị vì thiên hạ. Vị vua này không bao giờ ra ngoài bằng chân, mà luôn ngự trên vai của các linh mục để nghe những lời cầu xin của thần dân. Thông qua nhà vua, họ muốn gửi lời khẩn cầu tới đấng tối cao trên trời, cũng như các vị vua trong cung điện và cả các vị vua khác ngự trên vai các linh mục. Một số người ở nhóm bên cạnh nhận xét rằng, câu chuyện mà vị linh mục kể về người sĩ quan quân đội mất hôm qua rất thú vị. Đám tang rất sang trọng, có cả bức trướng ghi chiến công trận mạc của ông. Những người hầu bê trên tay các khay làm bằng tám thứ kim loại khác nhau, đựng đồ ăn khoái khẩu của vị sĩ quan này. Người ta còn nghe thấy trong các câu chuyện trên phố lời đồn về những cái cây trong sân, tiếng xào xạc của những cây chanh và tiếng đập của đe búa. Tất cả bao nhiêu giá trị như thế mà ngày nay chỉ còn lại trong bảo tàng vài chiếc cốc bằng vàng, một số cái ách gia súc bằng đá, một ít đá vỡ chai mài bóng, một vài chiếc nhẫn được chạm trổ! Thành phố Tenochitlan không còn tồn tại. Tulan, thành phố của lễ hội cũng mất. Kể cả thành phố Texcoco đầy rẫy những cung điện cũng không còn lại gì nữa. Giờ đây, khi đi qua những di tích cổ, người dân bản địa luôn cúi đầu xuống, miệng lẩm nhẩm như đọc cái gì đó. Họ bỏ mũ ra, cho đến khi đi qua hẳn những di tích. Khu vực ấy của Mexico là nơi những dân tộc nói cùng một thứ tiếng, sinh sống chung như một gia đình. Dần dần, họ cai trị khắp tất cả khu vực miền trung bờ biển Thái Bình Dương, nơi những người Nahuatl sinh sống. Thế rồi, sau cuộc chinh phạt, không còn một thành phố hay một đền thờ nào còn nguyên vẹn nữa.

Tại Cholula, vùng đất Cholula của những đền đài trước đây,

đã làm cho Hernan Cortes phải thốt lên kinh ngạc, giờ đây, không còn thứ gì ngoài đồng tàn tích còn lại của kim tự tháp bốn tầng to gấp đôi kim tự tháp nổi tiếng Kê-ốp. Ở trên đỉnh nhô lên đầy đường hầm và khung vòm. Nằm ở dưới chân khu di chỉ khảo cổ Xochicalco là ngôi đền làm bằng đá hoa cương được chạm khắc, với các phiến đá lớn xếp sát nhau trông tựa như một khối đồng nhất, rất cứng. Không ai biết được người ta dùng công cụ gì để có thể cắt được, cũng không hiểu dùng máy móc gì mà có thể nâng những phiến đá đó lên cao như vậy. Ở Centla còn lại những thành lũy cổ ngổ ngang trên mặt đất. Nhà khảo cổ học người Pháp là Charnay vừa mới khai quật được ở Tula một ngôi nhà có hai mươi bốn phòng, với mười lăm bậc cầu thang được xây dựng rất đẹp và tinh xảo. Ông nhận xét rằng: “Đây là tác phẩm gây ấn tượng vô cùng mạnh”. Ở khu di tích khảo cổ La Quemada, bao gồm một ngọn đồi xây chi chít các tòa nhà, những phế tích của các tàu thủy lớn, bức ngăn của ngọn pháo đài và một loạt những cột đá Pocfia khổng lồ. Mitla là thành phố của người Zapotec. Ở đây vẫn còn bảo tồn nguyên vẹn vẻ đẹp của những bức tường trong cung điện, nơi chàng hoàng tử luôn ngự trên vai quân lính khi đến tâu với nhà vua về những điều mà từ trên trời, cha của các vị thần là Pitao-Cozaana, ra lệnh phải làm. Những chiếc cột với xà nhà được trạm trổ để nâng mái, chứ không có nền, cũng không có giá đỡ cột, vậy mà cho đến bây giờ nó vẫn còn. Trong khung cảnh tĩnh mịch đó, nom chúng còn hùng vĩ hơn cả những ngọn núi xung quanh thung lũng sum sê, nơi thành phố Mitla được dựng lên. Từ giữa đám cỏ dại cao bằng cả thân cây, mọc lên những bức tường rất đẹp, tất cả đều được phủ những đường viền trang trí

và tranh vẽ rất tinh tế, không một chỗ cong, tất cả đều là những đường thẳng và các góc kết hợp với nhau tạo nên sự tinh tế và tao nhã.

Tuy nhiên, những di tích đẹp nhất Mexico không phải ở đây, mà là ở nơi người Maya sinh sống. Họ là những chiến binh dũng cảm, đầy quyền lực, đã từng đón rất nhiều đoàn người đến thăm và cả các đại sứ từ các dân tộc vùng biển. Người Maya ở Oaxaca có thành phố Palenque rất nổi tiếng, với cung điện có những bức tường chắc nịch bằng đá, trên đó khắc hình những người đầu nhọn với miệng nhô ra ngoài, trang phục được trang trí cầu kỳ, đầu đội mũ lông chim. Cổng vào lâu đài rất nguy nga, mười bốn cửa và những tượng người khổng lồ bằng đá nằm giữa cửa nọ với cửa kia. Ở bên trong và bên ngoài đều có những bức tranh được đắp nổi bằng vữa tường, đủ các màu đỏ, xanh, đen và trắng. Bên trong có sân rộng, nhiều cột bao quanh. Ở đây có ngôi đền Thập tự. Gọi như vậy là vì trên một trong các phiến đá lớn có hai hình người trông như là linh mục đứng hai bên một vật có hình thập tự cao tới ngang đầu họ. Đó không phải là cây thánh giá của đạo Cơ đốc mà là của những tín đồ Phật giáo. Họ cũng có thập tự. Tuy vậy, những phế tích ở Palenque không thể sánh được với những phế tích của người Maya ở Yutacan, bởi chúng lạ và đẹp mắt hơn rất nhiều.

Ở bán đảo Yutacan có đế chế của các hoàng tử Maya, những người có xương gò má rộng, trán thì giống trán của người da trắng bây giờ. Đây cũng là nơi tồn tại các phế tích Sayil, với ngôi nhà Lớn, cao ba tầng, cầu thang rộng đến cả mười vara. Ở đây cũng có phế tích Labna, với tòa nhà kỳ lạ có một hàng đầu lâu bằng đá treo sát trần nhà. Bên cạnh là một phế tích khác, nơi có

tượng hai người đàn ông mang trên mình một quả cầu lớn, một người để ở chân, người kia ở đầu gối. Ở bán đảo Yucatan có kim tự tháp Izamal, nơi có Khuôn mặt khổng lồ, đó là một khuôn mặt bằng đá rộng khoảng hơn hai vara. Ở bán đảo này cũng có kỳ quan nhân tạo Kabah, còn lưu giữ được một cổng vòm bị vỡ ở bên trên. Chúng ta sẽ không thể hiểu nổi nếu không cảm nhận được những nét hấp dẫn và tao nhã của công trình. Tuy nhiên, hai thành phố Uxmal và Chichen Itza mới là những thành phố được ca ngợi trong sách của các nhà thám hiểm: Stephens người Mỹ, Brasseur de Bourbourg người Pháp, các nhà khảo cổ học: Charnay người Pháp, Le Plongeon và người vợ tinh nghịch của ông, cũng là nhà khảo cổ học người Pháp, Nadaillac. Các thành phố này có những cung điện phủ màu, các ngôi nhà được làm như viên đăng ten, những cái giếng sâu và những tu viện nguy nga. Uxmal cách thành phố Merida hiện tại khoảng hai legua, được ca tụng vì có cánh đồng cây thùa rất đẹp, và bởi con người nơi đây rất thân thiện. Họ chào đón những vị khách nước ngoài như anh em của mình. Ở Uxmal có rất nhiều di tích nổi tiếng. Giống tất cả các phế tích khác ở Mexico, chúng đều được tìm thấy trên nóc của những kim tự tháp; như thế đó là các công trình quan trọng nhất, để phòng khi các cấu trúc nhẹ bên trên bị rơi xuống đất thì nó sẽ được giữ lại ở chân kim tự tháp. Ngôi nhà đáng chú ý nhất mà các sách nói tới là Nhà “Thủ lĩnh”, được làm toàn bằng đá thô sơ, dài đến cả trăm vara và rộng mười ba vara, có các cửa gắn vào một khung gỗ được làm rất cầu kỳ. Một ngôi nhà khác được gọi là Nhà Rùa, cũng khá tò mò, bởi đá được ghép vào nhau trông như hàng rào bao quanh, trên đó, cứ cách một đoạn lại đắp một con rùa. Nhà Nữ Tu sĩ thì đúng là

rất đẹp. Đó không chỉ là một ngôi nhà bình thường, mà là bốn nhà được xây trên phần cao của kim tự tháp. Có một căn nhà được gọi là Nhà Rắn, bởi phía ngoài có đắp một con rắn lớn bằng đá; con rắn đó cuộn quanh bao phủ khắp tường nhà. Ở một nhà khác, phía trên cùng của tường nhà có một vòng tròn đầu tượng thánh được ghép thành nhóm; tuy nhiên, mỗi cái đầu đều khác nhau và mang một sắc thái riêng. Đây là nghệ thuật thực sự, bởi trông chúng như được đặt ở đó một cách ngẫu nhiên. Có những công trình vẫn còn lưu giữ được bốn trong số mười bảy tòa tháp từ thời xưa. Có tháp được xây những đường cong sát trần nhà, nom như vỏ của một chiếc răng hàm bị sâu. Ở Uxmal vẫn còn lưu giữ được nhà Thầy Bói, được sơn các màu khác nhau; Nhà Người lùn thì rất nhỏ, được chạm trổ tinh xảo, trông như một chiếc hộp của người Trung Hoa, có hàng trăm hình thù được khắc trên gỗ rất tinh tế mà có lẽ khách gọi là “tác phẩm đỉnh cao của nghệ thuật và sự tao nhã”. Một số người khác thì nhận xét rằng Nhà Người lùn đẹp như một viên châu báu.

Cả thành phố Chichen Itza là một viên châu báu giống như Nhà Người lùn, nó giống như một cuốn sách bằng đá. Một cuốn sách rách nát với các tờ giấy trải trên mặt đất, bị nhấn chìm trong đám cỏ dại trên núi, bê bết bùn đất và vỡ vụn thành từng mảnh. Rải rác trên mặt đất là năm trăm chiếc cột, những bức tượng không đầu nằm dưới chân tường nửa như muốn rơi xuống đất. Những con đường đầy cỏ dại đã tồn tại trong nhiều thế kỷ, nay được xây tường bao quanh. Tuy nhiên, tất cả những tàn tích còn lại mà chúng ta nhìn thấy, hoặc được chạm vào thì cái nào cũng có một bức vẽ tinh tế với những đường cong đẹp, hoặc một tác phẩm điêu khắc giá trị với cái mũi thẳng và bộ râu

dài. Trong các hình vẽ trên tường, có bức kể câu chuyện nổi tiếng về cuộc chiến giữa hai người anh em điên rồ. Họ đánh nhau để xem ai có được tình yêu của nàng công chúa Ara. Bức khác thì về những đám diễu hành của các vị mục sư; của binh lính; về hình khắc các loài động vật mà dường như chúng đang nhìn ta và có hiểu biết; về những con tàu có hai mũi; về những người đàn ông râu đen; về người da đen tóc xoắn. Tất cả với tiểu sử rõ ràng, màu sắc tươi mới, sinh động như máu vẫn còn đang chảy trong huyết quản của những nghệ sĩ đã để lại các câu chuyện bằng chữ tượng hình và các bức vẽ về lịch sử dân tộc. Dân tộc ấy đã đẩy thuyền của họ đi khắp các bờ biển, con sông trên toàn bộ vùng Trung Mỹ; biết về châu Á qua Thái Bình Dương, về châu Phi qua Đại Tây Dương. Có những phiến đá trong đó khắc hình một người đàn ông ở dưới đáy, đang phát ra một tia gì đấy từ đôi môi khép hờ của mình, đến một người đàn ông khác đang ngồi. Có những nhóm người cùng các ký hiệu dường như để kể, bằng một thứ ngôn ngữ mà người ta không thể đọc được với bảng chữ cái thổ dân chưa hoàn chỉnh của giám mục Landa, về những bí mật của người Maya, những người đã xây dựng lên cung điện Rạp Xiếc, Lâu đài, cung điện Nữ Tu sĩ, đài thiên văn Con ốc, giếng Hiến tế. Trong lòng giếng đầy những thứ trông như đá trắng. Đó có thể là tro cốt đã bị vón cục lại của các trinh nữ khi xưa bị dùng để hiến tế cho các vị thần linh. Họ cười nói và hát hò vui vẻ, như những trinh nữ đạo Cơ Đốc hiến tế mình cho vị thần Do Thái trong rạp xiếc ở thành Rome, hay cô trinh nữ xinh đẹp nhất Ai Cập, đầu đội vòng hoa, đi sau đám đông để tắm mình xuống dòng sông Nin, hiến tế cho vị thần nơi ấy. Ai đã làm những bức tượng ở Chichen Itza giống

như đường viền đăng ten? Những con người hùng mạnh và giỏi giang đã nghĩ ra ngôi nhà tròn - đài thiên văn Con ốc, nhà Người lùn, con rắn khổng lồ ở nhà Nữ Tu sĩ ở Uxmal, họ đã đi đâu? Ôi, cuốn tiểu thuyết về lịch sử của châu Mỹ mới đẹp làm sao!

Nhạc Sĩ, Thi Sĩ Và Họa Sĩ

Trên thế giới có nhiều thanh niên hơn người già. Phần lớn nhân loại là thanh niên và trẻ em. Tuổi trẻ là quãng thời gian mà con người lớn mạnh, phát triển, hoạt động và tràn trề sức sống, là tuổi của sáng tạo và đầy sinh lực. Khi còn trẻ mà chúng ta không quan tâm đến tình cảm và trí tuệ thì khi về già sợ rằng ta sẽ u sầu, phiền não. Đúng như thi hào người Anh Southey từng nói, hai mươi năm đầu đời là những năm tháng ảnh hưởng mạnh nhất đến nhân cách của con người. Mỗi người sau này đều có thể trở thành một con người lý tưởng, cũng giống như mỗi mảnh đá cẩm thạch đều có thể làm nên một bức tượng tuyệt đẹp như tượng thần Apollo mà nhà điêu khắc người Hy Lạp Praxiteles đã dựng lên. Quá trình giáo dục bắt đầu từ khi mới sinh ra và sẽ không ngừng cho đến tận khi qua đời. Cơ thể con người cũng luôn như vậy, sẽ suy giảm theo tuổi tác; nhưng trí tuệ thì biến đổi không ngừng, được trau dồi và hoàn thiện theo thời gian. Tuy nhiên, những phẩm chất thiết yếu làm nên nhân cách, nét độc đáo riêng và nghị lực của mỗi con người được thể hiện từ thuở nhỏ, qua từng hành động, từng ý tưởng và từng ánh mắt nhìn.

Trong cùng một con người, một trái tim bé nhỏ và một tài năng lớn thường song hành với nhau. Tuy nhiên, mọi người ai cũng cần phải gieo trồng sự thông minh bằng cách tôn trọng chính bản thân mình và tôn trọng tất cả những người xung

quanh. Thông thường, trong cuộc sống, con người không phải lúc nào cũng có được hạnh phúc vĩnh cửu, mà thường phải là người tốt sau rất nhiều năm kiên nhẫn chờ đợi không biết mệt mỏi. Là người tốt thì ai cũng yêu quý, nó mang lại cho ta sức mạnh và hạnh phúc. Theo như nhà thơ, nhà triết học người Mỹ Emerson: “Sự thật là, tiểu thuyết đích thực của thế giới nằm trong cuộc đời con người. Không có truyện ngụ ngôn hay tiểu thuyết lãng mạn nào có thể gọi lên trí tưởng tượng bằng câu chuyện về một người đáng khen ngợi đã hoàn thành tốt bốn phận của mình.”

Mỗi con người đi đến tài năng của mình ở độ tuổi khác nhau. Ở một số người, tài năng còn chín muồi trước cả tuổi thực của mình. Nhưng như triết gia người Anh Bacon từng nói: “Cái gì nhanh đến thì cũng nhanh đi”. Đây cũng là điều nhà tu từ học Quintiliano đề cập đến bằng thứ tiếng Latinh mỹ miều của mình. Hiện tượng này được ghi nhận ở nhiều đứa trẻ phát triển sớm, tưởng chừng như là thần đồng trong những năm đầu đời, nhưng lại chìm ngấm khi bước vào lứa tuổi lớn hơn.

Heineken, một đứa trẻ sinh sống tại thành phố cổ Lubeck, đã học thuộc lòng gần như tất cả các cuốn Kinh thánh khi mới chỉ có hai tuổi; vào năm lên ba, cậu bé có thể nói được tiếng Latinh và tiếng Pháp; năm bốn tuổi cậu đã học lịch sử nhà thờ Cơ đốc giáo. Tuy nhiên cậu bé lại qua đời khi mới được năm tuổi. Từ trường hợp của cậu bé tội nghiệp này, chúng ta có thể nói như triết gia Bacon: “Cái gì nhanh đến thì cũng nhanh đi”.

Có những đứa trẻ vẫn giữ được sự thông minh của mình trước những tán dương về sự phát triển sớm. Càng lớn tuổi, chúng càng vinh quang hơn thuở nhỏ. Trong lĩnh vực âm nhạc,

thường thấy những tài năng như thế, bởi năng khiếu nghệ thuật là một cái gì đó rất tự nhiên và hoàn toàn lành mạnh. Tâm hồn cảm thụ nghệ thuật dường như có xu hướng nén lại bên trong chứ không nổi lộ ra ngoài. Haendel năm lên mười đã soạn một cuốn sách sonat. Cha cậu muốn cậu trở thành luật sư và cấm con trai mình động tới nhạc cụ, nhưng cậu bé vẫn chơi trộm đàn clavio bị ngắt tiếng, tới nào cậu cũng chơi đàn trong bong tối, bấm những bàn phím không phát ra âm thanh. Công tước xứ Sajonia Weissenfels đã cầu xin cha mình cho phép học nhạc. Với phẩm chất thiên tài âm nhạc cùng lòng kiên định như thế, năm mười sáu tuổi, Haendel đã viết vở nhạc kịch Almira. Ở tuổi năm mươi bảy, trong vòng chỉ có hai mươi ba ngày, ông đã viết xong tác phẩm Trường ca Messiah. Khi còn đang viết dở các tác phẩm nhạc kịch và thánh nhạc thì nhạc sĩ qua đời. Năm ấy, ông sáu mươi bảy tuổi.

Haydn cũng phát triển tài năng sớm như Haendel. Năm mười ba tuổi ông đã viết một bản thánh nhạc cho lễ misa. Nhưng tác phẩm xuất sắc nhất của ông là Sáng tạo, được viết năm ông sáu mươi lăm tuổi. Còn Sabastian Bach, để học âm nhạc, cũng đã trải qua giai đoạn cực kỳ khó khăn như Haendel, bởi anh trai Cristobal của ông là một nhạc công organ, nhưng luôn đố kỵ với em mình. Cristobal đã giấu cuốn sách có những bản nhạc hay nhất của các bậc thầy về đàn clavio. Tuy nhiên, Sabastian tìm thấy cuốn sách trong học tủ tường, mang về phòng mình, sau đó bắt đầu chép vào những giờ ít gây chú ý đến người khác nhất, như là buổi tối muộn, dưới ánh nắng mặt trời, vào mùa hè bầu trời rất quang và cả dưới ánh trăng. Người anh trai phát hiện ra việc đó, đã nhân tâm lấy luôn cả cuốn sách cũng như bản sao.

Nhưng điều ấy chẳng có ảnh hưởng gì với Sabastian, bởi vì vào năm mười tám tuổi, ông đã là nhạc công nổi tiếng trong triều đình Weimar, và còn là một nhạc công organ đối thủ của Haendel.

Tuy vậy, trong tất cả những thần đồng về âm nhạc, nổi bật nhất phải kể đến Mozart. Dường như ông không cần thầy giáo để học nhạc. Năm lên bốn tuổi, khi Mozart thậm chí vẫn còn chưa biết viết, đã sáng tác ra vài nhạc phẩm; năm lên sáu tuổi, đã có chương trình cho một buổi hoà nhạc đàn piano; đến năm mười hai tuổi, ông là một nhạc công piano đã soạn vở *Finta Semplice* (Cô gái giả ngây), là vở nhạc kịch đầu tay của ông. Những bậc thầy nghiêm khắc hồi đó không thể hiểu nổi tại sao một cậu bé lại có thể ứng biến các khúc tấu pháp khó như thế về một chủ đề hoàn toàn xa lạ; rồi chơi trò cưỡi ngựa với cây gậy ba-toong của cha mình. Người cha đi theo tới khắp các thành phố chính của châu Âu để chỉ dạy cho cậu bé Mozart. Cậu ăn vận như một chàng hoàng tử, với chiếc áo choàng dài màu bọ chét, tất dài bằng nhung và đôi giày có khóa, tóc dài và xoắn, buộc gọn gàng sau gáy trông như tóc giả. Người cha không chú trọng đến sức khoẻ của nghệ sĩ dương cầm tí hon, vốn đã không được tốt lắm, mà chỉ quan tâm đến việc sử dụng cậu bé như thế nào để kiếm được nhiều tiền nhất. Tuy nhiên tính cách vui tươi của Mozart đã cứu cậu, bởi vì cậu là bậc thầy trong âm nhạc, nhưng vẫn chỉ là một đứa trẻ trong mọi lĩnh vực khác. Năm mười bốn tuổi, Mozart soạn vở nhạc kịch *Mitridates*, được trình diễn hai mươi đêm liên tiếp. Năm ba mươi sáu tuổi, khi đang nằm hấp hối trên giường bệnh do những xáo trộn trong cuộc sống và công việc, ông đã soạn tác phẩm *Cầu hồn* (Requiem), đây là một

trong các tác phẩm hoàn hảo nhất của ông.

Cha của Beethoven muốn cậu trở thành thần đồng, ép cậu học nhạc thật nhiều. Đến năm mười ba tuổi, cậu bé đã có thể chơi nhạc trước công chúng và đã soạn được ba bản sonat. Mặc dù vậy, cho đến tận năm hai mươi một tuổi ông vẫn chưa bắt đầu sáng tác ra các tác phẩm siêu kinh điển của mình. Còn Weber, là một cậu bé khá tinh nghịch, nhưng năm mười hai tuổi đã đưa ra trước công chúng sáu bản fuga (tấu pháp) đầu tiên cho đàn piano. Năm mười bốn tuổi, ông soạn vở nhạc kịch Những cô gái rừng xanh. Nhạc phẩm nổi tiếng Người thợ săn được ông viết năm ba mươi sáu tuổi. Mendelssohn Felix học chơi đàn trước khi biết nói. Năm mười hai tuổi, ông đã viết xong ba khúc tứ tấu cho đàn dương cầm, vĩ cầm và đàn ghi-ta đệm bass. Năm mười sáu tuổi, ông mới hoàn thành tác phẩm nhạc kịch đầu tay Đám cưới của Camacho. Năm mười tám tuổi ông viết bản hòa tấu nốt si. Trước năm hai mươi tuổi, ông viết nhạc phẩm Giác mộng đêm hè. Năm hai mươi hai tuổi ông viết bản giao hưởng số 5 Giao hưởng Cải cách. Mendelssohn sáng tác không ngừng nghỉ, viết các tác phẩm chuyên sâu và khó cho đến khi ông qua đời, ở tuổi ba mươi tám. Còn Mayerbeer, khi mới lên chín tuổi đã là một nghệ sĩ dương cầm xuất sắc. Năm mười tám tuổi, ông ra mắt công chúng nhạc phẩm đầu tay Con gái của Jephthe tại nhà hát Munich. Tuy vậy, phải đến năm ba mươi bảy tuổi ông mới đạt được sự nổi tiếng qua tác phẩm Roberto - Con quý.

Trong cuốn Cuộc đời nhà thơ Schiller, nhà sử học người Anh Carlyle đã nói về Daniel Schubart - một nhà thơ, nhà soạn nhạc và nhà tiên tri, nhưng thực ra ông không nổi bật ở cả ba lĩnh

vực. Ông làm tất cả vì sự bùng nổ cảm xúc và chán nản mọi thứ, từ học hành, đến lười nhác và cả những thứ lộn xộn. Đó là một người rất tài năng, một nhà soạn nhạc nổi bật, một nhà tiên tri hùng hồn và một nhà báo có năng lực. Năm năm mươi hai tuổi, ông qua đời, vợ con ông sau đó phải sống trong cơ cực. Nhưng Franz Schubert, cậu bé thiên tài đến từ thủ đô Viên của nước Áo thì lại khác, tuy không sung sướng hơn Schubart là mấy. Ông chơi đàn vĩ cầm từ khi còn thấp hơn cả cây đàn, với đàn dương cầm và organ cũng vậy. Chỉ cần đọc lướt qua bài hát một lượt là ông đã có thể đưa nó vào thứ âm nhạc tao nhã rồi, điều đó tưởng chừng như trong một giấc mơ, như là một thứ không khí có màu sắc vậy. Ông viết hơn năm trăm giai điệu, bao gồm nhạc kịch, thánh nhạc, sonata, giao hưởng và tứ tấu. Ông chết trong nghèo khổ khi mới ba mươi một tuổi.

Một số những nhà soạn nhạc ở Italy cũng phát triển rất sớm. Cimarosa, con trai của một người thợ đóng giày nghèo khổ, là tác giả của Nữ nam tước Stramba từ năm mười chín tuổi. Năm lên tám, Pagarini đã chơi một bản sonat bằng đàn vĩ cầm do chính ông sáng tác. Cha của Rossini là một nghệ sĩ kèn trombone và mẹ là ca sĩ trong một gánh hài kịch rong, năm lên mười, Rossini đi phụ giúp cha mình, sau đó ông hát trong dàn hợp xướng cho đến khi mất giọng. Năm hai mươi một tuổi, ông đã là tác giả của vở ca kịch nổi tiếng Tancredo.

Nhiều họa sĩ và nhà điêu khắc cũng bộc lộ tài năng từ thuở nhỏ. Nhưng vinh quang nhất phải kể đến là Michelangelo. Khi mới sinh ra, ông được gửi về nông thôn sống cùng vợ một người thợ cắt đá. Chính vì vậy mà về sau ông mới nói rằng mình đã uống tình yêu điêu khắc từ nguồn sữa của người vú nuôi này.

Ngay khi biết cầm bút chì, ông đã vẽ đầy tranh trên tường của nhà người thợ cắt đá. Khi trở về Florencia, ông vẽ đầy các hình người khổng lồ và sư tử trên sàn nhà của cha mình. Ở trường, ông không học được nhiều thứ từ sách vở, nhưng tay vẫn không rời bút chì; luôn phải ép ông rời khỏi nhà của các họa sĩ chứ ông không tự về bao giờ. Thời đó, nghề họa sĩ và điêu khắc là những công việc mặt hạn. Thuộc gia đình quyền quý, bằng mọi cách, kể cả roi vọt lẫn lý lẽ, cha ông đã thuyết phục con trai không nên trở thành một người thợ cắt đá nghèo khổ. Tuy nhiên, người con trai vẫn chỉ thích làm một người thợ cắt đá, chứ không thích làm gì khác. Cuối cùng thì người cha cũng phải nhượng bộ con và cậu được nhận vào học việc tại xưởng của họa sĩ Girlandaio. Thấy học trò của mình học khá nhanh, thầy đã trả cho cậu chút tiền mỗi tháng. Ít lâu sau, cậu học trò vẽ giỏi hơn cả thầy của mình. Tuy vậy, khi nhìn thấy những bức tượng trong khu vườn nổi tiếng của Lorenzo de Medicis, cậu đã háo hức đổi việc vẽ sang chạm khắc. Ông tiến bộ rất nhanh về điêu khắc. Mới mười tám tuổi ông đã khiến cả thành phố Florencia ngưỡng mộ với tác phẩm phù điêu Cuộc chiến của nhân mã. Năm hai mươi tuổi, ông hoàn thành tác phẩm Tình yêu ngủ quên; sau đó ít lâu, bức tượng David đặc biệt gây ấn tượng. Tiếp đến, ông vẽ hết bức tranh này đến bức khác, kể cả khủng khiếp lẫn lộng lẫy. Benvenuto Cellini, thiên tài về nghệ thuật trang trí, đã nhận xét rằng không một bức tranh nào của Michelangelo được đánh giá cao bằng bức tranh ông vẽ năm hai mươi chín tuổi, trong đó một toán lính Pisa trong nhà tắm bị bao vây bất ngờ, đã vượt ra tấn công lại kẻ thù.

Sự phát triển sớm của danh họa Rafael cũng đáng ngạc nhiên.

Cha của ông chẳng những không hề phản đối, mà còn ủng hộ con mình đam mê nghệ thuật. Năm mười bảy tuổi, ông đã là một họa sĩ nổi tiếng. Người ta kể rằng, ông rất ngưỡng mộ khi xem các tác phẩm vĩ đại của Michelangelo ở nhà thờ Sistine, ông đã cất cao lời cảm tạ Chúa vì đã được sinh ra cùng một thế kỷ với thiên tài vĩ đại ấy. Rafael hoàn thành tác phẩm hội họa Trường học Athen vào năm hai mươi năm tuổi và tác phẩm Biến hình vào năm ba mươi bảy tuổi. Ông qua đời khi sắp vẽ xong tác phẩm này. Sau đó, người dân Rome mang bức họa đến đền Pantheon trong ngày tang lễ của ông. Có người cho rằng tác phẩm Biến hình của Rafael, mặc dù còn đang dang dở, vẫn là bức họa đẹp nhất thế giới.

Leonardo da Vinci nổi bật từ thuở ấu thơ trong lĩnh vực toán học, âm nhạc và hội họa. Trong một bức họa của thầy mình là Verrocchio, ông vẽ một thiên thần còn đẹp hơn cả thầy vẽ. Cảm thấy phiền muộn vì kém hơn cả học trò, người thầy từ bỏ luôn sự nghiệp nghệ thuật của mình. Khi Leonardo đến tuổi trưởng thành, ông khiến cả thế giới phải ngả mũ ngưỡng mộ ông với cương vị là một kiến trúc sư, kỹ sư, một nhạc sĩ và họa sĩ. Guercino năm lên mười đã trang trí mặt tiền nhà mình bằng một bức vẽ một cô trinh nữ rất tinh xảo. Tintoretto là một học trò gặp thuận lợi đến nỗi thầy giáo Tiziano đem lòng đổ kỵ và đã đuổi học ông. Gian nan càng làm ông tăng thêm nghị lực, thay vì sợ hãi, ông vẫn vẽ rất vội vã, khiến người ta nghĩ ông là “kẻ lúc nổi giận”. Canova, nhà điêu khắc nổi tiếng, năm lên bốn tuổi đã làm một con sư tử bằng một miếng bánh mì bơ. Nhà điêu khắc người Đan Mạch Thorwaldsen, năm mười ba tuổi, cũng đã chạm khắc những chiếc mặt nạ cho các con tàu trong xưởng của

cha mình. Là một nhà điêu khắc gỗ, năm mười lăm tuổi, ông đã giành được huy chương ở Copenhagen với bức phù điêu Tình yêu lúc nghỉ ngơi.

Các nhà thơ cũng thường bộc lộ những tín hiệu nghề nghiệp sớm, nhất là những nhà thơ có tâm hồn bất ổn, nhạy cảm và đam mê. Dante năm lên chín đã viết những vần thơ tặng cô bé tám tuổi mà ông nhắc đến trong tác phẩm Cuộc sống mới. Năm mười tuổi, Tasso viết bài thơ bày tỏ sự tiếc nuối khi mẹ và chị gái phải xa nhau. Bài thơ được so sánh với nỗi buồn của Ascanio khi trốn khỏi thành Tơ-roa trên lưng người cha Eneas của mình. Năm ba mươi một tuổi, ông viết những vần thơ bất cú cuối cùng cho bài thơ Jerusalem, mặc dù bài thơ được ông bắt đầu sáng tác từ năm hai mươi lăm tuổi.

Năm lên mười, Metastasio đã xuất khẩu thành thơ khi dạo phố ở thành Roma. Goldoni, một cậu bé nổi loạn, năm tám tuổi đã sáng tác vở hài kịch đầu tay. Nhiều lần Goldoni trốn học để đi theo gánh hài kịch rong. Gia đình Goldoni bắt ông phải học luật. Sau một thời gian ngắn, ông đã nổi tiếng là một luật sư xuất sắc. Tuy nhiên, thiên hướng nghề nghiệp là một điều rất tự nhiên, ông đã từ bỏ ngành luật và trở thành nhà thơ của các vở hài kịch nổi tiếng.

Ngay từ thời trai trẻ, Alfieri đã thể hiện những phẩm chất lạ thường. Thuở nhỏ, như nhiều các nhà thơ trưởng thành sớm khác, ông là một cậu bé yếu ớt, đặc biệt là rất hay suy tư và nhạy cảm. Năm lên tám tuổi, trong một cơn buồn rầu, ông đã từng có ý định tự vẫn bằng một số loại cây cỏ giống như cây độc cần, thế nhưng các cây cỏ này lại chỉ là thuốc xổ cho ông mà thôi. Sau đó, ông bị nhốt trong phòng và bắt phải đi nhà thờ với chiếc mũ ngủ

của mình để ăn năn hối lỗi. Khi nhìn thấy biển lần đầu tiên, ông đã có những ao ước rất bí ẩn và ý thức được mình là một nhà thơ. Cha mẹ giàu có nhưng không quan tâm đến việc dạy dỗ con cái đến nơi đến chốn, nên ông không biết thể hiện bằng ngôn từ những ý tưởng trong đầu mình. Ông học hành, đi du lịch, sống không có nề nếp và yêu cũng hết sức điên cuồng. Người ông yêu không yêu ông, nên ông tìm đến cái chết như một giải pháp cuối cùng. May thay, người đầy tớ đã kịp thời cứu mạng cho người đàn ông si tình. Sau đó, sức khỏe của ông cũng phục hồi trở lại và ông lại yêu. Nhưng, cô người yêu vẫn tiếp tục cự tuyệt ông, nên ông tự giam mình trong phòng, cạo trọc đầu và làm thơ trong nỗi cô đơn bao phủ. vở bi kịch Cleopatra được trình diễn khi ông hai mươi sáu tuổi. Trong thời gian bảy năm, ông viết được mười bốn bi kịch.

Cervantes bắt đầu sự nghiệp sáng tác của mình bằng thơ. Khi chưa mọc hết râu, ông đã viết các tác phẩm cho người chăn cừu và các bài hát theo một Italy. Wieland, nhà thơ người Đức, từ khi ba tuổi đã đọc vanh vách, năm lên bảy đã biết dịch tiếng Latinh cho Cornelio Napote. Năm mười sáu tuổi, ông viết tác phẩm thơ đầu tay mang tính chất giáo dục với tên Thế giới hoàn hảo. Klopstock từ nhỏ đã rất mạnh mẽ và đam mê, ông đã có tuyển tập Trường ca khi mới hai mươi tuổi. Schiller sinh ra đã đam mê thơ. Người ta kể lại rằng, vào một ngày đông bão, ông leo lên cây để “xem chớp sinh ra từ đâu mà đẹp quá!”. Schiller đọc Trường ca từ năm mười bốn tuổi, ông bắt đầu viết một bài thánh thi về Moses. Người ta kể về Goethe, trước khi lên tám, ông đã viết bằng tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp. Ông suy nghĩ nhiều về các vấn đề tôn giáo đến

mức tưởng tượng ra một vị “Thần thiên nhiên”. Sau đó, ông đốt lò sưởi cho vị thần này để bày tỏ sự sùng kính. Cũng hết mình như thế, ông bắt đầu học nhạc, học vẽ, rồi học tất cả các môn khoa học khác. Nhà thơ đáng khen ngợi Koerner qua đời năm hai mươi tuổi theo cách mà ông mong muốn; đó là hi sinh để bảo vệ tổ quốc. Thuở nhỏ, ông ốm đau bệnh tật, nhưng có một thứ tình yêu bao la cho những ý tưởng cao đẹp, được ngợi ca trong các vần thơ. Hai giờ đồng hồ trước khi qua đời, ông đã viết nên tác phẩm Bài ca về thanh kiếm.

Thomas Moore, nhà thơ của Những giai điệu Ailen, từng nói rằng, hầu như tất cả các tác phẩm hài kịch hay và nhiều tác phẩm bi kịch nổi tiếng chủ yếu được viết khi tác giả còn trẻ. Lope de Vega và Calderon là những nhà viết kịch sân khấu nhiều nhất. Bắt đầu sự nghiệp sáng tác từ khi còn rất trẻ, một người bắt đầu năm mười hai tuổi và người kia năm mười ba. Lope đổi những vần thơ của mình lấy đồ chơi và tranh ảnh từ những người bạn đồng môn. Năm mười hai tuổi, ông đã sáng tác bi kịch và hài kịch. Năm mười tám, ông công bố bài thơ Arcadia, coi những người chăn cừu như các vị anh hùng. Năm hai mươi sáu tuổi, khi lênhênh trên chiến thuyền của quân đội Tây Ban Nha, trong một cuộc tấn công nước Anh, ông đã viết một số thi phẩm. Nhưng hàng trăm tác phẩm hài kịch làm nên tên tuổi Lope de Vega lại được viết sau khi trở về Tây ban Nha, lúc là một linh mục. Còn Calderon đã sáng tác không ít hơn bốn trăm tác phẩm kịch. Năm mười ba tuổi, ông viết tác phẩm đầu tay là Chiếc xe trên trời. Năm năm mươi tuổi, ông cũng trở thành linh mục như Lope. Từ đó, ông không viết gì khác ngoài các tác phẩm về tôn giáo.

Những nhà thơ Tây Ban Nha trên viết các tác phẩm chính của mình trước khi bước vào tuổi trưởng thành. Trong khi ấy, các nhà thơ ở những miền đất phía bắc, dường như tài năng đến muộn hơn. Moliere phải tự học. Dù vậy, đến năm ba mươi một tuổi, ông đã viết xong tác phẩm *Chàng ngốc*. Voltaire năm mười hai tuổi đã viết các tác phẩm văn chương trào phúng, phê phán các cha xứ dòng Tên tại trường học của mình. Cha ông muốn ông học luật. Cha ông khá thất vọng khi biết rằng con trai mình lại đang ngâm thơ cùng với những con người vui nhộn tại Pari. Năm hai mươi tuổi, Voltaire bị bắt giam vào ngục Bastilla vì những vần thơ châm biếm vị vua suy đồi đang trị vì nước Pháp. Trong ngục, ông đã chữa xong tác phẩm bi kịch *Oedipe* và bắt đầu viết tập anh hùng ca *Henriada*.

Nhà soạn kịch thiên tài người Đức Kotzebue đã sớm bộc lộ tố chất. Năm lên bảy tuổi, ông viết một vở hài kịch bằng thơ dài một trang giấy. Ông tìm mọi cách để vào nhà hát Weimar, nhưng không có tiền mua vé nên phải trốn đằng sau cái trống cho đến khi buổi diễn bắt đầu. Sở thích lớn nhất của ông khi còn nhỏ là chơi các nhà hát đồ chơi và biểu diễn các con rối trên sân khấu. Năm mười tám tuổi, ông cho ra mắt công chúng tác phẩm bi kịch đầu tiên ở một nhà hát của bạn bè mình.

Victor Hugo viết bi kịch *Irtamene* khi chưa đầy mười lăm tuổi. Ông đạt ba giải liên tiếp trong các trò chơi về hoa. Năm hai mươi tuổi, ông viết tiểu thuyết *Bug Jargal* (Nhà vua nô lệ), một năm sau là tiểu thuyết *Han de Islandia* (Đại Hãn của Ái Nhĩ Lan) và các tác phẩm thơ đầu tiên trong *Odas y Baladas*. Hầu như tất cả các nhà thơ Pháp thời ông đều rất trẻ. Nói theo cách châm biếm, nhà phê bình Moreau nhận xét, “Ở Pháp, hiện chẳng có ai

coi trọng nhà văn lớn hơn mười tám tuổi”.

Nhà văn người Anh Congreve viết tiểu thuyết Ẩn danh năm mười chín tuổi. Tất cả các tác phẩm hài kịch của ông đều được viết trước năm hai mươi lăm tuổi. Thầy của Sheridan gọi ông là “con lừa khó bảo”; ấy thế mà năm hai mươi sáu tuổi, ông đã viết xong tác phẩm Trường học tai tiếng. Trong số những nhà thơ người Anh thời cổ đại, có rất ít người phát triển sự nghiệp sớm. Thông tin về Chaucer, Shakespeare và Spencer cũng ít ỏi. Chính bản thân Shakespeare đã gọi bài thơ Venus và Adonis mà ông sáng tác năm hai mươi tám tuổi là “anh cả” trong sự nghiệp thơ văn của mình. Cũng ở tuổi hai mươi sáu, Milton viết tác phẩm Comus. Nhưng, cũng có những trường hợp phát triển sớm. Cowley viết những vần thơ thần thoại vào năm mười hai tuổi. Pope “bắt đầu xuất khẩu thành thơ” khi sức khỏe đã rất yếu và cơ thể tiêu tụy; vậy mà đầu ông càng đau, ông càng sáng tác được nhiều bài thơ hay. Tác giả của La Borricada (Chuyện tâm phào - ND) trở về nhà sau khi bị đuổi học khỏi trường vì một bài thơ châm biếm thầy giáo. Samuel Johnson nói rằng, Pope viết tác phẩm thơ Cô đơn vào năm mười hai tuổi và tác phẩm Mục ca năm mười sáu tuổi. Từ năm hai mươi lăm tuổi đến năm ba mươi tuổi, ông dịch sử thi Iliát. Nhà thơ bất hạnh Chatterton đã lừa các vị học giả thời đó một cú ngoạn mục bằng một áng văn chương mỹ miều rởm. Sau đó, họ phải công nhận bài thơ Tự do và Khúc hát thi sĩ là những tác phẩm thiên tài. Tuy nhiên, ông là người ghê gớm và ngạo mạn, tính khí thất thường, lắm khuyết điểm, lại hay nổi loạn chống lại những luật lệ của đời sống. Ông qua đời trước khi bắt đầu biết sống.

Robert Burns, nhà thơ người Scotland, năm mười sáu tuổi đã

viết các bài ca về núi rừng rất ấn tượng. Nhà thơ người Ailen Moore năm mười ba tuổi đã viết các vần thơ đẹp gửi tặng cô bạn Celia. Năm mười bốn tuổi, ông đã bắt đầu dịch tác phẩm thơ của Anacreonte từ tiếng Hy Lạp. Trong nhà ông chẳng ai biết được ý nghĩa của những thần tượng đẹp, những thú vui có cánh, những bài ca được hát trong khi uống rượu ấy. Sau đó, Moore đã sớm đoạn tuyệt với những mô típ nguy hiểm này, và đã nổi tiếng nhờ những bài thơ giàu cảm xúc trong tác phẩm *Lalla Rookh* và tác phẩm văn xuôi *Cuộc đời của Byron*.

Keats, nhà thơ lớn hơn cả trong số các nhà thơ trẻ nước Anh, đã nổi tiếng khi ở tuổi hai mươi tư. Tuy vậy, không ai có thể nghĩ rằng, cậu học sinh cá biệt mà lúc nhỏ chỉ được biết đến với những trận đánh nhau, những nắm đấm ấy lại có thể toả sáng về năng khiếu chính trị. Thực tế là ông đã đọc không ngừng nghỉ, nhưng vẫn chưa bộc lộ xu hướng nghề nghiệp. Mãi cho đến khi ông đọc tác phẩm *Nữ hoàng vui vẻ* của Spencer, từ đó ông chỉ toàn tâm toàn ý với thi ca.

Shelley là một nhà thơ phát triển sớm. Năm mười lăm tuổi, lúc đang học ở Eton, ông đã xuất bản một tiểu thuyết và chiêu đãi các bạn mình với tiền nhuận bút nhận được. Ông rất độc đáo và nổi loạn đến nỗi mà tất cả mọi người ai cũng gọi ông là “Shelley vô thần, vô thánh” hoặc “Shelley điên rồ”. Năm mười tám tuổi, ông xuất bản tập thơ *Nữ hoàng Mab*; năm mười chín tuổi ông bị đuổi học vì dám cả gan bảo vệ những học thuyết tôn giáo của mình. Ông qua đời năm ba mươi tuổi do bị bóp cổ, với một quyển thơ của Keats trong túi áo. Thơ của Shelley thật tuyệt diệu do nhạc điệu trong các vần thơ, tính tao nhã trong cách xây dựng khổ thơ và sự sâu lắng trong nội dung. Là một bó

dây thần kinh luôn rung lên bần bật, ông cũng còn có những ảo tưởng và lập dị mà những người đồng môn cảm thấy tức cười. Tuy thân hình mảnh khảnh có thể run rẩy trước các cảm xúc thoáng qua, nhưng với trí thông minh, tinh tế tuyệt vời, Shelley đã viết ra những áng thơ đẹp không gì so sánh được.

Byron là một tài năng lớn cùng thời với Shelley. Từ thuở còn đi học, ông đã được biết đến với tính cách ngỗ nghịch và hiếu thắng. Ông ít quan tâm đến sách vở. Nhưng khi chưa đầy tám tuổi, ông đã phải chịu những nỗi đau đớn của con người. Hai chân ông một ngắn một dài, mặc dù điều đó không làm ông mất đi nghị lực sống. Ông trở thành hiệu trưởng một trường học nhờ vào nắm đấm như Keats. Chính ông từng kể lại rằng, trong bảy trận đấu, ông chỉ thua có một. Khi còn là sinh viên ở Cambridge, ông nuôi một con gấu và mấy con chó săn trong nhà. Cứ mỗi ngày, người ta lại kể về ông một câu chuyện bê bối. Ấy vậy mà đó lại là một cậu bé nhạy cảm và năm mươi hai tuổi, đã viết những vần thơ tình cảm về một người chị họ. Ông ham mê đọc tất cả các sách văn học. Năm mươi tám tuổi, ông đã cho ra mắt tập thơ đầu tay Giờ giải trí để tặng bạn bè của mình. Tạp chí Edinburg nói về cuốn sách với thái độ khinh khỉnh. Byron đáp trả bằng tác phẩm châm biếm nổi tiếng Các thi sĩ người Anh và Những nhà phê bình Scotland. Khi vừa tròn hai mươi tư tuổi, ông ra mắt công chúng khúc ca đầu của bài thơ Childe Harold. Nhà phê bình Macaulay nhận xét: “Ở tuổi hai mươi lăm, Byron đang đứng trên đỉnh vinh quang văn chương, có dưới gót chân mình tất cả những người Anh nổi tiếng thời đó. Byron đã nổi tiếng hơn cả Scott, Wordsworth và Southey. Thậm chí ông còn là một tấm gương điển hình về sự phấn đấu vươn nhanh

đến chóng mặt tới xuất chúng”. Ông qua đời năm ba mươi bảy tuổi, cái tuổi ra đi của nhiều thiên tài khác.

Năm hai mươi lăm tuổi, Coleridge viết bài ca Ban mai, tác phẩm thể hiện rõ sự kết hợp hoàn hảo giữa tính siêu phàm và năng lực. Bulwer Lytton năm mươi lăm tuổi đã hoàn thành tác phẩm Ismael. Năm mươi bảy tuổi, nữ thi sĩ Barrett Browning đã xuất bản cuốn sách đầu tiên. Bà đã làm thơ và viết văn xuôi từ năm lên mười. Robert Browning, chồng bà, xuất bản cuốn Paracelso năm hai mươi ba tuổi. Năm hai mươi tuổi, Tennyson viết một số bài thơ có âm vang làm rạng rỡ tên tuổi của mình. Người ta thấy trong giai đoạn tuổi trẻ đầy nhiệt huyết, rất nhiều tác phẩm vượt trội về âm nhạc, hội họa và thi ca được ra đời. Thiên tài thi ca thường suy tàn theo năm tháng, mặc dù Goethe cho rằng, gừng càng già càng cay; nhà thơ càng lớn tuổi thì càng viết ra những tác phẩm giá trị. Chắc chắn một điều rằng, nếu như những nhà thơ phát triển sớm mà tuổi thọ cao thì họ còn có thể sáng tạo thêm nhiều tác phẩm hoàn hảo hơn những tác phẩm sáng tác thời trẻ. Sức mạnh của một thiên tài không bao giờ kết thúc cùng với tuổi trẻ.

Nhưng năng khiếu đặc biệt sau đó làm rạng rỡ tên tuổi những thiên tài hầu như chỉ được bộc lộ vào khoảng từ năm mười bảy đến năm hai mươi ba tuổi. Những người này có thể dần dần phát triển tài năng thơ ca; tuy nhiên ai là thi sĩ thực thụ thì bằng cách này hay cách khác luôn luôn bộc lộ năng khiếu của mình. Crabbe và Wordsworth được biết đến khá muộn, nhưng ngay từ thuở nhỏ, họ đã có thể làm thơ. Crabbe bỏ đầy các bài thơ vào ngăn kéo tủ khi ông vẫn còn đang học làm bác sĩ phẫu thuật. Wordsworth, một nhà thơ luôn cau có và u sầu từ thuở nhỏ, đã

bắt đầu làm thơ tứ tuyệt năm mười bốn tuổi. Shelley nhận xét về Wordsworth rằng, “trí tưởng tượng của ông không hơn một chiếc nồi là mấy”, điều đó không ngăn được Wordsworth trở thành một nhà thơ bất tử. Mặc dù không phát triển sớm như Shelley, ông phát triển chậm nhưng chắc, giống như một cây sồi, cho đến khi đạt đến tầm cao huy hoàng.

Thuở nhỏ, Walter Scott cũng không phát triển tài năng sớm. Thầy giáo của ông nhận xét rằng, ông không có năng khiếu với tiếng Hy Lạp. Chính ông cũng thừa nhận mình là một đứa trẻ nghịch ngợm và lười biếng. Tuy vậy, ông lại có sức khoẻ tốt và là một cậu bé rất giỏi trong các trò chơi ở lứa tuổi của mình. Điều đầu tiên bộc lộ tài năng của ông là sở thích đối với các bài thơ trữ tình cổ điển, sau đó là khả năng sáng tác ra các câu chuyện một cách dễ dàng. Khi biết ông đã lang thang khắp mọi nơi trên đất nước với người đồng chí hướng Clark, rồi dừng lại ở nhà của những người nông dân, cha của ông đã nói với con trai mình: “Tôi nghi anh lắm. Anh chẳng được cái tích sự gì ngoài việc giúp cho cái đuôi ngựa”. Về khả năng bịa ra những câu chuyện một cách dễ dàng, chính Scott tự nhận rằng, vào giờ giải lao mùa đông, khi chẳng thể ra ngoài trời chơi, ông đã giải trí với bạn bè trong lớp bằng cách kể chuyện cho họ nghe trong nhiều giờ, đến nỗi lũ bạn đánh nhau để được ngồi cạnh cậu bạn đã kể cho nghe nhiều câu chuyện hay mà chẳng bao giờ kết thúc ấy.

Carlyle thổ lộ, trong một lớp học ở ngôi trường chuyên toán Edinburg có hai cậu bé: “John, lúc nào cũng chuẩn mực, đúng đắn và như một công tước. Còn Walter thì luôn luôn bừa bãi, ương bướng và nói lắp”. Theo thời gian, John trở thành một uỷ

viên hội đồng của một khu phố nghèo nàn, trong khi Walter lại thành Ngài Walter Scott, nổi tiếng toàn thiên hạ. Carlyle cũng nói với sự cẩn trọng rằng, khi nhỏ nhìn tưởng là cây đậu, nhưng lúc trưởng thành lại hóa là cây bắp cải. Cho đến năm ông ba mươi tuổi, chúng ta vẫn chưa thể khẳng định chắc rằng Scott là một tài năng trong văn chương. Song, năm ba mươi một tuổi, ông ra mắt tác phẩm đầu tay Tuyển tập Scotland; đến tận năm bốn mươi ba tuổi, tiểu thuyết *Waverley* mới được in, mặc dù tác phẩm đã viết xong chín năm về trước.

Triển lãm Paris

Mùa hè năm 1889 này, các dân tộc trên thế giới đều tụ họp tại Paris. Cách đây cả trăm năm, người dân sống chẳng khác nào nô lệ của nhà vua. Không để cho ai suy nghĩ, vua bòn rút hết của cải mà người dân làm ra để nuôi quân đội đi đánh nhau với các nhà vua khác. Vua sống trong cung điện bằng đá cẩm thạch và bằng vàng. Đây tớ ở đó cũng được ăn ngon mặc đẹp. Các quý bà, quý ông đầu đội mũ lông chim trắng muốt, biểu tượng cho sự sang trọng, quyền quý. Trong khi ấy, những quý ông thực sự là những người lao động trên cánh đồng cũng như nơi thành phố, họ không có gì khác để mặc ngoài bộ quần áo bằng vải nhung sờn rách, cũng chẳng có mũ lông chim đội đầu. Nhà vua ra lệnh đánh đập, nhốt sống họ trong ngục Bastille cho đến chết, hóa điên, hoặc bị cầm nếu ai đó dám kêu ca rằng, thật là bất công khi những người biếng nhác sống dựa dẫm vào những gì người dân lao động kiếm được, hay than thở rằng cả đất nước không nên phải nhịn ăn nhịn mặc chỉ để một con người và thân hữu của ông ta có xe ngựa, có quần áo dệt bằng chỉ vàng chỉ bạc và diềm đăng ten, bữa tối có tới mười lăm loại rượu. Nhà vua còn ra lệnh cho quân lính đeo mặt nạ sắt cho một người đàn ông và tổng giam người này suốt đời, cho đến chết vẫn phải mang chiếc mặt nạ đó. Tất cả các dân tộc, con người đều phải sống như thế. Nhà vua và tầng lớp quý tộc chẳng khác nào chủ nhân; còn người lao

Tháp Eiffel và những công trình cao nhất thế giới: - Nhà thờ

Chính tòa Colonia. - Nhà thờ Đức Bà Rouen. - Kim tự tháp Ai Cập. - Nhà thờ Đức Bà Strasbourg. - Vương cung Thánh đường Thánh Pedro, tại Rome. - Cung điện mái vòm Invalides. - Đền Pantheon, tại Rome. - Khải Hoàn Môn, tại Paris động thì sống với thân phận trâu ngựa, không được quyền nói, quyền suy nghĩ, hay tin tưởng vào điều gì. Họ cũng không có bất kỳ thứ gì cho chính bản thân mình. Con cái thì bị vua bắt đi lính, tiền thì nhà vua bòn rút hết bằng cách thu thuế, đất đai nhà vua tịch thu để chia cho quý tộc. Pháp là một dân tộc rất anh dũng, người dân đã dám đứng lên làm cách mạng để bảo vệ con người. Nhân dân đã truất quyền lực của nhà vua.

Sự kiện này xảy ra vào năm 1789, cách đây đã cả trăm năm. Cuộc cách mạng như chấm dứt một thời kỳ đen tối và bắt đầu một thế giới khác. Khi ấy, tất cả các vị vua đã liên thủ với nhau chống lại Pháp. Tầng lớp quý tộc ở nước Pháp cũng giúp đỡ các vị vua bên ngoài để chống lại cách mạng. Người dân lao động phải một mình chiến đấu với tất cả các thế lực, chống lại tầng lớp quý tộc, tiêu diệt chúng bằng dao dục giã trong cuộc đấu tranh. Cả nước Pháp khi ấy đổ máu, tựa như mổ bụng động vật sống và moi hết ruột gan, nội tạng ra. Người lao động tức giận, đổ lỗi cho nhau. Họ lãnh đạo kém, bởi không quen công việc này. Một người đàn ông gan dạ và tham vọng đến Paris, nhận thấy người Pháp không đoàn kết, khi ông ta làm lãnh đạo thì đã giành được hết chiến thắng này đến chiến thắng khác. Ông ta bắt người dân phải tôn mình là hoàng đế, nhưng sau đó, lại trị vì nước Pháp như một bạo chúa. Sau khi thua trận, tầng lớp quý tộc không trở lại. Vị vua của vàng bạc và tơ lụa cũng không bao giờ được quay về. Đất đai của họ được đem chia cho người lao

động. Ở Pháp cũng như tại các nước khác, con người không phải quay lại sống cuộc đời nô lệ như trước đây nữa. Đây là giá trị mà nước Pháp muốn kỷ niệm tại Triển lãm Paris sau một trăm năm. Vì vậy, vào mùa hè, khi mặt trời chiếu sáng rực rỡ nhất trong năm, nước Pháp muốn mời tất cả các dân tộc trên thế giới đến Paris.

Giá trị đó đang hiện hữu trước mắt chúng ta. Ta sẽ xem nó ngay bây giờ. Chúng ta sẽ cùng đến thăm quan Triển lãm, nơi nhiều dân tộc khác nhau cũng đang dạo chơi ở đây. Chúng ta sẽ cùng ngắm cây cối của tất cả các dân tộc trên trái đất tại cùng một khu vườn. Bên bờ sông Saine thơ mộng, chúng ta sẽ cùng xem lịch sử của các căn nhà, từ hang động ở một khe nứt trên đá của những người ăn hang ở lỗ, cho đến cung điện bằng đá hoa cương và mã não. Chúng ta sẽ leo lên, cùng với những người Na Uy râu đỏ, người Senegal da đen, tóc xoắn tít, những người An Nam tóc búi, đầu đội khăn xếp, người Ả-rập đi dép lê và mặc áo choàng, người Anh kín đáo, người Mỹ ưa cạnh tranh, người Italy tinh tế, người Pháp hào hoa, người Tây Ban Nha vui vẻ. Sau, chúng ta sẽ cùng nhau leo lên những nhà thờ cao nhất, lên những mái vòm của tòa tháp sắt. Chúng ta sẽ cùng chiêm ngưỡng các cung điện kỳ lạ và tráng lệ của các dân tộc châu Mỹ yêu quý; xem toàn bộ cuộc đời của con người qua những công trình kiến trúc bằng sắt và sứ được dựng tháp thoáng giữa những hồ nước và các khu vườn; sẽ cùng đánh giá xem loài người đã khám phá và làm được điều gì kể từ khi còn ở trần trong rừng, cho đến lúc có thể di chuyển giữa lưng chừng trời và dưới đáy đại dương. Trong một ngôi đền bằng sắt rộng và kỳ vĩ, tựa hồ như một bầu trời đỏ rực, chúng ta sẽ cùng xem các loại

máy móc và bánh xe trên thế giới hoạt động cùng một lúc. Ở dưới đất, hàng ba trăm vòi phun nước với các màu sắc khác nhau, tựa như một ngọn núi lửa đầy châu báu. Nước bắn tung tóe xuống lòng hồ, trông như mưa rơi xuống hàng ngàn viên đá quý. Chúng ta sẽ được tận mắt chứng kiến cuộc sống của người dân các nước tràn ngập ánh sáng; xem người dân đảo Java trong căn nhà sàn của mình, người Ai Cập vừa đi sau lưng lừa vừa hát, người Angiêri dật len dưới tán những cây cọ, người Thái Lan làm đồ gỗ bằng tay chân, người Sudan da đen vừa ra khỏi khoảnh đất của mình vừa liếc dọc liếc ngang, với chiếc giáo nhọn trên tay, người Ả-rập mặc chiếc áo choàng trắng muốt bay thấp thoáng trong gió, vừa cưỡi ngựa, vừa bắn súng hỏa mai trên con phố bán đầy chà là. Họ đang nhảy nhót trong một quán cà phê Hồi giáo. Những vũ công đảo Java đội mũ lông chim vừa đi qua. Những diễn viên hài kịch Nam Kỳ hóa trang thành các con hổ đang rời khỏi rạp hát sau khi diễn xong. Người dân khắp nơi trên thế giới đều cảm thấy sửng sốt với những con phố của người Hồi giáo châu Phi; những ngôi làng của người da màu; ngôi nhà tre nhỏ của người dân đảo Java; những cây cầu làm bằng thân cây sậy của người dân chài Malaysia; khu vườn đầy chuối và cam của người gốc châu Âu sinh ra ở Nam Mỹ; ngôi chùa tháp có đắp hình rắn ở một góc, trên trần được chạm khắc như một vật dụng đất tiền. Dành cho các bạn nhỏ của chúng ta, có một cung điện đồ chơi, một rạp hát có đặt tượng của tên xảo quyệt Râu Xanh và Cô bé quàng khăn đỏ xinh đẹp, trông chẳng khác nào người thật. Lão xảo quyệt Râu Xanh có bộ râu trông như ngọn lửa, mắt lão nom như mắt sư tử. Còn Cô bé quàng khăn đỏ đầu đội chiếc mũ tròn màu đỏ, đeo tạp dề len. Mỗi

ngày có tới hàng trăm ngàn lượt khách thăm quan Triển lãm Paris. Ở phía trên cao của ngọn tháp, lá quốc kỳ ba màu của Cộng hòa Pháp bay phấp phật trong gió.

Ta có thể thăm Triển lãm Paris bằng hai mươi hai cửa vào khác nhau. Lối đẹp nhất là qua cung điện Trocadero, xây hình móng ngựa, được lưu giữ lại từ lần triển lãm trước. Hiện nay, lối vào trưng bày đầy các vật dụng tinh xảo bằng bạc mà những nghệ nhân thời áo trùm và mã tấu đã làm cho các nhà thờ và trên bàn ăn của hoàng tử. Thời đó, bát đĩa ăn bằng vàng, cốc để uống trông như cốc của thời xa xưa lắm. Từ cung điện có lối dẫn ra vườn, đây là kỳ quan đầu tiên. Khu vườn không trồng gì khác ngoài hoa hồng, có đến cả bốn ngàn năm trăm cây khác nhau, có cả hoa hồng gần như là màu xanh. Trong một cửa hàng bán hoa hồng trắng và hồng đỏ, vài phụ nữ trẻ bán loại dao tỉa cây rất sắc, cào bằng thép mài bóng, bình tưới cây trông giống như đồ chơi của trò làm vườn. Đất được chia thành các luống, bao quanh là hệ thống mương tưới tiêu lúc nào cũng có nước trong chảy quanh, làm cho những luống đất trông tựa như những hòn đảo nhỏ. Một luống trồng toàn hoa bướm đen. Một luống khác trồng dâu tây trông như san hô, ẩn mình giữa những chiếc lá xanh. Các luống khác trồng đậu Hà Lan, măng tây với những chiếc lá rất đẹp. Có một luống màu đỏ và vàng, đó là hoa tulip. Ở một góc, có bụi cây dây leo, bên cạnh là đám dương xỉ khổng lồ, với những chiếc lá trông như những chiếc lông chim màu xanh. Trong một mê cung, nổi trên mặt nước là hoa súng, hoa sen hồng của Hindustan, hoa sen vùng sông Nin, trông giống cây đàn lia. Một khu rừng bao gồm những loài cây tán nhọn như thông và linh sam núi. Một rừng khác bao gồm những cây bon

sai, cho quả còi cọc, bởi cành của chúng không được phát triển một cách tự nhiên. Trong một khoảnh đất xung quanh rào cây sậy, hoa ly và hoa anh đào Nhật Bản được trồng các chậu sứ màu trắng và xanh. Gian triển lãm “Nước và Rừng” nằm ẩn giữa rừng cọ có bức tường làm toàn bằng thân cây, dạy chúng ta biết phải chăm sóc cây cối như thế nào. Bởi cây cối làm cho trái đất đẹp lên và con người hạnh phúc hơn. Dưới tán một cây phong đỏ Nhật Bản, người ta trồng trong những chiếc chậu thô sơ cây tùng Bắc Mỹ, loại cây giống cây thông nhưng cao hơn và cây bách tán, tên gọi khác của cây thông Chile.

Đi qua cây cầu bắc qua dòng sông Saine thơ mộng, chúng ta thấy ngay đám đông lũ lượt tiến ra từ những tòa nhà dọc hai bên bờ sông, nơi có Phòng trưng bày Lao Động. Trong đó, người ta nướng bánh bông lan thơm phức bằng một lò nướng rất to; cất rượu trong nồi chưng cất bằng đồng đỏ; sôcôla được xay cùng với ca cao và đường trong một chiếc máy hình trụ. Những người làm bánh kẹo đầu đội mũ trắng muốt luôn tay làm kẹo và bánh lòng đỏ trứng trên các chiếc khay nóng hổi. Tất cả những gì ăn được chúng ta có thể thấy trong phòng trưng bày: một núi đường, một cây mận sậy, một cột giảm bông. Trong sảnh rượu bày một thùng rượu lớn. Ở đó có mười lăm khách đang thưởng thức rượu trên bàn. Cạnh đây là một bản đồ nổi, nơi người ta chen chúc nhau để được xem. Bản đồ thể hiện tất cả về nghệ thuật rượu: cây nho với những chùm nho chi chít quả; những người đàn ông đang hái nho bỏ vào giỏ trong tháng thu hoạch; cái máng chứa nho nghiền lên men; hầm lạnh để nước cốt nho lắng xuống. Tiếp đó là rượu nguyên chất, trông như hoàng ngọc tan chảy, bọt sâm banh thơm lừng phụt lên từ một cái chai. Bên

cạnh sảnh rượu là khu vực trưng bày toàn bộ quá trình trồng trọt trên cánh đồng, được thể hiện qua các mô hình trang trí, tranh ảnh và sách vở. Có một gian chứa những chiếc cày bằng thép sáng bóng, một tổ ong mật, một cây dâu lá có lông để nuôi tằm lấy tơ, những chiếc hộp chứa nước dùng để ươm cá giống. Sau đó, hàng ngàn con được thả ra sông, ra biển sinh sống. Tỏ ra thích thú nhất là những người đến xem bốn mươi ba Phòng triển lãm về Con người. Nó thể hiện cuộc sống của con người, kể từ lúc xuất hiện lần đầu tiên trên trái đất, sống co ro trong hang động, phải chiến đấu với gấu và tuần lộc, lấy da của chúng để che cơ thể mình khỏi cái lạnh khủng khiếp. Các dân tộc đương thời cũng sinh ra như thế. Ngoài ra, những gian phòng này cũng trưng bày các hiện vật về nhà cửa của con người. Đầu tiên, người hoang dã sinh sống trong các hang động trong rừng hoặc trong hang đá. Sau, họ thấy thế giới thật đẹp và ước muốn được sống văn minh. Họ soi cơ thể mình trên mặt nước sông, bắt đầu khắc những gì cho là đẹp nhất lên gỗ và đá ở trong nhà. Đó có thể là cơ thể người, chim muông, hay đơn giản là một bông hoa, một thân cây, tán lá. Mỗi dân tộc phát triển bằng cách mô phỏng những thứ xung quanh. Họ xây nhà giống nhà hàng xóm. Ngôi nhà cũng thể hiện rõ ràng tính cách của người chủ: đến từ xứ lạnh hay xứ nóng, điềm đạm hay nóng nảy, nghệ sĩ và tự nhiên, hay kiêu ngạo và phô trương. Cũng có những túp lều bằng đá thô sơ, sau được mài nhẵn bởi con người xuất hiện đầu tiên. Có thành phố nổi, ở đó các ngôi nhà được dựng bằng cột trên mặt hồ, nhằm tránh thú dữ tấn công. Có những ngôi nhà cao, vuông vức và nhỏ gọn, kế bên là đài quan sát của những dân tộc sống dưới ánh nắng mặt trời. Những dân tộc ấy, trước

đây, là những quốc gia lớn như: người Ai Cập thông thái, người Phoenicia giao thương giỏi, người Assyria ưa chiến tranh. Nhà của người Hindustan cũng có chiều cao tương đương như nhà của các dân tộc ấy. Nhà của người Ba Tư là một tòa lâu đài, được ốp sứ giàu có. Sàn nhà lát bằng những viên đá rất đẹp, có hình họa tiết hoa và chim chóc nhiều màu sắc. Những ngôi nhà của người Do Thái, người Hy Lạp và người La Mã dường như chung một kiến trúc, tất cả đều thấp và làm bằng đá, lợp mái ngói hoặc mái bằng. Nhà của người Etrusca và người Đông La Mã giống nhau đến mức trông chúng như của cùng một đất nước. Cuộc sống của người Hung sống ở Bắc Âu giống hệt như những gì vẽ trên các túp lều di động của họ. Người Đức cổ đại và người Gô- loa sống trong những ngôi nhà gỗ đầu tiên lợp bằng mái rạ. Khi xảy ra chiến tranh, các dân tộc giao thoa với nhau. Nhà cửa ở nước Nga được trang trí và sơn màu sắc rực rỡ, giống nhà của người Hindu. Người Hung đưa đá chạm trổ tinh xảo của người Ý và Hy Lạp vào những ngôi nhà lớn của họ. Sau đó, vào cuối thời đại ấy, nghĩa là khoảng giữa cuộc chiến tranh với khi khám phá ra châu Mỹ, dựa theo lối kiến trúc trước đây của người Hy Lạp và Rome, người ta xây dựng các ngôi nhà vừa sang trọng vừa tao nhã của thời kỳ Phục Hưng. Ở châu Mỹ, những thổ dân sống trong các cung điện bằng đá được trang trí bằng vàng, điển hình là cung điện của người Aztec ở Mexico và người Inca ở Peru. Người Hồi giáo Bắc Phi được biết đến thông qua ngôi nhà bằng đá dẹt của họ. Giống người Do Thái, họ sống trong rừng cọ, tự bảo vệ mình khỏi kẻ thù bằng ngôi tháp trong vườn. Từ đây, họ có thể nhìn thấy hươu nai giữa những cây hoa hồng, thấy bọt biển trắng xóa bị sóng xô lên bãi cát. Người Sudan da màu, trông

như người Hồi giáo Bắc Phi, sống trong căn nhà màu trắng, trên trần treo lủng lẳng những quả chuông nhỏ. Người Trung Hoa nhỏ thó, sống chủ yếu bằng cơm và cá, làm nhà bằng ván ghép hoặc bằng tre. Người Nhật Bản sống dựa vào việc chạm khắc ngà voi; nhà ở đây được trải thảm và được ghép bằng những tấm ván nhỏ. Ở đó, có thể thấy những dân tộc hoang dã ngày nay sinh sống: người Eskimo sống trong những ngôi nhà tròn bằng đá, hoặc trong ngôi lều bằng da có vẽ hình người thổ dân Mỹ, các con vật khác thường và những người có khuôn mặt tròn, nom như hình vẽ của trẻ con.

Nhưng tháp Eiffel mới là nơi mà đám đông đang đi tới với một sự im lặng bao trùm như tổ lòng thành kính. Đây là công trình cao và táo bạo nhất của nhân loại, đóng vai trò là cánh cổng dẫn vào Triển lãm. Bốn chân bằng sắt của tháp nằm sâu dưới đất, có nhiều cung điện bao quanh. Bốn chân này được nối với nhau bằng những hình vòng cung, gần như nối liền đến tầng hai của ngọn tháp, đến đây có chiều cao bằng kim tự tháp Kê-ốp của Ai Cập.

Tòa tháp trông tinh xảo như một chiếc diềm đăng ten, hùng vĩ như một anh hùng, mảnh như một mũi tên, cao hơn cả tượng đài Washington, một trong những công trình cao nhất của nhân loại. Ngọn tháp cao hút tầm mắt, lừng lững trên nền trời xanh thẳm với chiếc chuông nhỏ bên trên, trông như một đỉnh núi, xung quanh là mây bao phủ. Toàn bộ tòa tháp, từ chân cho đến đỉnh, trông tựa như một chiếc diềm đăng ten được dệt bằng sắt, gần như không có trụ đỡ nhưng có thể vươn đến tận mây xanh. Bốn chân tháp ngoạm sâu xuống nền đất cát, nom như những chiếc rễ khổng lồ. Phía bờ sông, nơi có hai chân tháp, nền đất

rất mềm. Vì thế, khi xây dựng, người ta phải đưa xuống hai chiếc hộp lớn, sau đó hút lớp cát nhão ở bên trong ra, rồi đổ bê tông vào đó một cách chắc chắn. Từ bốn góc cột trụ, người ta dựng hình vòng cung, nối bốn chân cột vào nhau từ trên cao một cách vững chãi thành một giàn giáo đỡ những tầng phía bên trên nghiêng dốc xuống. Từ bốn cột trụ tầng đầu tiên được dựng lên, trông như một chiếc vòng lớn, xung quanh có dính tên những kỹ sư danh tiếng nhất nước Pháp. Giữa không trung, vào một buổi sáng đẹp trời, bốn chân tháp được lắp vào tầng một, chẳng khác nào tra gươm vào bao. Tầng này làm nhiệm vụ đỡ cả tòa tháp mà không cần bất kỳ cột chống nào. Bốn chân tháp trông như những mũi giáo hướng lên trời. Từ đây, gắn vào các cột mảnh, mỗi cột nối với một cần cầu, rồi công nhân bắt đầu đưa những mảnh khác lên trên. Những mảnh ghép mới nom như đang nhảy múa trên không. Công nhân với chiếc cột bằng chân như người thủy thủ đang néo dây chèo thuyền. Họ đóng đường viền, trông như người cắm lá cờ tổ quốc vào cột cờ kẻ thù. Cứ như vậy, người treo ngửa, lưng song song với mặt đất, mặt hướng lên trời, chân giữ chiếc cột đu đưa trong gió như một cành cây; những người công nhân mặc áo trắng, đầu đội mũ da, không quản ngại thời tiết, vẫn kiên trì lắp ráp các mảnh trong các góc, chỗ nối, những thanh nâng. Dù giữa mùa đông, trong cơn gió lạnh, gió lốc, hay tuyết rơi, họ vẫn treo mình lơ lửng giữa trời. Tự cân bằng trên không trong chiếc giá đỡ bằng dây, những người công nhân tay cầm chổi sơn nom chẳng khác nào họa sĩ. Cả thế giới ngày nay như đang đi trên một con tàu lớn hướng ra biển, với cả nhân loại trên tàu và chiếc tháp chính là chiếc cột buồm! Gió quạt vào tòa tháp như muốn phá hủy nó,

bởi ngọn tháp đáng ghét chặn mất sự lưu thông của gió. Nhưng gió thua cuộc rồi vỡ vụn, mất hút trên nền trời xanh. Ở phía dưới, người người đi vào bên trong như đàn ong vào tổ. Từ chân tháp, cả hai ngàn khách tham quan đang leo lên leo xuống cùng lúc bằng cầu thang xoắn tròn ốc và những chiếc thang máy nghiêng. Tất cả, trông như con sâu, cái kiến giữa những mắt lưới bằng sắt. Bầu trời nhìn qua những mắt tháp trông như những hình tam giác lớn màu xanh, bị cắt mất phần đầu, có đỉnh nhọn. Từ tầng một được mở ra, có bốn khách sạn rất đáng hiếu kỳ, người ta leo lên tầng hai bằng cầu thang xoắn tròn ốc. Ở đó, một cuốn nhật báo được viết và in ra. Tầng này nằm ở độ cao của vương cung thánh đường Thánh Pedro. Trụ của quyển báo xoay tròn, cho ra những tờ báo vẫn còn chưa khô mực. Mỗi khách tham quan được cho một chiếc mè đay bạc. Tầng ba, cách mặt đất và mặt nước biển khoảng ba trăm mét, chỉ những người thật sự can đảm mới dám leo lên đây. Nơi đây hầu như không thể nghe được tiếng ồn ào của cuộc sống, không khí trên cao dường như trong lành hơn. Thông qua kính viễn vọng, thành phố nằm bên dưới, im lìm và hoang vắng, trông như một tấm bản đồ nổi. Hai mươi legua bên dưới là những dòng sông sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời; những thung lũng rực rỡ và những ngọn núi xanh biếc. Bên trên tầng này, người ta dựng một quả chuông nhỏ. Trên đó, trong ngôi nhà kính, có hai người đàn ông đang nghiên cứu về những con vật trên trời, quỹ đạo của các vì sao, hướng gió. Từ một chân tháp, dây điện được đưa lên ngoằn ngoèo, bật sáng ngọn đèn hải đăng trong đêm tối u tịch, đổ bóng Paris xuống dòng sông ánh sáng trắng, đỏ và xanh như màu quốc kỳ nước Pháp. Trên cao chỗ hình vòng cung, một chú chim

nhận làm tổ.

Ở bên dưới tòa tháp, còn chưa kịp hết sửng sốt, người người tiến ra những khu vườn đầy vòi phun nước cùng nhiều cung điện bao quanh. Cung điện lớn nhất nằm ở phía cuối, trưng bày những minh chứng cho sức lao động của nhân loại. Cánh cửa của gian này làm bằng sắt bện lại, treo đầy những vòng hoa nhỏ bên trên, như trước đây người ta chạm khắc vàng trong các nhà giàu. Một hình mái vòm bằng sứ sáng chói nằm trên cánh cổng lớn mô phỏng vòm trời. Trên chiếc vương miện mở rộng đôi cánh như sắp bay, có hình một người phụ nữ tay cầm cành ô liu; chỗ lồi vào cổng mái vòm là tượng nữ thần Tự do bằng đồng, tay đặt lên đầu tượng một con sư tử. Bên trên đài phun nước, có tượng những người đàn ông và phụ nữ mà các nhà thơ thuở trước gọi là những nữ thần biển và nam nhân ngư sống trong đại dương mênh mông. Trên vai họ mang một chiếc thuyền như khi thắng trận. Trên chiếc thuyền, sự tiến bộ của loài người, khoa học và nghệ thuật - những yếu tố làm nên nước Pháp - được thể hiện với hình ảnh là những nam, nữ anh hùng. Chiếc thuyền nằm cao hơn tất cả, trên đôi cánh mang ngọn đuốc sáng rực. Ở mỗi góc vườn, từ cung điện cho đến tòa tháp, có một cung điện chứa các sản phẩm bằng vàng và đồ tráng men. Một cung điện chứa những bức tượng và tranh vẽ phong cảnh về núi và động vật nước Anh; những bức họa tinh tế của các họa sĩ nước Ý về người nông dân và trẻ em; các bức họa của họa sĩ Tây Ban Nha về chết chóc và chiến tranh, trông sống động như thật; và về lịch sử tao nhã của thế giới trong các bức họa của Pháp. Cung điện này được gọi là Cung điện Mỹ thuật. Ở phía khác có cung điện Nghệ thuật tự do, là những công việc thiết yếu của

con người và tất cả những môn nghệ thuật không chỉ đơn thuần là dùng để trang trí. Lịch sử của tất cả mọi thứ đều được thể hiện ở đây: từ công việc khắc chạm, hội họa, điêu khắc, trường học, nghệ thuật in ấn. Chúng dường như hoạt động chuẩn và hoàn hảo y như kim và bánh xe đồng hồ. Ở đây, thu nhỏ trong các bức tượng sáp, chúng ta cũng có thể nhìn thấy những người Trung Hoa đang quan sát các thiên thể trên bầu trời từ ngôi tháp của họ. Tượng sáp của nhà hóa học Lavoissier, đi đôi tất dài bằng lụa, mặc chiếc áo khoác da màu xanh, đang thối vào chiếc bình cổ cong, để khám phá xem mảnh thiên thạch rơi từ một ngôi sao bị vỡ và lạnh giá xuống trái đất được cấu tạo như thế nào. Tượng những người thuộc các chủng tộc khác nhau đang ngồi trên mặt đất, làm các công cụ bằng đá, như những người ở thời đại đồ đồng, đầu to và khỏe, khai quật được tại Đan Mạch cách đây không lâu.

Và chúng ta đã đến chân tháp rồi. Mỗi bên tháp là một khu rừng. Một khu có nhiều cây cối hơn, như là khu nghỉ dưỡng. Tại đó có ngôi nhà bằng gỗ thông của người Thụy Điển, với khung cửa sổ đầy hoa, nằm bên cạnh một hồ nước. Một căn nhà gỗ của người nông dân Nga, với chiếc cửa dẹt và mái nhà nhọn. Một ngôi nhà bằng gỗ đẹp, cửa sổ hình tam giác, nơi một gia đình Phần Lan tránh rét trong những tháng mùa đông giá lạnh. Trong ngôi nhà người cha dạy các con mình vẽ và suy nghĩ, dạy chúng biết yêu các nhà thơ của Phần Lan, dạy chúng chế tạo lao móc để bắt cá, làm xe trượt tuyết để đi săn. Trong khi đó, người ông thì khắc lên một phiến đá hoa cương trông như ngọc mắt mèo, hoặc đẽo gỗ thành chiếc thuyền nhỏ và các hình thù khác. Những người phụ nữ đầu đội mũ dài, đeo tạp dề đang đan

những chiếc diềm đăng ten tinh xảo. Ông khói nhà cũng làm bằng gỗ chạm trổ. Có rạp hát, cửa hàng bơ sữa, và một ngôi nhà với các phòng ăn rộng. Đến giờ ăn, khi chim hót líu lo trên cây, những người đầy tớ mặc áo khoác đen mang các chai rượu bỏ vào giỏ. Nhưng khu vườn bên cạnh mới chính là trái tim ta hướng tới nhiều nhất. Bởi vì ở đó, xung quanh chân tháp là những gian triển lãm nổi tiếng tao nhã và độc đáo của châu Mỹ chúng ta, tựa như những mầm chuối mọc xung quanh thân cây. Gian của Bolivar trông như một chiếc mũ, gian của Mexico thì như một chiếc thắt lưng, của Argentina giống một chiếc mũ lông chim sắc sảo. Hình như tất cả các gian triển lãm đều hướng về tòa tháp, như những đứa con hướng về cha mình! Thật là tuyệt vời khi có máu của những dân tộc ưa lao động. Gian của Brazil cũng ở đó, nom như một nhà thờ chủ nhật nằm giữa một rừng cọ, trưng bày tất cả những nét đặc trưng của đất nước này: từ những khu rừng rậm, cốc chén, vại rất lạ của người thổ dân đảo Marajo ở vùng cửa sông Amazon, một đài phun nước nơi trẻ con có thể đi thuyền nhỏ trên đó, những bông hoa lan rất kỳ lạ, những bao tải cà phê và những núi kim cương. Có một mặt trời vàng rực, lấp lánh giữa những tán cây và những gian triển lãm, mặt trời của Argentina, được treo cao trên chỗ mái vòm, màu trắng xanh như quốc kỳ của họ. Gian triển lãm của nước này là một cung điện bằng sắt màu vàng với những cửa sổ kính màu, tọa lạc giữa bốn mái vòm vương miện, trên góc trần nhà treo đầy những nhóm tượng. Chính tại nơi đây, tại triển lãm này, những con người mới ở châu Mỹ đang muốn mời gọi cả thế giới hãy tới để cùng khám phá xem dân tộc mới khai sinh nói tiếng Tây Ban Nha này đã làm được những gì chỉ trong khoảng thời

gian thật ngắn ngủi. Họ là những con người yêu lao động, yêu tự do. Thà chết cháy dưới ánh nắng mặt trời còn hơn là sống trên đời mà chỉ khoanh hai tay trước ngực như một phiến đá di động. Phía cửa ra vào, có một bức tượng chỉ vào một bản đồ, trên đó nổi bật lên nước Argentina có dòng sông, nơi mỗi ngày người người tập nập tiến vào để làm việc; có những ngọn núi cho ta kim loại, những cánh đồng hoang dày đặc đàn gia súc. Nổi bật lên nữa là thành phố kiểu mẫu La Plata trước đây vốn nằm giữa cánh đồng hoang, thế mà giờ đây đã có hệ thống đường sắt, cảng, bốn mươi ngàn dân số và những trường học đẹp như cung điện. Tại đây, chúng ta cũng thấy giá trị mang lại của bò, cừu và tất cả các sản phẩm mà những con người dũng cảm có thể tạo ra với đàn gia súc của mình: hàng ngàn tấm da, hàng ngàn cuộn len, cả ngàn tấm vải, hàng ngàn ngành công nghiệp, bao gồm thịt tươi trong phòng lạnh, bồm ngựa, sừng, kén, lông và khăn. Con người trên trái đất có thể làm ra thứ gì thì người Argentina cũng cố gắng làm ra thứ ấy. Khi màn đêm buông xuống, lúc đám đông gõ cửa, cả ngàn bóng đèn đủ các màu: trắng, xanh da trời, đỏ, xanh lá cây trong cung điện bật sáng rực cùng một lúc.

Nhằm vinh danh các vị thần linh cũng như các anh hùng, người ta xây dựng đền tháp Mexico, có bậc cầu thang trang trọng dẫn vào một cổng lớn. Phía trên cao, thần Mặt trời Tonatiuh, đang nhìn nữ thần Cipactli - chính là trái đất của chúng ta - lớn dần lên dưới sức nóng của mình. Hai bức tường có cửa mở ra như đôi cánh, ở hai đầu có khắc tên tất cả các vị thần xuất hiện trong thơ của người thổ dân, thợ săn, nông dân, nghệ sĩ, thương gia và những người dũng cảm cuối cùng,

Cacama, Cuitlahuac và Cuauhtemoc, người thì hi sinh trong tranh đấu, người thì bị thiêu sống trên giàn hỏa thiêu bởi đã bảo vệ tổ quốc khỏi những kẻ xâm lăng. Bên trong, những bức tranh xa hoa trên tường cho chúng ta biết về cuộc sống của những người Mexico thuở trước cùng công việc cũng như các lễ hội của họ. Có bức vẽ một người mẹ góa bụa nói lên những suy nghĩ của mình với các nhà cầm quyền thành phố; những người nông dân chiết nước mật từ thân cây thùa; những vị vua tự tham quan trên hồ bằng thuyền trang trí đầy hoa. Chỗ chân tháp, tại ngôi đền thép, người ta dựng lên tượng hai người Mexico để không ai có thể đụng chạm vào lịch sử của họ. Giống hình ảnh người mẹ của tổ quốc, con cái phải luôn trân trọng. Con người phải yêu mảnh đất nơi mình sinh ra như thế, bằng một tình yêu quyết liệt, nhưng đôi khi cũng rất dỗi dằn! Trong đền, có những tấm rèm cửa rất đẹp, những chiếc kính màu gụ đính bạc chạm lộng, vải sợi, tinh dầu thơm, bát đĩa, và những chiếc bình tráng men, ngọc mắt mèo, rượu, yên ngựa, bánh kẹo; thứ gì cũng đều được trang trí bằng chữ và các hình ảnh thổ dân. Chủ trại chăn nuôi giàu có, một thanh niên trẻ hào hoa và giỏi giang, biết chăm lo trại gia súc của mình, có những người nộm trông sống động, như thật trong bộ quần áo da đính tua rua và nơ, đầu đội chiếc mũ rộng vành viền bằng vàng bạc, vai mang khăn choàng lụa sắc sỡ, những hình nộm như sắp leo lên lưng ngựa. Chỗ cửa ra vào, ở một bên, có những thân cây lớn gỗ bóng loáng, bên kia là kim tự tháp màu hồng và xanh ngọc, làm bằng đá cẩm thạch trong suốt và đá mã não, trông chẳng khác nào đám mây tinh lạng lúc trời chiều. Trên trần nhà treo lá quốc kỳ hình con chim đại bàng màu xanh lá cây, trắng và đỏ.

Các gian trưng bày khác cũng được dựng cạnh nhau như những người anh em. Gian triển lãm của Bolivia, đất nước mang tên người con gái của vị anh hùng giải phóng dân tộc Bolívar, có bốn ngọn tháp mái vòm màu vàng được làm tinh xảo. Bên trong chứa đầy thạch anh, những dấu tích còn lại của người hoang dã và thú lớn thời cổ đại ở châu Mỹ. Có cả lá cô ca, thứ lá tiếp thêm sức mạnh cho con người để tiếp tục di chuyển. Gian trưng bày của Ecuador là một ngôi đền Inca, với tranh vẽ và những vật trang trí giống hệt như những thứ mà người thổ dân thời xưa bày trong các ngôi đền mặt trời. Bên trong trưng bày kim loại và quả ca cao nổi tiếng; vải dệt và vải thêu tinh xảo được bày trong các quầy hàng bằng kính mạ vàng. Gian triển lãm Venezuela có mặt tiền trông như mặt trước của nhà thờ; một gian phòng rộng trưng bày rất nhiều cà phê, một đồng quế ngọt, sách thơ, sách kỹ thuật, những đôi giày nhẹ và đẹp. Gian của Nicaragua có mái ngói đỏ như mái nhà của người dân nơi ấy, các phòng nằm ở các phía. Trong đó, trưng bày ca cao, vani, những con chim lông màu vàng và xanh ngọc bích, những phiến kim loại phát ra ánh sáng màu cầu vồng, và những cây gỗ cho nhựa thơm. Ở gian giữa người ta bày bản đồ một con kênh nối biển của châu Mỹ với một biển khác, cùng nhiều di tích khác. Gian triển lãm của Salvador có cửa sổ rộng như nhà của họ, ban công bằng gỗ rất đẹp. Salvador là đất nước ưa lao động, họ sáng tạo và làm việc rất khéo léo. Người dân trồng mía và cà phê trên cánh đồng, làm ra những vật dụng mỹ miều như những vật dụng ở Paris, dệt ra lụa mềm mại như lụa ở Lyon, và thêu thùa tinh xảo như ở đảo Burano, nhuộm len với những màu sắc vui nhộn và cũng tốt như len của người Anh. Họ điêu khắc trên gỗ và vàng rất tinh vi.

Một chiếc cổng lớn dẫn vào cung điện bằng sắt của Chile, nằm giữa các bao tải bột mì và mẫu vật trưng bày khoáng sản. Ở đó, có những cây gỗ chắc chắn trong rừng của người thổ dân Araucano, rượu ngon màu hổ phách và màu đỏ, những thanh bạc và vàng thô, tất cả những loại hình nghệ thuật của một dân tộc không muốn tụt hậu lại phía sau, muối và cây bụi màu đỏ của sa mạc. Ở phía cuối có một khu vườn, với những bức tường treo đầy tranh số.

Bây giờ chúng ta cùng vào Cung điện Trẻ em, nằm ngay cạnh gian triển lãm của Chile. Ở đây trẻ em chơi cưỡi ngựa, chơi xích đu, cùng xem người ta làm những chiếc tàu bằng thủy tinh ở Venezia như thế nào; xem những con búp bê do một nghệ nhân Nhật Bản làm, gói trong những chiếc hộp dài, bên cạnh là một cây dừa phép với bột nặn nhiều màu sắc. Nghệ nhân này có thể làm một *daimyo* trên tay là cây kiếm lưỡi cong, làm một ông vua Mikado thời bây giờ, mặc chiếc áo choàng kiểu Pháp. Ô kìa, rạp hát! Ô kìa, người đàn ông đang làm bánh kẹo!Ồ, con chó biết làm phép tính nhân kìa! Ô, một huấn luyện viên thể thao đang cưỡi ngựa trên một chiếc bánh xe! Toàn bộ cả cung điện, từ ngoài vào trong, từ bậc cửa cho đến chiếc cờ treo trên trần nhà toàn là đồ chơi! Tuy nhiên, nếu trẻ em châu Mỹ chúng ta không có nhiều thời gian, làm sao chúng có thể dừng lại chơi khi vẫn còn rất nhiều điều phải tìm hiểu và khi vẫn chưa thăm hết các gian triển lãm của châu Mỹ chúng ta? Thế còn gian triển lãm hào phóng của người Guatemala thì sao? Đó là một ngôi nhà mộc mạc và thân thiện, như mời gọi mọi người cùng vào xem những gì ở miền đất có núi lửa ban tặng cho họ nào nho, cà phê, những cây dây leo và các con hổ, cây dừa, chim chóc. Họ đưa

khách thăm quan lên trên mái hiên tầng hai, nơi có những chiếc rèm rủ xuống, để uống sôcôla nóng trong những chiếc cốc được chạm trổ tinh tế. Gian trưng bày tao nhã được làm chủ yếu từ gỗ là của Santo Domingo. Ở đây, người dân biết dùng cành cây để tự vệ, chống lại kẻ thù từ bên ngoài vào xâm chiếm đất nước mình. Kìa là gian của Paraguay, là một tháp quan sát, cửa sổ và cửa ra vào làm giống nhà ở đất nước có nhiều rừng núi, được xây dựng mô phỏng theo những hang động và mái vòm bằng cành cây. Gian triển lãm của Uruguay, xa hoa và vui nhộn với những ngọn tháp nhọn và đã dành ra các phòng cho hai dân tộc anh em trong đại gia đình Nam Mỹ của chúng ta là Colombia, hiện giờ còn rất nhiều việc phải làm và Peru, đang buồn rầu sau một cuộc chiến tranh. Uruguay là một dân tộc anh dũng và thân thiện, làm việc gì cũng rất nghệ thuật và có niềm đam mê, giống như người Pháp. Họ đã chiến đấu trong vòng chín năm trời để chống lại một kẻ xấu xa muốn thống trị đất nước. Mảnh đất này cũng có nhà thơ nổi tiếng châu Mỹ là Magariños. Đất nước Nam Mỹ này sống dựa vào công việc chăn nuôi gia súc, không có dân tộc nào trên thế giới phát minh ra nhiều phương thức bảo quản thịt ngon như họ: sấy khô, ngâm trong một loại nước sốt trông như rượu, chiết xuất thịt bằng phương pháp của Liebig, dùng làm bánh. Trên ngọn tháp nhọn như một cây giáo, nổi lên lá quốc kỳ của họ, bao gồm một mặt trời và các đường kẻ xanh, trắng, như đang mời gọi những người bạn tốt tới chiêm ngưỡng.

Ôi! Phải nhanh chóng thăm cung điện khác thôi! Đây là cung điện của đất nước nhỏ bé Hà Lan; tuy nhỏ, song ở đây, ai cũng hạnh phúc và được sống trong những điều kiện rất tốt như ở một quốc gia lớn, nhờ các công việc: nghề hàng hải, kỹ thuật,

công nghệ in, dệt đăng ten, chạm khắc kim cương. Ta cũng không thể bỏ qua gian triển lãm của Bỉ, đó là những con người am hiểu về trồng trọt, chế tạo xe ngựa, nhà cửa, vũ khí, bát đĩa, tranh dệt và gạch ngói. Chúng ta không thể xem gian triển lãm của Thụy Sĩ, với trường học kiểu mẫu, những miếng pho mát to như chiếc bánh xe và xưởng chế tạo đồng hồ. Không thể ghé qua gian triển lãm của Hawaii, nơi tất cả mọi người đều biết đọc, biết viết; người dân trên đảo làm dung nham và lông vũ dưới chân ngọn núi lửa. Ta cũng không thăm được gian của Cộng hòa San Marino, với những tấm kính màu rất nổi tiếng và các gia đình nghệ nhân điêu khắc, ai biết thánh Marino đã đi đâu không? Gian triển lãm có cánh cửa chạm trổ nhiều màu sắc là Serbia, đất nước gần Nga. Ở đây, họ làm những bức tranh dệt rất khéo léo và nghệ thuật ghép mảnh tinh tế. Căn phòng ăn có trần nhà với mái hiên đua ra là của Rumani. Ở đất nước này, đến những người nghèo nhất cũng được mặc quần áo bằng vải thêu; họ ăn thịt gần như vẫn còn sống với nhiều hạt tiêu trên đĩa gỗ và uống sữa trâu. Gian triển lãm của người Xiêm, đất nước của nghi lễ và lúa gạo, là một ngôi nhà hai mái, trưng bày đầy tơ lụa thêu họa tiết hoa và chim chóc, đầy những chiếc kiệu và ngà voi. Đất nước Trung Hoa, ai mà chẳng biết, với gian triển lãm bao gồm ba tòa tháp, không thể chứa hết nào là rào chắn bằng cây, những bức tượng ác quỷ bằng vàng, những chiếc hộp bằng ngà voi có tranh vẽ bên trên, những bức tranh dệt trên đó có hình những con chim mang đủ bảy màu của ánh sáng, cất cánh bay lên không trung. Khi tháng Năm về, đôi chim sơn ca ấy đến chào nhà vua và hoàng hậu, trở về từ bầu trời sau khi bay lên đó để tìm hiểu xem ai đang ngồi ở trên những đám mây kia,

rồi chúng ta về một chiếc tổ trong ánh nắng mặt trời chói chang. Ô, còn nhiều thứ đáng xem quá! Cung điện của người Hindu, màu đỏ đậm với đồ trang trí màu trắng, trông như những tấm vải thêu được bện lại trên một bộ đầm phụ nữ; tất cả đều được chạm trổ, từ các cửa sổ nhỏ, tòa tháp, cho đến đài phun nước bằng đá cẩm thạch, những chiếc cột bằng đá pociá, những con sư tử bằng đồng dùng để trang trí phòng khách treo đầy các bức tranh dệt! Gian triển lãm của Nhật Bản không khác gian của Trung Hoa là mấy, tuy tinh tế và tao nhã hơn. Ở đó, có vài cụ già làm vườn người Nhật Bản rất quý trẻ con. Gian triển lãm của Hy Lạp có những cánh cửa thấp, mỗi bên có một bức tường. Trên một bức viết về lịch sử thời xa xưa của họ, từ thuở trước khi những người La Mã cổ đại đến nắm quyền khi Hy Lạp suy thoái. Đồng thời, trên ấy cũng viết về cuộc sống lao động ngày nay, kể từ lúc được trả lại tự do, về đồ cổ, những phiến đá cẩm thạch màu đỏ, những tấm lụa mềm mại, những chai rượu thơm ngát. Các thành phố như Pireo, Siracusa, Corfu và Patras mang giá trị tương đương bốn thành phố nổi tiếng của Hy Lạp cổ, đó là: Athen, Sparta, Tebas và Corinto! Gian triển lãm của đất nước Ba Tư, có lối vào nhà thờ Hồi giáo nổi tiếng, trần nhà màu xanh sáng. Bên trong, giữa những bức tranh dệt màu xanh và vàng, nổi bật lên là những chiếc bình có đục lỗ để đốt hương thơm, những chiếc khăn bằng lụa mỏng đến nỗi một chiếc khăn cũng chứa vừa, những chiếc mã tấu với chuôi nạm châu báu dùng để cắt sắt, những bông hoa violet thơm ngọt ngào và những lá hồng ép khô! Khu chợ của người Ma-rốc, với dãy mái vòm màu trắng rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời, nơi những người Hồi giáo, đầu đội khăn xếp, chân đi giày bệt mềm, đang mài dao,

nhuộm màu những tấm da mềm, tết rạ, chế tác đồng bằng những nhát búa chắc nịch, thêu chỉ vàng lên tấm vải nhung! Thế còn con phố Cairo, một con phố Ai Cập bình thường như bất kỳ con phố nào ở Ai Cập, một số người đang mua áo choàng, một số khác dệt len trên khung cửi, một số nữa đang rao bán kẹo, những người khác đang làm các công việc của thợ kim hoàn, thợ tiện, thợ gổm, thợ làm đồ chơi. Đâu đâu cũng thấy những người chủ nuôi lừa vui tính đang cho thuê lừa. Bên trên, một cô gái Hồi giáo xinh đẹp, đầu quấn khăn trùm, đang nhìn xuống từ ban công phủ đầy rèm lưới.

Ôi, không còn thời gian nữa rồi! Chúng ta phải đi ngắm kỳ quan lớn nhất thôi. Quyết định ấy làm rung động trái tim chúng ta, làm cho ta cảm thấy muốn ôm chầm lấy người kế bên mà gọi họ là anh em. Chúng ta cùng quay trở lại khu vườn nhé. Rồi cùng nhau đi vào cổng lớn của Điện Công nghiệp. Chúng ta hãy nhắm mắt lại và dạo chơi trong phòng triển lãm với mười bốn cửa ra vào này. Ở đó, mỗi quốc gia trưng bày những tác phẩm xuất sắc nhất của mình. Mỗi ngành công nghiệp có riêng một cửa vào khu vực của mình: ngành kim hoàn có bạc, vàng và hai cột đá màu xanh; ngành gốm sứ có đồ sứ và gạch trang trí; ngành đồ gia dụng có các sản phẩm bằng gỗ điêu khắc tựa những cánh hoa; ngành công nghiệp sắt có cuốc chim và búa; ngành vũ khí có bánh xe, xe pháo, đạn, súng đại bác, nói chung là cái gì cũng có. Đi qua một hành lang gợi cho ta nghĩ đến những thứ lớn lao hơn, chúng ta sẽ đến bậc cầu thang dẫn lên ban công của tòa nhà. Nheo mắt lại, ta sẽ thấy một gian phòng lớn bằng sắt đầy ắp ánh nắng mặt trời, có sức chứa đến cả hai ngàn con ngựa cùng lúc, và có thể là chỗ ngủ của cả ba mươi

ngàn người. Cả gian phòng chứa đầy các loại máy móc, cái thì quay, cái thì ép, cái thì đang rít lên, cái thì đang tóe sáng, cái xuyên qua khoảng không tĩnh lặng, có cái chạy làm cho đất bên dưới rung lên âm âm! Những chiếc máy to nhất được kê ở bốn hàng giữa gian phòng, lấy năng lượng bằng dây curoa từ một chiếc lò đồ rực. Nhưng hầu như ta không nhìn thấy dây vì nó quay rất nhanh. Bốn hàng trụ có gắn các bánh xe được mắc dây curoa. Xung quanh là tất cả các loại máy móc trên thế giới được kê san sát nhau; có những chiếc máy nghiền thép thành bột, những chiếc máy dùng để mài nhọn mũi kim. Vài phụ nữ đeo tạp dề đỏ đang làm giấy Hà Lan. Một chiếc máy hình trụ đang cắt phong bì, trông chẳng khác nào một con voi đang di chuyển. Một chiếc cối tách vỏ hạt lúa mì. Có một vòng tròn sắt chạy bằng điện được treo lơ lửng trên không mà chẳng cần cái gì đỡ. Ở đây, người ta tạo ra những mảnh kim loại được dùng làm chữ in, làm ra giấy vải hoặc giấy gỗ, in nhật báo hàng ngày, in một mặt, sau đó đảo chiều, những tờ báo vừa mới ra vẫn còn ướt mực. Một cái máy hút khói trên miệng giếng của một hầm mỏ để những người thợ bên trong khỏi bị ngạt thở. Một cái máy khác ép mía và cho ra một dòng mật ngọt. Nhìn thấy những chiếc máy từ ban công thì chỉ muốn khóc mà thôi! Cái thì gầm, cái thì rì rào như sóng biển, ánh nắng chan chứa khắp căn phòng. Khi hoàng hôn buông xuống, một người chạy đến ấn vào nút, hai dây kim loại chập vào làm một, một bầu trời bóng điện sáng rực, được treo từ chỗ mái vòm, hắt ánh sáng xuống những chiếc máy trông như đang quỳ gối trong màn đêm u tịch. Xa xa, nơi mà Edison phát minh ra điện, hai mươi ngàn bóng điện nhỏ cùng sáng rực lên như một chiếc vòng ánh sáng lấp lánh.

Chúng ta có thể nhìn thấy toàn cảnh của thành phố Paris và thành phố Napoli với ngọn núi lửa đặc trưng, thấy Mont Blanc, ngọn núi mà mới chỉ nhìn thôi đã cho ta cảm giác lạnh thấu xương. Ta cũng có thể quan sát được vịnh Rio de Janeiro. Có một toàn cảnh khác trông tựa một cây cầu của chiếc tàu thủy nằm ở giữa, kết hợp với bầu trời và biển tạo thành hình toàn bộ con tàu. Có cung điện với những bức vẽ tinh tế của các họa sĩ màu nước. Một cung điện khác với các vật trang trí bằng kính của những họa sĩ vẽ phần màu. Có hai gian triển lãm Paris, qua đó, người ta học cách chăm sóc một thành phố lớn. Có nhiều xưởng của Triển lãm nằm ở ngoại ô thành phố, nơi “những người ích kỷ học cách trở thành người tốt”. Ở đó, chúng ta có thể tận mắt xem các công việc của người thợ mỏ trong hầm mỏ than, dưới đáy nước, trong những chiếc bể dùng để nung chảy vàng, lúc này trông chẳng khác nào bùn. Phía xa xa, có những chiếc lò vừa đen vừa xấu, người ta bỏ than vào đó để cho những người thợ mỏ đen xì xông hơi. Tuy nhiên, ai cũng hưởng mắt tới cánh đồng trước mặt cung điện, nơi những binh lính cụt tay hoặc què chân đang canh giữ hầm mộ bằng đá của Napoleon, xung quanh đầy những lá cờ rách tả tơi. Ở phía trên cao của cung điện là mái vòm mạ vàng! Ai ai cũng đến để tận mục sở thị những dân tộc kỳ lạ, xem vùng đất của những cựu chiến binh tàn tật. Kế đó, chúng ta có thể thấy cung điện trưng bày tất cả những gì thuộc về chiến tranh: quả bóng được thả trên không trung để tìm hiểu xem kẻ thù đến từ đâu; những con chim bồ câu có buộc lời nhắn, biết bay lên cao vượt khỏi tầm bắn của đạn dược. Nếu chẳng may bị viên đạn nào bắn trúng, con chim bồ câu trắng đầm máu sẽ bị rơi xuống đất. Đi tiếp, chúng ta sẽ thấy

gian triển lãm của Cộng Hòa Nam Phi. Trong đó trưng bày viên kim cương hoàng gia to nhất thế giới được lấy lên từ lòng đất nơi ấy. Đây là lán của các binh lính, có súng dựng ngoài cửa. Kia là dãy nhà do những người hảo tâm xây dựng cho dân lao động nghèo khổ, để họ có thể nhìn thấy ánh sáng mặt trời mỗi chủ nhật, được nghỉ ngơi trong những căn phòng sạch sẽ khi trở về mệt nhọc từ chỗ làm. Ở kia có ngọn tháp trông như bông hoa mọc lan, đây là ngôi đền của người Campuchia. Ở phía đó có cung điện Nam Kỳ với những chiếc cột bằng gỗ, một ao cá vàng cạnh sân, những khung cửa chạm trổ bằng mũi dao. Phía cuối, chỗ bậc cầu thang, có hai con rồng bằng sứ sáng bóng, miệng há rộng. Giống như cửa người Trung Hoa, gian triển lãm của người An Nam làm bằng gỗ được sơn màu đỏ và xanh. Trong sân đặt tượng một vị thần bằng đồng, trông như tượng sáp tinh xảo màu hạt dẻ. Mái nhà, cột và cửa được chạm khắc theo hướng vòng tròn, trông như tổ chim, hình nửa chiếc lá, hoặc như tán lá cây. Cung điện Trung tâm của tất cả những vùng đất thuộc địa của Pháp ở châu Á nằm giữa những ngôi đền Hindu. Ở đó có các ngôi tháp nhiều màu, núi non với các tượng thần linh bằng đồng bên cửa vào. Những bức tượng này có bụng bằng vàng và mắt tráng men. Nhiều tơ lụa, ngà voi, những chiếc khăn bạc đính sa phia được trưng bày. Trong một gian phòng, khi treo một bức tranh thêu màu xanh lên, sẽ hiện ra một con voi cho ngà để làm tẩu thuốc phiện. Ở phía kia, ngọn tháp của cung điện mái vòm Argel màu trắng sáng lấp lánh như một chiếc diềm đăng ten nằm giữa rừng cọ; trong đó, có những người Ả-rập rất đẹp nhưng lạnh lẽ, đi lại như những vị vua bị cầm tù. Giữa rừng chà là, mọc lên một ngôi nhà nhỏ của người Tuynidi, được làm

bằng đá cổ và mảnh sứ vỡ vùng Carthage, cửa đóng đinh vít, mái bằng. Trong đây, những người Hồi giáo Tuynidi và Do Thái râu đen đang uống rượu hảo hạng trong các quán cà phê; họ mua những con dao nhọn có chữ Coran khắc trên lưỡi dao. Một người An Nam ngồi xồm một mình, đang nhìn đèn Angkor với đôi mắt nhắm hờ; ngôi đèn có ngọn tháp trông như một bông hoa mộc lan, với tượng Phật có bốn đầu ở bên trên.

Đối lập với những cung điện lộng lẫy, có những gian nhà triển lãm được làm hoàn toàn bằng bùn và mái rạ: gian của người thổ dân ở các đảo nhỏ của châu Đại Dương với túp lều tròn; gian của người Futa-Jalon, nơi người ta nung sắt trong lò đất; của người Kedugu mặc khố làm bằng lông vũ, sinh sống trong tòa tháp tròn nhằm để tự vệ khỏi những người da trắng. Bên cạnh là một ngọn tháp vuông bằng đá, với cửa sổ để chiến đấu, nơi chỉ hai mươi sáu người Pháp cũng đẩy lùi được hai mươi ngàn người da màu, bởi những chiếc giáo bằng gỗ không thể đâm thủng được đá cứng! Tại một ngôi làng của người An Nam, những ngôi nhà nhỏ có mái nhọn và hành lang, người ta nhìn thấy một người Nam Kỳ ngồi trên chiếu đang đọc sách, sách là một tờ giấy dài, cuộn vào một thanh tre nhỏ; một người khác, là diễn viên, mặt vẽ màu son đỏ và đen; một nhà sư với chiếc áo trùm đầu, hai tay đặt lên đầu gối, đang lầm rầm đọc kinh. Người dân đảo Java, mặc trang phục áo dài và quần rộng, sống rất hạnh phúc dưới ánh nắng mặt trời tại ngôi làng đầy các nhà bằng tre. Tre là một loại vật liệu rất gần gũi với họ, từ nhà cửa, những chiếc ghế, kho thóc, những chiếc ghế mà các cụ già tập trung lại để chỉ đạo các công việc trong làng, đến âm nhạc mà họ vẫn dùng để tìm những vũ công chân trần, đầu đội mũ

lông chim và tay đeo vòng bằng vàng. Một người Kabila mặc chiếc áo choàng màu trắng, đi qua đi lại quanh cửa nhà làm bằng đất, vừa thấp, vừa tối của mình để ngăn không cho người nước ngoài trơ trẽn vào xem những người phụ nữ trong nhà trên trần có những hình đầy màu sắc, đang ngồi trên sàn dệt vải. Đằng sau là chiếc lều của người Kabila, thứ người ta thường mang theo trong các chuyến đi; một con lửa đang nằm chống vó trên nền. Người em vút chiếc ghế da đính vàng vào một góc; một cụ già đang cho cháu cưỡi lên lưng lạc đà chỗ cửa ra vào và đưa cháu vượt râu ông mình.

Bên ngoài trời chẳng có trật tự gì cả. Người ta mặc quần áo nhiều màu, trông như các phiến châu báu đang di chuyển. Một số người đi đến quán cà phê Hồi giáo để xem các cô gái Hồi giáo nhảy múa. Những cô gái quấn chiếc khăn trùm đầu mỏng, mặc quần áo màu tím, đang chậm rãi di chuyển cánh tay, nom như đang ngủ gật. Một số khác đi đến rạp hát của làng, nơi những con búp bê giấy được xếp thành hàng, đang xem các vũ công đảo Java bằng những đôi mắt sử; họ nhảy tưởng như chân không chạm đất, đôi tay dang rộng như những con bướm. Tại một quán cà phê có những chiếc bàn màu đỏ, trên tường đầy chữ Hồi giáo, những người aissaua như những tín đồ điên cuồng; họ móc mắt nhau rồi treo lên, nhai thủy tinh và ăn những con bọ cạp sống. Bởi họ cho rằng, ban đêm, thần linh từ trên trời ra lệnh cho họ làm như thế. Trên sân khấu của người An Nam, các diễn viên hài kịch hóa trang thành gấu đen và thành các vị tướng quân. Họ kể chuyện, nhảy múa, hú hét, giật lông chim trên đầu, đi tới đi lui. Họ diễn câu chuyện về chàng hoàng tử đến thăm cung điện của một kẻ đầy tham vọng, rồi uống một tách trà có

tắm thuốc độc. Thế nhưng trời đã tối mất rồi. Đã đến giờ ra về để ngẫm nghĩ. Những người thổi kèn đồng đã thổi những tiếng thu không. Những con lạc đà đã bỏ chạy. Người đàn ông Angiêri leo lên ngọn tháp để mời mọi người cầu nguyện. Người An Nam vái ba lần trước ngôi chùa của họ. Người thổ dân da màu giương cao ngọn giáo lên trời. Những cô vũ công Hồi giáo vừa đi vừa ăn bánh ngọt. Đột nhiên, trên bầu trời, một chùm tia sáng màu đỏ lóe lên, trông như máu, rồi có màu như khi mặt trời lặn, màu biển khi hoàng hôn buông xuống, màu xanh da trời, giờ là màu trắng bạc, tím như đóa hoa violet, tất cả chiếu sáng xuống mái vòm các cung điện ở bên dưới – giờ đây trông như những vòng vàng. Trong những đài phun nước, người ta đặt các tấm kính màu giữa đèn và nước, nước rơi xuống thành dòng phản chiếu màu kính, rồi bật lên trời tạo thành những bông hoa ánh sáng lớn. Ngọn tháp, dưới ánh sáng đó, tỏa sáng giữa bầu trời đen kịt như một chiếc diêm đang ten đỏ, trong khi người dân các nước trên thế giới đi qua đi lại dưới những mái vòm của công trình kiến trúc vĩ đại này.

Con tôm thần

(Phỏng theo truyện của nhà văn Pháp Laboulaye)

Tại một ngôi làng bên bờ biển Ban Tích, cạnh nước Nga, có một ông lão nghèo khổ tên là Loppi cùng vợ sinh sống trong một căn chòi cũ kỹ và chẳng có gì ngoài chiếc rìu. Chiếc rìu, cũng tầm tạm. Vợ ông lão tên là Masicas, nghĩa là dâu chua. Bà cũng chua ngoa chả khác gì quả dâu rừng. Ôi cái tên, Masicas! Bà lão chẳng bao giờ nổi giận, kể cả khi người ta làm theo ý bà hay không. Nhưng một khi bà vợ không còn mơ ước gì nữa, ông Loppi phải trốn vào rừng để khỏi phải nghe tiếng vợ. Mụ ta sẽ im lặng từ sáng đến tối, chuẩn bị bài chửi. Trong khi đó, ông lão Loppi tội nghiệp phải rời khỏi nhà, lam lũ đồn củi để kiếm cơm. Ấy vậy mà khi vừa mới trở về nhà, mụ vợ không ngừng chửi rửa ông, từ tối đến sáng. Chỉ bởi vì họ rất nghèo và khi con người ta không được sống như ý muốn, nghèo khổ càng làm cho họ trở lên cáu bẳn. Quả là nhà ông lão Loppi nghèo thật, đến nhện cũng chẳng thềm giăng tơ trong xó nhà, bởi ở đó không có lấy nổi một con ruồi mà bắt. Hai con chuột lạc vào cũng chết rũ xác vì đói.

Một hôm, bà Masicas đỡ chứng hơn thường ngày. Ông lão tiêu phu tốt bụng thở dài rời khỏi nhà, trên vai đeo một chiếc bao rỗng. Đó là một chiếc bao bằng da ông vẫn thường để, khi thì mẩu bánh mì, khi thì bắp cải, hoặc khoai tây người ta cho. Ngay từ sáng sớm, lúc đi gần tới một hồ nước, ông già nhìn thấy

trên đám cỏ ướt một con vật kỳ lạ và đen đen, có nhiều mồm, nằm im như chết hoặc đang ngủ. Con vật rất to, một con tôm bự. Tôm này, vào bao tải này! Có nó làm bữa tối, mụ vợ đói khát của ta sẽ khôn ngoan trở lại. Ai mà biết được mụ sẽ nói gì khi mụ bị đói chứ? Nói xong ông già bỏ ngay con tôm vào chiếc bao tải của mình.

Thế nhưng, sao đột nhiên ông Loppi bước giật lại, run lẩy bẩy, mặt tái xanh vì sợ hãi? Là vì ở dưới đáy bao vọng ra một giọng nói buồn buồn, tôm cất tiếng xin ông:

– Dừng lại đi ông lão, hãy dừng lại, hãy thả tôi đi. Tôi là con già nhất của loài tôm, tôi sống đã hơn một thế kỷ rồi. Làm sao ông ăn được với chiếc vỏ cứng như thế này? Hãy đối tốt với tôi như ông muốn người ta đối xử với ông vậy.

– Thứ lỗi cho ta, tôm ơi, ta cũng muốn thả mi đi, nhưng mụ vợ ta đang chờ cơm tối, nếu ta nói với bà ấy ta bắt được con tôm bự nhất thế giới, rồi lại thả nó đi, thì tối nay, mụ sẽ cầm cán chổi mà đánh ta đến gãy xương sườn mất.

– Ờ, thế nhưng sao ông phải nói với bà ấy về chuyện này?

– Ôi, tôm ơi, mi không biết vợ ta đâu! Bà ấy là một con người ghê gớm, muốn gì thì sẽ làm bằng được. Rồi bà ấy sẽ có cách bắt ta nói ra, sớm muộn gì mụ cũng biết.

– Nghe này, lão tiều phu, ta chỉ đội lột tôm mà thôi. Còn ta là một pháp sư có rất nhiều quyền năng. Nếu ông nghe ta, vợ ông sẽ được hưởng hạnh phúc, bằng không, ông sẽ phải hối hận suốt cả cuộc đời.

– Nếu mi làm cho vợ ta hạnh phúc, ta sẽ thả mi đi, ta chẳng muốn làm hại ai cả.

- Ông lão, nói xem vợ ông thích ăn cá gì nhất?
- Ôi giờ, cá nào mà chẳng được, có mà ăn là tốt lắm rồi. Miễn là mi đừng để ta trở về với cái bao tải rỗng là được.
- Vậy thì ông vứt nó xuống đám cỏ đi, mở bao tải ra, đặt xuống hồ nước, và đọc thần chú: “Cá, vào đi!”

Thế là hàng đàn cá bơi vào trong bao tải, nhiều đến nỗi chiếc bao gần như vượt khỏi tay, khiến ông già lóng ngóng vì kinh ngạc.

Tôm nói với ông:

- Ông thấy chưa? Tôi đã bảo tôi không phải là người vô ơn mà. Sáng sáng, ông cứ đến đây rồi nói: “Cá, vào đi” là ông sẽ có cả bao tải đầy cá vàng, cá bạc, cá đỏ. Nếu ông còn cần gì nữa, cứ đến và nói như thế này:

Hỡi tôm nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Tôi sẽ hiện ra và xem có thể giúp được gì cho ông. Nhưng nghe này, ông phải khôn ngoan đấy nhé. Chớ có nói cho vợ ông biết về chuyện xảy ra hôm nay đấy!

Lão tiêu phu đáp lời:

- Tôi sẽ cố, pháp sư ạ, tôi sẽ cố.

Nói rồi ông lão cẩn thận đặt con tôm thần kỳ lên đám cỏ, tôm nhảy ùm xuống nước mất hút.

Ông lão Loppi vội vã trở về nhà. Chiếc bao tải đối với ông không lấy gì làm nặng nhọc. Thế nhưng, do không kịp chế được sự hiếu kỳ, ông để chiếc bao tải xuống đất trước khi về đến cửa nhà. Đám cá bắt đầu nhảy ra, đầu tiên là một con cá chó, dài

như một chiếc que, tiếp đến là một con cá chép vàng óng, rồi hai con cá hồi, và một loạt cá mú. Masicas ôm chầm lấy chồng, xiết chặt vòng tay qua ông lão, miệng nhỏ nhẹ: “Ôi, ông chồng đáng yêu của tôi!”

– Loppi, ông thấy chưa, thấy chưa? Ông không nghe lời vợ đi kiếm ăn sớm thì làm sao mà gặp may mắn như thế này được! Nào, bây giờ ông ra vườn, lấy cho tôi vài củ tỏi và ít hành tây, lấy cả vài cây nấm nhé. Thôi đi đi, lên núi hái nấm. Tôi sẽ nấu cho ông một bát xúp ngon đến mức ngay cả nhà vua cũng không được thưởng thức đâu. Còn con cá chép chúng ta sẽ nướng lên, đến quan lớn cũng chẳng được ăn ngon như mình.

Và quả thật là những món ăn rất ngon, bà Masicas không làm thứ gì khác ngoài những món mà ông Loppi thích. Ông lão bắt giác nhớ về thời gian hai người quen nhau. Khi đó bà ấy trông như một đóa hồng nhưng, ông chẳng bao giờ nói với vợ về nỗi sợ hãi. Tuy nhiên, đến hôm sau, thì bà Masicas không còn hân hoan với bao tải cá như hôm trước nữa. Hôm sau nữa thì bà ấy bắt đầu nói chuyện một mình. Hôm thứ bảy, chỉ cần nhìn thấy ông lão về, bà đã lè lưỡi muồn ói rồi. Và đến chủ nhật, thấy ông về với bao cá vác trên vai, bà lão không thém liếc ông lấy một cái rồi cất tiếng căn nhắc:

– Ông đúng là một lão chồng tồi tệ, ông định giết chết tôi bằng cá đấy hử! Nhìn thấy ông với cái bao tải cá là tôi muồn nôn mửa ra rồi!

Ông lão tội nghiệp đáp lại:

- Thế bà nó muồn tôi mang cái gì về cho bà bây giờ đây?
- Tôi muồn những gì vợ của tất cả các tiểu phu tử tế được ăn

mỗi ngày: một bát xúp ngon lành và một miếng mỡ lợn.

Nghe xong, Loppi nghĩ bụng: “Chắc kiểu gì bà pháp sư chẳng giúp ta”.

Sáng sớm hôm sau, ông lão đi đến hồ nước và cất tiếng gọi:

Hỡi tôm nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Mặt nước chuyển động lăn tăn, từ đó hiện lên một cái miệng đen, rồi một cái miệng nữa, sau đó là cái đầu, hai con mắt to và sáng quắc.

Tôm hỏi:

– Ông muốn gì hỡi lão tiều phu?

Ông lão trả lời:

– Tôi chẳng đòi hỏi gì cho mình đâu tôm ạ, tôi thì cần gì chứ? Nhưng vợ tôi bà ấy chán cá rồi, bây giờ bà ấy muốn ăn xúp và một miếng mỡ lợn.

Tôm nói với ông lão:

–Ồ, đừng lo, vợ ông sẽ có những gì bà ấy muốn. Tối nay, khi ngồi vào bàn ăn, ông hãy gõ ngón tay út xuống bàn ba lần, mỗi lần gõ nói: “Xúp, hãy hiện ra”, “mỡ lợn, hãy hiện ra”. Rồi ông sẽ có chúng ở trên bàn. Nhưng hãy cẩn thận, lão tiều phu ạ. Một khi vợ ông bắt đầu đòi hỏi, bà ấy sẽ chẳng bao giờ ngừng đâu.

– Tôi sẽ cố gắng, pháp sư ạ, tôi sẽ cố gắng. - Ông lão thở dài đáp lại tôm.

Ngày hôm sau, Masicas nhanh nhẹn, thông minh và đáng yêu như một con sóc, một con bồ câu và một con cừu non trên bàn ăn. Bà ăn hai bát xúp và ba miếng mỡ lợn. Rồi bà ta lại ôm lấy

chồng và nói: “Loppi, ông chồng yêu nhất đời của tôi”.

Nhưng đúng được một tuần, chỉ cần nhìn thấy mỡ lợn và xúp, bà ta lại đỏ mặt tía tai vì tức giận, rồi chì chiết chồng với nắm đấm giơ cao:

– Ôi giờ ơi! Ông phải tra tấn tôi đến bao giờ mới thỏa lòng đây hả lão chồng tệ bạc? Sao một người vợ như tôi lại phải sống bằng nước xuyết và thịt mỡ cơ chứ?

– Ôi, vợ của tôi, thế bà nó còn muốn gì nữa?

– Tôi muốn một bữa ăn thật ngon, lão chồng tôi ạ, bao gồm một con ngỗng nướng và vài chiếc bánh ngọt để tráng miệng.

Suốt cả đêm, ông lão Loppi không tài nào chợp mắt được vì nghĩ đến lúc bình minh. Mỗi nắm đấm của bà vợ giơ lên, ông lại liên tưởng đến một con ngỗng. Bước đi thất thểu, ông đi đến hồ nước khi trời đã sáng rõ và cất tiếng gọi khe khẽ vì buồn rầu và ngượng ngịu:

Hỡi tôm nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Tôm nổi lên hỏi:

– Ông muốn gì thế lão tiểu phu?

– Tôi chẳng muốn gì cho mình đâu tôm ơi, tôi thì cần cái gì cơ chứ? Tôi thì chưa, nhưng vợ tôi, bà ấy đã ngán mỡ lợn và xúp đến tận cổ rồi. Bây giờ, bà ấy muốn ăn cái gì đó nhẹ nhàng hơn, một con ngỗng nướng và vài chiếc bánh ngọt chẳng hạn.

– Thôi, ông cứ về nhà đi, lão tiểu phu ạ, và ông không cần đến đây mỗi khi vợ ông muốn đổi thức ăn nữa đâu. Chỉ cần gõ vào chiếc bàn thôi là đủ rồi. Tôi sẽ lệnh cho chiếc bàn đáp ứng

nhu cầu của vợ ông.

Loppi nhanh chóng trở về nhà, vừa đi vừa cười và tung mũ lên trời. Vừa về đến nhà, ông lão đã thấy trên bàn bày la liệt bát đĩa, với thìa đĩa bằng sắt và một bình nước mạ thiếc, rồi một con ngỗng nướng vàng ươm với khoai tây chiên, một chiếc bánh pudding mặn. Lại còn có cả một chai rượu nút bằng rạ nữa chứ.

Song bà Masicas lại đang ngẫm nghĩ. Bà ta muốn biết vì sao chồng mình lại có được những thứ này.

– Loppi, ông nói đi, ai đã cho ông tất cả những thứ này?

Khi chai rượu hoa hồi đã cạn, lúc này Masicas còn ngọt ngào hơn cả hoa hồi, Loppi đã không giấu được, đành nói thật ra hết. Nhưng bà ấy hứa sẽ không tiết lộ cho bất kỳ ai hết. Cách khoảng hơn sáu mươi mét vuông xung quanh nhà ông cũng không có nhà hàng xóm nào.

Ít hôm sau, một buổi chiều, tự dưng Masicas trở lên ngọt ngào một cách lạ thường. Bà ấy kể cho ông Loppi nghe rất nhiều câu chuyện, nhưng cuối cùng kết thúc như thế này:

– Nhưng mà, Loppi của em à, bây giờ ông chẳng nghĩ đến vợ nữa rồi: ăn uống ư? Quả thật, tôi còn được ăn ngon hơn cả một nữ hoàng. Thế nhưng vợ ông ăn mặc như rẻ rách, chẳng khác nào vợ của kẻ ăn mày. Đi nào, chắc bà pháp sư sẽ chẳng từ chối cho vợ ông quần áo đẹp đâu!

Loppi thấy vợ mình nói cũng có lý. Ngồi vào chiếc bàn ăn đầy sơn hào hải vị như thế mà lại ăn mặc không khác gì kẻ ăn mày, trông cũng chẳng ra sao. Sáng sớm hôm sau, ông ngập ngừng gọi tên con:

Hỡi tên nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Nghe thấy tiếng gọi, con tôm hiện nguyên hình trên mặt nước. Tôm cất tiếng hỏi ông già:

– Ông muốn gì thế lão tiều phu?

– Ôi, tôi chẳng đòi hỏi gì cho mình đâu. Tôi thì cần gì đâu chứ! Nhưng pháp sư ơi, vợ tôi buồn lắm! Bà ấy ăn mặc rách rưới và muốn tôi xin tôm cho bà ấy vài bộ quần áo đẹp.

Tôm bật cười và cười một lúc lâu, sau đó nó nói với ông lão:

– Thôi, ông cứ về đi, vợ ông sẽ có những gì bà ấy muốn.

– Ôi, tôm ơi. À, pháp sư ơi, tôi biết nói gì để cảm ơn bây giờ, cho tôi được hôn chân trái tôm nhé, chân trái gần tim mà, để tôi hôn chân!

Ông lão vừa đi về vừa hân hoan huyết sáo giống tiếng hót của con chim vàng lượn quanh cây hoa hồng mà ông đã nghe thấy. Vừa về đến nhà, ông lão đã thấy một người phụ nữ đẹp, ông lão rối rít chào vợ. Masicas nở một nụ cười, đây chính là Masicas, Masicas xinh đẹp của ông hồi trẻ, trông đẹp như một tia nắng mặt trời. Họ cầm tay nhau và nhảy quay tròn, rồi cùng nâng cốc.

Vài hôm sau, Masicas da dẻ rất xanh xao, trông như người mất ngủ, mắt thì đỏ rực, có lẽ do khóc nhiều quá. Một buổi chiều, Masicas nói với chồng, trên tay cầm một chiếc khăn mùi soa có viền đăng ten xung quanh:

– Ông Loppi à, ông xem, tôi ăn mặc đẹp như thế này mà chẳng có lấy một chiếc gương soi, cũng chẳng có lấy một bà hàng xóm nào làm bạn, và chúng ta cứ sống mãi trong căn nhà rách nát này sao? Loppi, ông hãy đi nói với pháp sư là không thể

như thế này được. - Masicas tấm tức khóc, rồi lấy chiếc khăn mùi soa có viền đăng ten lau khô đôi mắt đỏ rực: - Ông hãy đi nói với bà pháp sư cho chúng ta một lâu đài thật đẹp, rồi tôi sẽ không xin gì nữa đâu.

Ông lão phản ứng lại:

- Masicas, bà điên rồi sao? Đừng có mà già néo đứt dây! Hãy bằng lòng với những gì mình có bà nó ạ. Bằng không, pháp sư sẽ trừng phạt bà về tội tham lam đấy!

Bà vợ gắt lên:

- Loppi, ông đúng là một lão già vô tích sự. Lúc nào cũng sợ hãi thì làm sao mà đạt được thứ mình muốn. Hãy đi nói với pháp sư như một người đàn ông chân chính đi. Hãy nói với bà ấy, tôi sẽ chịu trách nhiệm với những gì sẽ xảy ra!

Ông già Loppi tội nghiệp quay trở lại hồ nước, với đôi chân như không phải của mình. Vừa đi ông vừa run lẩy bẩy, trong đầu hiện lên lần lượt các câu hỏi: Thế nếu tôm chán phải đáp ứng quá nhiều yêu cầu của ta thì sao? Tôm có lấy lại những gì đã cho ta không? Masicas có cạo đầu mình nếu trở về mà không có tòa lâu đài không? Đến nơi, ông gọi khe khẽ:

Hỡi tôm nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Tôm chậm chậm nổi lên mặt nước rồi hỏi ông lão:

- Ông muốn gì thế lão tiều phu?

- Tôi chẳng đòi hỏi gì cho tôi hết. Tôi thì cần cái gì chứ? Nhưng pháp sư ơi, vợ tôi vẫn không vui và bà ấy tra tấn tôi bằng quá nhiều yêu sách của mình.

– Thế bà ấy muốn cái gì? Bà ấy không ngừng đòi hỏi ư?

– À, bà ấy muốn căn nhà, pháp sư ạ, thực ra là một lâu đài nhỏ, một tòa lâu đài. Bà ấy muốn là nàng công chúa của tòa lâu đài, rồi sau đó sẽ không xin gì nữa đâu ạ.

Tôm trả lời ông lão, bằng một giọng rất lạ:

– Lão tiều phu, vợ ông sẽ có những gì bà ấy muốn.

Nói xong tôm biến mất trong làn nước ngay tức thì.

Khó khăn lắm ông Loppi mới về được đến nhà, bởi tất cả dường như thay đổi hoàn toàn. Trước đây toàn là bụi rậm thì bây giờ có những trang trại gia súc và những cánh đồng xanh mướt, ở giữa là một ngôi nhà giàu có với khu vườn trồng đầy hoa. Một nàng công chúa mình khoác áo bạc đi xuống, chào ông lão ở dưới cánh cửa vườn. Rồi nàng công chúa đưa tay cho ông. Đó chính là Masicas, bà nói với ông:

– Bây giờ thì quả thật là tôi hạnh phúc rồi ông Loppi ạ! Ông rất giỏi, Loppi ạ, bà pháp sư rất tốt bụng.

Nghe xong ông Loppi sung sướng òa khóc.

Masicas sống hoàn toàn trong nhung lụa, xa xỉ. Những nam tước, nữ bá tước còn đang tranh giành nhau cơ hội được thăm bà ấy. Đến cả ngài thống đốc cũng không dám ra lệnh gì nếu bà ấy chưa đồng ý. Chẳng có ai trên đất nước này có được một lâu đài nguy nga, tráng lệ như thế. Cũng không ai có xe ngựa dát vàng hay những con ngựa tuyệt vời như vậy. Bò của bà ấy được nhập từ Anh Quốc, chó thì từ San Bernardo, gà từ Ghinê, chim trĩ từ Teran, còn dê từ Thụy Sĩ. Masicas có thiếu gì đâu mà trông lúc nào cũng ủ dột? Đầu dựa vào vai chồng, bà ấy thủ thỉ với ông lão rằng bà còn thiếu một thứ nữa. Đó là bà muốn làm

nữ hoàng:

– Ông không thấy tôi sinh ra là để làm nữ hoàng sao? Loppi của tôi, ông không thấy là tôi luôn luôn có lý à? Mặc dù ông ương chảnh khác gì ổi. Thôi, tôi không chờ được nữa đâu, hãy đi nói với bà pháp sư là tôi muốn thành nữ hoàng đi.

Trái ngược lại, ông Loppi thì chẳng muốn làm vua, được ăn ngon, mặc đẹp là đủ rồi, sao còn phải ra lệnh cho ai làm việc nữa? Tuy nhiên, một khi mà bà Masicas đã nói muốn, ông cũng chẳng còn cách nào khác ngoài việc phải đi đến hồ nước. Khi mặt trời vừa lên thì ông bước tới đó, tay lau mồ hôi, nhưng máu lại như muốn đóng băng lại. Đến nơi, ông lão cất tiếng gọi tôm:

Hỡi tôm nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Ông nhìn thấy trên mặt nước xuất hiện hai chiếc đầu đen. Ông loáng thoáng nghe thấy tôm hỏi ông lão cần gì, nhưng ông không còn tí sức lực nào mà trả lời nữa. Cuối cùng ông lắp bắp nói:

– Tôi chẳng cần gì hết, tôi thì cần cái gì đâu chứ? Nhưng vợ tôi, bà ấy đã chán làm một nàng công chúa rồi.

– Thế bây giờ vợ ông muốn gì?

Chán ngán, ông lão thở dài:

– Ôi, pháp sư ơi, bà ấy muốn làm nữ hoàng cơ!

– Chỉ là nữ hoàng thôi? Ông đã cứu mạng tôi, thôi, ông cứ về, vợ ông sẽ được làm nữ hoàng như bà ấy muốn. Xin chúc mừng ông, phu quân của nữ hoàng!

Khi ông lão về đến nhà, tòa lâu đài đã trở thành một cung

điện nguy nga, còn Masicas đầu đội vương miện. Kẻ hầu người hạ, và các quan thị thần trong trang phục áo chên dài và tất dài bằng lụa đi thành hàng theo sau bà, lúc này đã trở thành nữ hoàng.

Loppi ăn uống rất vui, ông lão uống rượu hoa hồi thơm phức trong một chiếc cốc chạm trổ tinh xảo, bụng nghĩ thầm: chắc hẳn Masicas đã có đủ những thứ bà ấy muốn. Sau hai tháng toàn ăn trưa bằng lườn gà lôi và rượu vang thơm lừng, dạo chơi trong vườn thượng uyển, mặc áo lông chồn, đội mũ lông chim, thì một hôm, có viên quan thị thần mặc chiếc áo chên dài đỏ thẫm, chân đi ủng nam đá hoàng ngọc đến nói với ông lão rằng nữ hoàng ngồi trên ngai vàng muốn gặp ông.

Mới đến nơi, bà vợ đã than vãn:

– Tôi chán làm nữ hoàng rồi ông ạ. Tôi chán phải nghe những con người này dối trá và xu nịnh rồi. Tôi muốn trị vì những con người tự do. Ông hãy đi gặp bà pháp sư lần cuối cùng. Hãy đi nói cho bà ấy biết điều tôi muốn.

Ông lão trả lời:

– Nhưng, thế cuối cùng bà còn muốn gì nữa? Bà còn muốn sai khiến cả mặt trời và những ngôi sao trên bầu trời, làm chủ cả thế giới nữa hay sao?

– Đúng thế, tôi đã bảo ông đi kia mà. Ông đi bảo với bà pháp sư là tôi muốn trị vì bầu trời và làm chủ cả thế giới.

– Tôi sẽ không đi xin pháp sư những điều điên rồ như thế đâu.

– Loppi, ông nên nhớ, tôi là nữ hoàng. Tôi ra lệnh cho ông phải đi gặp bà pháp sư, bằng không ông sẽ bị xử tử.

- Thôi tôi đi, tôi đi đây, thưa nữ hoàng. - Ông lão khoác vội chiếc áo choàng lông chồn lên vai, đội mũ lông chim rồi chạy băng qua những khu vườn. Ông đi như có người đuổi theo sau lưng, bắt giờ tay cao, quỳ rạp xuống sàn nhà mà đánh vào chiếc áo choàng thêu nhiều màu. Ông già nghĩ bụng: “Biết đâu, tôm thần thương ta thì sao, biết đâu đây!”. Đến nơi, ông lão gọi tôm bằng giọng van vãn:

Hỡi tôm nhỏ xinh

Mau đến giúp ta.

Chẳng có ai trả lời. Đến một chiếc lá cũng không lay động. Ông lão lại gọi, giọng thì thào:

Một giọng nói khùng khiếp lên tiếng trả lời:

- Ông muốn gì thế lão tiều phu?

- Tôi chẳng đòi hỏi gì đâu, tôi thì cần gì đâu chứ! Nhưng bà lão nhà tôi, à không, nữ hoàng, muốn tôi đi nói với pháp sư mong ước cuối cùng của bà ấy, điều cuối cùng, pháp sư ạ.

- Thế bây giờ vợ ông muốn gì?

Loppi sợ quá, quỳ sụp xuống và nói:

- Xin thứ lỗi cho tôi, pháp sư! Giờ đây, bà vợ tôi bà ấy muốn trị vì bầu trời, làm chủ thế giới!

Tôm quấy một vòng quanh hồ, nổi cả bọt nước, sau đó bơi đến chỗ Loppi, há hết miệng ra, tức giận nói:

- Ông về túp lều đi, lão đàn, về đi! Người chồng mà quá nhu nhược thì người vợ sẽ làm những điều điên rồ. Sẽ không còn cung điện, lâu đài, vương miện nữa đâu! Về ngôi nhà rách nát với vợ ông đi, lão chồng nhu nhược! Trở về ngôi nhà rách với

chiếc bao tải rỗng tuếch đi!

Nói xong, tôm chìm ngấm trong nước đánh xèo một cái, như nước gặp sắt nung.

Loppi nằm thượt trên cỏ, tựa như bị sét đánh. Khi tỉnh dậy, ông không còn chiếc mũ lông chim trên đầu, cũng chẳng còn chiếc áo choàng lông chồn, áo khoác thêu nhiều màu nữa. Đường đi tối tăm và rậm rạp như trước đây. Thứ cây duy nhất có trong rừng là những cây mọc qua phủ đầy bụi và những cây thông còi cọc. Mặt đất lại giống như trước, đầy giếng và đầm lầy. Ông lão vác trên lưng một chiếc bao tải rỗng tuếch. Đầu cúi gằm xuống đất, ông cứ đi, mà chẳng biết đi đâu.

Đột nhiên, ông cảm thấy đôi bàn tay dữ dằn của ai đó xiết chặt vào cổ mình, người đó lên tiếng:

– Ông ở đây hả, con quái vật? Ông ở đây hả, lão chồng tôi tệ? Ông đã hủy hoại cuộc sống của tôi! Ông sẽ chết dưới tay tôi! Chết đi!

– Masicas, bà sẽ tự làm đau mình đấy! Hãy nghe Loppi của bà đi, Masicas!

Nhưng mạch máu ở cổ của người đàn bà tham lam đã căng phồng lên, rồi vỡ ra. Bà ta ngã vật xuống và chết, chết vì quá giận dữ. Ông lão Loppi ngồi gục xuống, chỉnh lại quần áo trên thi thể vợ, gấp chiếc bao tải lại làm gối. Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa lên, ông lão Loppi cũng nằm chết bên cạnh xác vợ.

Đức Giám mục Las Casas

Bốn thế kỷ là thời gian quá dài, vì những bốn trăm năm cơ mà. Cách đây bốn trăm năm, đức Giám mục Las Casas, Cha Las Casas, đã qua đời, nhưng dường như đến tận bây giờ Cha vẫn còn sống, vì Cha là người tốt. Mỗi khi nhìn ngắm bông hoa huệ người ta không thể không nghĩ đến Cha Las Casas bởi lòng từ bi của Cha đã tạo nên màu trắng cho loài hoa này. Người ta bảo rằng thật là tuyệt mỗi khi được thấy Cha ngồi trên chiếc ghế đóng đinh nhọn để viết. Không phải Cha vội vã viết mà là Cha đang dùng chiếc bút lông ngỗng của mình để tranh đấu. Chốc chốc, Cha lại phải rời khỏi ghế ngồi giống như người bị bỏng và hình như đang phải chịu một nỗi đau ghê gớm, hai tay ôm lấy thái dương và rải những bước dài trong căn phòng nhỏ. Đó là lúc Cha đang ghi vào cuốn sách nổi tiếng Sự hủy diệt ở xứ Ấn Độ những cảnh hãi hùng mà Cha từng chứng kiến khi theo chân đoàn quân Tây Ban Nha đi chinh phục châu Mỹ. Đôi mắt chớp chớp, Cha ngồi vào ghế, hai cùi chỏ tì lên bàn, nước mắt giàn giụa. Suốt đời như thế, Cha Las Casas đã sống để bênh vực người dân bản địa châu Mỹ mà người Tây Ban Nha gọi là dân Indio.

Sau khi học đến cấp mà thời bấy giờ ở Tây Ban Nha gọi là cấp cử nhân, Las Casas cùng với Colón đi trên con thuyền lớn có ba cánh buồm căng phồng như ba cái vỏ hạt dẻ để sang đảo Tây Ban Nha. Cùng đi có nhiều người gốc Latinh. Las Casas nói

chuyện liên hồi. Các thủy thủ trên thuyền nhận xét rằng, mới ở tuổi hai mươi tư mà chàng trai ấy hiểu biết rất nhiều. Anh ta thường lên boong thuyền để nhìn mặt trời và luôn luôn hồ hởi như người sắp được xem những điều kỳ diệu. Nhưng từ khi thuyền cập bến, Las Casas dần dần trở nên ít nói. Vùng đất mới xinh đẹp làm sao! Giống như người ta đang sống trên một bông hoa vậy! Song những kẻ xâm lăng sát nhân lại giống như những tử thần đến từ địa ngục chứ không phải là con người đến từ Tây Ban Nha. Anh là người Tây Ban Nha, cha mẹ anh cũng vậy, nhưng anh không đến xứ sở này để giết hại những người Indio tự do. Chỉ trong mười năm mà không sót lại một móng nào trong số ba triệu người dân bản địa, thậm chí còn nhiều hơn thế nữa, những người đã từng cư ngụ trên đảo Tây Ban Nha. Anh không xua những con chó đói săn lùng họ; không bắt họ làm việc trong các hầm mỏ; không đốt chân đốt tay họ khi họ phải ngồi bệt vì không còn lê bước được nữa, hay khi họ đánh rơi dụng cụ lao động vì kiệt sức. Anh không đánh đập họ cho đến ngất lịm chỉ vì họ không biết chỉ cho ông chủ ở đâu có nhiều vàng hơn. Đến giờ ăn, anh không cười ré lên một cách thích thú khi thấy một người Indio phục vụ bàn không khuân nổi cái bao tải được đưa từ mỏ về và người ấy phải chịu hình phạt bị xẻo tai. Anh không chứng diện bộ quần áo bó sát người sang trọng với tấm áo khoác ngắn mà người ta gọi là măng-tô để ra quảng trường vào lúc mười hai giờ trưa xem cuộc thiêu sống cùng lúc năm người Indio nhằm thực thi công lý theo lệnh ngài tổng đốc. Anh chứng kiến họ đang bị thiêu sống, thấy họ từ trong đồng lửa nhìn đám đồ tể sát nhân một cách khinh bỉ. Cũng từ đó anh không mặc thứ quần áo nào khác ngoài trang phục màu đen,

cũng không dùng loại bút tất cao cổ có lá chắn ống chân bằng vàng như đám cử nhân mũm mĩm con nhà giàu có. Với sự hỗ trợ của chiếc gậy bằng cành cây, anh lặn lội lên rừng núi để an ủi bà con Indio.

Nhiều người Indio danh tiết còn sống sót trên đảo Tây Ban Nha đều bỏ chạy lên rừng để tự vệ. Họ đã từng tiếp đón những người da trắng rậm râu như đón tiếp bằng hữu; đã từng mời đám người này uống mật ong và ăn ngô, và chính vua Behechio đã gả cô con gái Higuemota hiền dịu như chim bồ câu và khỏe khoắn như cây cau vua cho một chàng Tây Ban Nha bảnh trai. Họ đã chỉ cho đám người ấy những ngọn núi, những dòng sông có nhiều vàng, cho chúng xem những đồ trang trí bằng vàng ròng. Họ đã cởi vòng xuyên bằng vàng của mình để đeo lên áo giáp, vào găng tay áo giáp của đám người đó. Ấy vậy mà đám người tàn ác này lại dùng xích sắt để trói họ, cướp vợ họ và giết hại con cái họ. Chúng đã đẩy họ xuống các hầm mỏ, buộc dây vào trán họ bắt kéo đất đá ra ngoài để chúng lấy vàng. Chúng phân chia cho nhau số người Indio mà chúng bắt được để làm nô lệ, rồi đánh dấu, bằng cách dùng con dấu sắt nung đỏ in vào da thịt từng người như đánh dấu trâu bò. Người bản địa ở xứ sở đầy chim muông, hoa trái rất đẹp và đáng yêu đó nhưng không khỏe mạnh. Suy nghĩ của họ sáng sủa như bầu trời quang mây, trong trẻo như nước suối đầu nguồn. Quanh họ có nhiều sắt nhưng họ không biết dùng súng hỏa mai để bắn giết. Họ dùng hạt trái cây và cung bằng cành cây để bắn, những thứ này không thể làm thủng giáp trụ được. Họ rơi rụng như lông chim, như lá cây. Họ bị chết vì cực nhọc, vì căm giận, vì kiệt sức, vì đói, vì chó cắn. Cách tốt nhất là kéo nhau lên rừng, đi theo chàng

Goaroa quả cảm, để dùng đá, dùng nước bảo vệ mình, để cứu đức vua bé nhỏ mà dũng cảm, vua Goarocuya. Đức vua nhảy qua suối, từ bờ bên này sang bờ bên kia. Người phóng lao xa như một chiến binh thực thụ; lúc lên đường Người luôn luôn dẫn đầu; trong đêm tối, người ta nghe tiếng cười của Người như tiếng hát. Người không ưng để người khác kiêu mình trên vai. Cứ như thế họ đi trong rừng đến khi gặp một toán người Tây Ban Nha mang súng, mặc quần áo chên, khoác áo ngắn thân, trong đó có Las Casas với đôi mắt buồn rười rượi. Anh không những không bắn vào đám người bỏ chạy mà còn dang rộng đôi tay và ôm hôn Goarocuya.

Trên đảo mọi người đều quen Las Casas, và ở Tây Ban Nha nhiều người nói về anh. Người anh gầy khẳng khiu, sống mũi dài ngoẵng, quần áo trễ. Không có quyền lực gì hơn ngoài tấm lòng của mình nhưng anh đã đi từ nhà này đến nhà khác nói thẳng vào mặt những ông chủ ấp trại về việc người bản địa bị giết hại trong ấp; anh đến phủ toàn quyền để đề nghị ngài toàn quyền yêu cầu mọi người chấp hành chỉ dụ của nhà vua; anh đến trước cửa tòa án chờ gặp các vị quan tòa, hai tay chắp sau lưng anh bước vội vã để kịp nói với họ rằng anh đến công đường mà trong lòng đầy sợ hãi vì trong vòng ba tháng anh đã chứng kiến sáu nghìn đứa trẻ Indio bị giết. Và các vị quan tòa nói rằng: “Xin ngài cử nhân hãy yên tâm, rồi đây công lý sẽ được thi hành”, thế rồi họ khoác áo đi ăn trưa với đám chủ ấp là những kẻ giàu có trong nước; bữa trưa của họ có cả rượu vang và mật đem từ Tây Ban Nha sang. Không có bữa trưa và cũng không được nghỉ trưa, Las Casas cảm thấy da thịt mình bị cắn bởi chính hàm răng của những con chó dữ không được đám chủ ấp

cho ăn để chúng háu đói mà hăng hái săn lùng những người Indio bỏ trốn trên núi. Anh cảm thấy chính đôi tay mình đang chảy máu khi hay tin người ta đã chặt tay một người Indio vì anh ta không còn sức để cầm nổi cán xẻng. Las Casas cho rằng chính mình là tội đồ của sự tàn ác ấy vì anh chưa tìm ra cách giải quyết vấn đề đó. Càng ngày anh càng nhìn nhận sáng tỏ hơn, ngày càng trưởng thành lên, và coi tất cả những người Indio châu Mỹ đều là con của mình. Là luật sư anh không có quyền hành gì, mọi người đã bỏ rơi anh. Phải làm linh mục, như vậy anh sẽ có sức mạnh của Giáo hội, rồi anh sẽ trở về Tây Ban Nha truyền đạt thông điệp của Chúa trời, và nếu triều đình không bắt chấm dứt việc giết chóc, không bắt chấm dứt sự đày đọa thể xác, không bắt chấm dứt chế độ nô lệ, không bắt đóng cửa các hầm mỏ khai thác, thì anh sẽ làm rung chuyển cả triều đình. Và cái ngày mà Las Casas trở lại với tư cách là linh mục, cả quốc đảo đổ ra đường để được nhìn thấy Cha, những bà mẹ Indio dắt con cháu mình ra hôn lên áo dòng của Cha khi Cha đi qua.

Từ ấy, Cha Las Casas bắt đầu nửa thế kỷ tranh đấu để những người Indio không phải chịu cảnh nô lệ. Người tranh đấu ở châu Mỹ, ở thủ đô Madrid, tranh đấu với cả đức vua. Dù đơn độc, Người vẫn tranh đấu chống lại cả đất nước Tây Ban Nha. Colón là người đầu tiên đưa người Indio sang Tây Ban Nha làm nô lệ để thanh toán khoản tiền đã mua thực phẩm và quần áo đưa lên thuyền sang châu Mỹ. Còn ở châu Mỹ, người ta phân phát dân bản địa làm nô lệ cho những kẻ từng tham gia cuộc chinh phục; những kẻ này được nhận một số người Indio để phục dịch cho chúng, để hy sinh cho chúng, để đào đãi vàng đầy ắp trên núi,

dưới sông cho chúng. Nữ hoàng ở tận Tây Ban Nha, nghe đồn là một vị nữ hoàng tốt bụng, đã lệnh cho một vị tổng đốc giải thoát dân bản địa khỏi ách nô lệ, nhưng đám chủ áp đã dâng lên vị tổng đốc nọ nhiều rượu ngon, nhiều tặng vật cùng với một phần lợi tức của chúng, và thế là số người chết ngày một tăng, số bàn tay bị chặt càng nhiều hơn, số người Indio làm nô lệ trong các trại áp và cắm đầu kéo đất đá trong các hầm mỏ càng đông thêm. “Tôi từng chứng kiến cảnh hàng trăm sinh linh đáng yêu này bị lôi ra giết cùng một lúc như người ta giết thịt một bầy cừu”. Khi đi cùng tổng đốc người Tây Ban Nha, Diego Velazquez, đến Cuba trong cương vị cố đạo, Cha Las Casas thấy những cảnh thực sự rùng rợn: để lấy đất làm nhà ở, trước đó người ta chặt cây chặt thành những đồng củi để thiêu sống những cư dân bản địa thuộc tộc người Taino. Từng có khoảng năm trăm nghìn người thuộc tộc người này sống trên đảo, nhưng “tận mục sở thị” chỉ còn lại mười một người. Đám quân xâm lăng dã man ấy đã không biết gì đến các điều khoản của luật pháp, lại còn bắt những người dân bản địa làm nô lệ và dùng roi vọt, dùng chổi dũa để dạy cho họ giáo lý đạo Ki-tô. Một đêm nọ thức trắng vì sầu não và đau đớn, Cha tâm sự với người bạn thân tên là Renteria, cũng là một người Tây Ban Nha tốt bụng, rằng cần phải về nước báo kiến đức vua Fernando de Aragon để cầu xin công lý! Thế là Cha lại lên chiếc thuyền buồm ba cánh rong ruổi biển khơi trở về Tây Ban Nha để báo kiến đức vua.

Không dưới sáu lần vị cha cố “chưa hề nếm mùi thịt” ấy trở về Tây Ban Nha, không quản đông bão, cũng không sợ nhà vua quả trách. Cha lên boong thuyền mỗi khi thời tiết xấu. Lúc trời quang mây tạnh, Cha ngồi cả ngày trên tháp chỉ huy ghi chép

những lý lẽ, suy tư của mình vào tập giấy cứng và mọi người phải luôn tay tiếp mực vào ống đựng mực bằng sành hươu của Cha, “vì rằng cái xấu sẽ không được giải quyết nếu không nói ra, và có nhiều cái xấu cần phải nêu ra, tôi đang vạch nó ra bằng tiếng Latinh và tiếng Tây Ban Nha để không ai có thể phủ nhận được”. Ngay sau khi về đến Tây Ban Nha, nếu nhà vua ở thủ đô Madrid, Cha đến thẳng cung vua trước khi đến nhà nghỉ để nghỉ ngơi. Nếu nhà vua ở Viên (khi vua Tây Ban Nha kiêm nhiệm hoàng đế nước Đức) thì Cha khoác chiếc áo dòng mới đi thẳng đến thành phố Viên. Cha không ngần ngại đối mặt với kẻ tình địch là Fonseca, người đứng đầu hội luật sư và chức sắc tôn giáo hoàng gia về các vấn đề châu Mỹ, và phát đơn kiện hấn ra trước Hội đồng Ấn Độ. Với nhà báo Oviedo, người chuyên viết phóng sự cho tạp chí Lịch sử tự nhiên của xứ Đông Ấn, Cha thẳng thừng gọi hấn là kẻ dối trá vì hấn chỉ viết những điều sai sự thật về người bản địa châu Mỹ theo lệnh của đám chủ ấp trại, và mặc dù y cũng được nhà vua trả tiền để viết ra những điều giả dối ấy. Còn đối với Sepulveda, có thời là thầy dạy của vua Felipe, là người đã thảo ra Bản yêu sách tóm tắt bào chữa cho triều đình cái quyền được phân phát người Indio làm nô lệ và quyền giết hại họ vì họ không phải là người Ki-tô giáo, thì Cha vạch ra rằng những người không hề biết có đấng Ki-tô, không hề biết đến ngôn ngữ của đấng Ki-tô, cũng như không nhận được thông điệp nào của đấng Ki-tô ngoài thông điệp do súng đạn mang đến cho họ thì họ hoàn toàn không mắc cái tội không nhập vào thế giới Ki-tô giáo. Và trước mặt vua, mặc dù nhà vua nhú mày như muốn ngắt lời Cha, Cha rướn người cho cao thêm trước mắt vua, tay cầm cái mũ hươu lên cao, và giọng ồm ồm mạnh mẽ hơn.

Mặt đối mặt với vua, Cha nói rằng kẻ nào trị vì dân chúng thì phải chăm lo cho dân chúng, nếu không biết chăm lo cho dân chúng thì không thể trị vì dân chúng được; và rằng đức vua phải bình tĩnh nghe Cha nói bởi Cha không đến bệ kiến vua với trang phục trắng dát vàng và không mang thứ gì để tự vệ ngoài chiếc thập ác.

Cha nói và viết không biết mệt mỏi. Các tu sĩ dòng tu Đa Minh đã hỗ trợ Cha, và suốt tám năm ròng Cha đã ngồi viết trong tu viện của các tu sĩ này. Cha đã vận dụng một cách khôn khéo vốn hiểu biết sâu rộng về tôn giáo, pháp luật và các tác giả Latinh để bảo vệ quyền tự do của con người và nghĩa vụ của người cai trị phải tôn trọng quyền tự do đó. Như vậy là đã quá dũng cảm rồi, vì thời ấy chỉ bấy nhiêu cũng đủ để bị thiêu sống trên giàn lửa. Llorente là người đã viết Cuộc đời của Las Casas và cũng là tác giả của Lịch sử Tòa án Dị giáo có mô tả sơ qua buổi hành hình của Tòa án Dị giáo như sau: “Nhà vua trong bộ lễ phục sang trọng, cùng hoàng hậu và các quần thần đến xem buổi hành hình. Đi trước những kẻ bị buộc tội là đoàn linh mục giương cao một lá cờ hiệu màu xanh, vừa đi vừa hát Thánh kinh. Từ trên giàn lửa, một làn khói đen kịt bốc lên cao”. Còn Fonseca Sepulveda đều muốn “linh mục” Las Casas tranh luận công khai với họ, hy vọng trong khi tranh luận vị linh mục sẽ sơ suất nói phạm đến giáo quyền để các quan tòa dị giáo ghép ông ta vào tội rối đạo. Nhưng “linh mục” lại nói với Fonseca: “Điều tôi nói chính là điều mà nữ hoàng Isabel đã nói trong di chúc của Người, còn ngài muốn đổ điều xấu cho tôi, vu khống tôi bởi vì tôi giết miếng bánh bằng máu mà ngài đang ăn và tôi tố cáo ngài có ấp trại nô lệ Indio ở châu Mỹ”. Với Sepulveda, lúc ấy là cha

giải tội của vua Felipe Đệ nhị, thì “linh mục” nói rằng: “Ngài là người tranh luận nổi tiếng và người ta gọi ngài là Livio của Tây Ban Nha với những mẫu chuyện của ngài, nhưng tôi thì tôi không sợ kẻ hùng biện nói ngược lòng mình, bênh vực cho cái xấu và tôi xin thách ngài hãy chứng minh trong tranh luận công khai rằng dân Indio là người xấu, là quỷ dữ, trong khi họ tốt bụng và trong sáng như ánh nắng ban ngày và họ giản dị, yếu ớt như những con bướm bướm”. Cuộc tranh luận với Sepulveda kéo dài năm ngày. Sepulveda bắt đầu cuộc tranh luận với vẻ ngạo mạn nhưng khi kết thúc thì tỏ ra bối rối. Vị “linh mục” ngồi nghe đầu cúi gằm, đôi môi rung lên và vàng trán có vẻ như căng phồng đỏ ửng. Ngay sau khi Sepulveda ngồi xuống một cách thỏa mãn như người đã cắm được cây kim đúng chỗ mà mình muốn, vị “linh mục” liền đứng lên, trông hiên ngang nhưng giọng có vẻ cầu nhàu, ngượng nghịu, vội vã: “không phải dân bản địa Mexico giết năm mươi nghìn người trên đàn tế hàng năm mà chỉ gần hai mươi người, còn ít hơn số người bị hành hình treo cổ ở Tây Ban Nha”; “Không phải họ là những kẻ dã man và có tội lỗi khiếp đảm bởi vì không có tội lỗi nào của họ mà người châu Âu chúng ta không phạm phải, lại còn phạm nặng hơn; cũng không thể đem chúng ta là những người có súng ống và đầy lòng tham lam mà so sánh với họ là những người hiền lành và thân thiện; cũng không nên đối xử với một dân tộc nhân đức, có nhiều nhà thơ, có nghề nghiệp, có chính phủ, có nghệ thuật và mỹ nghệ như đối xử với thú dữ.”; “Cách tốt nhất để người ta thuần phục làm thần dân của đức vua không phải là hủy diệt người ta, hủy diệt không phải là cách đúng đắn mà là sự vi phạm thuần phong mỹ tục, và cũng không phải cách tốt nhất

để dạy một người Indio tu hành là nhân danh tôn giáo đầy ải người ta làm công việc của loài mục súc, cướp giết vợ con và miếng ăn của người ta, hay bắt người ta buộc dây vào trán để kéo đất đá như bò, như ngựa.” Và “linh mục” viện dẫn các tiết trong Kinh thánh, các điều mục trong luật, các ví dụ trong lịch sử, các trích đoạn của các tác giả Latinh, rất quả quyết và rất hùng hồn, giống như một dòng thác trào bọt cuốn trôi đất đá và mọi cảm thú trong rừng.

Cha Las Casas liên tục tranh đấu dù chỉ một mình đơn độc. Một mình Cha tranh đấu khi vua Fernando trị vì, là thời kỳ mà chẳng ai dám làm chuyện gì phật lòng những người trong đoàn quân đi chinh phục châu Mỹ, vì những người này đã gửi về triều đình rất nhiều vàng. Một mình Cha tranh đấu dưới triều đại vua Carlos V. Thuở nhỏ Cha rất cung kính khi nghe nói về vị vua này, nhưng sau đó Cha thấy mình bị lừa dối vì những tham vọng của nhà vua đòi hỏi phải tiêu tốn rất nhiều tiền của. Do vậy, nhà vua không đại gì mà vì “những chuyện của linh mục” lại đối địch với những người từ châu Mỹ đã đóng thuế cho mình bằng những chuyến thuyền chở đầy vàng bạc, châu báu. Và Cha cũng một mình tranh đấu khi Fernando Đệ nhị ngự trên ngai vàng. Khi đương triều đã làm kiệt quệ một vương quốc để có một vương quốc khác, đến lúc qua đời vị vua này bỏ lại mọi thứ bị vấy độc và lạnh lẽo như hang ổ của con rắn hổ mang sau khi nó lìa đời. Nếu được vào châu đức vua, Cha phải qua tiền sảnh phòng châu chật ních những chiến hữu của đám chủ áp với trang phục bằng lụa, mũ cắm lông chim, cổ đeo kiềng vàng của dân Indio châu Mỹ. Với ngài tể tướng, Cha không thể chuyện trò vì ngài có ấp trại, có hầm mỏ, hoặc ngài hưởng hoa lợi từ những

ấp trại đứng tên người khác. Ngay những người không có quyền lợi ở châu Mỹ cũng không giúp gì cho Cha vì họ sợ bị mất ân sủng của triều đình. Những người kính trọng Cha nhất vì Cha dũng cảm, đúng đắn, mưu trí, ăn nói hùng hồn, cũng không muốn nói chuyện với Cha hoặc chỉ nói chuyện với Cha khi không ai nghe thấy; vì rằng thông thường người ta thán phục một con người đức độ chỉ khi nào đức độ của người ấy không làm người ta hổ thẹn, hay không cản trở nguồn lợi về tay người ta; hoặc giả bất ngờ gặp mặt nhau trên đường, người ta sẽ cúi mặt khi thấy người ấy đi qua, hoặc nói xấu về người ấy, hoặc để người khác nói xấu, hoặc người ta nghiêng nửa vành mũ để chào và đâm nhát dao vào cái bóng của con người đức độ đó. Một người đức độ phải là người can trường, không sợ đơn độc và cũng không trông chờ vào sự giúp đỡ của người khác vì anh ta thường đơn độc, vui vẻ làm những việc tốt lành và trong sáng như ánh sáng ban mai.

Là người rất tinh táo, Cha không hề nói điều gì có thể xúc phạm đức vua và Tòa án Dị giáo, mà chỉ thỉnh cầu lòng từ bi cho dân Indio để đức vua được hưởng phúc và dân chúng Indio thực sự trở thành tín đồ đạo Ki-tô. Quân thần trong triều không có cách nào công khai phủ nhận lời thỉnh cầu đó, họ còn giả vờ đánh giá cao nhiệt tâm của Cha, thậm chí có lần họ còn trao cho Cha bằng danh dự Người bảo trợ Toàn năng của dân chúng Indio với cả chữ ký của vua Fernando, nhưng lại không trao cho Cha quyền hành để bảo trợ cho họ. Thêm nữa, sau bốn mươi năm nghiền ngẫm, họ bảo Cha viết ra giấy những lý lẽ vì sao Cha cho rằng dân chúng Indio không phải làm nô lệ và cho Cha có quyền đưa lao động Tây Ban Nha sang Cumana để lập một

khu kiều dân mẫu, trong đó những người Indio được nhìn nhận với con mắt yêu thương. Nhưng đi khắp Tây Ban Nha Cha không tìm được quá năm mươi người muốn sang đó lao động. Với bộ trang phục có hình thập giá trên ngực áo, những người này sang vùng đất mới song không lập được khu kiều dân mẫu bởi vì “những kẻ đi trước” họ cũng mang thập giá nhưng kèm theo rất nhiều hỏa khí và gây ra nhiều cảnh chết chóc. Do đó những người Indio luôn giận dữ bắn tên tẩm thuốc độc vào bất cứ kẻ nào mang thập giá. Cuối cùng, dường như để làm khuây lòng Cha, họ giao cho Cha soạn thảo những đạo luật mà Cha cho là thích hợp với dân chúng Indio, họ bảo “bao nhiêu đạo luật cũng được bởi vì chúng ta không phải tranh cãi với nhau về luật”. Và Cha chăm lo biên soạn các đạo luật, vua thì ban hành luật, rồi luật được đưa lên thuyền và chẳng ai thi hành. Nhà vua tiếp kiến Cha và làm ra vẻ như chịu nghe ý kiến của Cha song trong khi đó thì, Sepulveda, với đôi chân mềm và đôi mắt cáo, y bước vào trình lên đức vua thông tin gì đó của những kẻ chỉ huy các thuyền viễn dương. Sau đấy, chắc chắn những gì mà người ta thực hiện sẽ là những điều mà Sepulveda nói ra. Cha Las Casas biết điều này, và biết rất rõ, nhưng Cha không hạ giọng, cũng không ngừng tố cáo, không ngừng nêu đích danh những tội ác và kể ra những “hành động dã man” trong “Báo cáo” của mình, để chí ít thì đức vua cũng ra chỉ dụ giảm bớt những tội ác và hành động dã man chỉ vì vua cảm thấy xấu hổ nếu để cả thế giới biết được. Cha không nêu đích danh những kẻ xấu vì họ thuộc giới quý tộc và Cha thấy thương hại họ. Cha thuyết trình liên tục rồi ngồi viết, với những con chữ mạnh mẽ, nhưng không đồng đều và bị vương những vệt mực giống như con tuần

mã mang trên lưng chàng kỵ sĩ mong về đến đích thật nhanh, bốn vó cuốn tung bụi mù và làm đất đá trên đường bắn lửa.

Cuối cùng Cha cũng được thụ phong Giám mục chánh xứ, nhưng không được phái đến giáo phận giàu có Cusco mà là đến địa phận Chiapas, một nơi quá xa ngài phó vương nên phần lớn dân chúng Indio đều sống trong cảnh nô lệ. Đến Chiapas, Cha khóc cùng những người Indio, nhưng không chỉ khóc than vì khóc than thì không thể đánh bại được đám người gian ngoan xảo quyệt, mà Cha còn lên án chúng không chút sợ hãi, cấm cửa nhà thờ đối với những kẻ không thi hành đạo luật trả tự do cho dân chúng bản địa. Cha thuyết trình ở các Hội đồng của Tòa hành chính với lời lẽ dịu dàng song mạnh mẽ làm cho đám chủ ấp trại phải cúi gằm mặt như rừng cây sau trận cuồng phong. Nhưng đám chủ ấp trại có khả năng làm nhiều chuyện hơn Cha, vì bên cạnh chúng có chính quyền. Chúng cho soạn những câu hò về nói Cha là người phản Chúa, là người Tây Ban Nha xấu bụng. Ban đêm chúng rung lục lạc và bắn súng vào cửa nhà thờ để làm Cha sợ. Chúng cho quân lính bao vây nhà thờ chánh tòa - một đám người trang bị súng đạn đầy người chống lại một ông già gầy gò, đơn độc. Thậm chí chúng còn chặn đường ra vào nhà thờ để Cha không thể vào làng. Cha chống gậy đi bộ, cùng với hai người Tây Ban Nha tốt bụng và một người da đen yêu Cha như cha đẻ của mình. Đã có lần, vì lòng yêu thương dân chúng Indio, Cha Las Casas khuyên nhà cầm quyền tiếp tục đưa nô lệ da đen sang châu Mỹ vì họ chịu nóng giỏi hơn dân Indio. Nhưng sau này thấy họ cũng bị ngược đãi, Cha đâm ngực mình mà nói rằng: “Chỉ vì yêu thương dân chúng Indio mà ta đưa ra lời khuyên ấy, giờ đây ta muốn dùng máu của mình để tẩy rửa tội

lỗi đã phạm phải”. Cùng với người da đen thân thiết và hai người Tây Ban Nha tốt bụng Cha vào làng có lẽ để cứu người đàn bà Indio đáng thương hôm trước đã ôm chân Cha ngay trước đền thờ thần Mexico. Người đàn bà ấy đang vật vã vì quân lính Tây Ban Nha đã giết hại người chồng yêu thương của chị bởi đang đêm anh ta đến đền thờ để cầu xin thần linh. Lập tức, quân Tây Ban Nha đẩy đám lính canh là người Indio ra cản đường không cho Cha vào làng. Cha đã sống cả đời bênh vực những người Indio vậy mà họ lại lao vào tấn công ân nhân của mình, vì họ bị kẻ khác đánh đập ép buộc. Cha không hề rên la mà còn nói rằng: “Phải đấy, các con của ta, đáng lý ta phải bảo vệ cho các con tốt hơn, vì các con bị người ta đày đoạ quá mức đến nỗi không còn đủ dũng khí để thốt ra lời cảm ơn”. Thế là những người Indio òa khóc và quỳ dưới chân Cha, xin Cha thứ lỗi. Trong nhà thờ chánh tòa, đám chủ ấp trại đang đợi Cha với súng ống, đạn dược đầy đủ như sắp ra trận. Ngài phó vương phải lên đưa Cha lên thuyền về Tây Ban Nha để tránh sự hành hung của đám chủ ấp. Đức Giám mục Las Casas lại quay về tu viện của mình để tiếp tục tranh đấu, tiếp tục than khóc và tiếp tục viết để bào chữa, bênh vực cho dân chúng Indio. Không một phút ngơi nghỉ, Cha từ già cỗi trần ở tuổi thọ chín mươi hai.

Một cuộc dạo chơi qua đất An Nam

Một câu chuyện kể rằng, ngày ấy ở Ấn Độ, mãi tận châu Á xa xôi, có bốn ông người Hindu bị mù từ tấm bé, rất háo hức muốn biết con voi trông như thế nào. “Nào chúng ta cùng đi - một ông nói. - Chúng ta cùng tới cung điện thái tử. Nghe nói ở đó có nuôi một con voi rất hiền lành. Thái tử là người rộng lượng, chắc ngài sẽ cho chúng ta vào xem con voi hình thù ra làm sao.” Rồi cả bốn ông, xúng xính áo choàng trắng, khăn xếp trắng, bắt đầu lên đường tới hoàng cung. Trên đường đi họ nghe thấy tiếng báo gầm gừ, cả tiếng kêu keng kéc vui tai của con chim trĩ có bộ lông vàng, nom chẳng khác gì con gà tây có hai vệt lông dài ở đuôi. Buổi tối hôm ấy, cả bốn ông mù cùng ngủ lại trên đồng đá phế tích của thành phố Jehanabad nổi tiếng mà trước kia từng là đô thành quyền lực, giao thương tấp nập. Bốn ông phải đi qua một cây cầu treo vắt vẻo để vượt con suối nước chảy xiết, tay bám chặt vào sợi dây được mắc hai đầu cầu để khỏi ngã, tựa như những nghệ sĩ xiếc biểu diễn trên dây. Trên đường, một anh chàng chở xe bò tốt bụng đã cho bốn ông mù đi nhờ. Anh ta nói, con bò kéo xe sừng ngắn tuy gù lưng nhưng rất hiền lành, tốt bụng, có thể kiếp trước nó đã từng là một con người, một người ông nhân hậu chẳng hạn. Nó không nổi giận do phải chở bốn ông trên lưng, mà trái lại, ánh mắt nó trù mến như muốn mời lũ khách hãy leo lên lưng nó mà đi. Cuối cùng, cả bốn ông mù đã vượt đường xa tới được cung điện thái tử. Nhìn từ xa, cung điện

nom trắng lẹ như một tòa lâu đài. Bên trong, giống như một chiếc hộp khảm đá quý lung linh, khắp nơi trải đệm, treo rèm, trần nhà chạm trổ cầu kỳ, các bức tường được tô điểm bởi những khối họa tiết trang trí hình hoa bằng ngọc bích và ngọc lục bảo. Khắp nơi trong cung điện còn có những chiếc ghế bằng ngà voi. Ngai của thái tử làm bằng ngà voi nạm vàng. “Khởi bẩm thái tử. Xin người chiếu cố cho chúng thần đây được diện kiến con voi thuần của người bằng đôi tay chính là đôi mắt của chúng thần!” Thái tử đáp lời: “Ta coi những người mù lòa các người như những thánh nhân, những ai luôn ham học hỏi thì đều vĩ đại như bậc thần thánh. Các người hãy nhớ rằng, mỗi người chúng ta phải tự học hỏi, đừng nên tin vào những gì mà không hỏi kỹ, không được mắt thấy tai nghe, không hiểu cặn kẽ, đừng suy nghĩ như những người nô lệ chỉ biết tuân theo ý muốn của người khác. Vì lẽ đó, ta chấp thuận nguyện vọng của các người. Giờ thì ta cho các người, bằng đôi tay của mình, vào xem con voi trong cung!” Thế là cả bốn ông vội vàng đi xem voi, phần khởi như thể ông trời đã trả lại cho bốn kẻ mù lòa đáng thương ánh sáng của đôi mắt. Một ông đi thế nào mà ngã dập mũi vào bậc ngai vàng thái tử, ông khác thì cuống cuống tới mức va cả người vào tường, ngã sõng soài, sợ hãi sờ đầu xem có bị vỡ không. Hai ông còn lại giơ tay quờ quạng, đâm bổ vào nhau. Viên hầu cận của thái tử dẫn bốn ông mù đi tới chỗ con voi đang ăn. Bữa ăn của nó là ba mươi chín cái bánh gạo và mười lăm cái bánh ngô, đựng trong một cái máng bạc có chân làm bằng gỗ mun. Đoạn người hầu cận của thái tử cất lời “Nào, đây rồi!”, chỉ nghe thế thôi là cả bốn ông vồ lấy chú voi con mập mập, vội vã lần sờ xem hình dáng nó ra sao. Ông thứ nhất sờ phải chân voi. Ông thứ hai

bám chặt vào vòi voi, cứ thế đu lên đu xuống chẳng muốn buông ra. Ông thứ ba tóm được cái đuôi. Ông còn lại chộp phải tay cầm máng ăn của con voi. “À, ta biết rồi - ông sờ chân voi phán - con voi nom sừng sừng như tòa tháp!”, “Ai bảo thế - ông sờ vòi nói - con voi mình dài và nhọn dần, như khúc thịt hình phễu!”, “Nhảm, nhảm to rồi - ông sờ đuôi liền gạt đi - mình con voi như quả lắc chuông!”, “Sai bét, các ông nói sai hết cả rồi, con voi như cái vòng, mỗi tội nó không cử động được thôi!” Ông sờ phải cái tay cầm máng ăn của voi liền cãi lại. Con người là vậy, ai cũng tin điều mình nhìn thấy và suy nghĩ là luôn đúng, viết trong thơ văn rằng, mọi người chỉ nên tin vào điều mình tin mà thôi, như chuyện bốn ông mù xem voi. Nhưng đáng ra mỗi người nên học hỏi những điều hay điều tốt, những gì mà người khác biết và làm được. Ham học hỏi sẽ mang tới niềm vui thích, giúp con người nhận ra rằng, sống trên đời ai cũng như ai, đều có những nỗi niềm, buồn thương, những câu chuyện và tình yêu, rằng thế giới này giống như đèn thờ cao quý, nơi đón nhận tất cả mọi người trên thế gian, nơi con người ai nấy đều mong muốn khám phá sự thật, học hỏi những chân lý, viết nên những cuốn sách răn dạy là người tốt thật hữu ích, cũng như phải chịu đựng gian khổ, chiến đấu để được sống trong tự do trên đất nước của mình và tự chủ trong suy nghĩ.

Cũng như bao dân tộc dũng cảm khác trên đời này, người dân áo lụa xứ An Nam nghèo khó quanh năm kiếm sống bằng nghề chài lưới và trồng lúa, ở mãi tận châu Á xa xôi, ven bờ biển và ngay sát phía dưới nước Trung Hoa rộng lớn, luôn phải vùng lên chiến đấu rồi lại chiến đấu. Trong con mắt của chúng ta, nhìn bề ngoài thì người An Nam chẳng hề đẹp, còn họ thấy ta cũng

chẳng đẹp gì. Người An Nam coi mái tóc là món quà quý giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người, bởi thế cắt tóc là phạm tội lớn, ai mà luôn tỏ ra mình vĩ đại hơn thiên nhiên thì chẳng khác nào kẻ hợm hĩnh, tự phụ. Vì thế mà đàn ông cũng búi tóc như phụ nữ, gọi là búi tóc. Người An Nam cho rằng, chiếc mũ chỉ để che nắng, chứ không phải đội lên đầu như một thứ trang sức thể hiện quyền lực và địa vị như ngài thống sứ. Thế nên chiếc nón đội đầu của người An Nam có hình chóp nhọn, miệng rộng. Ở xứ này thời tiết thường oi bức nên phải mặc đồ mỏng, thoáng mát, để chẳng may hôm nào trời nóng thì không phải khoác lên người những chiếc áo len bắt nắng, mặc vào vô cùng nóng nực và ngột ngạt. Người An Nam còn cho rằng, không nhất thiết phải mình cao lưng rộng, bởi vì người láng giềng Cao Miên tuy cao lớn và tráng kiện hơn, nhưng trong những cuộc chiến tranh giữa hai dân tộc thì người An Nam luôn giành phần thắng. Họ còn quan niệm rằng, đôi mắt màu xanh nước biển không tốt chút nào, vì màu xanh nước biển là biểu tượng cho sự lừa dối, nhạt phai, dễ cuốn trôi như nước biển và mau tan như mây trời. Họ cũng chẳng thích màu da trắng, vì mặt đất - nơi vạn vật nảy mầm và sinh sôi, đâu có màu trắng, mà là màu đồng như màu da của người An Nam. Và nữa, đừng nên để râu, vì để râu nom rất dữ dằn như thú dữ. Thế nhưng người Pháp, những kẻ giờ đây là ông chủ trên đất An Nam, thì cho rằng định kiến về việc để râu chẳng qua là vì ghen tỵ mà thôi, cho nên đàn ông xứ này chỉ có chút ria mép. Thế nhưng, trong những vở hát của người An Nam, ai được đóng vai vua, bao giờ chẳng có chòm râu dài nhất? Chẳng phải vai diễn ông quan trên sân khấu cũng mang chùm râu sư tử? Chẳng phải các ông tướng cũng mang bộ râu hung

đầy thôi? Tại sao cứ nhất thiết phải có đôi mắt to hay sống mũi cao? - Người An Nam nói. - Với đôi mắt hạnh nhân, người An Nam chúng tôi đã có ở Hà Nội pho tượng đức Phật đúc bằng đồng mang thần thái như người thật, to cao sừng sững như tòa tháp; chúng tôi còn dựng lên ngôi chùa Angkor trong vùng rừng cọ với hành lang trải dài tới hai dặm, có hồ nước trong sân chùa, có gian thờ Phật, có đến một nghìn năm trăm cái cột và những bức tượng xếp thành dãy. Trên đường từ Sài Gòn tới Chợ Lớn, chúng tôi còn xây ngôi chùa dưới chân tòa tháp khảm, nơi yên nghỉ của những thi sĩ đã ngợi ca tình yêu và lòng yêu nước, nơi Phật thánh giáng trần, cùng chung sống với con người bằng lòng bác ái và thuần khiết vô biên, nơi những người anh hùng chiến đấu để giải phóng dân tộc mình khỏi sự xâm chiếm của các đạo quân Cao Miên, Xiêm và Trung Hoa. Và cũng không gì lấp lánh hơn màu áo lụa mà chúng tôi mặc trên người. Người An Nam chúng tôi búi tóc, đội nón, vận áo cánh lụa màu, quần lá tọa ống rộng, da vàng, mũi tẹt, nhỏ bé và xấu, song bằng đôi tay khéo léo, chúng tôi làm ra bao sản phẩm từ đồng và tơ lụa. Khi người Pháp sang xâm chiếm Hà Nội, Huế rồi tới những thành phố có những cung điện bằng gỗ, những bến cảng đông đúc, san sát nhà chòi tre và nườm nượp thuyền sậy, rồi bao kho trữ cá và thóc, những người An Nam với đôi mắt hạnh nhân, hàng nghìn, hàng nghìn người, đã vùng lên, dám sống chết để chặn đường quân xâm lược. Hôm nay người Pháp là chủ của chúng tôi, nhưng mai sau, nào ai biết!

Hai tay bỏ vào hai túi trước chiếc áo cánh xanh có chiếc cúc vàng gài kín cổ, chân mang dép đế bện dây thừng, người An Nam lặng lẽ bước đi, rảo đều những bước trầm tư buồn bã,

không bận tâm chuyện xung quanh, mà chỉ muốn học hỏi những gì mình chưa biết. Đó là trang phục của những ngư dân, của anh thợ dựng nhà bằng gỗ, tre lợp mái rạ, của người dân vùng chài thoăn thoắt chèo những chiếc thuyền mũi nhọn, của anh thợ cả khéo léo dùng cả chân tay, miệt mài trang trí chiếc giường bằng gỗ xà cừ và chiếc ghế bằng gỗ quý. Đó cũng là trang phục của những nghệ nhân tài ba, tay thoăn thoắt đường chỉ bằng bạc bằng vàng, thêu hình những chú chim ba đầu, sư tử có mỏ và có cánh, những con cò mang đôi mắt của người hay bà chúa nghìn tay. Đó còn là trang phục của anh phu xe, kéo xe đến chết vì kiệt sức. Xe kéo là một phương tiện có hai bánh bằng gỗ; những anh phu xe tội nghiệp phải còng lưng kéo, thậm chí còn phải kéo nhanh hơn cả ngựa phi nước đại. Trên xe là gã ngoại quốc chễm chệ ngồi, không chút áy náy hay một chút xấu hổ. Những người phu xe chẳng khác nào thân ngựa, chết vì kéo vác nặng nề. Còn những sĩ quan người Anh, những công chức người Pháp, những thương gia Trung Hoa, da dẻ đỏ au, béo tốt, chỉ biết ngồi phe phẩy quạt để người khác hì hục chở đi; rồi chính những kẻ đó cũng chết vì uống quá nhiều rượu vang đỏ và rượu nho Burgundy, hoặc chết vì ăn uống vô tội vạ.

Chẳng phải chính họ, những người An nam lúc nào cũng học tốc, đầu tắt mặt tối, chẳng phải chính họ đã dựng nên những ngôi chùa ba gian, có hồ giữa sân chùa, có gian thờ phật, có những dãy tượng phật xếp ngay ngắn? Có phải chính họ đã đúc những pho tượng sư tử bằng sứ, những bức tượng sừng sững bằng đồng và dẹt nên những tấm vải lụa đẹp lấp lánh như thảm kim cương khi phơi dưới nắng? Đó là số phận của những dân tộc nhỏ bé cả đời mệt mỏi vì phải gồng mình lên tự vệ, phải quần

quật lao động, hì hục kéo xe phục vụ những ông chủ ngoại quốc phương phi, đồ au. Những dân tộc thấp cổ bé họng thường phải chịu cảnh lầm than khốn khó để kiếm sống, để tồn tại. Người An Nam lúc nào cũng phải tự bảo vệ lấy mình. Suốt hai nghìn năm Bắc thuộc, hai nghìn năm đẳng đẳng, người An Nam sống dưới quyền cai trị của người Trung Hoa. Rồi điều tương tự lại xảy ra khi người Pháp đặt chân tới đây, bởi kiểu cai trị như thế chẳng bao giờ có thể giúp một đất nước đi lên được cả. Hơn nữa, như ở Trung Hoa, người ta tin rằng đức vua là thiên tử - con của trời; diện kiến vua mà dám nhìn thẳng mặt vua là phạm tội tày đình, mặc dù chính nhà vua cũng thừa hiểu vua chúa cũng chỉ như người thường mà thôi. Vua chúa chỉ muốn đánh lẫn nhau để chiếm thật nhiều của cải và quyền lực, trong khi đó bao dân thường phải đổ máu hy sinh để bảo vệ vua chúa mà không hề biết tại sao lại có chiến tranh. Trong lúc xảy ra xung đột giữa vua chúa đất An Nam, một vị giám mục người Pháp đã tới đây, thuyết phục vị chúa bại trận khi đó hãy tin rằng vua Luis XVI ở Pháp sẽ ra tay cứu giúp vị chúa này khôi phục lại ngôi vị. Theo đúng kế đã bàn, đức giám mục người Pháp, cùng với hoàng tử - con trai của vị chúa đó, đã quay về đất Pháp. Song ở Pháp lúc ấy là thời điểm cách mạng sục sôi. Do điều kiện không thuận lợi nên vua Luis không thể nào trợ giúp vị chúa xứ An Nam trong kế hoạch giành lại ngôi báu. Vị giám mục đã cùng với những người Pháp khác từ Ấn Độ, quay trở lại An Nam, chống lại vị chúa đang trị vì, giành lại chính quyền cho vị chúa bại trận kia. Thế nhưng chính người Pháp mới là những kẻ nắm quyền trong tay, những kẻ luôn nung nấu tham vọng chiếm đoạt xứ sở này và sở hữu tất cả những gì thuộc về người An Nam; cho tới khi

người An Nam nhận ra sự thật rằng, người bạn của mình thật nguy hiểm và thà phải chiến đấu trong đơn độc còn hơn là làm bạn với một kẻ đáng sợ như thế. Người An Nam quyết vùng lên chiến đấu, đánh đuổi kẻ thù ra khỏi bờ cõi. Nhưng lực lượng của Pháp rất mạnh; những chiếc thuyền lau sậy thô sơ đâu đánh lại được đội tàu chiến được trang bị đại bác tinh nhuệ. Khắp nơi bị giặc Pháp bắn phá dữ dội, trong tay người An Nam không có đại bác, thứ vũ khí duy nhất là những ngọn giáo yếu ớt không thể nào đủ sức chống trả trước làn đạn dữ dội của kẻ thù. Người Pháp tấn công vào Sài Gòn, nơi không hề có thành trì kiên cố, trong khi đó người An Nam thì hoàn toàn xa lạ với phương thức chiến tranh hiện đại của quân ngoại bang. Những con người chân chất nơi đây chỉ biết tới kiếm và giáo, cả người và ngựa xông lên đánh trực diện. Dân chúng ai nấy đều quyết bảo vệ dân tộc mình trước quân Pháp hùng mạnh trong suốt gần một thế kỷ. Có lúc người An Nam phải rút lui để phòng vệ, có lúc thì thừa cơ dũng mãnh xông lên, như ngựa phi gió cuốn, xé tan đội quân tinh nhuệ của kẻ thù. Thế nhưng người Pháp đến từ một thế giới hoàn toàn khác, họ thuộc lòng phương thức chiến tranh và thẩm sát ra sao. Vì thế mà biết bao người dân nơi đây, từng làng từng xóm, đã phải đổ máu và người Pháp nghiêm nhiên cướp đi giang sơn bờ cõi của người An Nam.

Người An Nam lại lầm lũi, rảo những bước đều đều buồn bã trầm tư, hai tay cho vào túi áo cánh màu xanh. Họ vẫn cần mẫn lao động. Dường như trong lao động, ai nấy cũng đều khéo léo như người thợ bạc tài ba, tự tay làm nên những sản phẩm từ gỗ, từ xà cừ, chế tạo binh khí, dệt, vẽ tranh, thêu tay và cả cày bừa. Con vật gắn liền với việc cày bừa của nhà nông không phải là

ngựa hay bò, mà là con trâu. Họ thêu thùa bằng tay những hình trang trí đẹp mắt lên quần áo. Người dân ai ấy đều biết dùng dao khắc gỗ, chạm trổ lên tấm gỗ cứng cảnh làng xóm với nhà cửa phía xa xa, những con thuyền lướt đi trên sông, với hàng nghìn người qua lại, tấp nập và rộn rã, những rừng cây, những khóm đèn lồng, những cây cầu, những con thuyền đánh cá, tất cả nom đều nhỏ bé, được làm ra một cách cẩn trọng, tỉ mỉ. Ngôi nhà của họ nom chỉ vừa ở cho những người thấp bé, chẳng khác gì ngôi nhà đồ chơi được ghép từ các mảnh gỗ. Người dân dùng dao khắc gỗ để trang trí lên những bức tường, trần nhà cũng được chạm trổ hết sức kỳ công không kém gì những bức tường bao. Ở bất cứ góc nào của ngôi nhà cũng bày những chiếc bình sứ, những con nghê đồng dang rộng cánh, những tấm màn lụa được đóng khung gỗ cẩn thận. Ở xứ này, nhà nào cũng chuẩn bị sẵn một bộ áo quan bằng gỗ khảm xà cừ, là món quà mà những đứa con chuẩn bị để lo hậu sự cho cha mẹ. Vì đối với họ, cái chết cũng phải được tổ chức long trọng dàng hoàng như lễ hội, có mở nhạc hiệu để tiễn người mất lên chùa. Người dân nơi đây quan niệm rằng cuộc sống là món nợ mà con người phải trả lại trời đất. Chết đi chính là quay trở lại với thiên nhiên, nơi con người sinh ra, quay trở lại nơi mà vạn vật trên cõi đời này đều là anh em của con người. Người đã khuất thường nhắn gửi trong di chúc của mình rằng, khi họ chết, hãy chặt một cánh tay hay chân của họ và để ở nơi mà những con chim có thể bay tới mổ xẻ, để thú dữ cắn xé, những con vật vô hình bay lượn trong không trung sẽ mang xác họ đi. Từ khi bắt đầu kiếp nô lệ làm than, người An Nam thường có thói quen đi lễ chùa, để nghe những nhà sư trò chuyện về đức Phật từ bi. Theo tín ngưỡng

của người An Nam, Phật không phải như những vị thần trong tôn giáo của người Pháp. Người An Nam còn hay đi xem kịch, không phải để nghe những câu chuyện hài hước mua vui, mà để nghe những điển tích lừng danh về những vị hoàng đế hay những vị tướng của họ. Những đám người ngồi xổm, chăm chú lắng nghe về những trận đánh hào hùng trong lịch sử.

Cảnh tượng trong chùa được ví như thể một công trình đục đẽo, chạm trổ tinh vi, với những họa tiết trang trí được chạm khắc xung quanh ban thờ Phật. Trên những chiếc cột gỗ sơn son thiếp vàng có ghi những lời ban phước và răn dạy bằng chữ bạc, chữ vàng, cả những pho tượng Phật bằng vàng như thể cả đại gia đình nhà Phật đang tọa lạc nghiêm trang trên ban thờ được chạm trổ tinh vi. Trong chùa, ở phía trước ban thờ, các nhà sư đi lại, mặc áo cà sa màu xanh lá và xanh da trời, đầu đội mũ thêu vàng. Vị sư chủ trì đi trước, tay cầm hoa sen- loài hoa biểu tượng của Phật giáo bởi vẻ đẹp trong sạch, thuần khiết. Một vị đi sau đỡ lấy chiếc áo choàng của sư chủ trì, rồi lần lượt tiếp sau là những chú tiểu đội mũ che kín đầu, miệng tụng kinh trong tiếng nhạc và cờ phướn trang hoàng. Trên ban thờ, những bức tượng Phật đội mũ vàng sáng rực, trù mến nhìn xuống bày chúng sinh đang hoan hỉ trong buổi lễ cầu. Đức Phật là vị thần tối cao của người An Nam, nhưng đức Phật xuất thân là người trần. Tương truyền rằng đức Phật vốn là một vị thái tử vô cùng tốt bụng. Sức khỏe của ngài vô biên tới mức có thể đánh bại sư tử dũng mãnh. Dung mạo của ngài đẹp tới mức bất cứ ai gặp lần đầu đều cảm mến và yêu quý như thể yêu chính trái tim của mình vậy. Không ai thông minh tài trí như thái tử, và không một vị bác học nào có đủ kiến thức và sâu sắc để tranh luận với

ngài. Ngay từ nhỏ thái tử đã tỏ ra là người văn võ toàn tài đến mức không ai sánh bằng, ngay cả những vị tiến sĩ lão luyện nhất. Thái tử kết hôn và ngài hết lòng thương yêu vợ con. Một chiều kia, trên đường dạo chơi trên cỗ xe bằng bạc và ngọc trai lấp lánh, thái tử chợt trông thấy một người già khốn khổ, quần áo rách rưới. Ngài hồi cung mà trong lòng thấy buồn vô cùng. Một buổi chiều khác, ngài lại thấy một người đang trong cơn hấp hối, khiến ngài không còn hứng thú dạo chơi. Một chiều khác nữa, ngài lại trông thấy một người chết. Nỗi buồn thương ngập tràn khiến thái tử day dứt. Rồi ngài lại thấy cảnh tượng một nhà tu hành đi xin bố thí, ngài chợt nhận ra rằng cần phải từ bỏ cuộc sống vinh hoa phú quý. Ngài không thiết tha được đưa rước trên cỗ xe bằng bạc và ngọc trai xa hoa, chỉ muốn suy ngẫm về cuộc đời với bao cảnh oan trái, khổ đau. Thái tử muốn được ở ẩn để ngẫm nghĩ và giống như nhà sư, ngày ngày đi xin bố thí cho những con người bất hạnh. Tối hôm đó, thái tử đi đi lại lại ba lần trong hoàng cung, nơi vợ con đang say giấc trên chiếc giường nguy nga như chiếc ban thờ. Thái tử ghen ngào và cảm thấy trái tim mình như chết lặng trong lồng ngực. Song ngài vẫn quyết tâm rũ bỏ bụi trần, từ bỏ hoàng cung, vượt thành xuất gia trong màn đêm tĩnh mịch, để ngẫm về cuộc đời như bể khổ, gạt bỏ mọi vương vấn dục vọng, để răn dạy và truyền tư tưởng cho chúng sinh muốn thành tâm lắng nghe, để xin bố thí cho những kẻ nghèo hèn. Ngài quyết tâm ép xác khổ hạnh, chỉ dám ăn chút xíu như bầy chim, uống chút nước để cầm cự cho khỏi chết vì khát, không nghỉ ngơi trên giường mà nằm ở dưới sàn túp lều, chân đi không mang giày, cho tới khi thân thể hao mòn, kiệt quệ. Một ngày kia, quỷ Mara tới nơi đức

Phật hành thiền, dụ dỗ ngài quay về cuộc sống trần tục. Quỷ Mara nêu đủ lý lẽ để thuyết phục đức Phật, nào là vợ ngài đẹp như thế nào, con của ngài đáng yêu ra sao, cung điện của ngài thật nguy nga tráng lệ và thật kiêu hãnh khi trở thành vua, được trị vì dân chúng. Đức Phật triệu tập môn đồ tới và một lần nữa tuyên bố kiên quyết đi theo con đường hạnh đạo. Quỷ Mara hoảng sợ bỏ chạy. Những lời mà quỷ Mara dụ dỗ đức Phật là những dục vọng tầm thường, hay còn gọi là cám dỗ bản thân luôn ẩn chứa ở phần xấu xa trong mỗi con người. Con người sinh ra đều có tên gọi và hình hài, vì thế họ nhìn mọi thứ xung quang mình đều mang dáng dấp như con người, cả quyền lực và sức mạnh, theo những gì họ tưởng tượng. Đó chính là quyền lực thực sự, là cám dỗ bản ngã, xuất phát từ một phần xấu xa trong mỗi người, xui khiến con người sống chỉ để thỏa mãn những dục vọng và vui thú mà không cần phải làm tròn bổ phận của mình, nhưng thực chất không có niềm vui hay ước muốn nào cao cả hơn là làm tròn bổn phận của mình trước cuộc đời đầy những chông gai. Vì thế, trên đời này, có thứ nào có thể đẹp và tỏa hương ngọt ngào hơn hoa hồng? Sau bao ngày hành thiền khổ hạnh, đức Phật xuống núi khát thực. Ngài thấy rõ khổ hạnh, ép xác không phải là con đường thoát khổ. Ngài hiểu ra rằng không ăn uống, ngủ trên đất, đi chân trần khổ cực, cũng không thể cứu vớt chúng sinh khỏi vòng sinh tử luân hồi, mà quan trọng là phải giác ngộ được bốn chân lý ở đời, gọi là Tứ diệu đế, mà theo đó, đời chính là bể khổ. Nỗi khổ đau xuất phát từ những ham muốn, và để giải thoát khỏi bể khổ thì phải sống mà không tham lam dục vọng, để tới cõi Niết Bàn dịu ngọt như ánh sáng vô biên, giúp tâm hồn không vương vấn bụi trần, luôn

thanh thân vô tư. Sống không tham lam điên rồ hay ham muốn vật chất tầm thường, hay chỉ biết hận thù và vơ về mình quyền lực và tài sản. Chân lý kỳ diệu giúp chúng sinh hướng tới cuộc sống không vì ảo vọng xa hoa, không được cướp đoạt những gì thuộc về người khác, không chắt chứa hận thù, không được quên nguyên tắc sống hài hòa giữa con người với nhau, không chống đối, thù ghét hay ganh tị. Hơn nữa, không được nghỉ ngơi cho tới khi tâm hồn trở nên hoàn toàn thanh khiết như ánh sáng ban mai, khi thế gian này hoàn toàn đẹp đẽ và tràn đầy ánh sáng, khi con người biết khóc thương và cảm nhận mọi nỗi buồn trên đời này, như người thầy thuốc hay người cha, để giúp đỡ và cứu vớt những cảnh đời khổ đau. Nghĩa là phải sống trong màu xanh da trời không bao giờ phai nhạt, sống với niềm hân hoan thanh khiết, với niềm vinh quang và vòng tay luôn rộng mở. Thế rồi đức Phật từ bỏ con đường ép xác khổ hạnh nhiều năm, quay về bên vợ con. Rất đông các môn đệ của ngài sau đây cũng bắt đầu sống nhờ bố thí của người đời, vì nhờ ơn họ mà người đời được nghe về những chân lý mà đức Phật đã giác ngộ, những chiến công khi ngài còn là thái tử và quãng thời gian tu hành khổ hạnh của ngài trên núi. Còn vua chúa thì nhận thức được giá trị của đức Phật, vì người đời coi Phật là đáng toàn năng từ trời cao, vô cùng siêu phàm mà người thường không thể nào đạt tới. Vì thế, nhà vua cho triệu tập các môn đệ của đức Phật, trả công cho những môn đệ này, ghi họ lại trong sử sách, những bài giảng và lời răn dạy của đức Phật, đem truyền bá tới dân chúng, và bằng cách đó, giúp vua chúa quy về một mối quyền lực của vua chúa và quyền lực linh thiêng trên trời cao, nơi người ta luôn tin rằng có đức Phật giáng trần. Một số môn đồ của đức

Phật mách rằng họ làm theo lệnh vua ban, cùng tham chiến với quân đội hoàng gia để xâm lược và chiếm đoạt tự do của những nước láng giềng, với cái cớ là đem truyền bá Tứ diệu đế của đức Phật. Một số khác thì bảo rằng đó chẳng qua chỉ là trò lừa gạt của những tên đồ đệ tay sai, để nhà vua thực hiện mưu đồ cướp bóc, rằng tự do của một dân tộc dù là nhỏ bé, còn quan trọng gấp bội lần so với quyền lực của một vị vua đầy tham vọng, rằng những tên môn đệ kia, dưới cái mác của đạo Phật, chỉ phục tùng nhà vua vì tiền bạc, vì danh lợi mà thôi. Những đệ tử chân chính nói rằng nếu đức Phật còn sống, ngài sẽ chỉ ra đâu là sự thật, rằng ngài không phải từ cõi trời xuống hạ giới, mà đức Phật xuất thân cũng là người trần, và trời cao kia nằm trong chính mỗi con người. Và mỗi người nên có tâm sáng như vàng dương, với lòng từ bi chính trực, tựa như không phải bằng xương bằng thịt, mà luôn tỏa sáng bằng thứ ánh sáng vô biên của lòng bác ái, luôn độ lượng thậm chí cả với kẻ xấu xa, luôn dang tay phù hộ và cứu độ những con người ốm đau bệnh tật, truyền sức mạnh và nghị lực cho người tốt để họ không ngừng phấn đấu vì thế giới tốt đẹp. Đó chính là thần quyền linh thiêng! Thế nhưng những tên đồ đệ nghe theo nhà vua thì luôn nắm giữ nhiều quyền trong tay. Nhà vua ra lệnh xây thật nhiều chùa tháp, đặt tượng Phật trên vị trí cao nhất của ban thờ, cho phép các môn đệ Phật tử được mặc áo choàng lụa, đội mũ chóp vàng, khi chết được an táng nơi đất nhà chùa và xây mộ tháp cho những vị tăng sư có nhiều thánh tích, đúc tượng của họ ở trên phần mộ, cho thắp đèn sáng cả ngày lẫn đêm. Phật tử muôn nơi tới chùa, quỳ gối trước tháp mộ để cầu xin trời Phật hãy dang tay cứu độ, xoa dịu nỗi đau, ban phước cho chúng sinh, và cầu

xin khi nào họ mất đi hãy đưa linh hồn họ về cõi Phật. Hàng nghìn năm trôi qua, hàng nghìn ngôi chùa mọc lên trên mảnh đất này. Những người An Nam buồn bã vẫn lặng lẽ đi chùa, cầu xin đấng siêu nhiên vô hình trên trời cao hãy dang tay cứu vớt, vì họ không thể tìm được nơi nào để bầu vúi trên thế gian này.

Người An Nam thường đi xem hát và lấy đó làm động lực để luôn giữ sức mạnh trong mình. Trên sân khấu không có chỗ cho người Pháp! Chỉ có những vở diễn tươi vui kể về xứ An Nam xưa kia rộng lớn, thịnh vượng, luôn bị các nước láng giềng dòm ngó xâm lược. Thời xưa, An Nam có nhiều vua chúa cùng cai quản, và những cuộc tranh giành giữa vua chúa để chiếm đất đai về mình khiến đất nước trở nên cạn kiệt, suy vong. Từ bên ngoài, các nước Trung Hoa, Xiêm, Pháp, thay nhau nhẩy vào, lợi dụng tình hình bất ổn ở An Nam, tiếp tay cho kẻ bại trận để loại bỏ kẻ thắng. Rồi sau đó, chính những người ngoại quốc lại trở thành kẻ thống trị, chia rẽ nội bộ để các phe phái trong nước không thể đoàn kết và hợp sức chống lại những thế lực ngoại bang, mà lẽ ra cả dân tộc này phải hợp sức lại để đánh đuổi quân xâm lược xấu xa, tàn ác ra khỏi lãnh thổ của mình. Những kẻ đó mới đầu ra vẻ là những người bạn hiền lành như chim bồ câu, thế nhưng tới khi bại lộ mới hiện rõ nguyên hình là những tên ăn cướp đội lốt sư tử. Những vở hát không kể về cuộc sống hiện tại, mà kể về lịch sử giữ nước nghìn năm của xứ An Nam, về ông vua An Dương Vương đánh thắng Triệu Đà của nhà Hán, hay về hai nữ anh hùng Trưng Trắc và Trưng Nhị mặc áo giáp nhà binh, cưỡi ngựa xông lên, đánh đuổi quân Hán khỏi bờ cõi và trở thành những nữ tướng huyền thoại của nhân dân. Rồi cả vở diễn tái hiện lại cuộc phân tranh giữa vua chúa nước Nam, như câu

chuyện về anh em trai của một vị vua băng hà luôn âm mưu chiếm ngôi của hoàng tử kế vị, chính là cháu ruột mình, hay câu chuyện về một vị chúa trấn giữ ở một vùng đất xa nhưng lại nung nấu mưu đồ tước đoạt kinh đô Huế, nơi vị chúa khác đang cai quản. Những người An Nam phía dưới ngôi xồm, say sưa dõi theo những vở hát trên sân khấu, không phải hóm hỉnh vui tươi như trong những vở nhạc kịch mà người ta thường xem, mà là những vở diễn với tiếng nhạc đệm âm ỉ, thậm chí còn vang hơn cả lời thoại của những diễn viên đóng vai tướng quân mang áo có cánh tay rộng tận thắt lưng, vai hoàng tử đội mũ gắn lông vũ thật dài, mà những người dân chân chất cả đời chưa lần nào được trông thấy. Đó là các vai diễn thể hiện những nhân vật quyền lực tột bậc, tọa lạc trên những chiếc ngai cao nhất chứ không phải trên những chiếc ghế bình thường. Những diễn viên trong vở hát cứ thế kể chuyện, diễn những cảnh đánh nhau, chào hỏi, trò chuyện, mô phỏng động tác pha trà. Họ bước vào cửa từ phía bên phải sân khấu rồi lại đi ra ở cửa bên trái. Tiếng nhạc vang lên như bản nhạc không có hồi kết, hòa trộn những âm thanh khác nhau. Đó là bản hợp âm nghe rất lạ tai từ những nhạc cụ như thanh la, nạo bặt, kèn bốp và đàn nhị, tất cả tạo nên một thứ âm nhạc không tuân theo một nguyên tắc hay trật tự nào, nghe như tiếng kêu ai oán hay tiếng gào thét liên hồi. Tiếng nhạc đôi khi lại thảm thiết và buồn đau khi nói về cái chết, hào hùng khi tới hoạt cảnh vị vua thắng trận, réo rắt hân hoan khi có đám rước linh đình trong hôn lễ của công chúa, hay đôi lúc lại rền vang và âm ỉ như tiếng sấm khi thầy tu bước vào. Ở mỗi giai điệu, người nhạc sĩ lại có cách sáng tạo và thể hiện cảm xúc riêng của mình và chọn nhạc đệm sao cho phù hợp

với nội dung vở diễn, vì vậy âm nhạc nghe như được chơi không theo quy luật nào. Dường như quy tắc mà người nhạc sĩ tạo ra là thỏa sức sáng tạo, để ý tưởng được tự do bay bổng, để âm nhạc hòa nhịp với nội dung câu chuyện, bằng cách ấy gửi vào đó cả niềm vui, nỗi buồn, cả niềm thơ và sự giận dữ từ trong trái tim. Làn điệu cổ truyền như dẫn dắt người nhạc công mặc sức sáng tạo để làm sao không lạc lõng với tiết tấu chính của vở diễn. Ai không hiểu được giai điệu mà người nhạc sĩ muốn truyền tải, thì chẳng thể nghe và cảm nhận được gì ngoài tiếng trống và âm thanh hỗn độn, ồn ào. Những vở diễn trên sân khấu của người An Nam khiến một người ngoại quốc châu Âu nhức đầu, gây cho ông ta cảm giác ghét người An Nam ngồi xem bên cạnh, bởi người này lúc thì cười hả hê, lúc lại khóc vì đau đớn khi chăm chú dõi theo sự tích về một nhà thông thái nghèo đã cười nhạo đám quân sư thân cận của nhà vua, bòn nịnh thần trong vai kẻ nghèo nàn tri thức và thật đáng tội nghiệp. Hay câu chuyện buồn khác về vị hoàng tử ăn năn hối hận vì đã tiếp tay để quân giặc cùng nắm quyền cai trị đất nước của mình, kết cục phải chết thảm do nhịn đói dưới chân đức Phật. Dù sự đã thế rồi, hàng nghìn quân ngoại bang tham vọng vẫn tiến vào giang sơn của vị hoàng tử hèn nhát. Chúng thỏa sức lộng hành, chiếm đoạt vàng, lụa là, đất đai, nghiễm nhiên ngồi lên ngai cao của tòa án công lý An Nam. Có những kẻ phản quốc đã tiếp tay cho bọn ngoại bang giết chết chính những người đồng hương đã dốc sức bảo vệ tự do của tổ quốc. Tiếng nhạc dường như trầm xuống và chậm rãi hơn, nghe ai oán như tiếng khóc than, từng nốt nhạc như muốn thấm sâu và tan vào lòng đất, còn người diễn viên lấy khăn trùm kín mặt trong lúc diễn cảnh tang tóc buồn

thương. Đó chính là âm nhạc của những vở hát tái hiện lịch sử, những trận đánh và hôn lễ của người An Nam. Phía trước sân khấu có các diễn viên ra sức nói và hét lên thật to cùng dàn nhạc đang say sưa chơi ở phía sau. Diễn viên vào vai tướng quân ngã quỵ xuống để diễn hoạt cảnh hi sinh trong chiến trận, hay giơ chân phải ra sau lưng chiếc ghế đặt trên sân khấu để mô phỏng động tác cưỡi ngựa chinh chiến. Rồi tới cảnh phò mã và công chúa từ sau tấm rèm đi ra, tức là đôi trẻ vừa mới cưới. Sân khấu giống như một căn phòng mở, không hề được bài trí khung, bức bệ, những dải lụa hay bất cứ một loại thiết bị và tranh ảnh nào, luôn có một người nhắc vở mặc áo cánh, đầu đóng khăn, đảm trách việc thông báo với khán giả biết khi nào bắt đầu diễn cảnh tiếp theo. Người nhắc vở cho đặt chiếc bàn ở trên sân khấu để diễn cảnh tiệc tùng, hoặc treo cây giáo để mô phỏng cảnh chiến trận, hoặc thổi rơm vào ngọn đuốc bốc cháy để diễn cảnh đám cháy. Người nhắc vở trong chiếc áo cánh, cứ đặt lên rồi dỡ bỏ các dụng cụ khác nhau phục vụ cho vở diễn, đi đi lại lại giữa các diễn viên đóng vai hoàng tử trong bộ cánh lụa cao sang, hay những vị tướng quân vận bộ quân phục màu vàng oai nghiêm. Vở diễn lại cảnh từ nghìn năm về trước, khi mà chính những người trong hoàng tộc đã ngấm ngấm bỏ độc vào chén trà để âm mưu ám sát hoàng tử họ Lý. Phía trong sân khấu là phòng hóa trang. Nơi đây để những chiếc hộp đựng dụng cụ trang điểm, có gương treo trên tường và có sẵn cả các bộ râu, tóc giả để giúp diễn viên khi vào vai khác nhau. Người diễn vai kẻ điên đeo râu màu vàng, kẻ độc ác mang bộ râu màu hung đỏ, vai đức vua được ưu ái gắn bộ râu đen rất đẹp, còn vai ông lão thì có chòm râu trắng. Vai tướng thì được hóa trang da mặt đen hoặc đỏ au.

Ở nơi cao nhất trên bức tường sân khấu có đặt tượng đức Phật. Khi kết thúc vở diễn, người An Nam rời nhà hát, trò chuyện say sưa, như thể đang giận dữ và muốn bỏ chạy thật nhanh, muốn tranh luận, thậm chí dọa dẫm chính những người đồng hương nhút nhát của mình. Người An Nam rời chùa, đầu cúi gằm trầm tư, buồn bã, hai tay cho vào túi áo chiếc áo cánh màu xanh. Nếu chợt có một người Pháp hỏi người An Nam điều gì đó trên đường đi, họ sẽ trả lời bằng tiếng của mình rằng: “Tôi không rõ!” Còn nếu một đồng hương An Nam nào nói với họ về một điều gì bí mật, họ sẽ bảo rằng: “Nào ai biết được!”

Câu chuyện về cái thìa, chiếc đĩa

Có những chuyện thoát nghe không sao hiểu được vì người ta nói nhiều từ nghe thật lạ tai! Như trong sự kiện Triển lãm Paris, nghe thấy ai đó nói với nhau: “Lên xe kéo đi! Xe kéo! Lên xe đi và hãy tới xem mọi thứ ở Explanada.” Nhưng trước tiên cần phải giải thích rõ ràng xe kéo là gì. Vì lẽ, có nhiều thứ mà người nghe không hiểu, vì không biết ý nghĩa những lời mà người khác nói. Hơn nữa, không thể nào có thể giải thích rõ ràng mọi điều cho người nghe ngay lần đầu tiên. Điều này giống như cảm giác khi lần đầu bước chân vào một nhà thờ lớn, thường thì ta không thể nhìn thấy gì hơn là những cột nhà và mái vòm, nơi ánh sáng ở trên phản chiếu qua những tấm kính lấp lánh. Nhưng sau nhiều lần đến thăm, ắt hẳn nơi đó sẽ trở nên thân quen với ta, và lối đi khắp nhà thờ dù là trong bóng tối cũng sẽ trở nên quen thuộc như trong nhà mình. Điều muốn nói ở đây là không phải con người không hứng thú muốn biết, mà đôi khi vì cảm thấy xấu hổ khi nhìn thấy một thứ gì đấy mà không hiểu đó là gì. Vì thế cần phải không ngừng học hỏi cho tới khi hiểu rõ về những gì mình trông thấy. Cái chết có lẽ là khó hiểu nhất, nhưng những cụ già tốt bụng thường bảo rằng họ hiểu rõ về cái chết. Vì vậy, họ rất bình thản bởi biết chết đi là như thế nào, và theo họ, chết đi cũng giống như mặt trời ló rạng, khi không gian bừng sáng, tươi mới và rực rỡ muôn màu. Sự sống cũng không còn khó hiểu nữa. Khi ta biết rõ mục đích sống của vạn vật trên

đời này, biết rõ những gì mà con người làm ra, thì điều ấy sẽ thôi thúc lòng ham học hỏi để làm được nhiều điều hơn thế. Đó mới là sống đích thực. Nếu ai chỉ biết khoanh tay thu mình, không ham suy nghĩ, không hăng say lao động, sống dựa vào thành quả của người khác, dù cũng ăn và uống như người bình thường, nhưng sự thật là sống như thế thì không thể gọi là sống đúng.

Những người sống đích thực chính là những người làm ra những vật dụng để dùng cho bữa ăn. Những vật dụng nom như làm bằng bạc, song thực ra không phải là bạc nguyên chất mà là hỗn hợp từ những kim loại thô, mà người ta bỏ vào và sạc điện trong bể mạ bạc. Đây là công việc của những người thợ ở xưởng chế tác bạc, nơi có tới nghìn nhân công, sản xuất ra hàng bốn trăm tá sản phẩm mỗi ngày. Trong số đó có rất nhiều người là phụ nữ, vì vốn phụ nữ thích hợp với những việc đòi hỏi sự khéo léo, đẹp mắt và tinh tế hơn nam giới. Nam giới chúng ta được ví như loài sư tử hay ngựa chiến, chỉ thấy hào hứng và trở nên dũng mãnh, vĩ đại hơn khi ngửi thấy mùi chinh chiến hay nghe thấy âm thanh của gươm và súng. Phụ nữ chẳng như nam giới chúng ta đâu. Phụ nữ được ví như hoa, bởi thế phải đối xử với phái nữ thật dịu dàng và nâng niu, nếu không biết thương yêu trân trọng phụ nữ thì họ sẽ sớm héo tàn như những cánh hoa mỏng manh. Cũng bởi thế, phụ nữ luôn được ưu ái để làm ra những sản phẩm bằng bạc đòi hỏi sự tinh mỹ, ví dụ như mài nhẵn và mạ bề mặt các miếng kim loại, sau đó dùng cửa để cắt bạc thành từng miếng theo những hình thù khác nhau, giống như những chiếc máy điều khắc gỗ để làm nên những sản phẩm như đồng hồ, các loại giỏ hay kệ, giá bằng gỗ mềm. Những việc

nặng nhọc hơn thì dành cho những thợ nam, nào là đun sôi kim loại, làm sao cho hỗn hợp kim loại trở nên đông cứng như gạch, rồi cho vào máy cắt để cắt thành nhiều lát mỏng như giấy có hình thìa và đĩa cùng một lúc, sau đó tráng bạc bằng cách đổ nước vào bể để bạc phân hủy mà quan sát mắt thường thì không thể thấy được. Nhưng khi dòng điện chạy qua bể mạ, tất cả những chiếc thìa, chiếc đĩa được gắn vào một thanh gỗ để nhúng vào hỗn hợp nước hòa với bạc, nom giống như chiếc lược có thật nhiều răng.

Vậy là chúng ta đang nghe câu chuyện về những chiếc thìa, chiếc đĩa. Trước kia tất cả những vật dụng này đều được chế tác từ bạc nguyên chất, cả những chiếc bình hay bát đựng trái cây, giống bây giờ mọi thứ đều được chế tác bằng máy. Ngày trước, người thợ kim hoàn phải ra sức gò để tạo hình những chiếc bình tròn, phải kỳ công dùng búa gò trên một đầu đe sắt, cho tới khi sản phẩm bắt đầu mang dáng dấp của một chiếc bình, rồi đập và ấn mạnh từ bên này sang bên kia để tạo thành hình bầu ở phần dưới và hẹp dần ở miệng. Người thợ lại tiếp tục dùng đôi bàn tay khéo léo để trang trí phần thân bình bằng những họa tiết và hình hoa văn phong phú. Giờ đây những sản phẩm này đều được làm bằng máy móc, chỉ cần một vòng quay của máy là có thể đúc ngay một chiếc bình rỗng hình tròn. Sau mới cần dùng tay thực hiện thao tác thủ công cuối cùng là trang trí họa tiết để hoàn thiện sản phẩm. Đến đây thì chúng ta hãy cùng nhau trò chuyện về công việc thú vị này, vì ở xưởng sản xuất các loại bình và lọ, người ta cũng chế tác cả những vật dụng dùng cho bữa ăn. Để làm ra một chiếc bình cũng giống như làm ra một chiếc thìa uống trà, đều phải tuân theo quy trình như đun sôi kim loại, sau

đó trộn, để nguội rồi nghiền và cắt thành lát. Được tận mắt quan sát quá trình đó mới tuyệt vời làm sao! Có cảm giác ta đang đứng tận sâu trong lòng đất, trước biển lửa bùng cháy, cứ như chực trào ra, mạnh mẽ như cơn động đất, giống ngọn núi lửa mù mịt bốc khói, tuôn trào những dòng nước nóng, hòa cùng tro bụi và nham thạch, như thể đang bùng bùng bốc cháy trong lòng đất. Lúc đó cả xưởng bạc như một bể kim loại đang tan chảy. Khói bốc lên nghi ngút từ lò nung gạch, gạch đá tan thành chất sền sệt như sáp, rồi chảy thành từng dòng như nước đục. Ni-ken, đồng và kẽm được trộn cùng với nhau, đem đun trong nồi hơi, sau đem để nguội hỗn hợp kim loại này rồi mới cắt thành tấm trước khi làm mát. Dù không hiểu rõ nhưng người nào mà tận mắt thấy thì sẽ trân trọng và dành thiện cảm cho những người thợ nom vẻ mặt thật hiền lành, đầu đội mũ, trên người đeo chiếc tạp dề, tay cầm xẻng vớt hỗn hợp kim loại nóng chảy từ trong lò ra. Giờ thì kim loại không còn cứng như đá khi chiếc xe goòng mới chở tới nữa, mà sau khi đun lên, dưới hơi nóng của lò, đã chỉ còn tàn dư nom như bùn và tro. Từ trong chiếc nồi hơi, tiếng kim loại sôi ùng ục nghe như tiếng nói rì rầm, như những cơn sóng biển rì rầm tràn vào bờ, hay như tiếng gió thổi vi vu qua tán lá rừng trong một buổi sớm mai. Dù không biết vì sao, một ai đó đang quan sát sẽ chợt lặng im và cảm thấy mình khỏe khắn, tràn trề sức lực khi đang ở trong xưởng, xung quanh là những chiếc nồi hơi đang say sưa làm công việc của chúng.

Sau đây tưởng như ta đang được đi dạo trên một con phố trưng bày đủ thứ máy móc. Tất cả dường như đang cùng chuyển động. Hơi nước bốc lên giúp máy móc hoạt động, nhưng không

phải máy nào cũng có nồi hơi ở phía dưới để tạo ra hơi nước. Hơi nước ở tận đằng kia, ở phía cuối xưởng chế tác bạc, nơi có những dây đai rộng bản xoay các bánh xe, và mỗi khi bánh xe ở chiếc máy này chuyển động thì các bánh xe khác cũng chuyển động theo. Chiếc máy đầu tiên nom giống như chiếc máy chuyên gột sạch quần áo, và mỗi khi quần áo được vắt kiệt sẽ được đẩy ra ngoài giữa hai xy-lanh bằng cao su. Song xy-lanh ở chiếc máy cắt kim loại thì không phải bằng cao su mà bằng thép, và các tấm kim loại được đẩy ra ngoài, nom dày như miếng bìa các-tông. Đó là những tấm các-tông bằng kim loại. Tiếp đến là phần việc của chiếc máy dập lỗ hay dập khuôn. Cỗ máy này nom chẳng khác gì một chiếc cối liên tục chuyển động lên xuống như hàm răng trên khi nhai, với rất nhiều lưỡi dao hình búa với đầu hẹp và dài, hay hình chiếc vợt đầu tròn có cán tay cầm tinh tế. Khi chiếc cối nện xuống, tất cả các lưỡi dao sẽ dập thủng miếng kim loại to bản cùng một lúc theo hình dáng định sẵn, tất cả những mảnh kim loại sẽ rơi theo lỗ dập xuống một chiếc rổ hứng ở phía dưới. Và thế là từng chiếc thìa, chiếc đĩa lần lượt hiện ra. Mỗi mảnh kim loại dập dẹt hình cái búa chính là đĩa, những mảnh với cái đầu tròn giống như đồng xu lớn, chính là thìa. Vậy làm thế nào để tạo hình răng cho chiếc đĩa? À, các miếng cắt hình đĩa, cũng như hình thìa, phải được đun nóng trong lò, vì nếu những miếng cắt kim loại mà bị nguội thì sẽ rất cứng và khó mà có thể chế tác, nên bắt buộc phải được dập nóng. Những mảnh cắt được đưa ra khỏi lò nung bằng kẹp gấp, rồi đưa vào khuôn của máy dập dẹt khác có chiếc búa để cán phẳng. Chiếc búa cán thật mạnh khiến các mảnh cắt rơi ra khỏi khuôn và thế là chiếc đĩa dần thành hình với đầu đĩa dài và hẹp.

Đến chiếc máy mài sẽ giúp định hình tốt hơn hình dáng của chiếc đĩa. Một chiếc máy khác sẽ đánh dấu những chiếc răng đĩa, nhưng như thế vẫn chưa ra đời sản phẩm hoàn thiện đâu, bởi những chiếc răng vẫn đang còn nối vào với nhau. Một chiếc máy khác sẽ cắt tất cả những miếng kim loại nối giữa các răng đĩa. Và bây giờ thì chiếc đĩa với những chiếc răng hoàn chỉnh đã hình thành. Tiếp đến chúng được đưa tới xưởng mạ bạc để hoàn thiện những công đoạn cuối cùng: nào là trang trí đường diềm cho tay cầm ở chỗ này, rồi đưa sang uốn cong ở chỗ khác, vì khi mới từ trong máy ra, tất cả sản phẩm đều phẳng như một tờ giấy. Sau đó, người thợ sẽ khéo léo giữa tròn những cạnh sắc. Rồi, sản phẩm được chạm trổ, trang trí hoặc khắc chữ. Công đoạn kế tiếp là đánh bóng cũng rất đáng tò mò. Để đánh bóng thì phải cần tới một chiếc máy nom như một chiếc máy nghiền đá. Nó hoạt động rất nhanh, những chiếc bánh xe từ sợi dây mỏng như sợi tóc sẽ xoay tròn cái bàn chải lớn khoảng hai nghìn năm trăm lần một phút. Rồi, những chiếc thìa hoặc đĩa sẽ được chuyển tới bể mạ, đem nhúng vào bồn điện phân để tạo mỗi sản phẩm sẽ được khoác lên mình chiếc áo bạc đẹp. Đối với đồ mạ bạc chất lượng thấp, giá thành rẻ thường chỉ được mạ từ một tới hai lớp bạc. Những sản phẩm chất lượng tốt hơn thường được mạ tới ba lớp để lớp bạc tráng lên sẽ bền hơn, mặc dù chúng không bao giờ bền được như sản phẩm thủ công bằng bạc nguyên chất. Còn đối với thìa, trước kia không hề có loại máy nào có thể cán mỏng, cũng chẳng có cách nào để biến những miếng kim loại thành tấm mỏng như bây giờ. Ngày trước người thợ phải ra sức dùng búa cán mỏng cho tới khi vừa ý thì thôi, sau đó cắt thìa bằng tay. Để uốn được phần tay cầm thì đòi hỏi

bàn tay phải thật khỏe, và để tạo lõm thìa thì phải nện thật mạnh và từ từ vào từng phần với nhau một trên cái đe nom như đồ chơi, xung quanh một đầu tròn như quả trứng cho tới khi làm được long thìa như ý. Bây giờ tất cả quy trình sản xuất trên đều được làm bằng máy. Miếng kim loại nom giống cái vót được đặt trên một cái đe đầu tròn và lõm. Chiếc cối của máy dập có phần dưới như quả trứng sắt sẽ nện mạnh từ trên xuống, để sao cho phần tròn của mảnh kim loại sẽ hõm khít vào phần lỗ đe. Và thế là một chiếc thìa được làm ra như thế đấy! Sau đây là công đoạn mài giũa, trang trí và đánh bóng thìa, giống như những chiếc đĩa, và đem nhúng vào bể mạ bạc. Đó là chiếc bể có chứa hỗn hợp hóa học gọi là Kali xyanua để giúp bạc được hòa tan vào nước. Những nhà hóa học thật tài giỏi! Điện được truyền vào trong bể bạc. Điện là nguồn năng lượng kỳ diệu mà không ai có thể lý giải được cụ thể nó như thế nào, nhưng điện đem tới ánh sáng, màu sắc, tạo ra chuyển động, tạo ra lực, có thể làm kim lại biến thể hoặc phân hủy, có thể tách hoặc hòa tan các chất khác trong một hỗn hợp. Ví dụ như khi sục điện trong bể mạ, bạc được hòa tan trong nước sẽ bám vào những chiếc thìa và đĩa ngâm trong đó. Thế rồi người ta vớt những chiếc thìa, chiếc đĩa khỏi bể mạ khi chúng vẫn còn chưa ráo nước, đem rửa sạch những sản phẩm gần hoàn thiện này bằng dung dịch nước muối Kali cacbonat, đem sấy trên những miếng sắt nóng, bỏ vào thùng đựng mùn cưa để làm khô, sau đây chiếc máy chải bóng sẽ có nhiệm vụ đánh sạch chúng. Kết thúc công đoạn cuối cùng là dùng miếng da cừu để đánh bóng, rồi những chiếc thìa, chiếc đĩa sẽ được đem tới mỗi nhà, bóng loáng như ánh sáng và nâng niu đặt trong những chiếc hộp bọc vải nhung hoặc lụa.

Búp bê màu đen

Nhón từng bước thật nhẹ nhàng để không làm Piedad thức giấc, bố và mẹ rón rén bước vào phòng của bé. Họ dắt tay nhau vừa đi vừa cười rúc rích như một đôi trẻ. Bố đi sau mà cứ suýt va vào hết cái này đến cái khác. Mẹ thì khác, vì mẹ đã quá quen lối đi rồi. Thường ngày, bố phải làm việc nhiều để có tiền mua mọi thứ trong nhà, do đó không phải lúc nào bố cũng có thể gặp cô con gái bé bỏng của mình! Ở nơi làm việc, đôi khi bố khẽ cười một mình, cũng có lúc mặt bố như đượm buồn, hoặc có khi mặt bố lại như sáng lên. Đó là những lúc bố nhớ đến con gái. Những lúc ấy, cây bút như tuột khỏi tay bố.

Nhưng ngay lập tức, bố lại lao vào viết và đưa ngòi bút thật nhanh, thật nhanh. Dường như cây bút bay lượn trong tay bố vậy. Những con chữ trở nên thật lạ thường: chữ o thì to tròn như ông mặt trời; chữ g có đuôi dài như một thanh kiếm; chữ l thì tụt xuống dưới dòng kẻ, như thể sắp đóng đinh vào trang giấy; còn các chữ s ở cuối từ thì trông hết những cành cọ. Giá mà các bạn có thể thấy được nét chữ bố viết những khi nhớ con gái! Rồi bố bảo rằng bố luôn nhớ đến bé Piedad mỗi khi một làn hương hoa thơm ngát ngoài vườn thoảng qua ô cửa sổ. Hoặc thoảng khi bố làm những việc về các con số, hoặc dịch một cuốn sách từ tiếng Thụy Điển sang tiếng Tây Ban Nha, bố lại như thấy con gái đang đến với mình. Bé từ từ bước ra khỏi một đám mây đến ngồi bên và kéo chiếc bút ra khỏi tay bố, ý chừng như muốn

bố nghỉ ngơi chốc lát. Rồi bé hôn lên trán bố, tinh nghịch giật nhẹ vài sợi râu, và còn đem giấu lọ mực đi nữa. Nhưng đó chỉ là giấc mơ thôi, chỉ là một giấc mơ! Giống như bao lần khác bố vẫn thường mơ màng trong lúc đang thức đấy thôi: lúc thì bố mơ thấy một chiếc váy tuyệt đẹp này, lúc thì lại thấy một con ngựa thật với cái đuôi dài thướt này, hoặc có lần bố lại mơ thấy một cỗ xe xinh xinh có bốn con dê trắng tinh kéo, rồi có cả giấc mơ về một chiếc nhẫn lấp lánh mặt đá xanh nữa. Tất cả chỉ là những giấc mơ thôi, song bố bảo bố đã nhìn thấy chúng y như thật, và rằng sau đó bố cảm thấy mình như viết thật sung sức và hay hơn. Rồi khi ấy bé Piedad lại rời đi, từ từ bay lên không trung, như một tia nắng, như một đám mây vậy.

Hôm nay bố không làm việc nhiều như mọi ngày, vì bố còn phải đến cửa hàng. Bố đến cửa hàng để làm gì nhỉ? Và rồi người ta thấy một chiếc hộp lớn tướng được đưa vào nhà qua lối cửa sau. Có gì trong chiếc hộp ấy thế nhỉ? Giá mà biết được trong đó đựng thứ gì! Ngày mai là tròn tám năm bé Piedad ra đời. Chị giúp việc ra vườn hái hoa và hình như chị bị gai đâm vào ngón tay trong lúc cắt một bông hoa tuyệt đẹp để lồng vào bó hoa mà chị tự tay làm. Mẹ bé Piedad thì lúc nào cũng trả lời đồng ý, dù đó là việc gì đi nữa. Mẹ mặc chiếc váy mới. Bà mở cửa lồng cho chú chim hoàng yến. Còn bác đầu bếp, vừa làm bánh ga-tô, bác vừa tranh thủ rửa mấy củ cà rốt và su hào thành những bông hoa xinh xắn. Rồi bác đưa cho bà thợ giặt chiếc mũ đầu bếp còn dính một vết bẩn nhỏ và bảo rằng: “Hôm nay, chị à, hôm nay thì chiếc mũ của tôi không thể có một vết bẩn nào!”. Bé Piedad không hề hay biết gì về tất cả những chuyện đó. Điều mà bé chứng kiến là ngôi nhà giống như trong ngày đầu tiên nắng lên,

khi tuyết bắt đầu tan để lộ dần màu xanh của cây lá. Đêm hôm ấy bé được tặng tất cả các món đồ chơi, tất cả. Và bố thì đi làm về rất sớm, để có thể kịp nhìn ngắm con gái lúc bé đang ngủ. Mẹ chạy tới ôm chầm lấy khi vừa thấy bố bước vào nhà. Một cái ôm thật chặt! Ngày mai Piedad sẽ tròn tám tuổi.

* * *

Trong căn phòng chỉ có chút ánh sáng dịu nhẹ như ánh sao từ cây đèn ngủ với bóng đèn màu ô-pan. Dù vậy, vẫn đủ để nhìn thấy mái tóc vàng chìm trong chiếc gối. Một làn gió nhẹ thổi vào cửa sổ, hình như những cánh bướm vô hình cùng ùa vào vui đùa với những lọn tóc vàng. Ánh đèn rọi vào mái đầu óng ả. Cả bố và mẹ cùng rón rén bước tới. Coi chừng! Bộ bàn trang điểm đồ chơi dưới sàn nhà kia! Bố thật là hậu đậu, giẫm vào đủ mọi thứ! Nhưng may là bé không bị thức giấc. Ánh đèn lúc này chiếu sáng bàn tay của bé, bàn tay xinh xinh như một đóa hoa hồng. Bố mẹ không thể đến gần chiếc giường hơn, vì xung quanh bày la liệt đồ chơi, cả trên bàn, trên ghế nữa. Trên một chiếc ghế có cái hộp nhỏ mà bà ngoại đã gửi cho bé vào dịp lễ Phục sinh. Chiếc hộp đựng đầy hạnh nhân và bánh ngọt bị lật úp, như thể ai đó đã lắc rất mạnh. Thế nào cũng có vài hạt hạnh nhân rơi vãi trong góc ngách nào đó, và thế nào cũng có một ít vụn bánh rơi vào ổ khóa. À, chắc là mấy con búp bê bị đói đây mà! Trên một chiếc ghế khác là bộ đĩa gốm tráng men, có rất nhiều đĩa và chúng thật tinh xảo. Trên mỗi chiếc đĩa đều có hình vẽ trang trí một loại trái cây: chiếc thì có hình một quả dâu đất, chiếc thì có

hình quả sung, chiếc khác lại có hình quả nho. Ánh đèn soi tỏ chiếc đĩa có hình trái sung và, kìa, có vô số thứ gì đó lấp lánh như ánh sao. Làm thế nào mà ánh sao có thể chiếu vào chiếc đĩa này được nhỉ? “Đường đây mà!”- Bố hóm hỉnh nói. “Chắc hẳn là thế!”- Mẹ đáp. - “Hẳn là những con búp bê háo ngọt này đã ăn vụng đường!”. Chiếc hộp đựng kim chỉ thì nằm gọn trên một chiếc ghế khác, nắp hộp mở toang như thể ai đấy đang làm việc thật sự: chiếc dê tay đã mòn vẹt, bởi khâu quá nhiều! Nhà tạo một tí hon hẳn đã cắt rất nhiều, vì tất cả những gì mẹ cho chỉ còn lại là một miếng vải tròn có phần viền lờm chờm, và trên sàn nhà thì la liệt vải vụn cắt hỏng. Chiếc máy khâu đã trong tư thế sẵn sàng, với mũi kim cắm xuống, cạnh đó là một giọt máu đã đông. Bộ đồ chơi phòng khách, cả một bộ đồ chơi to tướng, thì được đặt trên chiếc bàn nhỏ cạnh giường.

Ở góc đối diện với bức tường là phòng ngủ của đám búp bê nhỏ bằng sứ, có cả giường của mẹ với đệm làm từ những bông hoa. Gần đây là một con búp bê mặc bộ đồ màu hồng ngồi trên chiếc ghế đỏ trước bàn trang điểm. Bàn trang điểm được làm từ một chiếc hộp các-tông nhỏ màu nâu với chiếc gương soi thuộc loại hảo hạng mà bà chủ hàng bánh kẹo đã bán với giá một xu hai chiếc. Bàn trang điểm được đặt giữa chiếc giường và cái nôi. Trong chiếc nôi được bọc màn cẩn thận có một con búp bê nhỏ bằng vải đắp chăn kín mít đến tận mũi. Ở căn phòng khách, đồ chơi được đặt trên chiếc bàn ngủ. Chính giữa phòng là chiếc bàn chân làm bằng một trục chỉ, trên mặt bàn bằng vỏ trai đặt một bình hoa kiểu Mexico. Bình hoa được ghép từ những bình nước của mấy chú búp bê tải nước Mexico cùng với vài tờ giấy nhỏ gấp hình cuốn sách. Có cả một chiếc đàn piano gỗ với hàng

phím được sơn vẽ cẩn thận. Chiếc ghế để ngồi chơi đàn piano này không phải là kiểu ghế dài làm bằng cọng húng tây- vì loại đó kém sang trọng- mà là một chiếc ghế tựa, được làm từ một chiếc hộp đựng nhẫn. Mặt ghế bọc vải xanh da trời, trong khi phần tựa lưng bọc vải hồng và được phủ ren. Tất nhiên cũng có cả khách khứa nữa. Các vị khách ấy có mái tóc được làm từ tóc thật, mặc áo khoác lụa màu tím với phần tay áo màu trắng, giày màu vàng. Họ ngồi khoanh chân trên ghế rất ngay ngắn. Ở chỗ ghế xô-pha, có một bà lớn tuổi đội mũ màu vàng. Bà ta có cả ghế kê chân, vì bà bị trượt ra khỏi bành. Ghế kê chân là một cái hộp con bằng giấy bồi úp xuống. Ngồi sát bên nhau trên chiếc ghế bành màu trắng là hai chị em búp bê bằng sứ với đôi cánh tay cứng đờ. Trong phòng khách còn có một bức tranh được kê một lọ nước thơm phía sau cho khỏi bị đổ. Hình ảnh trong bức tranh là một cô bé đội chiếc mũ màu sắc sỡ, hai tay đang ôm một chú cừu. Trên trụ giường gần bàn ngủ có treo một chiếc huy chương đồng từ một lễ hội nào đó. Tấm huy chương có đính tua rua, được gắn trên chiếc nơ to ba màu. Cùng tô điểm thêm cho phòng khách là bức chân dung một người đàn ông điển trai đến từ nước Pháp, người đã chiến đấu cho mọi người được tự do. Một bức chân dung khác của người đã phát minh ra cột chống sét với gương mặt già nua khi ông vượt biển đến gặp các vị vua châu Âu cầu xin giúp ông đem lại tự do cho quê hương mình. Đó là tất cả mọi thứ trong phòng khách- bộ đồ chơi chiếm nhiều chỗ của Piedad. Còn trên chiếc gối, nằm kê đầu lên cánh tay của Piedad là con búp bê màu đen, với cái miệng đã nhạt màu vì được nhận quá nhiều nụ hôn của bé.

* * *

Mới sáng tinh mơ, đàn chim đã ríu rít trong vườn làm Piedad thức giấc. Chúng như đang chào đón và rủ nhau cùng bay lượn. Cứ con này cất tiếng hót gọi mời, thì lập tức có con khác líu lo đáp lời. Hôm nay, trong nhà hình như có chuyện gì đấy, vì lũ chim rộn ràng như thế khi thấy bác đầu bếp tắt tưới ra vào liên tục, với chiếc tạp dề tung bay trên đôi chân. Trong tay bác là chiếc nồi bằng bạc bốc mùi sữa cháy và mùi vang ngọt. Hẳn có chuyện gì đó đặc biệt, vì nếu không thì tại sao bộ áo váy mới của bé- bộ váy xinh xắn màu ngọc trai- lại được để ở ngay cuối giường, cùng với dải băng lụa màu tím mới mua ngày hôm qua, cả chiếc quần tất bằng ren nữa? “Leonor ơi, chị bảo em này, hình như nhà ta đang có chuyện gì ấy. Em biết phải không, hãy nói cho chị nghe đi nào, hôm qua em ở trong phòng mẹ suốt khi chị ra ngoài đi dạo mà. Mẹ chán thật, chẳng cho em đi cùng chị, vì mẹ bảo rằng chị hôn em nhiều quá làm em trở nên xấu xí và còn bị rụng gần hết tóc chỉ bởi chị chải đầu cho em quá nhiều nữa! Đúng là em không còn nhiều tóc, Leonor à, nhưng chị thích em như thế, chẳng cần tóc! Đôi mắt của em là thứ chị yêu nhất, vì ánh mắt em nói với chị rằng em rất yêu chị. Chị cũng yêu em vô cùng bởi chẳng ai yêu em cả! Nào, giờ em ngồi lên chân chị nhé, để chị chải tóc cho em nào! Các cô gái ngoan luôn chải tóc gọn gàng mỗi khi thức dậy! Được rồi, đến lượt đôi giày nào, nút dây buộc như thế này là chưa được đâu nhé! Giờ để chị xem những chiếc răng xinh nào! Rồi, đến móng tay nào, ôi Leonor, móng tay em không sạch sẽ chút nào! Được, Leonor, giờ em hãy nói thật với chị đi nào: em có thấy không, lũ chim bay

nhảy như có vũ hội thể kia, nhà đang có chuyện gì nhỉ?” Đột nhiên chiếc lược tuột khỏi tay khi Piedad vừa mới tết xong một bên tóc cho búp bê Leonor, còn phần tóc bên kia vẫn đang rối tung. Và giờ thì bé cũng sắp được biết có chuyện gì đang xảy ra rồi.

Phía ngoài cửa phòng, một đoàn diễu hành đang đi tới. Người đi đầu tiên là chị giúp việc, hôm nay chị đeo chiếc tạp dề sắc sỡ vào các dịp lễ tết và đội chiếc mũ phục vụ bàn mỗi khi nhà có khách. Chị bê trên tay món socola, loại socola có kem như trong ngày tết. Bánh mì ngọt thì được đựng trong chiếc làn bằng bạc. Đi sau chị là mẹ bé Piedad. Bà cầm trên tay một bó hoa màu trắng và xanh, hoàn toàn không có bông hoa màu sắc sỡ nào, màu vàng cũng không! Và tiếp sau là bà thợ giặt cầm chiếc mũ màu trắng mà bác đầu bếp không muốn đội, cùng với một tờ nhật báo, một chiếc gậy và một lá cờ hiệu do chính bác đầu bếp đã làm. Trên lá cờ có dòng chữ được khoanh tròn: “Hôm nay Piedad tròn tám tuổi”. Và rồi họ ôm hôn bé, thay cho bé bộ áo váy màu ngọc trai. Cùng với lá cờ hiệu giương cao phía sau, họ kiệu bé đến phòng làm việc của bố. Hôm nay, bộ râu vàng của bố được chải rất kỹ càng, hình như người ta đã phải chải rất tỉ mỉ, chậm rãi, uốn cong từng sợi râu và đặt vào đúng vị trí của nó. Lúc lúc, bố lại thò đầu ra cửa ngó xem Piedad đã tới chưa, rồi bố lại quay vào viết, vừa viết vừa huýt sáo. Bố giở một cuốn sách, và để mắt đến một bức ảnh, bức ảnh này luôn luôn được đặt trên bàn làm việc của bố. Đó hình như là ảnh của Piedad trong bộ áo váy dài. Khi nghe thấy tiếng những bước chân và một giọng ồm ồm theo nhạc điệu qua chiếc loa giấy, bố liền rút từ chiếc hộp lớn ra cái gì đó. Ai mà biết được đây là gì! Bố đi về phía

cửa, một tay giấu sau lưng, còn tay kia ôm chầm lấy con gái. Sau đó bảo rằng bố cảm thấy như có một đóa hoa thơm nở trên ngực mình, rằng như có cả một tòa lâu đài rực sáng trên đầu mình, một tòa lâu đài có thảm treo tường màu xanh được đính nhiều tua bằng vàng và có rất nhiều người với đôi cánh sau lưng. Bố đã nói tất cả những điều ấy, nhưng lúc này thì chẳng ai nghe ra bố nói gì. Mãi đến khi Piedad nhảy vào vòng tay và như muốn trèo lên vai bố. Và qua gương bé đã trông thấy thứ mà bố đang cầm trong tay kia. “Mẹ ơi, mái tóc vàng như ánh mặt trời kìa, y như ánh mặt trời ấy mẹ ơi! Con thấy rồi, con thấy rồi nhé, nó mặc bộ đồ màu hồng! Mẹ ơi, mẹ bảo bố đưa nó cho con đi! Có phải nó mặc yếm nhưng màu xanh lá cây không ạ! Đôi tất ren giống hệt đôi tất của con kìa!”. Thế rồi hai bố con cùng ngồi xuống ghế, bố đặt vào tay bé con búp bê bằng lụa, mặt sứ. Bỗng Piedad chạy vụt đi, như thể bé muốn tìm ai đó. Thấy vậy, bố nói với bé: “Hôm nay bố ở nhà với con gái, vậy mà con gái bố lại để bố một mình thế này sao?”. Nghe vậy, bé lại vùi đầu vào ngực bố và cứ để yên như vậy rất lâu, thật lâu, mặc dù bé bị những sợi râu của bố cọ vào khá khó chịu.

* * *

Cả nhà cùng nhau đi dạo trong vườn, rồi cùng ăn trưa và uống rượu sâm banh dưới bóng mát của giàn nho. Bố cười nói nhiều hơn thường ngày và luôn nắm tay mẹ không rời. Còn mẹ thì dường như cao hơn và ít nói hơn. Giọng nói của mẹ êm như điệu nhạc vậy. Bé Piedad mang tặng bác đầu bếp một bông thược

được đổ và cài nó lên ngực tạp dề của bác. Bà thợ giặt thì được tặng một vòng cẩm chương. Chị giúp việc thì được bé nhét đầy những bông hoa cam trắng muốt vào túi áo, lại còn cài lên tóc chị một cành hoa có hai chiếc lá xanh nữa chứ. Và sau cùng, bé cẩn thận hái một bó hoa lưu ly xin-đừng-quên-tôi thật đẹp. “Bó hoa đó dành cho ai vậy nhỉ?”- “Tôi không biết nữa, ai mà biết được con bé dành tặng nó cho ai!”. Piedad đặt bó hoa bên bờ mương có dòng nước trong vắt như thủy tinh chảy qua, rồi chạy lại thì thầm điều bí mật gì đó với mẹ và nói: “Mẹ cho con đi!”. Nhưng mẹ bảo: “Con thật quá lắm! Còn con búp bê bằng lụa đó con không thích sao? Con nhìn xem, khuôn mặt nó xinh xắn thế kia, và cả đôi mắt xanh biếc nữa, con không thấy thế à?” Tất nhiên là bé Piedad có thấy những điều ấy, vì sau bữa trưa, bé đã đặt con búp bê ngồi yên trên bàn, nhìn chăm chăm vào nó và không nỡ một nụ cười nào. Bé cũng đã dắt nó đi dạo quanh vườn. Bé nhìn vào mắt con búp bê và đặt tay lên trái tim nó: “Nào, búp bê ơi, nói chuyện với tôi đi chứ!” Nhưng con búp bê lụa chẳng nói năng gì cả. “Con yêu, con không thích con búp bê bố mới mua cho con sao, nó cũng đi đôi tất ren, có khuôn mặt bằng sứ và mái tóc mịn thế này mà”, “Có mà bố, con rất thích nó. Nào, quý bà búp bê, chúng mình đi dạo với nhau nhé. Hẳn là bà muốn có xe hơi, có người hầu, và thích ăn kẹo hạt dẻ nữa phải không, nào, chúng mình đi thôi!” Nhưng khi đến một chỗ không còn ai nhìn thấy, Piedad lại đặt con búp bê lên một khúc cây, mặt quay vào một hốc cây khác. Còn bé thì ngồi một mình ủ rũ, mặt úp vào hai lòng bàn tay bé xiu đầy vẻ suy tư. Rồi bất chợt bé vùng chạy đi, bé sợ bó hoa xin-đừng-quên-tôi của mình có thể bị dòng nước cuốn trôi đi mất.

* * *

– Giúp việc, đưa em đi nhanh lên!

– Piedad, sao con lại nói năng thế với chị giúp việc, con không được hỗn với chị như thế!

– Không phải vậy đâu mẹ, chỉ là con đang buồn ngủ quá thôi. Mẹ xem, con buồn ngủ đến nỗi thấy mớ râu của bố mà tưởng như một rừng cây ấy, cái bánh ngọt trên bàn làm con thấy quay cuồng chóng mặt, còn mấy cái lá cờ nhỏ kia thì như đang cười nhạo con. Lại cả mấy bông hoa cà-rốt như đang bay nhảy trên không nữa kìa. Ôi con buồn ngủ đến chết mất! Thôi, tạm biệt mẹ nhé, ngày mai con sẽ dậy thật sớm. Bố nhớ đánh thức con dậy trước khi bố đi nhé, con lúc nào cũng muốn gặp bố trước khi bố đi làm mà. Ôi, ôi, đám cà-rốt nhảy nhót kìa! Con buồn ngủ quá rồi! Ấy kìa, mẹ đừng làm hỏng bó hoa của con! Đấy, mẹ làm hỏng hết hoa của con rồi này!”, “Sao con gái tôi lại nổi giận chỉ vì tôi muốn ôm hôn nó cơ chứ!”, “Mẹ, mẹ ôm con đi nào! Bố nữa, bố ôm con đi! Con buồn ngủ đến chết đi mất!” Nói rồi Piedad chạy ra khỏi phòng đọc sách, đi theo bé là chị giúp việc với con búp bê lụa trong tay. “Con bé đi đâu mà vội vàng thế nhỉ, nó sẽ vấp ngã mất thôi! Ai đó đang chờ con bé chẳng?”, “Con không biết, có người nào đợi con đâu!”. Sau bé cũng không nói năng gì với chị giúp việc, cũng không bảo chị kể cho nghe câu chuyện về cô gái lưng gù biến thành một bông hoa như chị vẫn kể mọi ngày. Bé chỉ đòi mỗi một món đồ chơi và đặt nó ở chân giường. Đoạn bé vuốt ve bàn tay của chị giúp việc rồi nhắm mắt ngủ. Chị giúp việc bật chiếc đèn ngủ màu xanh rồi nhẹ

nhàng ra khỏi phòng và đóng cửa thật khẽ. Nhưng ngay khi cánh cửa vừa khép lại, bé Piedad đã hé mắt qua tấm ga trải giường, vén mái tóc vàng lên và quỳ gối trên giường. Bé vặn chiếc đèn lên thật sáng, cúi xuống chân giường nơi bé đặt món đồ chơi lúc nãy, chính là con búp bê màu đen. Bé ghì chặt con búp bê vào ngực mà hôn và nựng: “Lại đây nào, tội nghiệp em chưa, lại đây với chị nào! Họ tệ thật, để em một mình ở đây, em đâu có xấu xí, không hề xấu chút nào dù em chỉ có một bím tóc. Con búp bê đó mới xấu, con búp bê mà người ta mang đến hôm nay ấy, đôi mắt nó chẳng biết nói chuyện như em. Nào Leonor, nói chị nghe nào, em có nhớ chị không? Em xem, chị đã hái bó hoa này cho em đây, hoa xin-đừng-quên-tôi đẹp nhất trong vườn đây nhé! Đúng rồi, ôm hoa vào ngực như thế! Em đúng là búp bê xinh đẹp của chị! Em không khóc đây chứ? Họ đã để em lại một mình buồn quá phải không! Em đừng nhìn chị như thế mà, chị sẽ khóc theo mất! Không, chị sẽ không để em bị lạnh đâu! Nằm đây với chị nào, nằm trên gối chị này, để chị ủ ấm cho em nhé! Họ đã lấy mất thanh kẹo mà chị định mang cho em! Đúng rồi, như thế, đắp chăn kín vào! Nào, để chị hôn chúc em ngủ ngon! Giờ thì vặn đèn nhỏ lại và chúng mình ôm nhau ngủ nhé! Chị yêu em lắm bởi vì chẳng còn ai yêu em nữa cả!”

Chuyện về những chú voi

Châu Phi là xứ sở của muôn vàn điều kỳ lạ. Từ xưa, người châu Âu đã đặt chân tới đây để khám phá với tham vọng cai trị vùng đất màu mỡ này, nơi ánh nắng mặt trời nuôi sống bao loại cây cho tinh chất, lương thực và sợi để dệt vải. Châu Phi còn là mảnh đất của những mỏ vàng, kim cương và đặc biệt là voi. Voi được coi là tài sản quý giá vì giá ngà voi trên thế giới rất đắt. Còn có rất nhiều câu chuyện về người châu Phi, về những giá trị mà người dân nơi đây luôn bảo vệ, gìn giữ, về những cuộc chiến tranh mà họ đã trải qua như bao dân tộc khác khi bắt đầu sinh ra trên đời, những cuộc chiến cốt chỉ để tìm ra ai là kẻ mạnh nhất, để xâm lược và cướp đi những gì họ muốn từ tay những người láng giềng nhằm thỏa mãn tham vọng cá nhân. Ở châu Phi, tù binh trở thành chiến lợi phẩm giao nộp cho những kẻ thắng trận sau mỗi cuộc chiến. Những tên người Moor khét tiếng tàn bạo chuyên đến đây để tìm mua tù binh rồi bán lại cho những chủ nô người Moor. Thế nhưng, cũng có những người từ châu Âu tới đây vì thiện chí tốt đẹp, với mong muốn thế giới này không còn cảnh buôn bán người, hay đơn giản là để thỏa mãn lòng ham hiểu biết. Họ tới Phi châu xa xôi, sống chung cùng những bộ tộc hoang dã, khám phá cuộc sống nơi đây, cho tới khi được tận mắt trông thấy một loài thảo dược quý hiếm, một loài chim lạ, hay một hồ nước - chỗ bắt nguồn của một dòng sông. Tới châu Phi còn có đội quân của phó vương Ai Cập Khedive, cốt

để tìm hiểu xem mảnh đất này đã rèn luyện nên thủ lĩnh Mahdi lừng danh như thế nào. Người ta nói rằng Mahdi xứng đáng được trở thành thống đốc vùng đất châu Phi vì ông là một người Moor có tư tưởng tự do và là người bạn thân thiết của dân nghèo. Thủ lĩnh Mahdi, người có công giải phóng Sudan khỏi ách thống trị của ngoại bang, không như phó vương Khedive, kẻ nắm quyền cai trị mà chẳng khác nào tay sai cho quốc vương Thổ Nhĩ Kỳ, lại còn thuê lính Cơ đốc giáo để tấn công người Moor và chiếm đoạt đất đai của những người da đen Sudan.

Người ta kể rằng có một người Anh đã dũng cảm hy sinh trong những trận chinh chiến ấy. Đó chính là “Gordon Trung Hoa”. Gordon không phải là người Trung Hoa. Ông có nước da trắng và đôi mắt màu xanh nước biển. Sở dĩ người ta gọi ông với biệt danh như thế vì những hành động anh hùng của ông ở đất nước châu Á rộng lớn này. Ông đã có công trấn an quân nổi dậy, không phải bằng quyền lực mà bằng tình thương. Ở Sudan cũng vậy, ông cùng chung sống với người dân bản địa da đen và chỉ huy họ. Khi đám người tấn công ông bằng giáo mác, ông chỉ trách mắng họ như răn dạy con cái và quy phục họ bằng sự đôn hậu, bằng đôi mắt xanh hiền từ chứ không phải bằng bất kì vũ lực nào. Ông đã bật khóc vì đau xót khi chứng kiến cảnh những người da màu ra hiệu gọi nhau từ rất xa, rồi tụ họp trên núi cao dưới màn đêm hoang vu để bàn cách tấn công người da trắng. Nhưng thủ lĩnh Mahdi mạnh hơn ông, và người ta đồn, ông đã hy sinh hoặc bị Mahdi bắt giam. Có rất nhiều người đặt chân tới châu Phi. Nhà nhân chủng học Chaillu viết một cuốn sách về chú tinh tinh đi bằng hai chân, dùng gậy đánh lại những thợ săn. Nhà thám hiểm Livingstone cũng gạt bỏ nỗi sợ hãi để tới

vùng đất đầy những điều lạ lẫm này cùng với vợ của mình. Stanley, nhà thám hiểm người Mỹ gốc xứ Wales, cũng tới đây, với bao điều chưa được khám phá, để tận mắt chứng kiến cảnh buôn bán nô lệ và hơn hết là để cứu thống đốc Emin Pasha từ tay thủ lĩnh Hồi giáo Mahdi. Nhiều người Đức, người Pháp tới đây để khám phá đất đai, thương thảo, buôn bán với người bản xứ và tìm hiểu xem làm thế nào mà họ có thể giành được mối buôn bán của người Moor. Ngà voi là mặt hàng phổ biến nhất vì vừa quý hiếm, lại đẹp và được trả giá rất cao. Ở châu Phi, người ta buôn ngà voi sống, nhưng ở Siberia thì lại chuộng ngà loài voi ma-mút lông dài khắp người và to lớn như một quả đồi bị chôn vùi dưới những tảng băng suốt năm mươi nghìn năm. Một người Anh tên là Logan thì cho rằng, quá trình hình thành những lớp băng chồng lên nhau không phải là năm mươi nghìn năm mà có khi phải tới một triệu năm. Đã một triệu năm trôi qua, những con voi ma-mút lông dài cổ đại bị chôn vùi dưới lớp băng tuyết cứng đơ.

Ở đây còn có những tảng băng vĩnh cửu vùng Siberia, và một ngày kia, có chàng ngư dân đi đánh cá từ sáng sớm bên dòng sông Lena, nơi một bên bờ là bãi cát trải dài bất tận, còn bên bờ kia là băng đá, lớp lớp chồng lên nhau như chiếc bánh được nhào nặn và trang trí kỳ công, hoàn hảo. Phơi mình dưới nắng và sững sờ trước không gian ngập tràn ánh sáng, tựa như mặt trời tinh khôi đang thỏa thích vui chơi trong bữa tiệc ngoài trời, chàng ngư dân chợt muốn cất cao tiếng hát. Bỗng nhiên không gian lóe sáng. Ở đâu đó bỗng phát ra tiếng động lạ nghe như tiếng nổ, như thứ âm thanh của nụ hoa bùng nổ giữa rừng sớm mai. Từ trên đồi cao rơi xuống một luồng nước lấp lánh và tinh

khuyết chưa từng thấy. Hóa ra là những tảng băng đang tan chảy. Nơi đây, trước mặt chàng ngư dân nghèo Shumarkoff là những chiếc ngà to như thể thân cây của con voi ma-mút đen khổng lồ mình phủ đầy lông, đang âm ỉ đổ xuống ngọn núi băng. Vì bị kẹt trong tảng băng khi vẫn còn sống nên giờ đây toàn bộ cơ thể của chú voi ma-mút vẫn còn nguyên vẹn trong lớp băng tuyết dày đặc và trong suốt. Phải mất tới năm năm thì tảng băng đó mới tan chảy hết, khi toàn tảng băng vỡ vụn, cơ thể chú voi khổng lồ ngã xuống, lăn tròn, tạo nên âm thanh khủng khiếp như tiếng sấm. Shumarkoff cùng những người dân chài khiêng những chiếc ngà voi dài đến cả ba thước. Đàn chó từ đâu bầu tới ngấu nghiến ăn phần thịt voi vẫn còn tươi và mềm. Tối đến, người ta có thể nghe rõ tiếng răng nhai ngấu nghiến, tiếng gầm gừ liềm mép của đàn chó vì ngon miệng và thỏa mãn cơn đói. Phải đến hai mươi người cùng hợp sức mới nâng nổi tảng da ở phần bõm của chú voi; mỗi sợi lông bõm dài tới cả thước. Không ai phủ nhận sự thật này. Ở bảo tàng Xanh Pê-téc-bua có trưng bày cả bộ xương voi ma-mút, trừ một mẫu và một nắm lông vàng như len ở phần cổ đã bị mất. Kể từ đó đến giờ, những ngư dân vùng Siberia đã thu được hàng nghìn chiếc ngà voi ma-mút từ những lớp băng tuyết khổng lồ.

Vào thời kỳ băng hà, hàng nghìn con voi ma-mút đi thành đàn và các tảng băng trên núi rơi xuống lấp lên cơ thể chúng. Giờ đây những chú voi cũng đi thành đàn như vậy để liên kết với nhau chống lại hổ dữ và những kẻ săn voi ở khắp châu Á, châu Phi. Nhưng voi bây giờ không có lớp lông rậm rạp như voi ma-mút ở Siberia, mà chỉ có ít lông trên phần da mềm nhẵn nheo, nom chúng đáng sợ bởi vẻ ngoài xấu xí. Câu chuyện về

chú voi cũng giống như chuyện về con người trên đời này. Đôi khi người ta tin rằng ai mà có gương mặt đẹp thì chắc hẳn trong tâm hồn cũng đẹp như thế. Song thực tế có những chiếc bình đẹp mà mỏng manh, bên trong trống rỗng, đôi lúc có thể rất thơm, lần khác lại có mùi thật khó chịu và có khi còn đầy bụi bên trong. Cũng đừng nên đùa với voi, vì một khi ai mà động tới chúng thì chúng sẽ nổi giận, bất cứ là trẻ em hay người già. Chú voi giận dữ sẽ vung chiếc vòi dài như cái roi và quật ngã bất kể kẻ nào dám làm chúng bức mình dù to khỏe đến mấy, đập tan chiếc cột thành từng mảnh, hay rung đổ cây cối. Khi voi nổi giận thì thật đáng sợ. Thường thì chúng rất hiền lành khi bị nhốt ở trong chuồng, nhưng có thể nổi giận bất cứ lúc nào, nhất là dưới cái nắng gay gắt của tháng Tư, hoặc khi chúng bức bách do bị giam giữ quá lâu. Những ai am hiểu về loài voi thì nói rằng voi là loài vật rất tình cảm, biết ăn năn hối lỗi, thậm chí là rất dịu dàng. Trong một cuốn sách cổ xuất bản từ đầu thế kỷ, các nhà thông thái người Pháp đã kể câu chuyện về một người thuần dưỡng voi lỡ tay dùng cây lao móc làm nó bị thương ở vòi trong lúc huấn luyện. Chú voi nổi giận và giết chết chủ nhân của mình. Thế rồi vợ của người quản tượng, tay ôm đứa con thơ, vì quá đau đớn nên đã quỳ xuống cầu xin voi hãy giết chết luôn cả hai mẹ con. Song chú voi đã không làm vậy. Chú dùng vòi nhắc bổng cậu bé đặt lên cổ, nơi những người thuần voi vẫn thường ngồi để điều khiển voi cho dễ dàng. Kể từ đây, chú voi trong câu chuyện kể trên không chịu để ai ngồi lên cổ ngoài cậu bé.

Chiếc vòi luôn được loài voi chăm chút hơn mọi bộ phận khác trên cơ thể khỏe mạnh của chúng. Voi dùng chiếc vòi của mình để ăn, uống, vuốt ve, để thở, tắm và để xua đuổi những con vật

khác dám làm phiền chúng. Còn bơi thì sao? Voi bơi giỏi lắm nhé! Khi bơi thì không nhìn thấy người nó đâu mà chỉ có đầu vòi nhô lên mặt nước để thở. Hai lỗ nhỏ cuối hai ống mũi chạy dọc theo suốt chiều dài của chiếc vòi cho đến tận bên trên mũi. Đầu mũi voi có hai cái nắp mở ra đóng vào theo nhịp thở và còn có chức năng cản các vật nhỏ có thể chui vào vòi. Không ai phủ nhận sự thật kỳ lạ và thú vị về chiếc vòi voi. Có người tận mắt quan sát rất kỹ chiếc vòi, mà trong sách vẫn gọi là “mũi dài”, thậm chí còn đếm được những bốn vạn cơ bắp đan xen vào nhau như lưới để làm nên chiếc vòi. Có những mô cơ kéo dài từ mũi đến đầu vòi để voi có thể dễ dàng di chuyển chiếc vòi của mình theo ý muốn. Nó có thể dễ dàng cuộn vòi, đưa lên rồi hạ xuống, hay vươn vòi ra xa. Có những múi cơ nằm theo chiều ngang từ hai ống mũi đến lớp da, nom như những chiếc nan hoa nối trực với vành bánh xe, giúp voi có thể dễ dàng co giãn ống mũi. Còn việc gì mà voi không làm được với chiếc vòi của mình? Voi còn dùng vòi ngắt những ngọn cỏ xanh non mọc trên mặt đất, hay tinh nghịch nhặt đậu phộng trên tay một chú bé mang tới cho nó. Và mỗi khi cảm thấy nóng bức, voi còn dùng chiếc vòi hút đầy nước rồi phun lên khắp cơ thể như đang tắm mát một cách thích thú. Những chú voi được huấn luyện còn biết dùng vòi nâng lên và hạ xuống những vật nặng. Thật thú vị là voi còn dùng vòi nhặt sợi chỉ ở trên nền nhà, cũng như nhấc bổng một người lên cao nhẹ nhàng như nhặt sợi chỉ. Không gì làm cho voi bức mình hơn là làm đau vòi của chúng. Trong những trận giao tranh với sư tử, voi luôn giành phần thắng. Bằng sức mạnh của mình, chú voi trong cơn giận dữ dùng vòi cuốn lấy con hổ đáng thương, hất lên rồi quật xuống, thậm chí còn lấy hai chiếc ngà

sắc nhọn đâm xuyên qua người con hổ rồi giương cao chiếc vòi kiêu hãnh. Chỉ cần đánh hơi thấy mùi của hổ là voi rống lên. Chuột cũng là nỗi kinh hãi của voi. Còn lũ lợn thì khiến voi ghê tởm. Chỉ cần thấy lợn là voi lập tức ra đòn thật đau! Món khoái khẩu của voi là rượu vang và rượu arak của Ấn Độ. Nếu người thuần voi biết voi đang thèm ăn, thì sẽ đem chai rượu arak ra nhử để chú voi hứng thú tập luyện thêm. Voi sẽ tự dùng vòi mở nắp chai rượu và nhâm nhi từng ngụm một cách thích thú. Nhưng phải lưu ý là đừng đem rượu ra nhử voi quá lâu vì sẽ khiến nó bức mình, nếu không sẽ gặp rắc rối như chuyện từng xảy ra với một họa sĩ người Pháp vẽ bức tranh chú voi. Vì muốn vẽ bức tranh cho thật sinh động, họa sĩ sai người giúp việc lấy hoa quả ném lên cao để chú voi dùng vòi ra sức bắt. Vì mãi mê đùa đùa mà người giúp việc cứ tung hứng mãi không chịu ném cho voi, nên chú voi nổi giận và lấy vòi quật một đòn đau khiến người họa sĩ sống dở chết dở, khắp căn phòng vung vãi màu vẽ. Bản chất voi là loài vật rất tốt bụng và ngoan ngoãn, vì thế con người hoàn toàn có thể thuần hóa voi và biến chúng thành phương tiện thờ hàng hữu ích. Ở châu Á, binh sĩ xông trận trên lưng voi, hay cưỡi voi săn hổ như thể đang yên vị trên tòa tháp vững chãi. Các vị hoàng tử Ấn Độ thường cưỡi voi du hành và trên lưng voi phủ lớp vải nhung thêu có gắn đá lấp lánh. Còn các vị hoàng tử đến từ nước Anh xa xôi thì chễm chệ trên chiếc kiệu dát vàng đựng đưa gấm trên lưng những chú voi ngoan ngoãn. Nhà nhà trang trí ban công bằng những bức thảm tường đẹp mắt và rải cánh hoa hồng lên khắp các con phố.

Ở nước Xiêm, người dân không chỉ yêu quý mà còn tôn thờ loài voi trắng. Người Xiêm thờ voi và họ quan niệm rằng đức

Phật hiện diện khắp muôn nơi, trong mỗi con người và vạn vật khắp thế gian. Người Xiêm cho rằng, voi là loài vật có sức sống trường tồn hơn cả và không gì tinh khôi hơn làn da của voi trắng. Vì thế, họ tôn thờ voi và tin là đức Phật luôn ngự trị trong tâm hồn con vật linh thiêng này. Người Xiêm còn xây cung điện cho voi và mỗi khi rước voi thì các thầy tế phải đứng dọc hai bên đường đầy kính cẩn. Họ dâng lên voi những ngọn cỏ xanh non nhất và món rượu arak hảo hạng nhất. Trong cung điện còn vẽ cảnh rừng núi để những chú voi quên đi cảm giác bị giam cầm. Mỗi lần vua diện kiến voi thì không khí nô nức chẳng khác gì lễ hội, vì người ta tin voi là hiện thân của đức Phật linh thiêng và sẽ chỉ cho nhà vua cách trị vì đất nước. Nếu muốn tặng ai một món quà quý giá, nhà vua sẽ cho người làm một chiếc hộp bằng vàng nguyên chất, không pha tạp với bất kỳ kim loại nào khác. Bên ngoài chiếc hộp đẹp lấp lánh, còn bên trong hộp đặt một ít lông của loài voi trắng như là kỷ vật thiêng liêng của quốc vương dành tặng cho thượng khách. Thế nhưng ở châu Phi thì trái lại, người ta không hề tôn thờ voi mà còn đặt bẫy săn voi. Khi voi sập bẫy thì những kẻ săn trộm sẽ đem về làm thịt vì thịt voi rất thơm ngon và bổ dưỡng. Những kẻ săn voi chuyên nghiệp hiểu được voi mẹ cũng có tình yêu với bầy con của chúng, nên đã huấn luyện voi mẹ biết đường về trại tìm con. Chú ý quan sát và nếu thấy bầy voi lộn xộn không đi thành đàn, người ta sẽ cho voi mẹ đi tìm voi con. Đàn voi con nhìn thấy voi mẹ sẽ ngoan ngoãn theo mẹ về chuồng. Đám thợ săn khôn ranh ngay lập tức quây đàn voi lại, ngon ngọt vỗ về rồi sau đó đem giết để lấy ngà.

Rất nhiều đoàn người từ châu Âu tới châu Phi chỉ để săn voi.

Có những cuốn sách đã nói voi giờ rất khan hiếm, những đám thợ săn ngồi vắt vẻo tán chuyện về những cuộc chiến giữa các loài vật trong rừng, nào là rắn đánh nhau với sư tử, rồi ruồi độc hút máu trâu cho tới khi trâu chết khô, hay câu chuyện về những thợ săn châu Phi có tài phi giáo, bắn tên từ rất xa. Đám người này còn ngồi nhẩm tính xem phải mất bao lâu thì mới tới vùng của Tippu Tib, nơi có rất nhiều ngà voi để bán. Đám thợ săn chợt trông thấy một đàn voi ở xa xa trong khu rừng trống, con thì dựa vào thân cây ngủ đứng, vài con khác lại cùng rảo bước thong thả bên nhau, đu đưa người hết bên này sang bên kia, con khác thì duỗi chân nằm xoài trên đất. Chỉ nhìn thấy thế là đám thợ săn lập tức xả đạn vào đàn voi. Đàn voi cứ hai con chụm vào nhau, con nào đang ngủ thì tỉnh dậy và tới ngay bên đồng loại. Chúng lao tới vũng nước, hút đầy vòi, khướu vòi trên không, gầm lên rồi túm tụm xung quanh con voi đầu đàn. Cuộc săn diễn ra rất lâu. Nhóm thợ săn châu Phi liên tục bắn tên và ném lao vào đàn voi, còn đám thợ săn châu Âu thì nấp sau bụi cây và giơ súng bắn ở cự li gần. Những con voi cái chạy trốn, phá tan rừng lau sậy tới tả như xé cỏ, những con khác thì lùi lại và dùng đôi ngà để phản vệ trước đợt tấn công dữ dội nhằm vào chúng. Con voi dũng cảm nhất đàn lao tới người thợ săn so với nó chỉ nhỏ như một đứa bé. Những người còn lại thì đang mài sẵn những con khác. Con voi dũng cảm có đôi ngà rất lớn giận dữ lao tới. Gã thợ săn hết hồn liền lập tức trèo lên cây để con voi không phát hiện ra. Nhưng voi đánh hơi người rất tốt. Nó rống lên, giơ cao chiếc vòi chực bẻ gãy cành cây và kéo người thợ săn xuống. Nó điên cuồng dùng vòi cuốn lấy thân cây và rung lắc thật mạnh như đang nhổ một cây hoa hồng mỏng manh. Chưa

đạt được mục đích, con voi to lớn ra sức ấn hông vào thân cây, khiến người thợ săn gần như sắp rơi xuống. Hắn lập tức giơ súng bắn khiến con voi bị thương ngay ở đầu vòi. Không gian âm âm rung chuyển bởi những tiếng gầm rú khủng khiếp. Con voi trong cơn thịnh nộ giẫm nát cánh đồng mía, ra sức rung lắc cây thật mạnh nhằm hạ gục kẻ đang tấn công nó. Ngã đi tên thợ săn, chẳng còn thân cây nào mà bám nữa đâu! Thế là người thợ săn ngã xuống đúng vào chân sau con voi, và trong nỗi sợ hãi tột cùng cận kề cái chết, hắn ta bám chặt lấy chân con vật dũng mãnh. Dù cố gắng hết sức nhưng voi không tài nào hất được người thợ săn ra khỏi chân, vì khớp gối của voi rất gần với bàn chân, chỉ có thể gập chân lại dễ dàng thôi. Vậy làm cách nào mà người thợ săn may mắn thoát ra được? Con voi sợ hãi vừa chạy vừa gầm lên điên cuồng. Nó khều chân vào thân cây to nhất trước mặt, nhưng người thợ săn không bị văng ra mà chỉ bị bầm tím hai tay. Kiểu gì mà hắn ta chẳng ngã. Chỉ cần voi dùng ngà húc vào là hắn chết ngay tức khắc. Người thợ săn rút dao găm vào chân voi. Máu chảy ròng ròng. Voi điên cuồng phá nát bụi cây và phi tới dòng suối ngay gần đó để rửa vết thương. Nó hút nước đầy vòi và tưới lên vết đau. Rồi voi dùng vòi ra đòn thật mạnh làm người thợ săn choáng váng. Voi đi tới nơi sâu nhất của dòng suối, nhưng người thợ săn đã nhanh tay bắn năm phát súng vào bụng nó, rồi hắn ta chạy nhanh tới cái cây gần đó. Chú voi vẫn giương cao vòi, chạy lên bờ rồi ngã quỵ xuống.

Hai con chim họa mi

(Phóng tác từ truyện của Andersen)

Ở Trung Hoa có hàng triệu người dân cùng sinh sống và dân số nước này ngày một tăng lên, như một dân tộc không ngừng lớn mạnh. Xưa kia ở Trung Hoa, Hoàng đế là người nắm quyền cao nhất và cai quản toàn bộ đất nước. Người dân tin rằng Hoàng đế chính là Thiên tử - con của trời. Dân thường ít ai được diện kiến Hoàng đế, vì Hoàng đế được ví như đấng mặt trời toàn năng luôn tỏa ánh hào quang rực rỡ. Ngài được đón rước bằng kiệu vàng và khoác trên mình chiếc hoàng bào quý giá. Người dân rất hài lòng vì Hoàng đế của họ cũng là người Trung Hoa. Dân chúng chỉ bất mãn nếu như đức vua của họ là một người từ xứ khác tới, lộng quyền cai trị, cướp miếng ăn của dân thường, thẳng tay xử tử bất cứ ai theo ý muốn, thậm chí còn đối xử tệ bạc với dân không khác gì con vật và đầy tớ.

Còn vị Hoàng đế trong câu chuyện này thì vô cùng hào hiệp. Hàng đêm, Ngài lẻn ra khỏi hoàng cung với chiếc túi lụa màu xanh trong đựng một bộ râu giả dài, sau đó cải trang thành dân thường rồi đi tới nhà dân nghèo trong kinh thành để phân phát gạo và cá khô. Ngài còn trò chuyện với các bậc cao niên và trẻ nhỏ, đọc những quyển sách từ trang cuối cùng ngược tới trang đầu, trong đấy ghi lại lời răn của Khổng Tử rằng những kẻ lười biếng, thậm chí còn tệ hơn cả nọc rắn độc, rằng những kẻ chỉ biết học vẹt mà không biết đặt câu hỏi thì không thể coi như loài

sử tử có đôi cánh của bồ câu, mà chỉ như con heo ngu ngốc, đuôi xoắn tít, tai rủ xuống, bảo đâu nằm đấy, cả ngày chỉ biết ăn và kêu ụt ịt.

Hoàng đế Trung Hoa còn cho mở trường dạy vẽ, thêu thùa, chạm khắc gỗ và ban lệnh nhốt giam những kẻ chỉ biết phung phí tiền cho quần áo. Ngài tổ chức những bữa tiệc linh đình để mọi người dân được phép tham dự. Ngài luôn chăm chú lắng nghe câu chuyện kể về những trận chiến hiển hách hay những điều thú vị của các nhà thơ. Khi gặp các cụ già, Ngài đều kính cẩn chào như chào chính thân mẫu của mình. Khi người Tác-ta tràn vào Trung Hoa nhằm chiếm đất đai và nắm quyền cai trị, Hoàng đế quyết tâm rời bỏ cung điện lộng lẫy và đích thân cưỡi ngựa ra chinh chiến. Ngài không rời con ngựa chiến của mình bao giờ cho tới khi đánh đuổi đến tận giặc cuối cùng ra khỏi bờ cõi. Ngài ăn cùng ngựa, uống rượu cùng ngựa và ngủ cùng với ngựa. Ngài ra lệnh cho sứ giả của mình đem theo những chiếc kèn đồng dài, theo sau là những thầy tu mặc áo choàng trắng, đi khắp các thành phố làng mạc để động viên người dân: “Tất cả hãy cưỡi ngựa xông lên, chừng nào chưa dẹp được giặc, chừng đó còn chiến đấu hết mình!”

Người dân Trung Quốc rất yêu quý đức vua của họ, dù rằng Ngài cũng có một số tật xấu. Ngài mê món yến xào tới mức khắp vương quốc rộng lớn này, bao bày chim yến mất tổ. Có lần Hoàng đế còn say rượu, cứ lảm nhảm nói chuyện với chai rượu, nằm gục trên sàn, râu ria xồm xoàm, y phục thì lem luốc luộm thuộm. Vào những ngày đó, phụ nữ không dám ra khỏi nhà, đàn ông thì làm việc mà đầu cứ cúi gằm, như thể xấu hổ không dám nhìn mặt trời. Nhưng những lần như thế hi hữu lắm mới

xảy ra, Hoàng đế thấy phật lòng vì dân chúng không muốn làm những điều tốt đẹp, không nói sự thật. Còn thường thì Ngài luôn vui vẻ, tươi cười, say mê âm nhạc, khiêu vũ, thơ ca và chỉ thích nói về những giá trị tốt đẹp, hay về những vì tinh tú trên trời cao. Cuộc sống của Hoàng đế cứ như thế, mỗi ngày trôi đi trong cung điện đẹp long lanh với những bức tường bằng sứ trắng và xanh.

Hoàng cung đẹp lộng lẫy và được xây bằng sứ nung từ bột xay nhuyễn của loại đất sét trắng quý hiếm nhất và tốt nhất trên đời. Vì vậy, tất cả các bức tường trong cung điện đều sáng bừng như ánh ban mai, khi gõ vào phát ra âm thanh vui tai như tiếng nhạc, khiến người ta liên tưởng tới rạng đông ngay cả khi mặt trời đã bắt đầu ngả bóng. Trong vườn thượng uyển có bao giống vật kỳ lạ. Có những cây cam lùn quả còn nhiều hơn cả lá; những chú cá vàng và đỏ thẫm, thất đai vàng bơi lội tung tăng; rồi cả những khóm hồng đỏ và đen đeo lục lạc bằng bạc nhỏ xíu, vừa tỏa hương thơm ngát vừa phát ra tiếng nhạc. Phía cuối vườn là một rừng cây hùng vĩ trải dài ra đến tận biển. Nơi đó, có một con chim họa mi làm tổ thường hay cất tiếng hót mê hồn khiến những ngư dân nghèo đi ngang qua đây quên mất công việc của họ. Tiếng chim thánh thót khiến họ lúc mỉm cười vui thích, lúc bật khóc vì sung sướng, dang rộng cánh tay và gửi vào gió những nụ hôn, như thể là những kẻ điên vậy. Ai nấy đều thốt lên: “Sức quyến rũ của tiếng chim còn tuyệt hơn cả vị ngon của rượu trắng!” Phụ nữ trong vùng cũng yêu tiếng hót của chim, vì họ biết rằng mỗi khi chim cất tiếng hót, chồng và con trai họ sẽ mê đắm tiếng chim và chẳng thèm màng tới rượu. Hôm nào mà họa mi không hót, những người dân chài có thể chột quên đi,

nhưng khi chim bắt đầu cất tiếng, họ ôm lấy nhau như những người anh em và reo lên: “Trời ơi! Thánh thót biết bao!”

Khách ngoại quốc khắp nơi đổ về Trung Hoa để thăm quan, rồi khi trở về, họ viết những cuốn sách dày nói về những điều mắt thấy tai nghe ở vương quốc rộng lớn này: vẻ đẹp lộng lẫy của hoàng cung, những cây cam, những con cá bơi lội tung tăng và những bụi hồng đỏ-đen trong vườn thượng uyển. Và trên tất cả, họ đều ca ngợi tiếng hót của chim hoạ mi, cho rằng đây mới là điều kỳ diệu nhất. Thậm chí nhiều thi sĩ còn sáng tác những vần thơ tuyệt hay để ca tụng con chim hoạ mi hót trên cành cây cao, làm vui lòng những người dân chài nơi đây. Một ngày, những cuốn sách đó lọt đến tay Hoàng đế. Ngài vừa đọc vừa vuốt chòm râu của mình ba lần, tỏ vẻ hài lòng với những lời tán dương dành cho hoàng cung và vườn thượng uyển của mình. Bất chợt, ngài bắt gặp những dòng chữ nói về con chim hoạ mi sống ở trong rừng. Hoàng đế ngạc nhiên:

– Gì thế này? Một con chim hoạ mi ư? Sao ta lại không biết nhỉ? Có vẻ như ta lại học được điều mới từ những cuốn sách này. Vậy mà đám hầu cận trong cung cứ khẳng khẳng rằng ta không cần phải học thêm gì nữa. Cho truyền quan thượng thư vào đây ngay!

Quan thượng thư vận chiếc áo bào vải lụa màu xanh dương có thêu những bông hoa lớn bằng vàng, vội vàng chạy tới, phủ phục dưới đất. Quan thượng thư là người có quyền cao chức trọng bậc nhất trong cung, nên mỗi khi các quan nhỏ hơn hay lũ người hầu đến trình báo hoặc thỉnh cầu điều gì, ngài chỉ nói cộc lốc: “Hử!” Giờ đây khi diện kiến Hoàng thượng, quan thượng thư chỉ biết quỳ gối dập đầu, run rẩy sợ hãi không dám ngẩng

mặt lên cho tới khi Hoàng đế cho phép.

– Bình thân! - Hoàng đế nói. - Trong quyển sách này có nhắc tới một con chim hoạ mi, mà thiên hạ cho rằng trong bờ cõi của ta không gì quý giá hơn con chim này. Sao ta chưa hề nghe nói tới điều đó?

– Muôn tâu Hoàng thượng, chính hạ thần cũng chưa bao giờ nghe nói đến con chim ấy và cũng chưa có ai trong cung nhắc tới nó bao giờ. - Quan thượng thư vừa khuyu gối, hai tay khoanh trước ngực, vừa nói.

– Hừ! Thế thì ngay tối nay phải đem nó đến cho trẫm nghe. Thiên hạ biết đến vật báu của trẫm mà riêng trẫm lại không biết!

Quan thượng thư lại tâu:

– Khởi bẩm Hoàng thượng, thực tình là kẻ hạ thần chưa từng thấy con chim ấy. - Nói xong, viên quan xoay tròn ba vòng, cánh tay mở ra, cúi gập đầu dưới chân Hoàng đế một lần nữa, rồi quay lưng lại và bắt đầu lui ra, hai cánh tay đan vào nhau, đầu gối vẫn khuyu xuống.

Rồi quan thượng thư bắt đầu đi khắp trong cung để hỏi về con chim hoạ mi. Trong khi đó, Hoàng đế sốt ruột cứ chốc chốc lại cho người tìm quan thượng thư về để hỏi xem đã có tin tức gì chưa. Ngài tức giận ra lệnh:

– Nếu đêm nay không đem được chim hoạ mi về, trẫm sẽ phạt các khanh tội giẫm lên đầu!

– Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn Vạn Tuế! - Quan thượng thư sợ hãi tung hô. Nói xong, ông ta chạy tới chạy lui, leo lên leo xuống tất cả các lầu son gác tía. Tất cả các quan lại trong triều đình cũng

đổ xô đi tìm kiếm, vì chẳng ai muốn bị Hoàng đế giẫm lên đầu. Cuối cùng, họ tới nhà bếp làm những chiếc bánh từ bột bắp và vẽ những dòng chữ màu lên những chiếc bánh thịt. Tại đó, một cô bé phụ bếp có làn da màu ô liu và đôi mắt nâu màu hạnh nhân kể cho họ rằng cô biết rất rõ chú chim hoạ mi đó, vì chiều nào cô cũng mang cơm thừa từ trong cung, băng qua rừng, để đem tới cho mẹ cô đang sống ở gần biển, và khi quay về, cô thường nghỉ chân dưới gốc cây nơi chú chim hoạ mi làm tổ. Tiếng hót của chim hoạ mi như những vì sao đang nói chuyện với cô, làm cô cảm thấy ấm áp hết như khi mẹ cô ôm hôn cô.

– Ôi cô bé! - Quan thượng thư thốt lên. - Cô bé quý hóa và tốt bụng của ta ới! Ta sẽ phong cho cháu một chức vị trong bếp và cho phép cháu được vào xem Hoàng thượng ngự thiện nếu cháu đưa ta đến chỗ chim hoạ mi, vì tối nay ta phải đưa chim vào bệ kiến Hoàng thượng rồi.

Thế là, theo chân cô nữ tỳ, các quan trong triều lũ lượt kéo nhau chạy vào rừng, áo bào buộc đằng trước, tóc tết bay phấp phới sau lưng và mũ mào thì cứ rớt xuống liên tục.

Dọc đường, có tiếng bò rống. Một viên quan trẻ reo lên:

– Ôi! Tiếng hót thật mãnh liệt. Quả là một con chim thần kỳ!

– Không phải đâu, bò rống đấy. - Cô nữ tỳ nói.

Bên bờ một cái ao lại có tiếng kêu của mấy chú ếch ương. Viên quan trẻ tuổi lại kêu lên:

– Mê ly thật! Tiếng hót thánh thót như tiếng chuông vậy!

Nữ tỳ trả lời:

– Không phải đâu! Ếnh ương kêu đấy!

Và rồi đột nhiên tiếng hót của chim hoạ mi cất lên.

- Đấy, nó đấy! Chim hoạ mi đấy! - Cô nữ tỳ reo lên. Rồi cô lấy tay chỉ một con chim nhỏ nhẩn đậu trên cành cây đang hót vang.

Quan thượng thư ngạc nhiên:

- Đây à! Không thể tin được! Sao nó lại bé nhỏ và tầm thường thế này! Hay...! Chắc là như vậy rồi ...! Các ngài, ta nghĩ do trước mặt đông đủ quần thần chim sợ hãi tái sắc đi đó.

- Hoạ mi bé nhỏ ơ. - Cô nữ tỳ nói. - Hoàng đế muốn nghe hoạ mi hót đấy.

- Rất sẵn lòng. - Chim hoạ mi trả lời, rồi cất tiếng hót líu lo.

- Nghe như tiếng phát ra từ những cái chuông bằng bạc vậy!
- Quan thượng thư khen. Rồi ngài nói: - Hoạ mi ơ, hãy đi cùng chúng ta vào trong triều và hót cho Hoàng đế nghe nhé.

- Tôi sẽ tới hoàng cung. - Chim hoạ mi nói với một tiếng thở dài. - Nhưng giọng hót của tôi, dưới vòm cây này, mới là hay nhất!

Trong hoàng cung, người ta chuẩn bị đón tiếp hoạ mi rất long trọng. Hàng ngàn chiếc đèn lồng bằng lụa và giấy treo trên tường, đặt trên các lối đi toả sáng lung linh. Hàng hiên và tại các hành lang rực rỡ các đoá hoa hồng đỏ-đen được hái từ vườn thượng uyển. Những chiếc chuông bạc được treo khắp nơi, ngân vang leng keng không ngừng trong không khí tất bật chuẩn bị của triều đình. Chính giữa đại điện nơi Hoàng đế ngự có đặt một cành cây bằng vàng để chim tới đậu và hót trên đó. Văn võ bá quan tề tựu đông đủ, ai nấy đều mặc phẩm phục với áo bào bảy lớp và cạo nửa đầu theo đúng nghi thức. Còn cô thị tỳ thì được phép nép sau cánh cửa để nghe chim hót.

Tiếng hót của hoạ mi ngọt ngào đến mức làm Hoàng đế cảm động, nước mắt trào ra, còn các vị quan trong triều thì khóc nức nở. Hoàng đế rất hài lòng, truyền đeo chiếc ngự bài bằng vàng vào cổ chim. Nhưng hoạ mi cúi đầu từ chối, nói: “Đa tạ Hoàng thượng.” bằng một giọng hót mê hoặc và mãnh liệt, để Hoàng đế không thấy phật lòng mà chém đầu chim do đã khước từ ân huệ vua ban. Hoạ mi còn nói: “Đối với thần, ngự bài bằng vàng, huy hiệu màu hay mũ miện vinh danh đều không cần. Vì thần đã có được phần thưởng lớn nhất cho mình rồi, đó là những giọt nước mắt của Hoàng thượng đó ạ.”

Đêm ấy, khi trở về nhà sau khi nghe chim hót, các vị phu nhân thì thầm với nhau rằng giọng hót của chim hoạ mi thật tuyệt. Họ lén ngậm một ngụm nước, khẽ lấy giọng ro ro trong cổ để bắt chước tiếng chim. Ngay cả đám thị vệ và nữ tỳ, những người hay “bối bèo ra bộ” nhất, cũng phải khen ngợi giọng hót của chim. Về phần mình, hoạ mi được ban cho ở trong một chiếc lồng treo trong cung và được phép ra ngoài mỗi ngày hai lần và mỗi đêm một lần. Mười hai quan hầu mặc áo khoác vàng được cử đi theo chim, mỗi người nâng một sợi tơ buộc vào chân chim. Toàn thể kinh đô xôn xao về con chim hoạ mi kỳ diệu. Mỗi khi có người nói “hoạ..” thì ngay lập tức sẽ có người khác nói ngay “..mi”. Người ta còn đặt tên Hoạ Mi cho những đứa trẻ mới sinh nữa, dù chúng sau này có biết hát hay không.

Một hôm, có một bọc to được gửi tới hoàng cung, bên ngoài đề hai chữ: “Hoạ Mi”. Hoàng đế cho rằng chắc hẳn đây lại là một quyển sách khác nói về con chim hoạ mi yêu quý của ngài, nhưng khi mở ra, ngài lại thấy một con chim máy giống hệt con chim thật đặt trong một cái hộp bằng vàng. Trên mỗi sợi lông

vũ của con chim máy được dát đầy kim cương, ngọc bích và hồng ngọc. Hễ vận dây cót nó có thể hát lên một bài như hoạ mi thật, vừa hát lại vừa lắc cái đuôi toàn bằng vàng và bạc. Trên cổ chim lủng lẳng một chiếc kiềng, trên có khắc: “Hoạ mi của Hoàng đế Trung Hoa chỉ là một kẻ học việc khi đứng cạnh con chim hoạ mi này của Hoàng đế Nhật Bản.”

– Thật tuyệt vời làm sao! - Triều thần reo lên. Tất cả đều nhất trí nên gọi con chim hoạ mi máy là “Thiên hạ đệ nhất chim”, một danh hiệu rườm rà và khoa trương. Họ bàn nhau cho hai con hoạ mi cùng hát xem sao. Nhưng khi cất tiếng, chim hoạ mi thật thì hát bằng cả tâm can mình, chân thành và tự do, còn chim hoạ mi máy thì cứ hát đều đều theo nhịp có sẵn.

Quan chưởng nhạc bèn biện hộ cho con chim máy:

– Bẩm Hoàng thượng, hạ thần thấy chim máy hát hay hơn ạ.

Và rồi người ta bèn cho chim giả hát một mình. Nó được hoan nghênh chẳng kém gì chim thật. Người ta còn thấy nó đẹp hơn là đằng khác. Mình nó cẩn ngọc lánh lánh chẳng kém gì những chiếc vòng tay, đồ trang sức hay trâm cài quý giá. Nó cũng có thể hát ba mươi ba lần cùng một giai điệu mà không thấy mệt mỏi. Sau lần thứ ba mươi ba, quan chưởng nhạc và cử toạ còn muốn nghe nữa, nhưng Hoàng đế phán cho chim thật hát một lúc. Song chim đâu mất rồi? Hoá ra trong lúc cả triều đình say mê với chim máy, hoạ mi thật đã bay qua cửa sổ và bay về rừng rồi.

– Thật là một con chim vong ân bội nghĩa, thừa Hoàng thượng. - Quan thượng thư bước ra, xoay ba vòng rồi chấp tay tấu.

Quan chưởng nhạc cũng xen vào:

– Khởi bẩm Hoàng thượng, con chim máy còn hát hay hơn gấp vạn lần, vì với chim thật chẳng ai biết nó sẽ hát như thế nào, còn với con chim máy, nó luôn hát theo một giai điệu nhất định và chúng ta có thể dùng nó để dạy người dân nhạc lý.

Hoàng đế nghe có lý, phán rằng từ nay về sau cứ vào chủ nhật, quan chưởng nhạc sẽ được phép mang chim máy ra hát cho dân nghe. Dân chúng nghe chim máy hát ai cũng khoái chí, say mê. Họ chỉ ngón tay lên trời và gật đầu trước tiếng hát của con chim máy. Nhưng một anh chài nghèo lại kêu lên: “Tôi đã nghe chim hoạ mi thật hát trong rừng rồi, và con chim này hát không giống vậy, dường như tiếng hát của nó còn thiếu một cái gì đấy mà tôi không thể lý giải được”.

Về phần mình, chim thật bị trục xuất ra khỏi giang sơn của Hoàng đế. Còn chim máy thì được đặt trên một cái nệm gấm bên cạnh long sàng, xung quanh xếp đầy ngọc ngà châu báu. Người ta phong cho nó tước hiệu “Hoàng gia Long cung sàng đại danh ca”. Quan chưởng nhạc thì vui mừng đến nỗi viết cả một pho sách gồm hai mươi lăm cuốn nói về con chim máy, với lời lẽ rất uyên bác và từ dùng hoa mỹ. Các quan lại trong triều ai cũng khoe rằng mình đã đọc hết và hiểu hết pho sách đấy, để khỏi mang tiếng là ngu dốt và thiếu hiểu biết, tránh sự trừng phạt của Hoàng đế.

Một năm qua đi, Hoàng đế, triều thần và người dân cả nước đều thuộc lòng từng tiếng chíp chíp và từng điệu bộ của con chim máy. Người ta gọi nó là con chim kỳ diệu. Tất cả mọi người dân, từ các quan trong triều tới những chú nhóc ngoài

phổ, đều có thể hoà ca với chim. Ngay đến cả Hoàng đế cũng thích hát theo giai điệu của chim máy, và thậm chí Ngài còn nhảy múa theo khi uống rượu một mình trong phòng. Đó là một giai điệu hoàng gia, tuân thủ nghiêm ngặt theo những nguyên tắc nhạc lý nhất định, khiến cho quan chưởng nhạc cảm thấy rất hứng khởi. Cho tới một ngày, khi chim đang ngân vang cho Hoàng đế nằm nghe trên long sàng, rèm buồng phủ kín, thì bỗng nhiên một chiếc lò xo từ thân chim rơi ra, các bánh xe bắt đầu quay loạn xạ, nghe cứ xoàn xoạt, rồi tiếng hót chợt ngừng bật. Hoàng đế vội ra khỏi long sàng, truyền gọi quan ngự y đến. Nhưng quan ngự y nào có biết phải làm gì. Người ta liền vờ ngay một anh thợ chữa đồng hồ. Anh ta cố gắng lắp những bánh răng lại, rồi dặn dò rằng từ nay chim máy chỉ được hót một năm một lần, vì các máy móc đã rệu rạo lắm rồi.

Lập tức quan chưởng nhạc cho anh thợ sửa đồng hồ một bài thuyết giáo, gọi anh ta là kẻ phản bội, kẻ bị mua chuộc, kẻ giả mạo, gián điệp của bọn giặc Tác-ta. Thậm chí khi anh thợ sửa đồng hồ đã ra khỏi cửa, quan chưởng nhạc vẫn tiếp tục buông ra những lời lẽ miệt thị khó nghe. Ông ta là kẻ không muốn những người dân lương thiện nói ra sự thật khó nghe đối với Hoàng đế.

Năm năm nữa trôi qua, đất nước Trung Hoa chìm trong đau buồn. Vị Hoàng đế kính yêu của họ đã lâm bệnh nặng không thể cứu chữa. Đình thần đã lựa chọn được người nối ngôi, mặc dù người dân trong kinh thành không muốn nhắc đến vị vua mới. Tất cả đều nhón nhác đến hỏi thăm tin tức ở đình quan thượng thư. Ngài thượng thư ra mở cửa, nhìn lên nhìn xuống một lượt, chẳng nói năng gì ngoài mấy tiếng “Hở!”, “Hở!” quen thuộc. Dân chúng thấy vậy cũng chẳng biết nói gì, chỉ biết rút nước

mắt quay về nhà chờ tin.

Hoàng đế tái ngắt và lạnh giá nằm trong long sàng. Văn võ bá quan thì bỏ mặc ngài nằm đấy, cả ngày chỉ ríu rít xun xoe quanh vị tân thiên tử. Họ ăn cam và uống trà chanh với nhau.

Mọi hành lang trong cung điện đều được trải thảm để đi lại cho êm. Cả hoàng cung im ắng như tờ, không nghe thấy kể cả tiếng vo ve của một con ong.

Hoàng đế đáng thương đang hấp hối chỉ còn thoi thóp thở. Bên cạnh long sàng của ngài vẫn là chú chim máy giờ đã hỏng. Đang nằm im lặng và tái nhợt, chợt Hoàng đế cảm thấy có vật gì rất nặng đang đè lên ngực, ngài mở mắt và thấy thần Chết đang cười lên người mình. Thần đang đội mũ miện của Hoàng đế, một tay cầm gương báu của Hoàng đế còn tay kia cầm hoàng kỳ. Từ các nếp màn gấp quanh long sàng lộ ra những chiếc đầu lâu kỳ quái, có những cái toả sáng và trông đầy vẻ nhân từ, lại có những cái trông thật là gớm ghiếc và đỏ rực như lửa. Đó chính là hiện thân của những tội lỗi và công đức của Hoàng đế, đang tra vấn ngài trong những phút cuối cùng của cuộc đời. “Nhà vua còn nhớ không?” Những chiếc đầu lâu tội lỗi hỏi tội Hoàng đế. “Nhà vua còn nhớ không?” Những chiếc đầu lâu công đức cũng cất tiếng hỏi. “Không, trẫm không nhớ gì cả”. Hoàng đế hoảng hốt kêu lên. “Cử nhạc! Cử nhạc! Khua trống cái lên! Khua thật to vào! Trẫm không muốn nghe những lời ma quái nữa.” Đáp lại lời Hoàng đế, những chiếc đầu lâu vẫn liên tục hỏi “Nhớ không? Ngài nhớ không?”. Hoàng đế lại thét lên: “Cử nhạc! Cử nhạc! Ôi chim hoạ mi máy đáng yêu, hãy hát lên, trẫm xin người hãy hát lên đi! Trẫm đã ban thưởng cho người vô vàn vàng bạc châu báu! Trẫm đã ban thưởng cho người chiếc ngự bài bằng vàng

của ta rồi! Hãy hát lên, hát lên đi chim!” Nhưng chim hoạ mi máy vẫn im lìm bất động. Không có ai vắn cót cho nó cả, và vì thế, nó cũng không hát lấy một lời.

Thần Chết vẫn tiếp tục nhìn chăm chăm vào Hoàng đế với đôi mắt trống rỗng vô hồn và lạnh giá. Trong phòng ngủ của Hoàng đế bao trùm một sự im lặng đáng sợ. Đột nhiên, bên song cửa sổ vang vọng một giọng hát ngọt ngào. Hoá ra, chim hoạ mi thật bé nhỏ đã đến đậu trên nhánh cây bên cửa sổ phòng ngủ của Hoàng đế tự khi nào và đang cất tiếng hát. Nghe tin Hoàng đế lâm bệnh nặng, hoạ mi đã bay đến bên Hoàng đế, hát cho người nghe những bài hát của niềm tin và hy vọng. Tiếng hát càng vang lên, bóng ma càng tan dần, máu lại chảy đều trong mạch của Hoàng đế, khiến người trở nên hồng hào hơn. “Cứ hát đi! Hoạ mi cứ hát đi!” Thần Chết kêu lên. Và cứ sau mỗi một bài hát, thần Chết lại trao trả một báu vật của nhà vua, đầu tiên là chiếc mũ miện bằng vàng, sau là gươm báu, và cuối cùng là hoàng kỳ. Và khi thần Chết không còn gì để trả lại nữa, chim hoạ mi hát vang bài hát ca ngợi vẻ đẹp của nơi nghĩa địa, nơi đầy những bông hoa hồng trắng, trong không khí thoang thoảng mùi thơm của nguyệt quế, và những thảm cỏ xanh tươi đầm lẹ của những người đi đưa tang. Nghe chim hát, thần Chết không cảm lòng nổi, mong muốn quay trở lại khu vườn của mình, bèn đứng dậy khỏi ngực nhà vua, hoá thành một đám khói mờ ảo, rồi biến mất.

– Cảm ơn chim, cảm ơn chim hoạ mi bé nhỏ. - Hoàng đế cảm kích nói. - Trẫm đã xua đuổi chim ra khỏi giang sơn của ta, thế mà chim vẫn quay về cứu ta khỏi tay thần Chết. Ta biết lấy gì tạ ơn chim bây giờ?

Hoạ mi đáp:

– Hoàng thượng đã ban thưởng cho chim rồi. Những giọt nước mắt vì cảm động của ngài trước giọng hát của chim là phần thưởng cao quý nhất đối với hạ thần. Giờ xin Hoàng thượng hãy nghỉ ngơi, hoạ mi này sẽ tiếp tục hát cho ngài nghe.

Rồi hoạ mi lại cất tiếng hát vang và Hoàng đế thiếp đi trong một giấc ngủ êm đềm. Khi ngài tỉnh dậy, mặt trời đang chiếu những ánh vàng ươm qua cửa sổ. Không một kẻ hầu hay viên quan nào đến thăm ngài cả, vì tất cả bọn họ cho rằng ngài đã băng hà, còn hoạ mi vẫn ở đó hát cho ngài nghe.

Hoàng đế bảo chim:

– Từ bây giờ chim sẽ luôn sống bên ta, trong hoàng cung này, muốn hát lúc nào thì hát. Còn con chim giả, ta sẽ cho đập tan thành muôn mảnh.

– Xin Hoàng thượng đừng làm vậy, chim giả đã làm hết sức của mình rồi. Còn thần, thần không thể sống trong cung được, cũng không thể làm tổ trong đại điện được. Nhưng tôi tôi thần sẽ bay đến đậu tại cành cây gần cửa sổ này hát ru Hoàng thượng. Thần sẽ hát về cuộc đời của những kẻ sung sướng, cũng như cuộc đời của những người đau khổ. Thần cũng sẽ hát lên những điều tốt và những điều xấu người ta làm xung quanh ngài. Bây giờ thần phải đi đây, những người dân chài nghèo bên bờ biển đang chờ thần, thần không thể phụ lòng họ được. Thần sẽ quay lại hát cho Hoàng thượng nghe, nếu ngài hứa với thần một điều.

– Chim muốn gì trăm cũng ban. - Hoàng đế vừa nói vừa đứng dậy, mặc áo bào và cầm thanh gươm bằng vàng lên.

– Xin Bệ hạ đừng kể cho bất cứ một kẻ nào biết rằng có một

con chim bé nhỏ đã tâu lên cho Bệ hạ tất cả mọi điều. Nếu không sẽ hại đến tất cả các loài chim trong vương quốc. - Nói rồi chim hoạ mi cất cánh bay đi, miệng hót vang.

Đúng lúc ấy, các quan trong triều bước vào. Đi đầu là quan thượng thư, chắc hẳn là Hoàng đế đã băng hà. Song tất cả đều sửng sốt khi thấy Hoàng đế đứng đấy khoẻ mạnh, khoác áo bào và đeo gươm báu. Ngoài cửa sổ tiếng hót chim hoạ mi vẫn vang vọng như tiếng cười.

- Vạn tuế! Vạn tuế! Vạn vạn tuế! - Quan thượng thư hô to, quay mười tám vòng với cánh tay mở rộng, rồi phủ phục dưới sàn, ngay dưới chân Hoàng đế. Xung quanh là văn võ bá quan ai nấy đều khụy gối, bím tóc tết sau gáy run lên vì sợ hãi.

Phòng trưng bày máy móc

Các em nhỏ đã đọc những số vừa qua của Tạp chí Tuổi Vàng. Những lá thư mà các em viết cho chúng tôi mới ngộ nghĩnh, đáng yêu làm sao. Các em hỏi rằng những gì mà tác giả kể trong truyện “Triển lãm Paris” có thật không. Dĩ nhiên là thật rồi các em ạ. Vì với trẻ em, phải nói sự thật và không ai được nói với các em những gì mà mình không biết, vì trẻ thơ luôn tin vào lời dạy của thầy cô cũng như tin vào những gì các em đọc được trong sách, luôn suy nghĩ và làm theo những điều đó vì tin đấy là sự thật. Nếu như những điều các em học được là sai trái, thì các em sẽ dễ mắc phải lối sống sai lầm. Những ý nghĩ không đúng đắn sẽ khiến các em sống mà không được hạnh phúc, cũng như không được biết tới những điều chân chính, mà tuổi thơ thì không thể nào quay trở lại để có cơ hội học hỏi từ đâu.

Vậy thì nếu như những điều trong Tạp chí Tuổi Vàng kể về Triển lãm Paris là thật thì sao? Có một độc giả nữ tốt bụng đã hóm hỉnh gài bẫy tác giả của Tuổi Vàng khi trò chuyện về bài viết này: “Tôi đã từng ở Paris rồi đấy nhé!”, “Ồ, thật vậy sao thưa bà? Thật là ngưỡng quá! Vậy xin cho biết cảm nghĩ của bà về bài viết đó”, “À không, tôi không tới Paris đâu, mà là tôi đã đọc truyện của Tạp chí Tuổi Vàng đấy!” Còn theo lời một người đàn ông tốt bụng khác ở Paris, người ta đã không hề đùa ông khi bảo rằng Tuổi Vàng đã có mặt ở Triển lãm Paris dù ông không hề tận mắt trông thấy. Đó là vì độc giả này đã tới thăm quan

Triển lãm Paris rất nhiều lần, và những gì có ở Triển lãm Paris thì đều được kể lại trong Tuổi Vàng.

Nhưng người đàn ông tốt bụng đó cho rằng đáng ra phải lưu lại hình ảnh về tất cả những thứ quý giá ở những cung điện mà tác giả miêu tả trong bài viết Triển lãm Paris, để các em nhỏ được tận mắt nhìn thấy. Đó là những hình ảnh về “Phòng trưng bày máy móc”, là hành lang nơi có những cánh cửa khác nhau, mở ra trước mắt là những nền công nghiệp trên thế giới, và ở phía cuối là một tòa nhà tuyệt đẹp, nơi có đủ thứ máy móc mà con người chế tạo ra, được trưng bày thành từng hàng từng dãy, nom giống như những chú voi đang ngồi xếp thành hàng dài. Nếu ai đã có dịp nhìn thấy những thứ đẹp đẽ, thú vị đó, ắt hẳn sẽ nói rằng dường như mình trở nên cao lớn hơn. Vì Tuổi Vàng mong muốn mọi em nhỏ đều khỏe mạnh, dũng cảm và tốt đẹp, nên những hình ảnh của “Phòng trưng bày máy móc” này là dành cho các em, để nuôi dưỡng tâm hồn của các bạn đọc nhỏ tuổi yêu thương.